

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG TRUNG DŨNG

VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN  
TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI  
Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

HÀ NỘI - 2026

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**HOÀNG TRUNG DŨNG**

**VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN  
TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI  
Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**NGÀNH: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

**Mã số: 9229008**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN SỸ TRUNG**



**HÀ NỘI - 2026**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, tư liệu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

**Tác giả**

A handwritten signature in black ink, appearing to read 'T. Dũng', written over a horizontal line.

**Hoàng Trung Dũng**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                      |     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| MỞ ĐẦU.....                                                                                                                                          | 1   |
| Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÁC CÔNG TRÌNH<br>LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....                                                                | 8   |
| 1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án .....                                                                                           | 8   |
| 1.2. Giá trị khoa học của các công trình tổng quan đã nghiên cứu và một số<br>vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới.....        | 26  |
| Chương 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ VAI TRÒ CỦA<br>NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI Ở VÙNG<br>ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG .....              | 34  |
| 2.1. Một số quan niệm cơ bản .....                                                                                                                   | 34  |
| 2.2. Những nội dung cơ bản về vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn<br>hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng .....                             | 68  |
| 2.3. Các yếu tố tác động đến vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn<br>hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng .....                              | 74  |
| Chương 3. VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG<br>THÔN HIỆN ĐẠI Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY -<br>THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ..... | 83  |
| 3.1. Thực trạng thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện<br>đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng .....                                 | 83  |
| 3.2. Những vấn đề đặt ra đối với việc thực hiện vai trò của nông dân trong xây<br>dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng .....           | 132 |
| Chương 4. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA<br>NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI Ở VÙNG<br>ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY .....     | 142 |
| 4.1. Quan điểm cơ bản về phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông<br>thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng .....                         | 142 |
| 4.2. Giải pháp chủ yếu phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông<br>thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng .....                           | 152 |
| KẾT LUẬN .....                                                                                                                                       | 178 |
| DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN<br>QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....                                                                         | 180 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....                                                                                                                    | 181 |
| PHỤ LỤC.....                                                                                                                                         | 192 |

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|          |                               |
|----------|-------------------------------|
| ASXH     | An sinh xã hội                |
| BHXXH    | Bảo hiểm xã hội               |
| CNH, HĐH | Công nghiệp hóa, hiện đại hóa |
| CT - XH  | Chính trị - xã hội            |
| ĐBSH     | Đồng bằng sông Hồng           |
| HTCT     | Hệ thống chính trị            |
| KT - XH  | Kinh tế - xã hội              |
| NTM      | Nông thôn mới                 |
| NTHĐ     | Nông thôn hiện đại            |
| VH – XH  | Văn hóa - xã hội              |

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông nghiệp, nông dân và nông thôn là ba thành tố có mối liên hệ chặt chẽ không thể tách rời đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong đó, giai cấp nông dân giữ vai trò trung tâm, chủ thể của phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn.

Trong suốt chiều dài lịch sử đất nước, giai cấp nông dân luôn là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, giành độc lập dân tộc. Trong thế kỷ XX, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp nông dân đã có những đóng góp to lớn vào sự thắng lợi vẻ vang của cách mạng Việt Nam. Ngày nay, trong sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn với mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn liền với chương trình xây dựng NTM, giai cấp nông dân Việt Nam bằng tinh thần quyết tâm, nỗ lực lao động, dám nghĩ, dám làm, đổi mới, sáng tạo, đã đưa nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, đạt được những thành tựu vượt bậc, không chỉ bảo đảm an ninh lương thực quốc gia mà còn trở thành trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Để tiếp tục phát huy vai trò to lớn của giai cấp nông dân đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế hiện nay, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Gắn với xây dựng giai cấp nông dân với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nông thôn, tạo điều kiện để cư dân nông thôn trở thành cư dân đô thị mà không dẫn đến di cư quy mô lớn” [19, tr.166 - 167]. Đặc biệt trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, tại Đại hội XIV (2026) Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Xây dựng *giai cấp nông dân Việt Nam* văn minh, phát triển toàn diện, có ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên; phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới” [21, tr.123].

Vùng ĐBSH có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, có vai trò quan trọng đối với cả nước. Khẳng định về điều này, ngày 23 tháng 11 năm 2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 30 - NQ/TW *Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* trong đó nêu rõ: “Vùng Đồng bằng sông Hồng là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hoá, lịch sử đặc sắc của dân tộc. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế vượt trội để phát triển nhanh, bền vững vùng Đồng bằng sông Hồng thực sự là vùng động lực phát triển hàng đầu, có vai trò định hướng, dẫn dắt quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng của đất nước” [6, tr.3]. Có thể nói đây là chủ trương rất đúng đắn, kịp thời của Đảng ta để đưa ĐBSH phát triển nhanh và bền vững cùng đất nước trong kỷ nguyên mới.

Bám sát quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận của Bộ Chính trị về *tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19 - NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* và Quyết định số 150/QĐ - TTg *phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các địa phương, thời gian qua nông dân vùng ĐBSH đã chủ động, tích cực, tự giác, tự lực, tự cường trong xây dựng NTHĐ. Nông dân đã trực tiếp tham gia vào tất cả các phương diện cơ bản của quá trình xây dựng NTHĐ như: Phát triển hạ tầng; đa dạng hóa các hoạt động kinh tế, phát triển công nghiệp chế biến, dịch vụ du lịch nông thôn; ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; hiện đại hóa quản trị xã hội nông thôn, thực hiện dân chủ cơ sở; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái, giữ vững quốc phòng, an ninh... Bằng những kinh nghiệm đã được tích lũy, đồng thời không ngừng cầu thị học hỏi những kinh nghiệm hay, việc làm tốt có hiệu

quả từ các mô hình xây dựng NTHĐ của các địa phương trong nước và quốc tế, nông dân đã vận dụng sáng tạo vào thực tiễn hoạt động xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH. Nhờ vậy, đến nay diện mạo nông thôn vùng ĐBSH đã có sự thay đổi to lớn với kết cấu hạ tầng KT – XH đồng bộ, hiện đại, thông minh; môi trường xanh, sạch, đẹp; đời sống văn hoá lành mạnh, phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; CT - XH ổn định, dân chủ, văn minh; đời sống nông dân ngày càng ấm no, hạnh phúc.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó vẫn còn tồn tại những hạn chế, yếu kém như: Vai trò kiểm tra, giám sát của nông dân trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn còn chưa thực chất và mang tính hình thức; sự tham gia của nông dân trong xây dựng HTCT cơ sở, quản lý xã hội nông thôn, giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường còn tương đối mờ nhạt; một bộ phận nông dân bàng quan, thờ ơ đứng ngoài cuộc, coi việc xây dựng NTHĐ là công việc của Đảng và Nhà nước, không phải trách nhiệm của mình; trình độ dân trí của nông dân không đồng đều cản trở năng lực thực hiện các hoạt động xây dựng NTHĐ; dân chủ ở cơ sở chưa được phát huy tốt nên chưa động viên, khuyến khích tối đa vai trò làm chủ của nông dân; nhiều vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách chưa sát với yêu cầu thực tiễn và nhu cầu của các địa phương... Đây là những điểm nghẽn đối với việc phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay.

Tình hình trên đây đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu một cách toàn diện, khoa học cả lý luận và thực tiễn vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay. Xuất phát từ thực tiễn cấp bách nêu trên, tác giả đã chọn vấn đề: ***“Vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay”*** làm đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ chủ nghĩa xã hội khoa học.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở làm rõ một số vấn đề lý luận, thực tiễn về nông dân, vai trò của nông dân và NTHĐ, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án.
- Làm rõ một số vấn đề lý luận về nông dân, vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.
- Đánh giá thực trạng thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH và những vấn đề đặt ra cần giải quyết.
- Đề xuất các quan điểm và giải pháp phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay.

## **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- *Phạm vi về nội dung:* Luận án nghiên cứu từ góc độ CT - XH về vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay trên một số mặt như: (1) Xây dựng kết cấu hạ tầng; (2) Phát triển kinh tế; (3) Xây dựng VH - XH, bảo vệ môi trường; (4) Ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; (5) Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đây là những lĩnh vực cơ bản, phản ánh toàn diện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH theo chủ trương của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

- *Phạm vi về không gian:* Luận án nghiên cứu, khảo sát vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ tại bốn tỉnh, thành phố thuộc vùng ĐBSH, gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên và Ninh Bình. Đây là những địa phương tiêu biểu của vùng, có điều kiện phát triển KT - XH, mức độ đô thị hóa cao và thuộc

nhóm đạt nhiều thành tựu nổi bật trong xây dựng NTHĐ. Việc lựa chọn các địa phương này bảo đảm tính đại diện, tạo cơ sở đánh giá khách quan về vai trò của nông dân trong quá trình xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.

- *Phạm vi về thời gian*: Luận án tập trung nghiên cứu và sử dụng số liệu từ năm 2021 đến nay. Việc lựa chọn mốc thời gian này xuất phát từ việc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng lần đầu tiên xác định mục tiêu phát triển "nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh", mở ra giai đoạn phát triển mới trong tư duy và định hướng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trên cơ sở đó, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII đã cụ thể hóa quan điểm và tầm nhìn về xây dựng NTHĐ. Vì vậy, nghiên cứu giai đoạn từ năm 2021 đến nay bảo đảm phù hợp với bối cảnh chính sách mới và đáp ứng yêu cầu đánh giá vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.

#### **4. Cơ sở lý luận, thực tiễn của luận án**

##### **4.1. Cơ sở lý luận**

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về giai cấp nông dân, vai trò của giai cấp nông dân và quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển NTHĐ.

##### **4.2. Cơ sở thực tiễn**

Xuất phát từ việc thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ vùng ĐBSH hiện nay; số liệu thống kê và các tài liệu, báo cáo tổng kết của các tỉnh, thành phố trong khu vực vùng ĐBSH; kết quả nghiên cứu của một số công trình khoa học đã công bố có liên quan đến đề tài và kết quả khảo sát thực tế, điều tra xã hội học tại một số tỉnh, thành phố vùng ĐBSH của nghiên cứu sinh.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu của luận án**

Dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học cùng với các phương pháp liên ngành trong khoa học xã hội, cụ thể như sau:

- *Phương pháp kết hợp logic - lịch sử* được sử dụng để tìm hiểu, xem xét một cách cụ thể về thực trạng việc thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay từ đó rút ra kết luận logic về việc thực hiện những vai trò này.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh* được sử dụng trong quá trình khảo sát, đánh giá thực trạng và làm rõ những vấn đề mới đặt ra đối với việc thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay.

- *Phương pháp điều tra xã hội học* được sử dụng điều tra, khảo sát thông qua 500 phiếu hỏi đối với đối tượng nông dân ở một số xã thuộc các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hưng Yên, Ninh Bình, Hải Phòng được thu thập qua hình thức google forms, thời gian điều tra tháng 5/2025. Trên cơ sở dữ liệu được thu thập, tác giả luận án tiến hành phân tích, tổng hợp, đưa ra các nhận định có liên quan đến nội dung đề tài luận án.

- *Phương pháp quan sát* được sử dụng hỗ trợ và làm sáng tỏ thêm những thông tin đã thu được về thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở một số tỉnh, thành phố trọng điểm vùng ĐBSH hiện nay, đồng thời là cơ sở để đưa ra các giả thuyết và hướng nghiên cứu cho luận án.

## **6. Những đóng góp mới về khoa học của luận án**

*Thứ nhất*, về cơ sở lý luận, luận án góp phần làm rõ và sáng tỏ thêm quan điểm về nông dân, nông thôn, NTHĐ và vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay. Xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu: Nội dung cơ bản về vai trò của nông dân và các yếu tố tác động đến vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.

*Thứ hai*, trên cơ sở khung lý thuyết được xây dựng, luận án tập trung phân tích làm rõ thực trạng thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH trên các phương diện chủ yếu: Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; phát triển kinh tế; xây dựng VH - XH, bảo vệ môi trường; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Luận án chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và phân

tích nguyên nhân của những hạn chế. Làm rõ những vấn đề đặt ra cần tiếp tục giải quyết nhằm phát huy hiệu quả vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH trong giai đoạn hiện nay.

- Luận án đề xuất giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của vùng và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

## **7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

### ***7.1. Ý nghĩa lý luận của luận án***

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần cung cấp luận cứ cho các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH trong việc xây dựng cơ chế, chính sách và giải pháp nhằm phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay một cách hợp lý.

### ***7.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án***

Kết quả của nghiên cứu trong luận án có thể được áp dụng làm tài liệu tham khảo cho việc học, nghiên cứu và giảng dạy tại các trường đại học, học viện cũng như các tổ chức nghiên cứu khoa học có liên quan đến các vấn đề được nghiên cứu trong luận án.

## **8. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần Mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương 9 tiết.

## Chương 1

# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

### 1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

#### 1.1.1. Những công trình trong và ngoài nước nghiên cứu về xây dựng nông thôn và xây dựng nông thôn hiện đại vùng Đồng bằng sông Hồng

Cao Đức Phát (2021), *Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* [62]. Tác giả đã tập trung làm rõ nội hàm của một số khái niệm: Nông nghiệp sinh thái; NTHĐ; nông dân văn minh. Phân tích quan điểm về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn tới năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tác giả đưa ra mục tiêu tổng quát, mục tiêu đến năm 2030 tầm nhìn 2045 với một số phương hướng và giải pháp chính đó là: Đẩy mạnh thực hiện quá trình chuyển đổi nền nông nghiệp theo hướng sinh thái; xây dựng NTM theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa; xây dựng đội ngũ nông dân văn minh, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp nông thôn; phát triển khoa học, công nghệ thực sự trở thành động lực then chốt cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số; nông nghiệp nông thôn chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước; phát huy vai trò của các tổ chức CT - XH.

Nguyễn Thị Phương Châm (2021), *Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động văn hóa trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025* [15]. Nghiên cứu khảo sát, đánh giá và phân tích một cách có hệ thống, toàn diện thực trạng tổ chức và vận hành các hoạt động văn hoá gắn với thiết chế văn hoá truyền thống tại các xã, thôn NTM ở nhiều vùng miền khác nhau trong giai

đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, làm rõ vai trò, ý nghĩa và mức độ đáp ứng nhu cầu văn hoá của cộng đồng cũng như hiệu quả xã hội của các hoạt động văn hoá đối với việc bảo tồn bản sắc văn hoá, củng cố sự gắn kết cộng đồng và nâng cao đời sống tinh thần của người dân nông thôn. Đề xuất định hướng và giải pháp phát huy giá trị các thiết chế văn hoá truyền thống trong tiến trình xây dựng NTM bền vững.

Phạm Hùng Cường (2021), *Quy hoạch và giữ gìn bản sắc văn hóa trong xây dựng nông thôn mới vùng Đồng bằng sông Hồng* [14]. Cuốn sách trình bày các nguyên tắc và giải pháp liên quan đến quy hoạch, thiết kế kiến trúc, cảnh quan và hạ tầng trong việc xây dựng NTM với mục tiêu nâng cao chất lượng môi trường sống, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và duy trì bản sắc không gian làng xã. Tác giả cho rằng, trong quá trình xây dựng NTM nông dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là người tham gia tích cực vào các hoạt động quy hoạch và phát triển. Họ đóng góp ý kiến, tham gia vào các dự án phát triển hạ tầng, bảo tồn di sản văn hóa và thúc đẩy các hoạt động kinh tế nông thôn. Vai trò này được nhấn mạnh trong các phần của cuốn sách, đặc biệt là trong việc đề xuất các giải pháp quy hoạch và thiết kế kiến trúc, cảnh quan nhằm nâng cao chất lượng môi trường sống và bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương.

Lê Anh Hoàng (2021), *Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã nông nghiệp gắn với quản lý Nhà nước* [46]. Tác giả cho rằng hợp tác xã nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nông thôn, góp phần tổ chức sản xuất và chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ cho nông dân. Tuy nhiên, nhiều hợp tác xã nông nghiệp vẫn gặp hạn chế về cơ sở hạ tầng, nguồn vốn, trình độ công nghệ số và khả năng tiếp cận thông tin thị trường... Việc ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh còn manh mún, chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đề tài tập trung phân tích thực trạng chuyển đổi số và thử nghiệm ứng dụng công nghệ số tại 30 hợp tác xã nông nghiệp ở một số

tỉnh, thành phố làm cơ sở đề xuất các định hướng chính sách và xây dựng lộ trình phù hợp nhằm mở rộng việc triển khai công nghệ số trong các hợp tác xã nông nghiệp gắn với quản lý nhà nước đến năm 2025.

Hoàng Hữu Hạnh (2021), *Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng làng thông minh xã kết nối góp phần hiện đại hóa nông thôn* [51]. Nghiên cứu đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của mô hình làng thông minh - xã kết nối trong bối cảnh xây dựng NTM ở Việt Nam; đề xuất mô hình lý thuyết với hệ thống tiêu chí cụ thể, bảo đảm sự phù hợp với bộ tiêu chí đánh giá NTM. Trên cơ sở đó, xây dựng bộ tiêu chí Làng thông minh - xã kết nối gồm 5 nhóm tiêu chí, 19 tiêu chí và 36 chỉ số, tiến hành thí điểm áp dụng mô hình tại một số địa bàn, tiêu biểu là xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả đánh giá thông qua các dữ liệu định tính và định lượng đã làm rõ hiệu quả, tính khả thi cũng như những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, qua đó rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp nhằm áp dụng, nhân rộng mô hình góp phần thúc đẩy hiện đại hóa NTM ở Việt Nam.

Hà Tuyết Phong (2021), *监督下乡: 中国乡村治理现代化研究 (Giám sát ở nông thôn: Nghiên cứu về hiện đại hóa quản lý nông thôn ở Trung Quốc)* [116]. Cuốn sách phân tích một cách hệ thống cơ chế giám sát trong quản lý nông thôn Trung Quốc và tác động của nó đối với quản trị cơ sở. Làm rõ vai trò của cơ chế giám sát trong công tác xây dựng Đảng, tự quản của dân làng, thiết lập thể chế và phương thức cung ứng dịch vụ công. Nghiên cứu cho thấy cơ chế giám sát góp phần khắc phục tình trạng quan liêu, hình thức và sự suy giảm tính tự chủ ở cơ sở. Tuy nhiên, tác giả nhấn mạnh cần tiếp cận giám sát theo quan điểm biện chứng, tránh kiểm soát quá mức. Đề xuất phân cấp quyền lực hợp lý và phát huy tính chủ động của cán bộ cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nông thôn.

Mototsugu Ochia (2022), *Rural Development in Japan (Phát triển nông thôn ở Nhật Bản)* [118]. Tác giả khái quát quá trình phát triển nông thôn ở Nhật Bản và những thách thức chủ yếu đang đối mặt như: Quản lý môi trường, khó

khăn trong sản xuất nông nghiệp, tác động của động vật hoang dã, biến đổi khí hậu và thiên tai... Đưa ra định hướng tái thiết cộng đồng nông thôn thông qua tăng cường giao lưu với khu vực đô thị; xây dựng nền nông nghiệp thể hệ mới dựa trên việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển năng lượng tái tạo từ các nguồn tài nguyên địa phương và thiết lập các mối liên kết mới mang tính hỗ trợ giữa các chủ thể trong khu vực. Những giải pháp này được xem là điều kiện thiết yếu nhằm hướng tới sự phát triển bền vững của nông thôn trong tương lai.

Hội đồng lý luận Trung ương (2022), *Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh* [49]. Cuốn sách bao gồm nhiều bài viết làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn sau gần 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Một số bài viết đã bước đầu nêu ra quan điểm về NTHĐ và một số tiêu chí cơ bản xây dựng NTHĐ và khẳng định vai trò quan trọng của nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong sự phát triển của đất nước. Đặc biệt, chủ trương hướng tới nền nông nghiệp sinh thái, NTHĐ và nông dân văn minh của Đại hội XIII yêu cầu tiếp tục đề xuất các chủ trương, chính sách và giải pháp mạnh mẽ để thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2023), *Nông thôn mới: Cuộc hành trình lịch sử* [8]. Cuốn sách tổng kết quá trình xây dựng NTM ở Việt Nam từ khi bắt đầu đến nay. Nêu rõ bối cảnh ra đời chương trình nhằm cải thiện đời sống và cơ sở hạ tầng nông thôn, khái quát các giai đoạn triển khai, những thành tựu nổi bật về kinh tế, VH - XH và diện mạo nông thôn. Đồng thời, cuốn sách nhấn mạnh vai trò chủ thể của người dân và sự lãnh đạo của Nhà nước. Đồng thời, rút ra bài học kinh nghiệm và giới thiệu các mô hình tiêu biểu, định hướng phát triển nông thôn bền vững, hiện đại trong giai đoạn mới.

Phương Nghi Giao (2023), *How rural infrastructure construction promotes rural economic development through rural living environment*

*management - a case study of 285 cities in China (Việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn thông qua quản lý môi trường sống ở nông thôn như thế nào - nghiên cứu trường hợp 285 thành phố ở Trung Quốc)* [121]. Bài viết cho rằng với chiến lược phục hồi nông thôn ngày càng sâu sắc, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế địa phương và quản trị môi trường sống. Tác giả nghiên cứu điển hình về 285 thành phố ở Trung Quốc từ năm 2017 đến năm 2022. Phân tích thực nghiệm tác động của xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đối với quản trị môi trường sống nông thôn và phát triển kinh tế nông thôn cũng như vai trò của quản trị môi trường sống nông thôn.

Nguyễn Thị Lệ Thúy (2025), *Đánh giá chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng và một số hàm ý* [83]. Nghiên cứu xây dựng khung tiêu chí và kết hợp nhiều phương pháp để đánh giá chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn vùng ĐBSH. Kết quả cho thấy chính sách đạt hiệu quả sớm về số lượng xã đạt chuẩn NTM nhưng chưa đạt mục tiêu chất lượng, mạng lưới chợ và tốc độ tăng tổng mức bán lẻ. Tính hiệu quả còn rất hạn chế khi nhiều chợ nông thôn bị bỏ hoang, gây lãng phí nguồn lực, đồng thời tính phù hợp và tính bền vững của chính sách cũng chưa cao do khoảng cách so với nhu cầu thực tế của người dân. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc thiết kế chính sách thiếu khảo sát thực tế và chưa chú trọng đánh giá độc lập. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất các hàm ý quan trọng nhằm hoàn thiện chính sách, tập trung vào việc điều tra nhu cầu dân cư, ưu tiên quy hoạch đất, thúc đẩy xã hội hóa nguồn vốn và ban hành văn bản pháp lý về đánh giá chính sách.

Nguyễn Thị Minh Tâm (2025), *Kết quả xây dựng nông thôn mới vùng Đồng bằng sông Hồng và một số giải pháp phát huy trong giai đoạn tới* [84]. Bài viết làm rõ bối cảnh và vai trò chiến lược của vùng ĐBSH trong xây dựng NTM. Đánh giá toàn diện kết quả đạt được trong xây dựng NTM vùng ĐBSH

trên một số mặt: Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao và kiểu mẫu; kết cấu hạ tầng KT - XH nông thôn; kinh tế nông thôn; đời sống người dân...chỉ ra những hạn chế và thách thức đặt ra và đề xuất nhóm giải pháp phát huy hiệu quả xây dựng NTM trong giai đoạn tới.

Shifadjic Khan (2025), *The Novel Saemaul Undong Model: A Rural Transformation Paradigm for Developing Countries - Review (Mô hình Saemaul Undong: Một mô hình chuyển đổi nông thôn cho các nước đang phát triển)* [126]. Nghiên cứu này phân tích khả năng áp dụng Saemaul Undong tại các quốc gia đang phát triển đối mặt với nghèo đói và bất bình đẳng. Cung cấp cơ sở để điều chỉnh mô hình phù hợp với những bối cảnh kinh tế, xã hội ở các quốc gia khác nhau. Tác giả cho rằng thành công của Saemaul Undong phụ thuộc vào vai trò lãnh đạo địa phương, sự hỗ trợ của chính phủ và khả năng thích ứng văn hóa nhằm đóng góp cho các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs).

Quang Phung (2026) *Land consolidation and rural aging: challenges and implications in the Red River Delta (Hợp nhất đất đai và già hóa nông thôn: Những thách thức và hàm ý tại vùng Đồng bằng sông Hồng, Việt Nam)* [117]. Bài viết đã phân tích mối quan hệ giữa xu hướng già hóa dân số và tiến trình tích tụ, tập trung đất đai ở vùng ĐBSH, từ đó đánh giá tác động của hai yếu tố này đến thực tiễn canh tác và động lực lao động nông nghiệp. Kết quả phân tích chỉ ra xu hướng suy giảm rõ rệt về mức độ quan tâm của lực lượng lao động trẻ đối với sản xuất nông nghiệp. Chính sách dồn điền đổi thửa đã được triển khai, quy mô canh tác trung bình của các hộ gia đình vẫn duy trì ở mức thấp, tạo lực đẩy gia tăng làn sóng ly hương của lao động trẻ. Do đó, các chính sách tích tụ ruộng đất và phát triển hạ tầng cần được tiếp cận theo cơ chế đồng thuận từ dưới lên (bottom-up), kết hợp với các giải pháp hỗ trợ phân hóa thích ứng theo từng nhóm độ tuổi.

Qua khảo cứu các công trình nghiên cứu có thể thấy, mặc dù được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, các tác giả đều thống nhất cho rằng xây dựng

NTHĐ là xu hướng phát triển tất yếu nhằm nâng cao chất lượng sống của cư dân nông thôn và bảo đảm phát triển bền vững. Tuy nhiên, giữa các công trình có sự khác biệt rõ về nội dung và hướng tiếp cận. Các nghiên cứu trong nước chủ yếu tập trung luận giải chủ trương, chính sách xây dựng NTM, nông nghiệp sinh thái, phát triển kết cấu hạ tầng, chuyển đổi số và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Trong khi đó, các nghiên cứu nước ngoài, đặc biệt của Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, lại chú trọng nhiều hơn đến vấn đề quản trị nông thôn, cơ chế vận hành cộng đồng, hiện đại hóa quản lý và xây dựng các mô hình phát triển nông thôn thích ứng với bối cảnh mới. Bên cạnh đó, các nghiên cứu trong nước thường tiếp cận xây dựng NTHĐ từ góc độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, trong khi các nghiên cứu nước ngoài có xu hướng tiếp cận từ góc độ phát triển cộng đồng, nâng cao năng lực quản trị và phát huy nguồn lực nội sinh của khu vực nông thôn. Sự khác biệt này cho thấy bức tranh nghiên cứu phong phú, đa chiều về xây dựng NTHĐ, đồng thời cung cấp nhiều luận cứ lý luận và thực tiễn phục vụ nghiên cứu vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

#### **1.1.2. Những công trình trong và ngoài nước nghiên cứu về vai trò nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại**

Nguyễn Trọng Bình, Nguyễn Ngọc Anh (2020), *Sự tham gia của người dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng sông Cửu Long* [1]. Cuốn sách đã trình bày các cơ sở lý luận về vai trò của người dân trong việc xây dựng NTM, đồng thời cung cấp cái nhìn về sự tham gia của người dân ở một số quốc gia và rút ra bài học cho Việt Nam. Phân tích thực trạng và đưa ra quan điểm cùng giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tham gia của người dân trong xây dựng NTM tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Những nội dung được đề cập góp phần nâng cao vai trò của nông dân Đồng bằng sông Cửu Long, từ đó tăng cường vai trò chủ thể của họ trong quá trình xây dựng NTM.

Lương Quốc Đoàn (2021), *Khơi dậy khát vọng vươn lên và phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới* [26]. Tác giả phân tích vai trò và vị trí của giai cấp nông dân trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nông dân là lực lượng chủ yếu trong việc phát triển nền nông nghiệp hiện đại và xây dựng NTM, họ cần phải được khơi dậy khát vọng vươn lên, chủ động tham gia vào các quá trình cải cách, đổi mới để nâng cao đời sống và năng suất lao động. Nông dân cần được khuyến khích để trở thành chủ thể trong quá trình phát triển, phải chủ động tham gia vào các chương trình phát triển kinh tế nông thôn từ đó góp phần vào xây dựng NTM bền vững. Bên cạnh đó, tác giả nêu ra một số vấn đề cần chú trọng để nâng cao vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong giai đoạn tiếp theo.

Nguyễn Văn Thịnh (2022), *Thực hiện nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn dưới góc nhìn của khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới* [77]. Cuốn sách đăng tải các báo cáo chuyên đề, kết quả của các đề tài, dự án khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng NTM, được cấu trúc theo các nhóm nội dung: Vấn đề định hướng xây dựng NTM bền vững gắn đô thị hóa, tác động của CNH, HĐH đến phát triển nông nghiệp, nông thôn, huy động nguồn lực phát triển nông thôn, vai trò của kinh tế tập thể, hợp tác xã; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số trong nông nghiệp; quy hoạch, kiến trúc NTM thích ứng với biến đổi khí hậu. Phân tích vai trò của nông dân trong việc tiếp nhận và ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Khẳng định việc nâng cao trình độ và đời sống của nông dân thông qua ứng dụng khoa học, công nghệ đóng vai trò hết sức quan trọng.

Bạch Quốc Khang (2022), *Khoa học với sự nghiệp nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2021* [54]. Nội dung của cuốn sách chủ yếu tập trung vào nội dung: Xây dựng NTM bền vững trong bối cảnh mới; phát triển văn hóa, quản lý xã hội trong xây dựng NTM bền vững; phát triển kinh tế nông thôn bền vững; xây dựng cảnh quan, môi trường, hạ tầng cơ sở NTM bền vững. Đặc biệt, chương 5 đề cập cụ thể

đến nội dung phát huy vai trò chủ thể của người dân, cộng đồng trong xây dựng NTM bền vững. Tập trung đánh giá thực trạng huy động sức dân trong xây dựng NTM 10 năm qua, nhận diện những vấn đề cần tiếp tục giải quyết để huy động tốt hơn các nguồn lực này trong giai đoạn tới.

Đoàn Minh Huân (2022), *Xây dựng nông thôn văn minh - chủ thể phát triển nông nghiệp sinh thái, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn hiện đại* [47]. Bài viết giải thích và làm rõ các vấn đề liên quan đến việc xây dựng hình mẫu nông dân văn minh, đồng thời nâng cao năng lực và quyền làm chủ của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái, kinh tế nông thôn và hiện đại hóa nông thôn. Tác giả khẳng định vai trò trung tâm và tính chủ thể của nông dân trong tiến trình xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại. Quá trình này nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao toàn diện mức sống vật chất và tinh thần cho người nông dân, đồng thời phát triển giai cấp nông dân một cách bền vững, gắn kết chặt chẽ với sự phát triển của nền nông nghiệp và quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở khu vực nông thôn. Tác giả đã phân tích những thay đổi hiện tại trong đời sống của nông dân và các mâu thuẫn cần được giải quyết để hình thành nông dân văn minh, qua đó thúc đẩy sự phát triển bền vững của nông nghiệp sinh thái và xây dựng NTHĐ.

Quách Thiều Hoa (2022), *鄉村振興戰略視域下農民現代化問題研究 (Nghiên cứu vấn đề hiện đại hóa nông dân dưới góc nhìn chiến lược phục hồi nông thôn)* [120]. Nghiên cứu vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử, kế thừa những luận điểm cơ bản của học thuyết Mác về vấn đề nông dân, qua đó khảo cứu, phân tích và hệ thống hóa tiến trình phát triển của hiện đại hóa nông dân ở Trung Quốc. Hiện đại hóa nông dân được xem là mục tiêu cốt lõi của quá trình phát triển nông thôn, nông dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách mà còn là chủ thể trực tiếp của quá trình hiện đại hóa, thể hiện qua sự chuyển biến về tư duy, hành vi và năng lực hành động. Trong bối cảnh mới, chiến lược phục hồi nông thôn giữ vai trò nền tảng trong việc triển

khai các chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông thôn và nông dân, đồng thời mang ý nghĩa chiến lược đối với tiến trình xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Phó Thúy Liên (2022), *农民利益: 基层治理能力现代化视角下的乡村治理研究 (Lợi ích của nông dân: Nghiên cứu về quản trị nông thôn dưới góc độ hiện đại hóa năng lực quản trị cơ sở)* [119]. Cuốn sách tiếp cận vấn đề quản trị nông thôn từ góc nhìn lấy nông dân làm trung tâm. Nghiên cứu làm rõ cơ chế hình thành, quy luật và các nhân tố tác động đến lợi ích của nông dân trong quá trình cải cách thể chế quản trị cơ sở. Tác giả cho rằng việc thiết lập và hoàn thiện cơ chế bảo đảm lợi ích của nông dân giữ vai trò then chốt trong việc tháo gỡ các khó khăn của quản trị nông thôn, đồng thời thúc đẩy sự phát triển lành mạnh và bền vững của quản trị xã hội nông thôn.

Nguyễn Thế Trung (2023), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng giai cấp nông dân - Vận dụng vào công cuộc xây dựng nông thôn hiện đại, nông dân văn minh ở Việt Nam hiện nay* [80]. Bài viết đã phân tích các nội dung chính trong tư tưởng Hồ Chí Minh liên quan đến việc xây dựng giai cấp nông dân và thực hành dân chủ tại nông thôn, đặc biệt là sau khi thực hiện Chỉ thị số 30 - CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Khẳng định vai trò của nông dân trong việc chuyển đổi nông thôn từ truyền thống sang hiện đại. Nông dân không chỉ là những người lao động sản xuất mà còn là những người tiên phong trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật, cải thiện kết cấu hạ tầng và xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại. Bài viết cũng xem xét việc áp dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng NTHĐ và xây dựng hình mẫu nông dân văn minh.

Nguyễn Thị Kim Dung (2023), *Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển kinh tế - xã hội theo nghị quyết số 19 - NQ/TW hội nghị Trung ương năm, khóa XIII của Đảng* [17]. Bài viết nhấn mạnh vai trò và vị trí chiến lược của nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, đặc biệt trong công cuộc đổi mới đất nước. Những lĩnh

vực này được coi là nền tảng và lực lượng quan trọng cho sự phát triển KT -XH. Bài viết tiến hành phân tích vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong tiến trình phát triển của đất nước trong bối cảnh quán triệt tinh thần Nghị quyết số 19 - NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Trên cơ sở đó, tác giả nhấn mạnh yêu cầu cấp thiết về việc hình thành một giai cấp nông dân Việt Nam phát triển toàn diện, hội tụ các phẩm chất của một lực lượng xã hội hiện đại: Có tinh thần yêu nước, đoàn kết, tự lực, tự cường, đổi mới và sáng tạo; có trình độ học vấn và năng lực tổ chức sản xuất theo hướng tiên tiến; thực hành lối sống văn minh, có trách nhiệm với cộng đồng, tuân thủ pháp luật và tích cực bảo vệ môi trường. Đồng thời, giai cấp này cần được đảm bảo quyền lợi trong việc tiếp cận công bằng các thành quả phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là việc từng bước tiếp cận với các dịch vụ công và điều kiện sống của đô thị hiện đại.

Diệp Thanh Tùng (2023), *Sự tham gia của người dân trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới* [78]. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 508 hộ gia đình tại 07 tỉnh thuộc các vùng kinh tế trên cả nước. Thực tiễn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần làm thay đổi tích cực diện mạo nông thôn Việt Nam. Tuy nhiên, chương trình vẫn còn tồn tại những hạn chế và sự khác biệt rõ nét giữa các địa phương. Mặc dù mức độ tham gia của người dân nhìn chung khá cao, nhưng ở một số nhóm tiêu chí, sự tham gia này chưa thực sự thể hiện tính chủ động cũng như vai trò chủ thể của người dân, đặc biệt đối với các tiêu chí gắn trực tiếp với đời sống cộng đồng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách cho giai đoạn tiếp theo nhằm tăng cường vai trò trung tâm của người dân và bảo đảm tính bền vững của chương trình.

Nguyễn Sỹ Trung (2024), *Phê phán quan điểm sai trái phủ nhận vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong xây dựng nông thôn mới hiện nay* [82]. Theo tác giả, nông dân đang tiếp tục khẳng định vai trò to lớn trong xây dựng NTHĐ gắn với nông nghiệp sinh thái. Tuy nhiên, thực hiện “Chiến lược diễn

biến hòa bình” chống phá cách mạng Việt Nam, các thế lực thù địch, phản động vẫn xuyên tạc, phủ nhận vai trò chủ thể của nông dân. Vì vậy, cần thiết nhận diện và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái đó trên cả phương diện lý luận và thực tiễn để góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới. Bài viết đã nhận diện quan điểm sai trái phủ nhận vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NTM và phân tích căn cứ lý luận và thực tiễn phê phán quan điểm sai trái phủ nhận vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NTM.

Đinh Thị Nga, Hồ Sỹ Ngọc (2024), *Phát huy vai trò là chủ thể, là trung tâm của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại* [61]. Tác giả đã làm rõ nội hàm tiếp tục phát huy vai trò là chủ thể, trung tâm của nông dân trong quá trình phát triển theo tinh thần định hướng của Nghị quyết 19 - NQ/TW ngày 16/ 6/ 2022 tại Hội nghị Trung ương 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Đồng thời, đưa ra khái niệm về nông nghiệp, nông nghiệp sinh thái và NTHĐ và một số định hướng, giải pháp phát huy vai trò chủ thể, trung tâm của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp sinh thái, NTHĐ.

Tào Tấn Thanh (2024), *农民与中国现代化 (Nông dân và hiện đại hóa Trung Quốc)* [122]. Tác giả nhấn mạnh vai trò trung tâm của nông dân với tư cách là chủ thể trực tiếp của quá trình chuyển đổi nông thôn và giải quyết vấn đề “tam nông”. Nông dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là lực lượng tham gia và quyết định mức độ thành công của quá trình chuyển đổi cơ cấu giai tầng thành thị, nông thôn. Việc nâng cao địa vị và năng lực phát triển của nông dân được xem là điều kiện then chốt để thúc đẩy hội nhập thành thị, nông thôn. Bài viết khẳng định, giải quyết căn bản vấn đề “tam nông” với nông dân là chủ thể trung tâm đánh dấu sự hoàn thành về cơ bản tiến trình hiện đại hóa Trung Quốc thực chất là hai phương diện thống nhất của cùng một tiến trình lịch sử.

Trương Diệu Hải An (2025), *Ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ hiện nay* [2]. Luận án làm rõ nông dân là chủ thể trung tâm của quá trình xây dựng NTM ở Nam Trung Bộ. Tác giả phân tích ý thức trách nhiệm của nông dân trên các phương diện nhận thức, thái độ và hành vi thực tiễn. Theo tác giả ý thức trách nhiệm của nông dân được thể hiện trước hết ở nhận thức đúng đắn về vai trò chủ thể của mình trong xây dựng NTM. Ý thức này bộc lộ qua sự đồng thuận và chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nông dân thể hiện trách nhiệm bằng tham gia trực tiếp các hoạt động xây dựng hạ tầng, phát triển sản xuất và bảo vệ môi trường nông thôn. Đồng thời, họ có trách nhiệm trong giữ gìn bản sắc văn hóa, trật tự xã hội và đoàn kết cộng đồng. Luận án chỉ ra thực trạng, kết quả đạt được và những hạn chế trong việc phát huy vai trò, trách nhiệm của nông dân hiện nay. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nâng cao ý thức tự giác, chủ động và tích cực của nông dân trong xây dựng NTM.

Thái Tiểu Vi (2025), *Hiện đại hóa trong nông nghiệp: Nghiên cứu phát triển nông dân trong quá trình hiện đại hóa: Dưới góc nhìn của chủ nghĩa Mác* [124]. Cuốn sách tiếp cận quá trình phát triển của nông dân Trung Quốc trong bối cảnh hiện đại hóa, làm rõ vị trí và vai trò trung tâm của nông dân với tư cách là chủ thể xã hội quan trọng trong tiến trình phát triển KT - XH. Trên cơ sở hệ thống hóa và phân tích tư tưởng của Đảng Cộng sản Trung Quốc về vấn đề “tam nông”, tác giả chỉ ra rằng sự phát triển toàn diện của nông dân không chỉ là điều kiện then chốt để thúc đẩy hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn mà còn là nền tảng xã hội quan trọng bảo đảm tính bền vững và công bằng của tiến trình hiện đại hóa quốc gia.

Trần Đức Viên (2025), *Phát triển bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân gắn với chuyển đổi số quốc gia, đô thị hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu* [98]. Theo tác giả nông dân là chủ thể trung tâm của phát triển bền vững, vừa là lực lượng trực tiếp thực hiện sản xuất nông nghiệp, đồng thời

là tác nhân quyết định trong phát triển kinh tế nông thôn. Nông dân được xem xét trong mối quan hệ với chuyển đổi số quốc gia, thông qua việc tiếp nhận, ứng dụng công nghệ và tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp hiện đại. Đề tài phân tích vai trò của nông dân trong thích ứng với biến đổi khí hậu và điều chỉnh sinh kế trước tác động của đô thị hóa. Trên cơ sở đó, nghiên cứu làm rõ yêu cầu nâng cao năng lực, vị thế và quyền tham gia của nông dân trong các định hướng và giải pháp phát triển bền vững giai đoạn 2025 - 2035 và tầm nhìn đến 2050.

Thường Hy (2025), *中国式现代化进程中的农民现代化: 理论逻辑、掣肘障碍与发展策略* (*Hiện đại hóa nông dân trong quá trình hiện đại hóa kiểu Trung Quốc: Logic lý luận, các rào cản và chiến lược phát triển*) [123]. Tác giả cho rằng việc thúc đẩy hiện đại hóa nông dân trong giai đoạn tới đòi hỏi phải tháo gỡ các rào cản trên nhiều phương diện. Tăng cường sự dẫn dắt về mặt tư tưởng, hình thành và củng cố sự đồng thuận xã hội qua đó nâng cao nhận thức, năng lực hành động và ý thức chủ động tham gia của nông dân vào tiến trình hiện đại hóa. Mặt khác, cần đẩy mạnh toàn diện chiến lược chấn hưng nông thôn, tạo lập môi trường phát triển và các điều kiện bảo đảm từ bên ngoài nhằm hỗ trợ nông dân phát huy vai trò trung tâm của mình. Đồng thời, tác giả cũng đặc biệt nhấn mạnh trách nhiệm của nông dân trong việc không ngừng tự hoàn thiện, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng lực thích ứng và đổi mới từ đó tối ưu hóa các điều kiện nội tại cho quá trình hiện đại hóa của chính họ.

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đều khẳng định nông dân giữ vị trí trung tâm trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng NTHĐ. Điểm tương đồng nổi bật là các tác giả đều xem nông dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng thành quả phát triển mà còn là chủ thể trực tiếp quyết định hiệu quả của quá trình hiện đại hóa nông thôn. Tuy nhiên, giữa các nghiên cứu vẫn tồn tại những khác biệt đáng kể. Các nghiên cứu của Việt Nam chủ yếu tập trung vào việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NTM, xây dựng NTHĐ, phát triển nông nghiệp sinh thái và thực hiện các

chủ trương của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trọng tâm nghiên cứu là nâng cao nhận thức chính trị, trách nhiệm xã hội, năng lực sản xuất và sự tham gia của nông dân vào các phong trào phát triển nông thôn. Các nghiên cứu của Trung Quốc tiếp cận vấn đề theo hướng hiện đại hóa bản thân người nông dân. Các tác giả đặc biệt quan tâm đến sự chuyển biến về năng lực, quyền lợi, trình độ, địa vị xã hội và khả năng thích ứng của nông dân trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và chấn hưng nông thôn. So với các nghiên cứu của Việt Nam, các công trình này có xu hướng phân tích sâu hơn mối quan hệ giữa phát triển con người, bảo đảm lợi ích của nông dân và hiện đại hóa nông thôn.

### **1.1.3. Những công trình nghiên cứu về vai trò nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại vùng Đồng bằng sông Hồng**

Trần Thị Thoa (2020), *Nghiên cứu sự tham gia của cư dân nông thôn trong xây dựng nông thôn mới tại vùng Đồng bằng sông Hồng* [75]. Luận án phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng NTM và sự tham gia của cư dân nông thôn trong xây dựng NTM. Đánh giá thực trạng và phân tích yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của nông dân. Theo tác giả sự tham gia của cư dân nông thôn được xem là nhân tố trung tâm trong quá trình xây dựng NTM, bởi đây là lực lượng giữ vai trò chủ thể trực tiếp triển khai và hiện thực hóa các tiêu chí NTM. Vai trò này thể hiện rõ thông qua việc cư dân tham gia cải thiện điều kiện sống, phát triển sinh kế, bảo đảm an toàn trong sản xuất nông nghiệp và gìn giữ vệ sinh môi trường nông thôn. Thực tiễn cho thấy, mức độ tham gia tích cực của cư dân nông thôn có mối quan hệ chặt chẽ với chất lượng và tính bền vững của kết quả xây dựng NTM. Sự tham gia đó không chỉ góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cư dân đối với cộng đồng, mà còn giúp các nhà quản lý nhận diện đầy đủ hơn vai trò của người dân từ đó hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích và thúc đẩy sự tham gia hiệu quả trong xây dựng NTM.

Lê Quỳnh Chi (2021), *Nghiên cứu xây dựng mô hình làng nghề - du lịch và làng di sản - du lịch khu vực Đồng bằng sông Hồng nhằm góp phần phát*

*triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới* [10]. Đề tài tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của mô hình làng nghề - du lịch và làng di sản - du lịch trong bối cảnh phát triển NTM ở vùng ĐBSH. Đề cập đến nông dân với tư cách là chủ thể cộng đồng nông thôn, lực lượng trực tiếp gắn bó với không gian làng nghề và làng di sản. Nông dân được xem là những người lưu giữ, kế thừa và phát huy các giá trị nghề truyền thống, tri thức bản địa và di sản văn hóa làng xã, đồng thời là chủ thể tham gia vào quá trình tổ chức sản xuất, cung ứng sản phẩm và dịch vụ phục vụ phát triển du lịch. Thông qua việc tham gia các hoạt động làng nghề - du lịch, nông dân không chỉ góp phần bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống mà còn tạo ra sinh kế mới, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao thu nhập ở khu vực nông thôn.

Đặng Minh Tuyền (2021), *Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững cơ sở hạ tầng ở nông thôn phục vụ xây dựng nông thôn mới* [76]. Trên cơ sở khảo sát tại các tỉnh thuộc vùng ĐBSH và Đồng bằng sông Cửu Long, đề tài đã đánh giá tương đối toàn diện hiệu quả sử dụng hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn sau đầu tư. Kết quả nghiên cứu đã làm rõ vai trò, mức độ tham gia của người dân trong phát triển, quản lý và sử dụng cơ sở hạ tầng. Nghiên cứu đã xây dựng các mô hình quản lý phù hợp với từng loại hình công trình hạ tầng nông thôn, trong đó sự tham gia của cộng đồng dân cư được xác định là yếu tố then chốt, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và bảo đảm tính bền vững của các công trình.

Nguyễn Hùng Sơn (2022), *Biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp của nông dân Đồng bằng sông Hồng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa* [66]. Tác giả nghiên cứu về sự biến đổi trong cơ cấu xã hội và giai cấp của nông dân tại khu vực ĐBSH trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH. Cuốn sách trình bày một số vấn đề lý luận về biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp của nông dân ĐBSH nhằm cung cấp cái nhìn sâu sắc về những thay đổi trong đời sống và vị thế xã hội của nông dân trong giai đoạn chuyển đổi kinh tế và xã hội. Theo tác

già nông dân không chỉ là đối tượng bị tác động bởi các chính sách CNH, HĐH mà còn là lực lượng chủ lực tham gia vào quá trình này bằng cách chuyển đổi cơ cấu lao động, phát triển giáo dục và đào tạo. Qua đó, vai trò của nông dân được nâng cao, họ có thể trở thành nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, đặc biệt trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn.

Đỗ Thị Phương Hoa (2022), *Nông dân vùng Đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư* [50]. Luận án đã làm rõ các đặc điểm của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự tác động sâu rộng của nó đến nông dân, bao gồm: Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp; môi trường sống và sản xuất của nông dân; đời sống chính trị, VH - XH của họ. Luận án phân tích đánh giá thực trạng vai trò của nông dân ở vùng ĐBSH trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chỉ ra những vấn đề đặt ra và đề xuất các quan điểm, giải pháp chủ yếu để nâng cao vai trò của nông dân.

Nguyễn Ngọc Huy (2022), *Sự tham gia của người nông dân trong bảo vệ môi trường (Nghiên cứu trường hợp xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Nam Định và An Giang)* [48]. Trên cơ sở tiếp cận xã hội học, luận án phân tích các hình thức tham gia, động cơ, điều kiện và rào cản của nông dân trong các hoạt động môi trường ở nông thôn. Nghiên cứu trường hợp tại Nam Định và An Giang cho thấy sự khác biệt vùng miền ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi bảo vệ môi trường. Luận án chỉ ra vai trò của thể chế, chính sách, tổ chức cộng đồng và vốn xã hội trong thúc đẩy sự tham gia của nông dân. Từ đó, tác giả đề xuất giải pháp tăng cường sự tham gia thực chất của nông dân nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong xây dựng NTM.

Nguyễn Đức Chiện (2024), *Sự tham gia của người nông dân vào chương trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ninh* [11]. Bài viết chỉ ra nông dân đóng vai trò then chốt trong đổi mới tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế hộ, kinh tế hợp tác và các mô hình OCOP. Thông qua các phong trào thi đua, nông dân

trở thành động lực nâng cao thu nhập, tạo việc làm và giảm nghèo bền vững ở nông thôn. Phân tích cũng cho thấy vai trò của nông dân trong xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường và giữ gìn an ninh trật tự cộng đồng. Tuy nhiên, việc phát huy vai trò nông dân còn gặp hạn chế về nhận thức, năng lực và liên kết sản xuất đòi hỏi giải pháp đồng bộ để phát triển bền vững.

Lâm Thị Phụng (2024), *Lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội* [63]. Theo tác giả luận án, phát triển nông nghiệp sinh thái phải gắn liền với vai trò chủ thể của nông dân. Vì vậy, lợi ích nông dân phải được quan tâm và bảo đảm sẽ thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp sinh thái. Luận án chỉ ra rằng nông dân là chủ thể trung tâm và quyết định của phát triển nông nghiệp sinh thái. Nông dân không chỉ là người trực tiếp sản xuất mà còn là người làm chủ quá trình chuyển đổi mô hình, áp dụng các nguyên tắc sinh thái và duy trì tính bền vững của hệ sinh thái nông nghiệp. Vai trò chủ thể của nông dân thể hiện ở việc tự giác tuân thủ quy trình sinh thái, tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ và tạo ra giá trị KT - XH, môi trường.

Nguyễn Thị Minh Tâm (2026), *Xây dựng lối sống của nông dân vùng Đồng bằng sông Hồng theo hướng văn minh, hạnh phúc* [84]. Bài viết phân tích quá trình biến đổi lối sống của nông dân vùng ĐBSH trong bối cảnh đổi mới CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Dưới tác động của các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng NTM, lối sống của nông dân chuyển từ sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp sang tư duy kinh tế hàng hóa, năng động và gắn với thị trường. Sự thay đổi này góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, trình độ dân trí và ý thức xã hội, đồng thời vẫn duy trì các giá trị văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra những thách thức như chênh lệch phát triển, nguy cơ mai một bản sắc văn hóa và vấn đề môi trường. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng lối sống của nông dân theo hướng văn minh, hiện đại và phát triển bền vững.

## 1.2. GIÁ TRỊ KHOA HỌC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH TỔNG QUAN ĐÃ NGHIÊN CỨU VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU TRONG THỜI GIAN TỚI

### 1.2.1. Giá trị khoa học của các công trình tổng quan đã nghiên cứu

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, có thể thấy giá trị của các công trình đã tổng quan như sau:

*Thứ nhất*, các công trình nghiên cứu đã đóng góp quan trọng vào việc hình thành và hoàn thiện cơ sở lý luận về xây dựng NTHĐ trong điều kiện phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam nhiều công trình đã luận giải nội hàm, đặc trưng và tiêu chí của NTHĐ; làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong tiến trình CNH, HĐH đất nước. Các nghiên cứu đã khẳng định xây dựng NTM, NTHĐ không chỉ là quá trình phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế hay áp dụng khoa học, công nghệ mà còn là quá trình phát triển toàn diện về chính trị, VH - XH, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đây là những luận điểm có giá trị lý luận nền tảng, tạo cơ sở cho việc nghiên cứu vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay.

Có thể thấy nhóm công trình này tuy thống nhất ở cách tiếp cận coi xây dựng NTHĐ là một quá trình phát triển tổng hợp, nhưng có sự khác nhau về trọng tâm và mức độ khái quát. Các công trình mang tính định hướng lý luận, chính sách chủ yếu xác lập mục tiêu, nội hàm và hệ tiêu chí của nông nghiệp sinh thái, NTHĐ, nông dân văn minh; trong khi các nghiên cứu chuyên ngành đi sâu hơn vào từng cấu phần như quy hoạch, kết cấu hạ tầng, văn hóa, môi trường, chuyển đổi số và quản trị nông thôn. Sự bổ trợ giữa hai hướng tiếp cận giúp hình thành một khung nhận thức tương đối toàn diện: Hướng nghiên cứu vĩ mô cung cấp nền tảng quan điểm và chuẩn mực phát triển, còn hướng nghiên cứu chuyên sâu cung cấp luận cứ để cụ thể hóa các nội dung của NTHĐ.

*Thứ hai*, một số công trình đã làm rõ vị trí, vai trò của nông dân với tư cách là lực lượng xã hội trung tâm, chủ thể trực tiếp của quá trình xây dựng NTM và NTHĐ. Các nghiên cứu khẳng định rằng nông dân không chỉ là đối tượng chịu tác động của các chủ trương, chính sách phát triển mà còn là chủ thể tham gia, quyết định mức độ thành công, hiệu quả và tính bền vững của quá trình phát triển nông thôn. Vai trò của nông dân được phân tích trên nhiều phương diện: Tham gia xây dựng, quản lý và sử dụng kết cấu hạ tầng; phát triển sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn; ứng dụng khoa học, công nghệ; giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái, củng cố khối đoàn kết cộng đồng và giữ vững ổn định chính trị ở nông thôn. Những phân tích này đã góp phần khẳng định tính đúng đắn và giá trị thực tiễn của quan điểm lấy nông dân làm trung tâm trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay.

Khi đặt các công trình cạnh nhau, có thể nhận thấy sự chuyển biến đáng chú ý từ cách tiếp cận “huy động sự tham gia của người dân” sang cách tiếp cận “phát huy vai trò chủ thể, trung tâm của nông dân”. Cách tiếp cận thứ nhất thường đo lường vai trò thông qua mức độ đóng góp, tham gia các hoạt động hoặc thực hiện tiêu chí; cách tiếp cận thứ hai nhấn mạnh hơn quyền làm chủ, năng lực lựa chọn, khả năng tham gia ra quyết định, tổ chức thực hiện, giám sát và thụ hưởng thành quả phát triển. So với các nghiên cứu thiên về mô tả sự tham gia, những công trình nghiên cứu về lợi ích, quyền, trách nhiệm, năng lực và hiện đại hóa nông dân có giá trị giải thích sâu hơn đối với cơ chế hình thành và phát huy vai trò chủ thể. Tuy vậy, phần lớn công trình mới làm rõ một hoặc một số biểu hiện riêng lẻ, chưa xây dựng được một cấu trúc thống nhất để đánh giá đồng thời vai trò của nông dân với tư cách chủ thể kinh tế, chủ thể chính trị, chủ thể văn hóa - xã hội, chủ thể bảo vệ môi trường và chủ thể giữ gìn quốc phòng, an ninh ở nông thôn.

*Thứ ba*, các công trình nghiên cứu đã góp phần làm rõ những điều kiện, nhân tố tác động phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng vai trò của nông dân chỉ có thể được phát huy đầy đủ khi được bảo

đảm về lợi ích kinh tế, quyền làm chủ, điều kiện tiếp cận nguồn lực phát triển và môi trường thể chế phù hợp. Các yếu tố như trình độ dân trí, năng lực tổ chức sản xuất, khả năng tiếp cận khoa học, công nghệ, mức độ tham gia vào quá trình ra quyết định ở cơ sở, cũng như sự hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức CT - XH được xác định là những nhân tố có ý nghĩa quyết định. Những luận giải này không chỉ có giá trị thực tiễn mà còn có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng đối với việc nghiên cứu vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH dưới góc độ khoa học xã hội.

Các kết quả nghiên cứu cũng cho phép phân biệt tương đối rõ hai nhóm nhân tố tác động. Nhóm nhân tố bên trong thuộc về bản thân nông dân, gồm nhận thức, trình độ, kỹ năng số, năng lực tổ chức sản xuất, ý thức trách nhiệm, khả năng liên kết và mức độ chủ động; nhóm nhân tố bên ngoài gồm thể chế, chính sách, cơ chế bảo đảm lợi ích, kết cấu hạ tầng, thị trường, dịch vụ công, hoạt động của hệ thống chính trị và các tổ chức. So sánh giữa các công trình cho thấy các nghiên cứu theo hướng kinh tế học thường nhấn mạnh nguồn lực, lợi ích, thị trường và hiệu quả; các nghiên cứu xã hội học chú trọng mức độ tham gia, vốn xã hội, tổ chức cộng đồng và rào cản hành vi; còn các nghiên cứu chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học đề cao địa vị chủ thể, quyền làm chủ, liên minh xã hội và vai trò lãnh đạo, quản lý. Việc tích hợp các cách tiếp cận này có giá trị phương pháp luận quan trọng, giúp tránh giải thích vai trò của nông dân chỉ từ năng lực cá nhân hoặc chỉ từ tác động chính sách, mà phải xem xét sự tương tác giữa điều kiện chủ quan và điều kiện khách quan.

*Thứ tư*, các công trình nghiên cứu ngoài nước đã mở rộng tầm nhìn, so sánh và cung cấp những kinh nghiệm quý báu có giá trị tham khảo cho Việt Nam đối với việc phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ. Thông qua nghiên cứu các mô hình phát triển nông thôn và hiện đại hóa nông dân ở một số quốc gia châu Á, các tác giả đã làm rõ vai trò của nông dân trong quản trị nông thôn, phát triển cộng đồng, đổi mới phương thức sản xuất và thích ứng với các thách thức của hiện

đại hóa, đô thị hóa và biến đổi khí hậu. Những kinh nghiệm này góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc nghiên cứu vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ, đồng thời gợi mở những hướng tiếp cận phù hợp với điều kiện lịch sử, kinh tế và VH - XH ở vùng ĐBSH.

Giá trị tham khảo của các công trình ngoài nước thể hiện rõ hơn khi được đối chiếu theo từng mô hình. Nghiên cứu về Trung Quốc nổi bật ở các vấn đề hiện đại hóa nông dân, quản trị cơ sở, cơ chế giám sát, bảo đảm lợi ích và giải quyết quan hệ thành thị, nông thôn; nghiên cứu về Nhật Bản nhấn mạnh tái thiết cộng đồng, ứng dụng công nghệ, khai thác nguồn lực địa phương và thích ứng với già hóa dân số, thiên tai, biến đổi khí hậu; nghiên cứu về Saemaul Undong đề cao tinh thần tự lực, vai trò lãnh đạo địa phương, hỗ trợ của Nhà nước và khả năng thích ứng văn hóa. Điểm tương đồng của các kinh nghiệm này là đều coi cộng đồng và người dân nông thôn là tác nhân quyết định, đồng thời thừa nhận vai trò kiến tạo, hỗ trợ và điều phối của Nhà nước. Điểm khác biệt nằm ở bối cảnh thể chế, trình độ phát triển, cấu trúc sở hữu đất đai, mức độ tự quản cộng đồng và nền tảng văn hóa. Vì thế, giá trị khoa học của các công trình ngoài nước không phải ở việc cung cấp mô hình để sao chép, mà ở việc gợi mở các biến số so sánh và nguyên tắc vận dụng có chọn lọc, phù hợp với đặc điểm của Việt Nam và vùng ĐBSH.

*Thứ năm*, một số công trình đã tiếp cận trực tiếp vùng ĐBSH, làm rõ đặc điểm KT - XH, sự biến đổi cơ cấu xã hội, giai cấp của nông dân và thực trạng tham gia của nông dân trong xây dựng NTHĐ, phát triển kinh tế nông thôn, bảo vệ môi trường và giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống. Những nghiên cứu này cung cấp nguồn tư liệu thực tiễn quan trọng, góp phần nhận diện rõ hơn những kết quả đạt được, hạn chế và một số vấn đề đang đặt ra đối với việc phát huy vai trò của nông dân trong bối cảnh vùng ĐBSH chịu tác động mạnh mẽ của công nghiệp hóa, đô thị hóa, biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

Đối với nhóm công trình nghiên cứu trực tiếp hoặc có liên hệ mật thiết với vùng ĐBSH, ưu thế nổi bật là tính gần gũi về không gian nghiên cứu và khả năng

phản ánh các đặc trưng của vùng như mật độ dân cư cao, quá trình đô thị hóa nhanh, quy mô đất nông nghiệp nhỏ, làng xã và văn hóa truyền thống bền chặt, cơ cấu lao động chuyển dịch mạnh, đồng thời chịu sức ép lớn về môi trường và già hóa dân số nông thôn. So với các nghiên cứu phạm vi toàn quốc hoặc ở vùng khác, nhóm công trình này cung cấp căn cứ thực tiễn trực tiếp hơn để nhận diện sự biến đổi vị thế, sinh kế, lối sống và phương thức tham gia của nông dân ĐBSH. Tuy nhiên, các nghiên cứu còn phân tán theo địa bàn hoặc lĩnh vực; việc so sánh nội vùng giữa khu vực ven đô, vùng thuần nông, vùng làng nghề, vùng ven biển và giữa các nhóm nông dân chưa được triển khai đồng đều. Bởi vậy, nguồn tư liệu hiện có vừa là cơ sở quan trọng, vừa đặt ra yêu cầu tổng hợp, đối chiếu và khái quát hóa ở cấp độ toàn vùng.

Qua các công trình đã tổng quan cho thấy, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu tiếp cận vấn đề về xây dựng NTHĐ, vai trò của nông dân và phát triển nông nghiệp, nông thôn từ các góc độ kinh tế học, xã hội học, chính trị học, quản lý công; đồng thời đã có một số công trình thuộc chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu về vai trò của nông dân trong quá trình CNH, HĐH và xây dựng NTM, nhưng đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp, toàn diện và có hệ thống về vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH. Các nghiên cứu trước chủ yếu tập trung làm rõ từng khía cạnh riêng lẻ như phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số, xây dựng đời sống văn hóa, phát triển nông dân văn minh hoặc sự tham gia của nông dân trong xây dựng NTM; chưa luận giải đầy đủ vai trò của nông dân trong mối quan hệ tổng thể với các nội dung của xây dựng NTHĐ, cũng như chưa phản ánh được đầy đủ những đặc thù của vùng ĐBSH trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Vì vậy, đây là những vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu và làm sáng tỏ, nhất là về cơ sở lý luận, thực trạng, các yếu tố tác động và hệ thống giải pháp nhằm phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay. Nghiên cứu vấn đề này không chỉ góp phần bổ sung và phát triển cơ sở lý luận về

vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ dưới góc độ chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn và đề xuất các quan điểm, giải pháp phù hợp nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông nghiệp sinh thái, NTHĐ, nông dân văn minh theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW và các chủ trương của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

### **1.2.2. Một số vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu**

Các công trình nghiên cứu nêu trên đã tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan đến xây dựng NTM và NTHĐ; vai trò của nông dân trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng đời sống nông thôn ở những cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu khác nhau. Tuy nhiên, với tính chất đặc thù riêng về mặt thời gian và địa lý của khu vực vùng ĐBSH nên vai trò nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH còn nhiều vấn đề cần tiếp tục làm rõ:

*Một là*, về mặt lý luận, làm rõ cơ sở lý luận về vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay. Trên cơ sở vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, luận án tập trung làm rõ các quan niệm: NTHĐ; vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ; đặc điểm KT - XH của vùng ĐBSH. Đồng thời, luận án phân tích nội dung về vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay, qua đó làm rõ các yếu tố tác động đến vai trò của nông dân trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

*Hai là*, phân tích thực trạng vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay qua một số nội dung:

Thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay về: Xây dựng kết cấu hạ tầng; phát triển kinh tế; xây dựng VH - XH, bảo vệ môi trường; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Phân tích nguyên nhân của thực trạng thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay. Tác giả luận án chỉ ra nguyên nhân và

bốn vấn đề đặt ra cần giải quyết đó là: (1) Mâu thuẫn giữa yêu cầu về thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ với năng lực, tư duy và nhận thức của một bộ phận nông dân vùng ĐBSH còn hạn chế; (2) Mâu thuẫn giữa yêu cầu phải có thể chế hoàn thiện, đồng bộ nhằm thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH và những bất cập, hạn chế trong cơ chế, chính sách hiện hành; (3) Mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhằm thực hiện vai trò nông dân trong xây dựng NTHĐ với những hạn chế, bất cập của HTCT nông thôn vùng ĐBSH; (4) Mâu thuẫn giữa yêu cầu thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở nông thôn vùng ĐBSH với những vấn đề KT - XH, văn hóa, môi trường tiêu cực có xu hướng gia tăng.

*Ba là*, đề xuất quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ vùng ĐBSH hiện nay. Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, luận án đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân, bảo đảm phù hợp với đặc điểm kinh tế, chính trị, VH - XH của vùng ĐBSH, từ đó góp phần phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ trong giai đoạn tới.

### **Tiểu kết chương 1**

Nông dân luôn là trụ cột của quốc gia, là lực lượng quyết định sự thịnh suy của nông nghiệp, nông thôn và có vị trí quan trọng là chủ thể trong phát triển nông nghiệp và xây dựng NTHĐ. Vì vậy, nghiên cứu vai trò của nông dân nhằm góp phần làm sâu sắc hơn vị trí, tầm quan trọng của họ trong giai đoạn mới, đặc biệt là trong quá trình xây dựng NTHĐ.

Trong chương này, tác giả luận án đã tiến hành tổng quan trên ba khía cạnh chính: *Một là*, những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về xây dựng nông thôn và xây dựng NTHĐ vùng ĐBSH; *Hai là*, những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về vai trò nông dân trong xây dựng NTHĐ; *Ba là*, những công trình nghiên cứu về vai trò nông dân trong xây dựng NTHĐ vùng ĐBSH. Những tài liệu này đã phác họa bức tranh tổng thể về tình hình nghiên cứu trước đây, cung cấp

nguồn tư liệu phong phú, có giá trị để luận án kế thừa và phát triển. Đồng thời, tổng quan đã giúp nghiên cứu sinh phát hiện và tiếp tục bổ sung, lấp đầy những khoảng trống còn bỏ ngỏ về vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH. Đây là hướng nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn cần được tiếp tục triển khai sâu rộng hơn.

## Chương 2

### MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

#### 2.1. MỘT SỐ QUAN NIỆM CƠ BẢN

##### 2.1.1. Quan niệm về nông dân và vai trò của nông dân

###### 2.1.1.1. *Quan niệm về nông dân*

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin quan niệm về giai cấp nông dân dựa trên việc phân tích chế độ sở hữu của họ. C.Mác và Ph.Ăngghen luôn đề cao vai trò của nông dân như những chủ sở hữu nhỏ trong hệ thống đất đai và nông cụ, từ đó tạo điều kiện cho họ có kinh tế tự chủ, các ông viết: “Tư liệu sản xuất thích hợp với sử dụng cá nhân, vì thế dĩ nhiên là có tính thô sơ, nhỏ nhặt, có tác dụng rất hạn chế. Sản xuất là cho tiêu dùng trực tiếp của chính người sản xuất, hay của bọn lãnh chúa phong kiến của họ” [31, tr.331]. Theo quan điểm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, các tư liệu sản xuất của nông dân thường mang tính chất thô sơ, đơn giản và có quy mô nhỏ, chỉ phù hợp với nhu cầu sản xuất cá nhân, do đó tác dụng của chúng bị giới hạn. Trong điều kiện như vậy, “mỗi gia đình nông dân gần như tự cấp tự túc hoàn toàn, sản xuất ra đại bộ phận những cái mình tiêu dùng và do đó kiếm tư liệu sinh hoạt cho mình bằng cách trao đổi với thiên nhiên nhiều hơn là giao tiếp với xã hội” [27, tr.264]. Chế độ sở hữu nhỏ của nông dân quy định toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của họ. C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng nông dân thường chỉ chú trọng đến những lợi ích cá nhân nhỏ bé, chẳng hạn như các công cụ lao động hoặc mảnh đất của riêng mình. Chính vì vậy, họ thường bị giam hãm trong những quan hệ và tầm nhìn hạn hẹp, gắn liền với những tài sản sở hữu cá nhân ấy.

Các ông cũng chỉ rõ rằng, trong xã hội phong kiến và xã hội tư bản, tầng lớp nông dân là những người lao động chịu sự bóc lột nặng nề nhất. Họ phải đối mặt với nhiều loại thuế và phí, bao gồm lao dịch, địa tô, thuế thân, tiền bảo hộ, cùng với

các khoản thuế khác, tất cả đều làm gia tăng gánh nặng mà họ phải chịu đựng. C.Mác viết: “bạn cho vay nặng lãi ở thành thị đã thế chân bạn phong kiến... Chế độ tư sản đã trở lại thành con quỷ hút máu và não của mảnh đất con đó và đem trút máu và não ấy vào các bình cổ cong luyện vàng tư bản” [27, tr. 520]. Do đó, nông dân vừa là người sở hữu tài sản nhỏ, vừa là nạn nhân của sự áp bức trong những xã hội có sự phân chia giai cấp rõ rệt. Với vai trò của mình trong phương thức sản xuất, giai cấp nông dân không thể trở thành lực lượng đại diện cho sự tiến bộ của sản xuất và thiếu một hệ tư tưởng độc lập. Tuy nhiên, C.Mác và Ph.Ăngghen cũng nhận thấy, mặc dù ở vị trí như vậy nông dân vẫn tiềm ẩn khả năng cách mạng to lớn. Trong cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và tư sản, sự đồng tình và ủng hộ từ phía nông dân sẽ là yếu tố quyết định chiến thắng cuối cùng.

Quan niệm của C.Mác và Ph.Ăngghen về nông dân đã được V.I.Lênin tiếp thu và mở rộng trong bối cảnh những năm đầu thế kỷ XX khi chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc. Theo V.I.Lênin, nông dân là một giai cấp bao gồm nhiều tầng lớp lao động khác nhau tại các khu vực nông thôn. “Đó là những người sản xuất hàng hóa nhỏ”. “Giai cấp đó, một mặt là người tư hữu, mặt khác lại là người lao động”. Nông dân sống bằng lao động của mình, họ gắn với các tư liệu sản xuất nhỏ lẻ, phân tán mà mình sở hữu. Trong các xã hội có áp bức, bóc lột giai cấp, nông dân là những người bị chèn ép, bóc lột và “ Nó không bóc lột những người lao động khác” [58, tr.237]. Giai cấp đó, một mặt là người tư hữu, mặt khác lại là người lao động. Nông dân là những người cống hiến cả cuộc đời mình cho công việc khó nhọc trên những cánh đồng, sống dựa vào những tài nguyên ít ỏi mà họ tự có. Trong một xã hội đầy áp bức và bóc lột, nông dân thường là tầng lớp bị chèn ép và lạm dụng. Họ phải đối mặt với áp lực từ các tầng lớp giàu có và chịu đựng những hậu quả nặng nề từ việc mất đi những thành quả do chính họ lao động vất vả mà có.

Theo V.I. Lênin, giai cấp nông dân thường có những đặc điểm tâm lý và tính cách riêng biệt so với các tầng lớp xã hội khác. Họ thường biểu lộ sự bảo thủ,

cực đoan và tư duy hạn hẹp, có xu hướng sống bảo thủ, cục bộ và biệt lập, V.I. Lênin viết: “Nông dân sẽ không tin bất cứ một lời nói nào, bất cứ một cương lĩnh nào... Nông dân chỉ tin vào hành động, vào kinh nghiệm thực tiễn” [58, tr. 443]. Những đặc điểm này hình thành từ chính phương thức sản xuất của họ quyết định. V.I. Lênin cho rằng: “Những điều kiện sinh hoạt kinh tế và chính trị của họ đã không làm cho họ gần nhau, mà lại còn làm cho họ xa nhau, rời nhau, biến họ thành hàng triệu người tiểu sở hữu riêng lẻ” [60, tr. 161].

Như vậy, nông dân không chỉ là những người sở hữu đất đai nhỏ mà còn là nhóm lao động cơ bản trong xã hội. Tâm trạng và tư duy của họ thường bị ảnh hưởng bởi các quan điểm của giai cấp cầm quyền và sự biến động cùng tính thực tiễn là những đặc điểm chủ yếu của họ ở mọi giai đoạn. V.I. Lênin cũng đặc biệt nhấn mạnh rằng nông dân đóng vai trò thiết yếu trong cả cách mạng dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm sâu sắc và tình cảm chân thành đối với nông dân và thường sử dụng những từ ngữ thân quen, gần gũi như "dân cày", "dân cày nghèo" để gọi họ. Mặc dù trong di sản lý luận của Người chưa có một định nghĩa hay khái niệm chính thức về nông dân, nhưng qua các bài viết và bài nói, quan điểm của Hồ Chí Minh về nông dân đã được thể hiện rõ.

Trong tác phẩm Thường thức chính trị Người viết: “Giai cấp nông dân, chủ chốt là bần nông và trung nông là quân đội chủ lực của kháng chiến và của cách mạng dân chủ mới (có nông thuộc về giai cấp công nhân). Ở nông thôn, bần nông là lớp người đông nhất và nghèo khổ nhất. Họ chân bần tay lấm quanh năm, mà vẫn suốt đời đói rách, vì họ bị địa chủ phong kiến bóc lột tàn tệ. Bần nông hăng hái kháng chiến, hăng hái cách mạng và rất mong muốn thực hiện chính sách dân cày có ruộng. Vì vậy, họ là đồng minh chắc chắn nhất của giai cấp công nhân. Trung nông là lớp người mình cày ruộng của mình, không bóc lột ai, cũng không phải làm thuê cho ai. Họ sinh sống khá hơn bần nông. Song gặp mất mùa thì họ cũng chật vật. Và lại họ cũng bị bọn địa chủ, bọn cho vay nặng lãi và bọn đế quốc

áp bức bóc lột. Thực hiện chính sách “dân cày có ruộng” thì họ cũng có lợi. Cho nên họ cũng hăng hái kháng chiến, hăng hái cách mạng. Vì vậy, họ là đồng minh chắc chắn của giai cấp công nhân” [41, tr.257].

Theo Hồ Chí Minh, nông dân không chỉ là đối tượng cần được giải phóng, mà còn là lực lượng quan trọng, là động lực thúc đẩy cách mạng Việt Nam. Người cho rằng “Nông dân ta là một lực lượng sản xuất rất to lớn, đồng thời là một lực lượng cách mạng rất to lớn”; “Nông dân ta chí khí rất anh dũng, kinh nghiệm rất nhiều, lực lượng rất to. Điều đó đã tỏ rõ trong thời kỳ cách mạng và kháng chiến. Nếu lãnh đạo tốt, thì khó khăn gì họ cũng khắc phục được, việc gì to lớn mấy họ cũng làm được” [38, tr.196].

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi vấn đề nông dân là một phần quan trọng trong mối liên hệ chặt chẽ với phát triển nông nghiệp và nông thôn. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã nhận thức sâu sắc về đặc điểm lớn nhất của đất nước khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đó là nền nông nghiệp còn lạc hậu. Chính vì vậy, Đảng ta luôn khẳng định vai trò của nông nghiệp, nông dân và nông thôn đối với sự phát triển đất nước. Đặc biệt, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X (tháng 8 - 2008) đã thông qua Nghị quyết số 26 -NQ/TW, đánh dấu một bước quan trọng trong việc đề ra những giải pháp phát triển toàn diện nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Nghị quyết khẳng định: “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp CNH, HĐH xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước” [18, tr.123-124]. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định các vấn đề liên quan đến nông nghiệp, nông dân và nông thôn cần được giải quyết một cách đồng bộ, bởi ba yếu tố này có mối quan hệ gắn bó không thể tách rời. Trong mối quan hệ đó, nông dân là nhân tố chủ yếu, là lực lượng dẫn dắt quá trình phát triển. Mặc dù các nghị quyết của Đảng không đưa ra định nghĩa cụ thể về nông dân, nhưng từ yêu cầu nghiên cứu và triển khai các Nghị quyết, có thể nhận thấy

sự khẳng định rõ ràng về vai trò quan trọng của nông dân trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Trong tài liệu học tập của Ban Tuyên giáo Trung ương đã xác định: “Nông dân là khái niệm chỉ về thân phận hay nghề nghiệp của một nhóm dân cư trong xã hội, phân biệt với công nhân, trí thức... Nông dân theo khái niệm này thường có hai tiêu chí phân biệt: Một là, nghề nghiệp chính là trồng trọt và chăn nuôi; Hai là, sinh sống ở nông thôn (phân biệt với thành thị)” [5, tr.112].

Bên cạnh đó, còn có một số nghiên cứu khác về nông dân trong thời gian qua như: Khi nhìn từ góc độ tính chất lao động và nơi cư trú, nông dân được coi là những người sống nhờ vào công việc lao động, chủ yếu là trồng trọt trên mảnh đất của mình và sinh sống trong các cộng đồng làng xã nhỏ bé [71, tr.7]; Nông dân có thể là những người tham gia vào các hoạt động sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm cả trong khu vực kinh tế nhà nước (các nông trường), kinh tế hợp tác (hợp tác xã) và kinh tế cá thể, tiểu chủ. Họ là lực lượng lao động chủ yếu tạo ra sản phẩm nông nghiệp phục vụ nhu cầu xã hội [71, tr.36]; Nông dân là những người tham gia trực tiếp vào sản xuất nông nghiệp, hoạt động trong các khu vực kinh tế khác nhau như nhà nước (các nông trường), hợp tác xã và kinh tế cá thể hoặc tiểu chủ. Họ là lực lượng lao động chủ yếu, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra các sản phẩm nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu của xã hội [4, tr.8].

Như vậy, có thể thấy nông dân đã có từ xa xưa trong lịch sử phát triển xã hội, trong chế độ phong kiến, nông dân trở thành một giai cấp cơ bản và tiếp tục tồn tại cho đến ngày nay. Trong điều kiện lao động sản xuất nhỏ, cho nên giai cấp nông dân có nhiều hạn chế và bản thân vừa là người lao động, vừa là người tư hữu, vì thế có cả những mặt tích cực lẫn tiêu cực. Nhưng nhìn chung, về mặt lao động, tích cực của giai cấp nông dân là cơ bản hơn, đồng thời trong xã hội cũ, họ luôn bị bóc lột.

Nông dân không có hệ tư tưởng độc lập, luôn đi theo, chịu sự chi phối của giai cấp, tầng lớp nào đó, mà trước hết là giai cấp, tầng lớp lãnh đạo, thống trị xã hội. Ở những nước chậm phát triển, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp nông dân có số lượng đông đảo, được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, cùng với

giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức và các giai tầng nhân dân khác làm chủ xã hội.

Theo quy luật, nông dân sẽ dần từng bước đi lên sản xuất lớn với những hình thức phù hợp. Quá trình ấy, khuynh hướng chung là: Công nghiệp hóa nông nghiệp và “phi nông dân hóa nông dân”, nên số lượng nông dân ngày càng giảm đi và người nông dân đi lên sản xuất lớn cũng dần khắc phục được những hạn chế nói chung của nông dân. Đến nay, ở nhiều quốc gia, giai cấp nông dân vẫn là một lực lượng xã hội quan trọng, một mặt là do vẫn đại diện cho sản xuất nông nghiệp - một ngành sản xuất vật chất cơ bản; mặt khác, là do vẫn chiếm tỷ trọng đông đảo trong dân cư.

Từ sự phân tích trên đây có thể quan niệm về *nông dân là một tập đoàn những người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp với phương thức sản xuất mang tính chất tư nhân hóa; sinh sống ở nông thôn; làm chủ hoặc đồng sở hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu là đất đai, vốn, tri thức và công nghệ; sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp nhằm thỏa mãn nhu cầu lương thực, thực phẩm cho xã hội và đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.*

#### ***2.1.1.2. Quan niệm về vai trò của nông dân***

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp nông dân là giai cấp bị áp bức, bóc lột nặng nề trong xã hội có đối kháng giai cấp. Giai cấp nông dân chỉ có thể được giải phóng nếu họ gắn lợi ích bản thân giai cấp mình với giai cấp công nhân, đi theo giai cấp công nhân làm cách mạng vô sản. Vai trò của nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa được thể hiện qua nội dung:

*Một là, vai trò của nông dân trong đấu tranh giành chính quyền nhà nước.*

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin luôn khẳng định vai trò to lớn của giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong chủ nghĩa tư bản, nông dân bị giai cấp tư sản cấu kết với địa chủ áp bức, bóc lột nặng nề, do đó thống nhất về lợi ích, lý tưởng, mục tiêu với giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện mục tiêu đó, giai cấp nông dân phải liên minh với giai cấp công nhân - lực lượng lãnh

đạo cách mạng. Về vấn đề này C.Mác viết: Một khi liên minh được thực hiện thì “cách mạng vô sản mới thực hiện được bài đồng ca mà nếu không có được bài đồng ca này thì, trong tất cả các quốc gia nông dân, bài đơn ca của cách mạng vô sản sẽ trở thành một bài ai điếu” [28, tr.410]. Thực tiễn cho thấy, giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác cũng không thể thoát khỏi ách áp bức bóc lột của giai cấp tư sản, không thể được giải phóng một cách thực sự và triệt để nếu không liên minh với giai cấp công nhân, không trở thành người bạn đồng minh của giai cấp công nhân. C. Mác nêu rõ: “Đứng trước giai cấp tư sản phản cách mạng đã liên minh lại thì dĩ nhiên là những phần tử đã được cách mạng hóa của giai cấp tiểu tư sản và của nông dân, phải liên minh với người đại biểu chủ yếu cho những lợi ích cách mạng, tức là giai cấp vô sản cách mạng” [33, tr. 84 - 85]. Vì “... người nông dân thấy rằng giai cấp vô sản thành thị, giai cấp có sứ mệnh lật đổ chế độ tư sản là người bạn đồng minh, người lãnh đạo tự nhiên của mình” [29, tr. 269].

V.I. Lênin, lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân Nga cũng luôn chú ý đến vai trò của nông dân, coi đây là lực lượng xã hội quan trọng mà giai cấp công nhân cần phải hợp tác, liên minh trong cuộc đấu tranh giành chính quyền. Người khẳng định, các phong trào đấu tranh dân chủ của giai cấp nông dân có ảnh hưởng sâu rộng đối với cuộc đấu tranh cho dân chủ xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân trong thời kỳ cách mạng dân chủ tư sản ở Nga. Mục tiêu chính của phong trào này là lật đổ chế độ Nga hoàng và chuyển giao quyền lực cho giai cấp công nhân: “Cuộc khởi nghĩa của nông dân thành công, cuộc cách mạng dân chủ thắng lợi chỉ dọn đường cho một cuộc đấu tranh thực sự và kiên quyết cho chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở chế độ cộng hòa dân chủ” [55, tr.163]. Để cuộc cách mạng dân chủ tư sản thành công, đạt được các mục tiêu đề ra và nhanh chóng chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp nông dân cần sự hỗ trợ toàn diện từ giai cấp công nhân.

Để phát huy vai trò của giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân cần phải hiểu rõ tầm quan trọng và sức mạnh của giai cấp nông dân, đồng thời tin tưởng vào sức mạnh đó. Họ cần tạo điều kiện thuận lợi để nông dân tham gia tích cực vào phong trào, tức là “khai thác sức mạnh của nông dân để giải phóng chính họ”. Theo V.I. Lênin, giai cấp vô sản cần đưa các yêu cầu của nông dân vào chương trình của mình, không phải để kêu gọi các đảng viên dân chủ - xã hội từ thành phố trở về nông thôn, hay để “trói buộc” họ vào các thôn xã, mà là để định hướng cho các hoạt động của lực lượng nông thôn. V.I. Lênin chỉ rõ: “nông dân với tư cách là quần chúng, thì muốn tìm sự lãnh đạo của Đảng cách mạng và cộng hòa... Nông dân thì có thể tiến hành cách mạng đến cùng được và chúng ta cần hết sức giúp cho họ làm được như thế” [55, tr.113]. Việc giai cấp nông dân tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân nhằm giành quyền lực không chỉ là yếu tố then chốt để bảo đảm thành công cho cuộc cách mạng, mà còn giúp nâng cao tầm vóc của cuộc cách mạng vô sản thành một phong trào rộng lớn của "nhân dân". Theo quan điểm của V.I. Lênin, sự liên minh giữa nông dân và công nhân có vai trò hết sức quan trọng trong thời kỳ chuyển chính vô sản. Khi giai cấp công nhân đã nắm quyền lực và tiến hành các nhiệm vụ xây dựng, củng cố và bảo vệ chính quyền cách mạng, đồng thời thiết lập một chế độ xã hội mới trên mọi phương diện. “Phá vỡ bộ máy ấy, đập tan nó đi, đó là lợi ích thật sự của “nhân dân”, của đa số nhân dân, của công nhân và của đa số nông dân, đó là “điều kiện tiên quyết” cho sự liên minh tự do giữa nông dân nghèo và vô sản; nếu không có sự liên minh ấy thì không thể có dân chủ vững bền, không thể có cải tạo xã hội chủ nghĩa được” [57, tr.49].

*Hai là, vai trò của nông dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.*

Trong quá trình xây dựng xã hội mới, giai cấp nông dân đóng vai trò thiết yếu. V.I. Lênin nhấn mạnh rằng việc tiến lên chủ nghĩa xã hội chỉ có thể thực hiện qua một chuỗi các biện pháp quá độ đặc thù. Điều kiện đặc thù ở Nga là số lượng công nhân công nghiệp chiếm phần nhỏ, trong khi tiểu nông lại chiếm đa số tuyệt đối. Theo V.I. Lênin, trong hoàn cảnh như vậy, để cách mạng xã hội chủ nghĩa đạt

được thắng lợi toàn diện, cần thực hiện các bước sau: Phải có sự ủng hộ kịp thời của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một nước hay một số nước tiên tiến... Tiếp đó là sự thỏa thuận giữa giai cấp vô sản đang thực hiện sự chuyên chính của mình hoặc đang nắm chính quyền nhà nước với đại đa số nông dân [55, tr.69]. Để giữ vững chính quyền non trẻ trước sự chống đối quyết liệt của các thế lực phản động trong và ngoài nước, theo V.I. Lênin giai cấp vô sản phải củng cố quyền lực của mình, song để làm được như vậy “Chỉ nhờ có sự ủng hộ hết sức thành thực của đa số nhân dân lao động, chính quyền đó mới có thể đứng vững được” [59, tr.477].

Ngược lại, sự đóng góp của tầng lớp nông dân vào việc xây dựng xã hội mới tạo nền tảng vững chắc cho giai cấp công nhân trong quá trình xây dựng nền kinh tế mới. Ngay sau thành công của cuộc cách mạng Tháng Mười Nga, V.I. Lênin đã chú trọng đến việc tái thiết nền sản xuất trong nước, duy trì nền sản xuất nông nghiệp quy mô lớn để tạo điều kiện cho sự phát triển công nghiệp. V.I. Lênin cho rằng “Chúng ta tự coi là người mắc nợ nông dân. Chúng ta đã dùng tiền giấy để mua lúa mì của họ. Chúng ta đã mua chịu lúa mì của họ. Chúng ta phải trả món nợ đó cho họ và chúng ta sẽ trả nợ bằng cách khôi phục nền công nghiệp của chúng ta. Nhưng muốn khôi phục công nghiệp, thì phải có thừa sản phẩm nông nghiệp” [57, tr.181]. Tình trạng thiếu lương thực xảy ra liên tục sau cách mạng ở Nga đã được V.I. Lênin nhận thấy một cách rõ ràng. Ông tin rằng đất nước chỉ có thể vượt qua khủng hoảng nếu việc cung cấp lương thực và nông sản từ nông dân cho xã hội được duy trì ổn định.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặc biệt coi trọng vai trò của giai cấp nông dân, Người coi đây là động lực to lớn, là hòn đá tảng của cách mạng. Người khẳng định “vấn đề nông dân là nền tảng của vấn đề dân tộc” [36, tr.15].

Vận dụng vào thực tiễn tình hình Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, dưới chế độ thực dân, phong kiến, nông dân là những người “bị bóc lột nhất và cùng khổ nhất” [35, tr.204]. Cho nên, mục tiêu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân

dân của nước ta là giải phóng dân tộc, giải phóng các giai cấp, tầng lớp xã hội trong đó có giai cấp nông dân đưa họ lên địa vị làm chủ xã hội mới. Khẳng định vai trò động lực của giai cấp nông dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc Hồ Chí Minh viết: “Dân chúng công nông là gốc cách mệnh” [35, tr.274]. Người nhấn mạnh thêm rằng, ở Việt Nam “nông dân là lực lượng cách mạng đông đảo nhất chống phong kiến, chống đế quốc” [34, tr.15].

Nhận thức rõ tầm quan trọng của nông dân, ngay từ những ngày đầu thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương kêu gọi nông dân tham gia cách mạng và cử các đảng viên đến các vùng nông thôn để tuyên truyền và tổ chức nông dân. Trong giai đoạn khó khăn của dân tộc, khi mọi thứ đều gian nan, phong trào yêu nước của nông dân đã trở thành động lực chính cho sự phát triển của phong trào công nhân và tạo điều kiện cho sự hình thành của Đảng. Trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông dân đã đóng vai trò chủ yếu cùng với các giai cấp khác trong việc đấu tranh giành chính quyền, bảo vệ Đảng và giữ gìn độc lập dân tộc cũng như bờ cõi đất nước.

Do đó, nông dân đã đặt niềm tin vào Đảng và góp phần quan trọng vào thành công của các phong trào cách mạng trong các giai đoạn 1930 - 1931, 1936 - 1939 và 1939 - 1945, đặc biệt là thành công của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khi quyền lực được trao cho nhân dân. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp hàng triệu nông dân miền Bắc đã tham gia quân đội, dân công hỏa tuyến, riêng chiến dịch Điện Biên Phủ hơn 26 vạn dân công chủ yếu là nông dân. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ một lần nữa chúng ta chứng kiến tinh thần yêu nước, bất khuất của người nông dân với 70% lực lượng vũ trang nhân dân là con em nông dân [110]. Có thể khẳng định rằng, trong những thời điểm khó khăn nhất, nông thôn đã trở thành điểm tựa vững chắc của cách mạng, bảo vệ và duy trì tinh thần cách mạng; nông dân là lực lượng trung thành bảo vệ Đảng và chính quyền nhân dân trong những lúc thử thách nhất.

Nông dân và nền kinh tế nông nghiệp, cùng với các vùng nông thôn, đã đóng vai trò then chốt trong việc hình thành và thành công của quá trình đổi mới đất nước. Trong những năm đầu thập kỷ 80, nông nghiệp, nông thôn và nông dân đã góp phần quan trọng trong việc đưa đất nước vượt qua khủng hoảng KT - XH. Bắt đầu từ đầu thập niên 90, các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam dần khẳng định được vị thế trên thị trường quốc tế, với xuất khẩu gạo, hạt điều, hạt tiêu, cà phê, và thủy sản liên tục đứng ở những vị trí hàng đầu trên thị trường toàn cầu.

Trong quá trình CNH, HĐH đất nước, lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn đóng vai trò thiết yếu, tạo nền tảng cho sự thành công của các lĩnh vực khác. Nông dân hiện đang giữ vai trò chủ chốt trong việc thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, đồng thời là lực lượng quan trọng trong xây dựng NTHĐ. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế hiện nay, nông dân không chỉ duy trì mà còn nâng cao vai trò của mình trong đời sống CT - XH và sự phát triển bền vững của nền kinh tế quốc gia. Những năm gần đây, với sự chú trọng vào phát triển “nông nghiệp sạch” và “nông nghiệp công nghệ cao” ngành nông nghiệp Việt Nam đã đạt được thành công lớn trên thị trường quốc tế. Nông nghiệp Việt Nam đã có bước phát triển vượt bậc, chuyển từ thiếu hụt lớn sang phát triển nông nghiệp tương đối toàn diện, không chỉ bảo đảm được an ninh lương thực trong nước, mà còn góp phần bảo đảm an ninh lương thực toàn cầu. Thành tựu này trước hết phải nhờ vào sự đóng góp của nông dân.

Có thể khẳng định rằng, vai trò của nông dân không chỉ gói gọn trong khuôn khổ nông thôn mà còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của xã hội. Họ không chỉ là những người lao động trực tiếp trong ngành nông nghiệp mà còn giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển và xây dựng quốc gia. Về mặt chính trị, nông dân là một lực lượng và nền tảng thiết yếu, góp phần vào sự ổn định và phát triển của đất nước. Họ thể hiện vai trò chủ thể qua việc tham gia các hoạt động cộng đồng, quyết định và thực hiện các chính sách liên quan đến nông nghiệp và phát triển nông thôn. Nhờ vậy, họ giúp xây dựng một xã hội công bằng và dân chủ. Về khía

cạnh kinh tế, nông dân không chỉ là lực lượng sản xuất mà còn cung cấp thực phẩm và nguyên liệu thiết yếu cho nền kinh tế quốc gia. Sự cống hiến của họ không chỉ tạo ra giá trị kinh tế mà còn duy trì sự ổn định trong ngành nông nghiệp, một lĩnh vực quan trọng cho sự phát triển toàn diện của đất nước. Trong lĩnh vực xã hội, vai trò của nông dân trong việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống dân tộc cũng không thể bị xem nhẹ. Họ bảo tồn và phát triển các nghề thủ công truyền thống, cùng với việc thực hiện các hoạt động văn hóa, tôn vinh các giá trị địa phương. Vai trò của nông dân không chỉ dừng lại ở sản xuất nông nghiệp mà còn lan tỏa đến nhiều lĩnh vực khác của đời sống quốc gia. Sự đóng góp của họ là không thể phủ nhận và cần được trân trọng và đánh giá cao để bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước.

Như vậy, từ cách tiếp cận nghiên cứu với sự phân tích quan điểm của các nhà kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam nêu trên có thể quan niệm về vai trò của nông dân như sau:

*Nông dân là lực lượng xã hội đông đảo, giữ vị trí quan trọng trong khối liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; là chủ thể trực tiếp phát triển nông nghiệp sinh thái, xây dựng nông thôn hiện đại và nông dân văn minh; là lực lượng chủ yếu sản xuất nông sản, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và là lực lượng nòng cốt góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.*

## **2.1.2. Quan niệm về nông thôn và nông thôn hiện đại**

### **2.1.2.1. Quan niệm về nông thôn**

Nông thôn là không gian cư trú và sản xuất gắn bó mật thiết với quá trình xuất hiện, hình thành và phát triển của loài người. Chính nhờ những điều kiện thuận lợi từ môi trường tự nhiên mà con người trong thời kỳ công xã nguyên thủy đã thực hiện các hoạt động hái lượm, tiến tới canh tác và chăn nuôi. Mãi về sau, khi các đô thị dần được hình thành, khái niệm “nông thôn” mới xuất hiện như một phạm trù phân biệt với “thành thị”. Từ góc nhìn phổ

thông, nông thôn thường được hiểu là nơi cư trú chủ yếu của nông dân, gắn liền với hoạt động sản xuất nông nghiệp là chính.

Xét về phương diện lãnh thổ, nông thôn chiếm phần diện tích lớn nhất trong cơ cấu địa lý của hầu hết các quốc gia và đóng vai trò trọng yếu trong quản lý nhà nước. Đây là khu vực lưu giữ phần lớn tư liệu sản xuất cơ bản và các nguồn tài nguyên thiên nhiên quan trọng như đất đai, nước, rừng, khoáng sản... Sự biến đổi của nông thôn gắn liền với tiến trình phân công lao động xã hội qua các giai đoạn lịch sử: Từ phân công theo giới tính (nam, nữ), đến sự phân tách giữa chăn nuôi và trồng trọt (lần phân công lao động lớn thứ nhất), tiếp theo là sự hình thành nghề thủ công độc lập với nông nghiệp (lần phân công lớn thứ hai) và cuối cùng là sự xuất hiện của tầng lớp thương nhân (lần phân công lớn thứ ba). Các biến động này đã làm thay đổi sâu sắc cấu trúc và chức năng truyền thống của nông thôn, khiến khu vực này không còn mang tính thuần nông như trước. Cho đến hiện nay, nông thôn được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, phản ánh vai trò, vị trí và sự vận động phức tạp của nó trong tiến trình phát triển KT - XH hiện đại.

Các nhà kinh điển Mác - Lênin đề cập đến nông thôn dưới nhiều góc độ khác nhau, trong tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhận định: “Giai cấp tư sản bắt nông thôn phải phục tùng thành thị. Nó lập ra những đô thị đồ sộ; nó làm cho dân số thành thị tăng lên phi thường so với dân số nông thôn và do đó, nó kéo một bộ phận lớn dân cư thoát khỏi vòng ngu muội của đời sống thôn dã. Cũng như nó đã bắt nông thôn phải phụ thuộc vào thành thị” [30, tr.602]. Trong đó, các nhà kinh điển đánh giá vị trí, vai trò quan trọng của nông thôn dưới góc độ địa chính trị nhất là trong quá trình vận động cách mạng, Ph.Ăngghen đã từng nhấn mạnh với các Đảng công nhân ở châu Âu, khi mà tình thế cách mạng đến gần, rằng: “Việc đảng xã hội chủ nghĩa giành được chính quyền để trở thành một việc không xa nữa. Nhưng muốn giành được chính quyền thì trước hết đảng đó phải chuyển từ thành thị về nông thôn; phải trở thành một thế lực ở nông thôn” [32, tr.717].

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành nhiều tâm huyết cho việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Với sự hiểu biết sâu sắc về điều kiện cụ thể của nông nghiệp, nông thôn và đời sống nông dân Việt Nam, Người đã sớm nhận thức rõ vai trò trung tâm của khu vực này trong sự nghiệp cách mạng. Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng và Nhà nước chỉ đạo xây dựng, triển khai nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện nông nghiệp, nâng cao đời sống nông dân và hiện đại hóa nông thôn. Quá trình xây dựng NTM không chỉ đơn thuần là cải thiện kết cấu hạ tầng mà còn là một cuộc cách mạng toàn diện về kinh tế, VH - XH; hướng đến việc phát triển nông thôn bền vững, gìn giữ giá trị văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống cả về vật chất lẫn tinh thần cho người dân nông thôn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, xây dựng NTM góp phần thực hiện thành công công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước ta “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”. Xây dựng NTM chính là đổi mới xã hội nông thôn “sửa đổi cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại, cách làm việc” [39, tr.113]. Người chỉ rõ mục tiêu xây dựng NTM sạch đẹp: “Nông thôn của ta, nhà ở của đồng bào phần nhiều đang ọp ẹp, tối tăm, chẳng ra sao, chẳng có hàng lối gì... Bây giờ mình phải đổi mới nông thôn. Nông thôn mình phải quang đãng sạch sẽ” [37, tr.300]. “Làm đại thủy lợi thì nhà nước phải xuất tiền, nhân dân phải xuất sức. Trung thủy lợi thì nhà nước với nhân dân cùng làm. Tiểu thủy lợi thì do nhân dân làm” ...[43, tr.198]

Do lịch sử phát triển lâu dài và biến đổi phức tạp đó của nông thôn, cho nên đến hiện tại, trên thế giới chưa có một định nghĩa thống nhất về nông thôn, ví dụ như: Một số nhà nghiên cứu cho rằng định nghĩa nông thôn nên dựa vào mức độ phát triển kết cấu hạ tầng, với nông thôn có kết cấu hạ tầng kém phát triển hơn so với đô thị; quan điểm khác lại tập trung vào khả năng tiếp cận thị trường và phát triển hàng hóa, cho rằng nông thôn có mức độ sản xuất hàng hóa và khả năng tiếp

cận thị trường thấp hơn đô thị; một số ý kiến khác đề xuất sử dụng tiêu chí mật độ dân cư và tổng số dân, theo đó nông thôn thường có mật độ dân cư và số lượng dân thấp hơn đô thị; có quan điểm lại xác định nông thôn là khu vực chủ yếu dựa vào hoạt động nông nghiệp, tức là sinh kế và thu nhập của người dân chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp.

Các quan điểm này chỉ phù hợp khi xét trong bối cảnh cụ thể của từng quốc gia, tùy thuộc vào trình độ phát triển và cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia.

Tại các quốc gia đang trong giai đoạn CNH, HĐH và đô thị hóa, nông thôn đang trải qua quá trình chuyển mình từ sản xuất thuần nông sang phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ. Các khu đô thị nhỏ, thị trấn và thị tứ đã được xây dựng rải rác trong các vùng nông thôn. Vì vậy, quan niệm về nông thôn đã thay đổi so với trước đây. Ngày nay, nông thôn không chỉ bao gồm các khu vực nông thôn truyền thống mà còn bao hàm các đô thị nhỏ, thị tứ, thị trấn và những trung tâm công nghiệp nhỏ, tất cả đều có mối liên hệ chặt chẽ với nông thôn, cùng tồn tại và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình phát triển.

Nông thôn là một khái niệm có ý nghĩa rộng lớn và có thể khác biệt giữa các quốc gia. Theo Tổ chức lương thực và nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), có hai phương pháp chính để xác định nông thôn:

Phương pháp đầu tiên là áp dụng định nghĩa theo địa chính trị. Theo cách này, các khu vực thành thị được xác định theo luật là tất cả các trung tâm tỉnh, huyện. Những khu vực còn lại được phân loại là nông thôn.

Phương pháp thứ hai áp dụng theo mức độ tập trung dân số sống trong các cụm để xác định các khu vực thành thị. Ở một số khu vực, các hộ gia đình sống gần nhau tạo thành cộng đồng với số lượng dân cư vượt qua một ngưỡng nhất định, ví dụ như 2000 người, được coi là thành thị, trong khi phần còn lại được phân loại là nông thôn. Tuy nhiên, ngưỡng này có thể khác nhau tùy theo từng quốc gia. Ngoài ra, một số quốc gia khác lại xác định khu vực thành thị dựa trên mức độ sẵn có của các dịch vụ, với phần còn lại được coi là nông thôn.

Ở Việt Nam, nông thôn là một khái niệm rất gần gũi với mỗi con người. Nông thôn thường được hiểu là không gian sinh tồn của người nông dân, nơi lưu giữ, bồi đắp các giá trị văn hóa dân tộc với nền kinh tế lúa nước là chủ yếu tạo thành lối sống, cốt cách và bản lĩnh của người Việt Nam. Có một số quan niệm về nông thôn như sau:

Theo từ điển tiếng Việt thông dụng (2004) của nhà xuất bản Thanh Niên, nông thôn được định nghĩa là thôn làng, nơi chủ yếu là hoạt động làm ruộng. Trong khi đó, từ điển tiếng Việt (2006) của nhà xuất bản Từ điển Bách Khoa chỉ định nông thôn đơn thuần là thôn làng. Nói một cách khác, nông thôn là thuật ngữ dùng để chỉ các khu vực trên lãnh thổ của các quốc gia, nơi mà người dân chủ yếu sống bằng nghề nông. Cụ thể, nông thôn Việt Nam chỉ các vùng đất trên lãnh thổ Việt Nam, nơi người dân chủ yếu dựa vào nông nghiệp để sinh sống.

Từ góc độ nghiên cứu của mình, Đỗ Tiến Sâm cho rằng: “Nông thôn là một khái niệm chỉ vùng (khu vực) hành chính, đối lập với nó là thành phố, thị xã; là khu vực lãnh thổ rộng lớn ngoài thành phố” [65; tr.10]. Nông thôn không thể tồn tại riêng biệt mà luôn gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp và nông dân. Cả ba yếu tố nông nghiệp, nông dân và nông thôn cùng nằm trên một mặt phẳng và tạo thành một phạm trù liên kết chặt chẽ, gọi là "tam nông" với mối quan hệ tương hỗ và phụ thuộc lẫn nhau.

Từ yêu cầu thực tiễn xây dựng nông thôn Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, ngày 21/ 8/ 2009 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 54/2009/TT - BNNPTNT, trong đó nêu rõ: “Nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là ủy ban nhân dân xã” [7, tr.1]. Với quan niệm này, nông thôn được xác định chủ yếu về mặt địa lý và hành chính.

Như vậy, đã có nhiều nghiên cứu và cách quan niệm khác nhau về nông thôn, song hầu hết đều khẳng định nông thôn có một số đặc trưng cơ bản như:

*Thứ nhất*, nông thôn chiếm vị trí chiến lược, là phần lãnh thổ rộng lớn bên ngoài các đô thị, nơi chứa đựng và quản lý những tài sản quan trọng như đất đai và tài nguyên thiên nhiên.

*Thứ hai*, qua quá trình phân công lao động xã hội, từ phân công tự nhiên, đến sự phân chia lao động trong nông nghiệp và sau đó là sự xuất hiện của các ngành nghề mới như thủ công và thương mại, nông thôn đã trải qua nhiều biến đổi, không còn chỉ gắn liền với nông nghiệp.

*Thứ ba*, về mặt kinh tế, nông nghiệp vẫn là ngành chủ yếu, là địa bàn hoạt động chủ yếu của các ngành sản vật chất nông, lâm, ngư nghiệp và các ngành nghề sản xuất kinh doanh, dịch vụ phi nông nghiệp.

*Thứ tư*, khu vực nông thôn thường tồn tại các thiết chế xã hội, quy ước và hương ước mang tính đặc thù, gắn liền với đặc điểm riêng của từng cộng đồng làng xã, dân tộc. Đây cũng là không gian lưu giữ và phát huy nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, bao gồm phong tục, tập quán sinh hoạt, nghi lễ, lễ hội dân gian, cùng hệ thống di tích lịch sử và danh thắng có giá trị.

*Thứ năm*, xét trên phương diện địa chính trị, khu vực nông thôn giữ vai trò then chốt trong tiến trình các cuộc vận động cách mạng. Đây thường là không gian chiến lược mà các lực lượng lãnh đạo cách mạng lựa chọn để xây dựng căn cứ địa, tổ chức lực lượng và triển khai các hoạt động đấu tranh nhằm giành chính quyền.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích các quan niệm trên, đồng thời xuất phát từ thực tiễn sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở nước ta hiện nay có thể định nghĩa về nông thôn như sau: *Nông thôn là phần lãnh thổ rộng lớn, bên ngoài đô thị, nơi sinh sống và làm việc chung của cộng đồng dân cư mà chủ yếu là nông dân, hoạt động sản xuất nông nghiệp là cơ bản; nơi đang lưu giữ tư liệu sản xuất quan trọng là ruộng đất và tài nguyên thiên nhiên của quốc gia; là địa bàn quan trọng về mặt địa chính trị trong các cuộc vận động cách mạng xã hội.*

### ***2.1.2.2. Quan niệm về nông thôn hiện đại***

Thuật ngữ "hiện đại" (modern) bắt đầu xuất hiện từ thời kỳ Phục hưng ở châu Âu và ban đầu được dùng để chỉ sự khác biệt so với các khái niệm như "cổ xưa" (ancient) hay "truyền thống" (traditional). "*Hiện đại*" được sử dụng để mô tả sự phát triển, tiến bộ và sự thay đổi trong VH - XH, kinh tế và công nghệ. Nó thường liên quan đến các xu hướng, ý tưởng hoặc phong cách được coi là mới mẻ, tiên tiến và phản ánh thời đại hiện tại. Đặc điểm của "hiện đại" có thể bao gồm sự đổi mới trong công nghệ, lối sống, ý thức xã hội, cách tư duy và các giá trị văn hóa. Khái niệm này thường được so sánh với trạng thái trước đó của xã hội hoặc văn hóa để chỉ ra sự tiến bộ và thay đổi.

Trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc xây dựng nông thôn phát triển theo hướng hiện đại, văn minh luôn giữ vị trí trọng yếu. Người đặc biệt nhấn mạnh vai trò then chốt của nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong cả hai giai đoạn kháng chiến giành độc lập dân tộc và xây dựng và bảo vệ đất nước. Không chỉ dừng lại ở những quan điểm mang tính định hướng, chủ tịch Hồ Chí Minh còn cụ thể hóa lộ trình thực hiện thông qua việc xác định rõ các bước đi và nội dung triển khai, trong đó xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho khu vực nông thôn được xem là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu. Trong xây dựng NTM hiện đại, văn minh, Người rất coi trọng việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng KT - XH ở nông thôn: Phát triển giao thông (làm đường), xây dựng nhà ở, phát triển thủy lợi với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm: “Đắp đường lớn là do Trung ương phụ trách, Bộ Giao thông chịu trách nhiệm. Nhưng địa phương có thể làm những đường nhỏ. Làng này qua làng khác, thì xã tự động làm. Nhiều xã đã làm tốt. Nên làm cho đồng bào thấy rõ lợi ích của việc làm thêm đường sá, tuyên truyền giải thích cho khéo, thì đồng bào tự làm và làm tốt” [44, tr.165]; “Chúng ta đang chuẩn bị xây dựng nông thôn mới. Việc đầu tiên của nông thôn mới là xây dựng nhà ở cho đảng hoàng” [44, tr.446], “Làm thủy lợi thì phải khó nhọc trong vài năm để được sung sướng muôn đời. Làm thủy lợi cần phải kết hợp công trình

lớn với công trình vừa và công trình nhỏ; cần phải kết hợp việc giữ nước với việc dẫn nước và việc tháo nước” [43, tr.199]; Theo Người, xây dựng nông thôn mới không chỉ đơn thuần là một quá trình vật chất mà còn là quá trình xây dựng con người nông dân mới, những người nông dân hòa nhập hoàn toàn vào tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Điều này hàm ý rằng bên cạnh việc đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng nông nghiệp hiện đại, cần đồng thời chú trọng phát triển toàn diện đời sống văn hóa, nâng cao trình độ giáo dục và thúc đẩy sự chuyển biến trong tư duy của người nông dân.

Trên cơ sở kế thừa tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát triển nông thôn, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rằng việc xây dựng NTHĐ không chỉ là một nhiệm vụ cấp thiết mà còn là một quá trình mang tính chiến lược lâu dài. Chủ trương này thể hiện rõ quyết tâm chính trị mạnh mẽ của Đảng trong việc nâng cao chất lượng sống cho cư dân nông thôn, thúc đẩy tăng trưởng năng suất trong lĩnh vực nông nghiệp và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững toàn diện. Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIII của Đảng đã nêu rõ định hướng phát triển của “tam nông” trong giai đoạn mới là: “Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh” [19, tr.124]. Phát triển “nông nghiệp sinh thái, NTHĐ, nông dân văn minh” là những nội dung, hình thái và phương thức phát triển hoàn toàn mới.

Từ góc tiếp cận như trên, có thể hiểu rằng NTHĐ là một phạm trù phản ánh quá trình phát triển toàn diện của khu vực nông thôn, gắn liền với tiến trình HĐH nhằm nâng cao chất lượng sống và trình độ phát triển KT - XH của cộng đồng cư dân nông nghiệp. Mô hình NTHĐ không chỉ hướng tới sự đồng bộ, kết nối với khu vực đô thị mà còn đảm bảo việc gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc. Đồng thời, nó đòi hỏi sự thích ứng linh hoạt với thể chế kinh tế thị trường hiện đại, tích cực tham gia vào tiến trình hội nhập quốc tế và tuân thủ các nguyên tắc cốt lõi của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nơi quyền lực thuộc

về nhân dân, do nhân dân làm chủ và vì lợi ích của nhân dân. Mục tiêu cốt lõi của NTHĐ là kiến tạo một không gian sống bền vững, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nông thôn trong giai đoạn hiện nay đứng trước yêu cầu cấp thiết phải thích ứng linh hoạt với tiến trình cách mạng khoa học, công nghệ và những tác động ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu. Điều này đặt ra đòi hỏi về việc cải tiến mô hình sản xuất, nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên thiên nhiên và ứng dụng các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao năng suất, đồng thời đảm bảo phát triển bền vững về môi trường. Về bản chất, NTHĐ là sự kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và yếu tố hiện đại, qua đó hình thành nên không gian sống năng động, phát triển toàn diện và đủ khả năng thích nghi với những thách thức của thời đại.

Chương trình xây dựng NTM tại Việt Nam được Chính phủ khởi xướng từ năm 2010, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đồng thời thúc đẩy phát triển KT - XH tại các vùng nông thôn. Chương trình này đã trải qua nhiều giai đoạn và phát triển thêm các tiêu chí như NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 26 - NQ/TW (2008) đây là cơ sở để xây dựng và triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM. Nghị quyết này đặt ra mục tiêu phát triển toàn diện nông thôn, cải thiện kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng đời sống người dân và phát triển kinh tế. Quyết định 800/QĐ - TTg (2010) của thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020. Chương trình đặt ra 19 tiêu chí về phát triển hạ tầng, KT - XH, môi trường, giáo dục, y tế, văn hóa, an ninh trật tự... Quyết định 1600/QĐ - TTg (2016) về Phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020. Chương trình tập trung nâng cao chất lượng các tiêu chí, khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất hiệu quả, nâng cao đời sống người dân và xây dựng nông thôn bền vững.

Sau một số thành công của chương trình xây dựng NTM, Chính phủ ban hành một số quyết định quan trọng về xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu. Quyết định 691/QĐ - TTg (2018) về ban hành tiêu chí về xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020. Các tiêu chí này đặt ra những yêu cầu cao hơn về kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, giáo dục, y tế, văn hóa và an ninh trật tự, mục tiêu là đưa các xã đạt chuẩn NTM lên một tầm cao mới, phù hợp với điều kiện phát triển KT - XH hiện tại. Quyết định 318/QĐ - TTg (2022) về ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025, đây là bước tiếp nối nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của các xã đã đạt chuẩn NTM, với các tiêu chí nâng cao hơn về hạ tầng, sản xuất, môi trường, văn hóa, an ninh và quản lý. Gần đây nhất, Chính phủ ban hành Quyết định 51/2025/QĐ - TTg (2025) về bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030 bao gồm 10 tiêu chí, 47 chỉ tiêu, trong đó quy định khung thí điểm xây dựng xã NTM hiện đại. Đây là những căn cứ pháp lý quan trọng để xây dựng, hình thành nên các tiêu chí cơ bản về xây dựng NTHĐ. Các chính sách này thể hiện nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc phát triển nông thôn, cải thiện đời sống người dân và xây dựng một NTHĐ phát triển bền vững.

Có thể thấy rằng, các chương trình đều hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng phát triển khu vực nông thôn, song NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và NTHĐ có sự khác biệt về bản chất. NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu là các cấp độ phát triển trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, hướng tới cải thiện điều kiện vật chất, tái cấu trúc toàn diện đời sống nông thôn theo định hướng CNH, HĐH dưới sự quản lý của Nhà nước và được lượng hóa thông qua các Bộ tiêu chí quốc gia.

Trong khi đó, NTHĐ là một trạng thái phát triển ở trình độ cao hơn, mang tính mở. Mô hình này nhấn mạnh chất lượng phát triển và trình độ hiện đại hóa hướng tới xây dựng không gian phát triển đa chức năng với kết cấu hạ tầng thông minh, kinh tế số, nông nghiệp công nghệ cao, phát triển xanh và phát huy bản sắc

văn hóa gắn với đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa quan hệ xã hội nông thôn, dân chủ cơ sở, quản trị cộng đồng và sự phát triển toàn diện của con người nông thôn. Vận hành có sự kết hợp giữa định hướng vĩ mô và tính tự chủ, sáng tạo của cộng đồng địa phương, theo logic của kinh tế thị trường và xã hội số.

Tiêu chí về NTHĐ trước hết phải dựa trên nền tảng của các tiêu chí được xây dựng trong bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2026 - 2030. Tác giả luận án đã xây dựng một số tiêu chí cụ thể về NTHĐ như sau:

*Thứ nhất, tiêu chí về kết cấu hạ tầng:* Bảo đảm hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh và tích hợp số, trong đó lấy hạ tầng số làm nền tảng cho xây dựng NTHĐ. Hạ tầng hiện đại bao gồm các công trình vật chất như đường giao thông, cầu cống, hệ thống điện, nước, kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn, đồng thời phát triển hạ tầng kỹ thuật số đồng bộ như mạng Internet tốc độ cao, hạ tầng dữ liệu, hệ thống thông tin liên lạc, nền tảng số và các dịch vụ công trực tuyến, tạo điều kiện hình thành không gian số ở nông thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số. Hạ tầng giao thông hướng tới kết nối liên vùng, liên ngành và kết nối số, hỗ trợ lưu thông hàng hóa, dịch vụ, con người và dữ liệu. Đồng thời, đầu tư đồng bộ hạ tầng xã hội như trường học, bệnh viện, cơ sở văn hóa theo hướng thông minh, số hóa và chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe và phát triển văn hóa của cư dân trong bối cảnh chuyển đổi số.

*Thứ hai, tiêu chí về phát triển kinh tế:* Phát triển kinh tế nông thôn theo mô hình nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hướng tới kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị trong nước, quốc tế. Xây dựng các mô hình nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số, mô hình du lịch nông thôn; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đa dạng hóa các lĩnh vực, phát triển đồng bộ nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, dịch vụ và thương mại điện tử. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 như IoT, AI, dữ liệu lớn, công nghệ cảm biến và tự động hóa trong sản xuất, quản trị và tiêu

thụ nông sản; xây dựng chuỗi giá trị thông minh, chuỗi cung ứng thông minh. Đồng thời, phát triển các ngành nghề phụ trợ, hợp tác xã và doanh nghiệp theo mô hình quản trị hiện đại, góp phần hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo ở nông thôn, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của kinh tế nông thôn.

*Thứ ba, tiêu chí văn hóa - xã hội và môi trường: Về VH - XH*, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng nếp sống văn hóa, bảo tồn di sản văn hóa, đồng thời tiếp thu các giá trị văn hóa mới, tiến bộ; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao theo hướng đồng bộ, hiện đại, tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, xây dựng không gian văn hóa nông thôn văn minh, hiện đại và giàu bản sắc. Gắn kết văn hóa gia đình ở nông thôn với tư duy thương mại, dịch vụ và lối sống mới; thích ứng với văn hóa đô thị, xã hội số và lối sống hiện đại. Mở rộng hệ thống an sinh xã hội ở khu vực nông thôn, phát triển hệ thống dịch vụ NTHĐ; mở rộng bao phủ bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội, giảm nghèo bền vững và các phúc lợi xã hội đến toàn bộ người dân; tạo việc làm ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đẩy mạnh cung ứng các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa, nghệ thuật, giải trí theo hướng hiện đại, thông minh, bảo đảm chất lượng tiệm cận khu vực đô thị. *Về môi trường*, xây dựng cảnh quan sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, sinh thái và đáng sống. Giải quyết hiệu quả các vấn đề ô nhiễm môi trường nước, đất, chất thải rắn và thích ứng với biến đổi khí hậu. Quản lý tài nguyên thiên nhiên theo hướng xanh, bền vững, kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ nguồn nước, đất đai và không khí; cắt giảm phát thải khí methane, quản lý phân bón hiệu quả, xử lý phụ phẩm nông nghiệp, phát triển chăn nuôi bền vững. Đẩy mạnh tái sinh và quản lý rừng bền vững, sử dụng năng lượng tái tạo, phát triển nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn. Ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản trị môi trường, xử lý chất thải bằng công nghệ hiện đại và phát triển các dự án sản xuất năng lượng từ chất thải.

*Thứ tư, tiêu chí khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:* Đây là tiêu chí phản ánh trình độ phát triển nội sinh và năng lực đổi mới của

NTHĐ, trong đó khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không chỉ được ứng dụng mà trở thành năng lực cốt lõi, tạo động lực cho sự phát triển bền vững của khu vực nông thôn. NTHĐ phải hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận, làm chủ, chuyển giao và sáng tạo công nghệ phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương vùng ĐBSH; khuyến khích sự tham gia của các cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân trong quá trình đổi mới sáng tạo, phát triển và nhân rộng các mô hình, giải pháp công nghệ mới. Đồng thời, chú trọng phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và kỹ năng số, nâng cao năng lực học tập, thích ứng và làm chủ công nghệ của nông dân; xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo, tư duy số và tinh thần học tập suốt đời trong cộng đồng nông thôn. Bên cạnh đó, quan tâm phát triển tài sản trí tuệ, khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ phát triển và nâng cao năng lực thích ứng với sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Tiêu chí này phản ánh khả năng tự đổi mới, tự thích ứng và tự tạo động lực phát triển của nông thôn, qua đó tạo nền tảng nâng cao chất lượng thực hiện các tiêu chí khác và khẳng định đặc trưng của NTHĐ trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

*Thứ năm, tiêu chí về chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh:* Về chính trị, NTHĐ phải được tổ chức, vận hành theo mô hình quản trị hiện đại, quản trị số và quản trị thông minh đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Tổ chức bộ máy hoạt động tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ sở có đủ năng lực, phẩm chất, năng lực số, tư duy đổi mới sáng tạo và khả năng quản trị trên nền tảng công nghệ, bảo đảm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ xây dựng NTHĐ. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; người dân không chỉ được tham gia góp ý trực tiếp mà còn tham gia giám sát, phản biện và tương tác với chính quyền thông qua các nền tảng số, góp phần xây dựng nền quản trị công khai, minh bạch và lấy người dân làm trung tâm. Đồng thời, xây dựng chính quyền số cấp xã, tiến

tới chính quyền thông minh, chuyển từ mô hình quản lý hành chính truyền thống sang mô hình quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu (data-driven governance); ứng dụng đồng bộ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số trong thu thập, chia sẻ, phân tích dữ liệu, giám sát, dự báo, cảnh báo sớm và hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, kết nối liên thông giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. *Về bảo đảm quốc phòng, an ninh* bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh gắn với chuyển đổi số. Chủ động phòng ngừa các nguy cơ an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng; ứng dụng camera AI, hệ thống giám sát thông minh và nền tảng số trong quản lý địa bàn, cảnh báo sớm, phòng chống tội phạm và xử lý tình huống. Đồng thời, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, nâng cao nhận thức quốc phòng, an ninh cho nông dân, góp phần xây dựng NTHĐ an toàn, thông minh và có khả năng thích ứng cao.

Tóm lại, khái niệm về NTHĐ là một tổ hợp các yếu tố về kết cấu hạ tầng, kinh tế, VH - XH và môi trường, chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Chúng không chỉ độc lập mà còn tương tác, bổ trợ lẫn nhau, tạo thành một mô hình phát triển toàn diện, bền vững và phù hợp với yêu cầu của thời đại. Việc hiểu rõ và áp dụng các khái niệm này sẽ giúp định hướng cho quá trình xây dựng và xây dựng NTHĐ trong tương lai.

Hiện nay, khái niệm NTHĐ vẫn đang tiếp tục được nghiên cứu dưới những góc độ khác nhau gắn với những tiêu chí, bối cảnh và điều kiện của từng quốc gia và khu vực cụ thể. Khi đề cập đến NTHĐ người ta thường cho rằng đó là các khu vực nông thôn có những tiến bộ và phát triển vượt bậc về nhiều mặt, bao gồm: Kinh tế, chính trị, VH - XH, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Các khu vực này thường được nhận diện qua việc áp dụng các công nghệ, kết cấu hạ tầng và dịch vụ tiên tiến.

Khái niệm NTHĐ phản ánh quá trình chuyển mình của các cộng đồng nông thôn, nhằm đáp ứng những yêu cầu và thách thức của quá trình phát triển hiện đại,

trong khi vẫn duy trì được những giá trị và đặc trưng của nông thôn. Đây là một khái niệm tôn vinh tính linh hoạt và khả năng thích ứng của các cộng đồng nông thôn, giúp họ phát triển trong bối cảnh xã hội thay đổi, đáp ứng nhu cầu kinh tế và công nghệ mới, đồng thời bảo tồn được bản sắc và di sản văn hóa địa phương.

Từ chính sách xây dựng và phát triển nông thôn trên đây có thể quan niệm *nông thôn hiện đại là không gian cư trú có hạ tầng phát triển, hội tụ các điều kiện sống an toàn, bền vững và văn minh, dựa trên quản trị theo hướng thông minh với sự tham gia chủ động của người dân; phát triển kinh tế xanh, đa giá trị gắn với thị trường; nông nghiệp sinh thái ứng dụng khoa học, công nghệ; môi trường sống văn minh, giàu bản sắc văn hóa và chất lượng sống của cư dân ngày càng được nâng cao.*

### **2.1.3. Quan niệm vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng**

#### **2.1.3.1. Khái quát về vùng Đồng bằng sông Hồng**

Đồng bằng sông Hồng còn được gọi là châu thổ sông Hồng, là một trong những vùng kinh tế, văn hóa và chính trị trọng điểm của Việt Nam. Sau khi sáp nhập địa giới hành chính vào tháng 6/ 2025 vùng gồm 6 tỉnh thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ninh, Ninh Bình, với diện tích 23.938,47 km<sup>2</sup> [109], dân số 23.732.400 người [114], trong đó nông dân chiếm phần lớn dân số. Năm 2025, dân số ở khu vực nông thôn khoảng 62,9 triệu người, chiếm 61.4% dân số [115].

Vùng ĐBSH có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, VH - XH, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Với Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị, hành chính quốc gia, là đầu tàu về kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, vùng có nhiều lợi thế trong phát triển và lan tỏa các động lực tăng trưởng. ĐBSH là cái nôi của nền văn minh lúa nước Việt Nam, nơi hình thành và lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc; đồng thời là nơi tập trung hàng trăm trường đại học, học viện, viện nghiên cứu cùng đội ngũ trí thức, chuyên gia và nhà khoa học rất đông đảo. Nền kinh tế của vùng phát

triển khá hợp lý theo cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp – dịch vụ hiện đại với nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất và cụm công nghiệp quy mô lớn, tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ứng dụng khoa học, công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Bên cạnh đó, có thể thấy đây là vùng có mật độ dân cư cao nhất cả nước, tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra nhanh, hệ thống đô thị, khu công nghiệp và hạ tầng giao thông phát triển mạnh, kéo theo quá trình thu hẹp diện tích đất nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Vùng ĐBSH còn nổi bật với hệ thống làng nghề truyền thống, sự phát triển của kinh tế dịch vụ, du lịch nông thôn, mối liên kết chặt chẽ giữa nông thôn với đô thị, cùng nền văn hóa làng xã và truyền thống cộng đồng bền vững. Tuy nhiên, khu vực nông thôn trong vùng cũng đang đối mặt với nhiều thách thức như ô nhiễm môi trường, già hóa dân số nông thôn, thiếu hụt lao động trẻ trong nông nghiệp và yêu cầu ngày càng cao về chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Những điều kiện đặc thù đó vừa tạo ra nhiều cơ hội, vừa đặt ra những yêu cầu mới đối với việc thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.

#### ***2.1.3.2. Đặc điểm và quan niệm nông dân vùng Đồng bằng sông Hồng***

Nông dân vùng ĐBSH là một bộ phận quan trọng của giai cấp nông dân Việt Nam, mang những đặc điểm chung của giai cấp nông dân, đồng thời cũng có một số nét đặc thù riêng, không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp lương thực mà còn góp phần bảo tồn và phát triển nền văn hóa nông nghiệp lâu đời của dân tộc. Trong quá trình phát triển, nông dân vùng ĐBSH được Đảng Cộng sản Việt Nam giác ngộ, lãnh đạo, rèn luyện trở thành lực lượng hùng hậu, đóng vai trò quan trọng, liên minh cùng giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Nông dân vùng ĐBSH từ thân phận người dân của một nước nô lệ trở thành người dân của đất nước độc lập, tự do; từ người lao động bị bóc lột trở thành người lao động làm chủ. Ngày nay, nông dân vùng ĐBSH không còn là một lực lượng đồng nhất mà đang có sự

phân hóa ngày càng rõ nét. Bên cạnh nông dân sản xuất nông nghiệp chuyên nghiệp, còn có các nhóm nông dân kiêm nghề, nông dân làm công nghiệp, dịch vụ, du lịch nông thôn, nông dân tham gia hợp tác xã, nông dân chuyển đổi nghề do thu hồi đất và lao động nông thôn dịch chuyển sang khu vực phi nông nghiệp. Đồng thời, sự khác biệt về độ tuổi, giới tính và trình độ cũng làm cho vai trò, nhu cầu và khả năng tham gia xây dựng NTHĐ của từng nhóm nông dân có những đặc điểm riêng. Nông dân vùng ĐBSH trong các giai đoạn lịch sử đều có nhiều đặc điểm nổi bật đó là:

Đức tính cần cù, chịu thương chịu khó, gắn bó sâu sắc với ruộng đồng, làng xã và thiên nhiên. Với những điều kiện tự nhiên vừa thuận lợi, vừa có những khó khăn cho sản xuất nông nghiệp, người nông dân vẫn kiên trì sản xuất, tận dụng tối đa tiềm năng đất đai và khí hậu để duy trì sinh kế. Tinh thần ấy tạo nên những cộng đồng nông thôn có tính liên kết cao, bền chặt, cùng sinh sống và làm việc trên cơ sở của tình làng nghĩa xóm, giúp đỡ lẫn nhau trong lao động và đời sống. Tinh thần "lá lành đùm lá rách", "một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ" không chỉ là chuẩn mực đạo đức mà còn là nguyên tắc sống chi phối quan hệ xã hội nông thôn truyền thống ở vùng ĐBSH.

Nông dân vùng ĐBSH có nhiều kinh nghiệm lâu đời trong sản xuất, có khả năng thích nghi tốt với sự thay đổi của môi trường, biến đổi khí hậu. Với kinh nghiệm canh tác lúa nước lâu đời, nông dân đã phát triển được nhiều mô hình sản xuất hiệu quả như luân canh cây trồng vật nuôi, mô hình VAC, xen canh, gối vụ... góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Đặc biệt, khi nền nông nghiệp Việt Nam bước vào thời kỳ chuyển đổi sang sản xuất hàng hóa, nông dân vùng ĐBSH đã cho thấy khả năng tiếp cận và ứng dụng nhanh chóng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, không ngừng tìm tòi, học hỏi những phương thức canh tác sản xuất mới hiện đại, nghiên cứu các phương pháp, công nghệ mới để cải thiện năng suất lao động và giảm thiểu rủi ro từ thiên nhiên. Với sự hiểu biết sâu rộng về các giống lúa, cách chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt là trong việc áp dụng khoa học,

kỹ thuật, đầu tư vào các phương tiện máy móc giảm công sức lao động nâng cao năng suất, sử dụng máy móc, các loại giống cây trồng mới hoặc kỹ thuật tưới tiêu thông minh để nâng cao hiệu quả canh tác. Hiện nay, nông dân trong vùng đã và đang thích ứng nhanh nhạy, mạnh mẽ với các xu hướng mới trong sản xuất hiện đại, sự thay đổi của thị trường và đời sống xã hội. Họ đang chuyển mình từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hiện đại, gắn kết với các thị trường tiêu thụ đóng góp vào phát triển bền vững của khu vực.

Nông dân vùng ĐBSH còn là chủ thể sáng tạo và lưu giữ một đời sống văn hóa tinh thần phong phú, mang đậm bản sắc dân tộc. Vùng đất này không chỉ nổi bật với nền nông nghiệp trù phú, mà còn là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc. Các hoạt động văn hóa như lễ hội, tín ngưỡng, dân ca, và các trò chơi dân gian đều đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân trong vùng. Ngoài ra, nông dân cũng tham gia vào các loại hình nghệ thuật dân gian như quan họ, chèo, hát xẩm...phản ánh sâu sắc tâm hồn và các giá trị sống của người dân trong vùng. Đặc biệt, các câu chuyện, huyền thoại và truyền thống dân gian luôn được lưu truyền qua các thế hệ, góp phần hình thành một nền văn hóa đặc trưng, đậm đà bản sắc dân tộc. Cùng với đó, nông dân vùng ĐBSH cũng rất chú trọng đến các phong tục tập quán trong sinh hoạt hàng ngày, từ việc cúng bái tổ tiên, giữ gìn mối quan hệ gia đình, đến việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng như xây dựng làng xã, bảo vệ môi trường sống. Tất cả những yếu tố này tạo nên một đời sống văn hóa tinh thần vô cùng phong phú, gắn bó mật thiết với thiên nhiên và các giá trị truyền thống, đồng thời thể hiện sự gắn kết cộng đồng sâu sắc của nông dân vùng ĐBSH.

Nông dân ĐBSH có mối quan hệ xã hội rất đa dạng do lịch sử cư trú lâu đời và cấu trúc làng xã khép kín. Các mối quan hệ họ tộc, xóm giềng đan xen chặt chẽ tạo nên sự cố kết cộng đồng cao, giúp người dân dễ liên kết và hỗ trợ nhau trong đời sống cũng như sản xuất. Nông dân ĐBSH mang đậm

dấu ấn của tính ổn định và truyền thống với các thiết chế như làng, họ, hương ước, lệ làng tồn tại lâu dài và có sức chi phối mạnh mẽ đến đời sống xã hội, góp phần củng cố tính cố kết cộng đồng nhưng đồng thời cũng tạo nên tính khép kín tương đối.

Từ thực tiễn sinh động đã được khẳng định trên đây có thể đi đến quan niệm về nông dân vùng ĐBSH như sau: *Nông dân vùng ĐBSH là một bộ phận của giai cấp nông dân Việt Nam; sinh sống ở nông thôn; với số lượng đông đảo, cơ cấu đa dạng; lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp chế biến và dịch vụ nông nghiệp, với phương thức sản xuất ngày càng hiện đại ứng dụng công nghệ cao; làm chủ tư liệu sản xuất chủ yếu là ruộng đất; cần cù, chăm chỉ, năng động, nhạy bén trong sản xuất kinh doanh; có năng lực đổi mới, sáng tạo; có tinh thần yêu quê hương đất nước nồng nàn; là lực lượng tiên phong của sự nghiệp công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn.*

#### **2.1.3.3. Nông thôn hiện đại vùng Đồng bằng sông Hồng**

Nông thôn hiện đại ở vùng ĐBSH có thể được hiểu một mô hình phát triển bền vững, hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, với mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn, bảo vệ môi trường và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống đặc trưng của vùng.

Đặc điểm nổi bật của NTHĐ vùng ĐBSH là sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và VH - XH, trong đó ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại, chuyển đổi số đóng vai trò then chốt để thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp truyền thống sang nền kinh tế tri thức, công nghiệp hóa. Vùng ĐBSH phát triển với đầy đủ các yếu tố của một NTHĐ đó là: Hạ tầng cơ sở đồng bộ, hiện đại; phát triển kinh tế đa dạng và bền vững; ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý và sản xuất; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; môi trường sống bền vững; chính trị ổn định, bảo đảm quốc phòng, an ninh; cộng đồng dân cư gắn kết, có trình độ cao...

Trong quá trình xây dựng NTHĐ, một số nét đặc thù của NTHĐ vùng ĐBSH có thể được kể đến:

*Bảo tồn cấu trúc làng xã truyền thống gắn với phát triển đô thị hóa:* Vùng ĐBSH không chỉ nổi bật với bề dày lịch sử lâu đời mà còn nổi bật với các đặc điểm văn hóa truyền thống, đặc biệt là cấu trúc làng xã. Làng xã truyền thống tại khu vực này có cấu trúc chặt chẽ, gắn bó với nhau qua các mối quan hệ huyết thống, dòng tộc. Các làng xã không chỉ là nơi cư trú của người dân mà còn là trung tâm của sự hợp tác trong sản xuất nông nghiệp, qua đó duy trì nền tảng kinh tế vững mạnh suốt nhiều thế hệ. Sự gắn kết này không chỉ thể hiện qua các quan hệ trong gia đình, dòng họ mà còn thông qua các tổ chức xã hội, phong tục tập quán, các hoạt động cộng đồng. Thông qua những buổi lễ hội, hội họp làng, các sự kiện cộng đồng là dịp để người dân thể hiện tình đoàn kết, hỗ trợ nhau trong công việc và cuộc sống. Đặc biệt, sự hợp tác trong sản xuất nông nghiệp luôn được xem là nền tảng, giúp các cộng đồng làng xã phát triển mạnh mẽ, duy trì sự bền vững qua thời gian.

Mặc dù đang trải qua một quá trình đô thị hóa nhanh chóng và mạnh mẽ, với sự phát triển vượt bậc của kết cấu hạ tầng giao thông, hệ thống giáo dục, y tế hiện đại, cấu trúc làng xã truyền thống vẫn được bảo tồn và phát huy. Chính sự tích hợp giữa các yếu tố hiện đại và các giá trị truyền thống là đặc điểm nổi bật của vùng ĐBSH, nơi mà không gian nông thôn và thành thị không chỉ tồn tại song song mà còn giao thoa và hòa quyện một cách hài hòa. Những ngôi làng truyền thống với các con đường nhỏ, những ngôi nhà cổ vẫn giữ được vẻ đẹp mộc mạc, trong khi các khu đô thị hiện đại cũng phát triển mạnh mẽ với các trung tâm thương mại, các tuyến đường cao tốc nối liền các thành phố lớn. Sự phát triển đô thị hóa ở vùng ĐBSH không đồng nghĩa với việc xóa bỏ cấu trúc làng xã truyền thống, mà trái lại nó đang tạo ra một môi trường phát triển mới, nơi mà các giá trị cũ và mới được kết hợp một cách khéo léo. Chẳng hạn, các công trình hạ tầng hiện đại như hệ thống giao thông thông suốt, các trường học, bệnh viện hiện đại đang được xây dựng song song với việc bảo tồn những yếu tố VH - XH truyền thống của các làng xã. Những thay đổi này không chỉ giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cho

người dân mà còn giữ gìn những nét văn hóa đặc sắc, làm cho vùng ĐBSH trở thành một vùng đất vừa phát triển hiện đại, vừa giữ được bản sắc làng xã lâu đời.

*Bảo tồn giá trị làng nghề truyền thống gắn với phát triển kinh tế:* Các làng nghề được hình thành từ rất sớm, nhiều nơi có lịch sử hàng trăm năm, phân bố tập trung với mật độ cao tạo thành những cụm làng nghề nổi tiếng. Làng nghề gắn chặt với cấu trúc làng xã cổ truyền Bắc Bộ, trong đó hoạt động sản xuất thủ công đan xen với không gian cư trú, nghề nghiệp được truyền nối bền vững qua nhiều thế hệ trong các dòng họ và cộng đồng làng. Trong quá trình CNH, HĐH nông thôn các làng nghề không bị mai một mà từng bước thích ứng với cơ chế thị trường, áp dụng máy móc, cải tiến kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm. Nhờ đó, làng nghề trở thành khu vực sản xuất phi nông nghiệp quan trọng ngay trong nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, góp phần nâng cao thu nhập và giảm áp lực đất nông nghiệp đang bị thu hẹp của vùng. Đồng thời, sự tồn tại và phát triển của các làng nghề cũng làm cho nông thôn ĐBSH mang diện mạo “vừa truyền thống, vừa hiện đại”, khác biệt rõ rệt so với nông thôn các khu vực khác trong cả nước, nơi kinh tế nông thôn chủ yếu dựa vào nông nghiệp hàng hóa và ít có hệ thống làng nghề truyền thống tương tự.

*Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển xã hội:* Xã hội nông thôn vùng ĐBSH không chỉ phát triển theo hướng hiện đại hoá mà còn luôn chú trọng đến việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đã được hun đúc qua nhiều thế hệ. Sự phát triển của kết cấu hạ tầng, kinh tế và đời sống người dân ngày càng nâng cao, tuy nhiên những giá trị văn hóa vẫn được bảo vệ một cách nghiêm túc và bền vững. Các lễ hội làng, những nghi lễ dân gian đặc sắc và các hoạt động văn hóa cộng đồng vẫn được duy trì và tổ chức đều đặn, tạo nên những dấu ấn mạnh mẽ trong đời sống tinh thần của người dân. Những buổi lễ cúng thần linh, những cuộc thi đấu thể thao dân gian, các ngày hội mùa màng và các hoạt động văn nghệ dân gian không chỉ góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương mà còn là dịp để cộng đồng gặp gỡ, gắn kết và chia sẻ những giá trị truyền thống quý báu của các địa phương trong vùng.

Mặt khác, sự phát triển của hệ thống giáo dục và truyền thông hiện đại cũng đã có tác động tích cực đến sự hòa nhập của cộng đồng nông thôn với xu thế phát triển chung của đất nước. Các thế hệ trẻ trong xã hội nông thôn không chỉ được trang bị những kiến thức mới qua các chương trình học chính quy mà còn được tiếp cận với các thông tin, kiến thức từ các phương tiện truyền thông hiện đại như Internet, truyền hình, báo chí... Điều này không chỉ giúp người dân nâng cao trình độ hiểu biết, mà còn mở rộng tầm nhìn và nhận thức về thế giới xung quanh, từ đó hình thành một nền tảng vững chắc để hòa nhập và phát triển trong xã hội hiện đại mà vẫn bảo tồn được những giá trị văn hóa đặc trưng của vùng đất. Việc kết hợp giữa phát triển KT - XH và giữ gìn văn hóa truyền thống là một sự cân bằng cần thiết để đảm bảo sự bền vững trong quá trình phát triển của khu vực.

Từ cách tiếp cận trên đây có thể quan niệm như sau: Nông thôn hiện đại vùng ĐBSH là khu vực có kinh tế phát triển năng động gắn chặt với ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, hiện đại theo hướng quản trị thông minh tiếp cận với các chuẩn mực của đô thị; các thiết chế văn hóa cộng đồng được phát huy hiệu quả, bản sắc văn hóa truyền thống được giữ gìn; chính trị ổn định, an ninh, an toàn, trật tự xã hội được đảm bảo; môi trường cảnh quan xanh, sinh thái, bền vững; đời sống của nhân dân ngày càng no ấm, hạnh phúc.

#### ***2.1.3.4. Quan niệm về vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng***

Nông dân không chỉ là lực lượng lao động trong nông nghiệp truyền thống, mà cần được quan niệm như chủ thể trung tâm của tiến trình phát triển nông thôn toàn diện. Quan niệm về vai trò của nông dân phải được tiếp cận theo các trụ cột cơ bản cấu thành NTHĐ từ kết cấu hạ tầng; phát triển kinh tế; xây dựng VH - XH và bảo vệ môi trường; khoa học, công nghệ và chuyển đổi số cho đến giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Trong mọi phương diện, nông dân

được xác định là chủ thể trung tâm vừa tham gia trực tiếp, vừa quyết định tính bền vững và thành công của tiến trình hiện đại hóa nông thôn trong thời kỳ mới.

Nông dân là chủ thể kiến tạo, tham gia xây dựng, duy trì và khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng nông thôn theo hướng hiện đại, đồng bộ và bền vững. Nông dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng các công trình, cơ sở vật chất mà là chủ thể tham gia kiến tạo không gian sống hiện đại ở nông thôn. Vai trò của nông dân ở đây được hiểu như lực lượng trực tiếp đóng góp nguồn lực, tham gia tổ chức thực hiện và đồng thời bảo đảm tính bền vững của kết cấu hạ tầng nông thôn. Nông dân là nhân tố quyết định sự gắn kết giữa các chính sách đầu tư của Nhà nước với nhu cầu thực tiễn của cộng đồng cư dân nông thôn vùng ĐBSH.

Nông dân là lực lượng sản xuất nòng cốt, chủ thể chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế nông thôn. Vai trò của nông dân được quan niệm là trung tâm của quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại. Nông dân không còn được nhìn nhận đơn thuần là người sản xuất nhỏ, mà phải được hiểu như chủ thể kinh tế năng động, có khả năng tiếp cận thị trường, ứng dụng khoa học kỹ thuật, tham gia liên kết hợp tác và hội nhập chuỗi giá trị. Nông dân được đặt vào vị trí then chốt trong xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa và kinh tế NTHĐ ở vùng ĐBSH.

Nông dân là người giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống và xây dựng đời sống xã hội NTM văn minh, tiến bộ; bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên thiên nhiên và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu trong phát triển nông thôn bền vững. Vai trò của nông dân được quan niệm như lực lượng giữ vai trò vừa bảo tồn, vừa đổi mới đời sống nông thôn. Nông dân là chủ thể gìn giữ bản sắc văn hóa làng quê Bắc Bộ, đồng thời là người trực tiếp xây dựng chuẩn mực văn minh, lối sống mới và sự gắn kết cộng đồng. Mặt khác, trong quan niệm phát triển bền vững, nông dân còn là lực lượng trung tâm trong bảo vệ môi trường sinh thái, tham gia xử lý các vấn đề rác thải, ô nhiễm làng nghề và thích ứng với biến đổi khí hậu đang tác động mạnh đến vùng ĐBSH.

Nông dân là chủ thể tiếp nhận, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, góp phần hình thành nông nghiệp thông minh và NTHĐ. Nông dân phải được hiểu không chỉ là người lao động thủ công mà là chủ thể tiếp nhận tri thức mới, ứng dụng công nghệ cao và tham gia vào quá trình số hóa nông thôn. Vai trò này phản ánh sự chuyển biến từ “nông dân sản xuất truyền thống” sang “nông dân tri thức”, có khả năng áp dụng công nghệ vào sản xuất, quản lý và tiêu thụ sản phẩm thông qua nền tảng số, góp phần hình thành nông thôn thông minh và hiện đại.

Nông dân là chủ thể thực hiện dân chủ cơ sở và tham gia quản trị địa phương ở nông thôn; là lực lượng quan trọng trong củng cố quốc phòng toàn dân, giữ gìn an ninh trật tự và ổn định xã hội ở địa bàn nông thôn. Vai trò của nông dân được quan niệm là lực lượng nền tảng bảo đảm ổn định nông thôn và củng cố sức mạnh HTCT cơ sở. Nông dân không chỉ là đối tượng quản lý xã hội mà là chủ thể thực hành dân chủ, tham gia giám sát, phản biện và đồng thuận xã hội trong xây dựng NTHĐ. Đồng thời, họ cũng là nhân tố quan trọng trong xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và giữ gìn an ninh trật tự ở địa bàn nông thôn, nhất là tại vùng ĐBSH nơi có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng.

Từ sự phân tích trên đây, có thể quan niệm về vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ vùng ĐBSH như sau: *Là chủ thể trực tiếp và quyết định trong xây dựng nông thôn hiện đại về kết cấu hạ tầng, kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; lực lượng tiên phong trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sinh thái bền vững; lực lượng nòng cốt trong giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự địa phương, giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.*

## **2.2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

Trên cơ sở nội dung của xây dựng NTM (bộ tiêu chí quốc về NTM giai đoạn 2026 - 2030) và kế thừa một số cách tiếp cận có liên quan, có thể xác định vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ trên các nội dung sau:

### **2.2.1. Vai trò của nông dân trong kiến tạo và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn hiện đại**

Việc xây dựng và phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng ở nông thôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng, kết cấu hạ tầng không chỉ là nền tảng vật chất cho phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập mà còn là yếu tố trực tiếp chi phối chất lượng cuộc sống, khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của cư dân nông thôn trong đó nông dân là lực lượng chủ thể đông đảo nhất. Hệ thống kết cấu hạ tầng y tế, giáo dục, giao thông, thủy lợi, thương mại nông thôn, thông tin và chuyển đổi số không được đầu tư đồng bộ, hiện đại thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sản xuất nông nghiệp, đời sống của nông dân cũng như khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản. Để thực hiện tốt các tiêu chí về kết cấu hạ tầng bên cạnh vai trò chủ đạo của Nhà nước trong hoạch định chính sách, đầu tư và tổ chức thực hiện thì việc phát huy vai trò, sức mạnh của toàn xã hội là yêu cầu mang tính tất yếu, trong đó nông dân giữ vai trò trung tâm. Việc phát huy vai trò của nông dân không chỉ nhằm huy động các nguồn lực vật chất, mà còn bảo đảm các dự án phát triển hạ tầng xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của người dân, qua đó nâng cao hiệu quả và tính bền vững của quá trình xây dựng NTHĐ.

Trong nội dung này, vai trò của nông dân trong xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng NTHĐ thể hiện chủ yếu trên các khía cạnh sau:

(i) Nông dân tích cực, chủ động tiếp cận thông tin về quy hoạch, kế hoạch xây dựng các công trình, dự án kết cấu hạ tầng nông thôn; tham gia đóng góp ý kiến đối với dự thảo quy hoạch, phương án đầu tư các công trình hạ tầng, bảo đảm các dự án phù hợp với điều kiện sản xuất, sinh hoạt và đặc thù không gian nông thôn.

(ii) Nông dân đi đầu trong đóng góp nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn (ngày công lao động, tài chính, hiến đất, vật tư...) cùng chính quyền địa phương thực hiện các dự án phát triển giao thông nông thôn, thủy lợi, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn, hạ tầng số, viễn thông và các công trình công cộng thiết yếu khác.

(iii) Nông dân tiên phong trong việc tham gia giám sát, quản lý, bảo vệ và khai thác hiệu quả các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng và tính bền vững của các công trình.

Việc nông dân thực hiện đầy đủ và hiệu quả vai trò của mình trong xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng không chỉ góp phần hoàn thành các tiêu chí xây dựng NTHĐ mà còn tạo nền tảng quan trọng cho quá trình hiện đại hóa nông thôn, nâng cao chất lượng sống và phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NTHĐ.

### **2.2.2. Vai trò của nông dân trong phát triển kinh tế**

Kinh tế nông thôn giữ vai trò nền tảng trong việc nâng cao thu nhập và mức sống của cư dân nông thôn, việc coi trọng phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững là yêu cầu có tính tất yếu. Trong quá trình phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, nông dân vừa là chủ thể trực tiếp của hoạt động sản xuất, vừa là lực lượng trung tâm quyết định hiệu quả thực hiện các tiêu chí xây dựng NTHĐ về kinh tế và tổ chức sản xuất. Vai trò của nông dân được thể hiện qua các nội dung chủ yếu sau:

(i) Nông dân là lực lượng nòng cốt tích cực tham gia tuyên truyền thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế NTHĐ

(ii) Nông dân là lực lượng đi đầu tích cực tham gia tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại

(iii) Nông dân là lực lượng tiên phong phát triển kinh tế nông thôn theo mô hình của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Việc nông dân thực hiện đầy đủ và hiệu quả các vai trò trên có ý nghĩa quan trọng, không chỉ bảo đảm lợi ích kinh tế chính đáng của nông dân, mà còn góp phần thúc đẩy thực hiện thành công mục tiêu xây dựng NTHĐ theo hướng bền vững.

### **2.2.3. Vai trò của nông dân trong phát triển văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường**

Nâng cao đời sống văn hóa, củng cố các giá trị truyền thống và tăng cường gắn kết cộng đồng giúp ổn định xã hội nông thôn và nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân. Đồng thời, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên và kiểm soát ô nhiễm là điều kiện thiết yếu để duy trì không gian sống nông thôn an toàn, lành mạnh. Các tiêu chí này không chỉ phản ánh trình độ phát triển xã hội mà còn tạo tiền đề lâu dài cho quá trình hiện đại hóa nông thôn. Vai trò của nông dân được thể hiện qua các nội dung chủ yếu sau:

(i) Nông dân tích cực tham gia bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và duy trì các thiết chế văn hóa ở nông thôn. Vai trò này thể hiện ở việc nông dân chủ động tham gia bảo tồn các thiết chế văn hóa như hương ước, quy ước, lễ hội truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp; đồng thời kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Nông dân tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát các quy ước cộng đồng giữ gìn bản sắc văn hóa nông thôn, tạo nền tảng cho sự ổn định xã hội và tăng cường gắn kết cộng đồng, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa tinh thần ở nông thôn.

(ii) Nông dân tích cực tham gia xây dựng hệ thống dịch vụ NTHĐ, mở rộng bao phủ ASXH và các loại hình bảo hiểm. Nông dân chủ động tham gia, tư vấn, cung cấp thông tin các loại hình BHXH, bảo hiểm y tế; thực hiện các hoạt động tương trợ cộng đồng, chăm lo cho các nhóm yếu thế; đồng thời phối hợp với chính quyền và các tổ chức xã hội trong việc triển khai các chính sách phúc lợi. Việc nâng cao mức độ tham gia ASXH của nông dân góp phần bảo đảm công bằng xã hội, ổn định đời sống và tăng cường tính bền vững của phát triển nông thôn.

(iii) Nông dân tích cực chuyển đổi từ mô hình nông nghiệp truyền thống sang mô hình nông nghiệp sinh thái gắn với bảo vệ môi trường nông thôn. Áp dụng các phương thức canh tác bền vững, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu phát thải và bảo vệ hệ sinh thái nông thôn. Thông qua hoạt động sản xuất gắn với

bảo vệ môi trường, nông dân định hình các chức năng mới của nông nghiệp và nông thôn, không chỉ là không gian sản xuất mà còn là không gian sinh thái và sinh sống an toàn, lành mạnh.

(iv) Nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường nông thôn. Thực hiện phân loại, xử lý chất thải, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp. Tuyên truyền tạo sự thay đổi nhận thức và hành vi của nông dân bảo vệ môi trường, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài, hài hòa giữa KT - XH và môi trường sinh thái ở nông thôn.

#### **2.2.4. Vai trò của nông dân trong ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số**

Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số giữ vai trò then chốt trong xây dựng NTHĐ, động lực thúc đẩy và là công cụ quan trọng để nâng cao chất lượng xây dựng NTHĐ. Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản xuất nông nghiệp, tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực, giảm chi phí sản xuất và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển đổi số tạo điều kiện hiện đại hóa công tác quản lý nông thôn, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công, tăng cường tính minh bạch trong quản trị xã hội. Những yếu tố này không chỉ cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn mà còn góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển giữa nông thôn và đô thị.

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nông dân không còn chỉ là đối tượng thụ hưởng hay người trực tiếp thực hiện các chương trình phát triển nông thôn, mà ngày càng khẳng định vai trò là chủ thể trung tâm, là động lực của quá trình ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong xây dựng NTHĐ. Ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số chính là cơ chế thực thi hiệu quả để trao quyền cho người dân, giúp nông dân nâng cao năng lực tự chủ, chủ động tham gia vào quá trình ra quyết định và tổ chức thực hiện các mục tiêu phát triển nông thôn. Việc phát huy đầy đủ vai trò của nông dân có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của chuyển đổi số nông nghiệp cũng như quá trình xây dựng

NTHĐ văn minh và bền vững. Vai trò của nông dân được thể hiện qua các nội dung chủ yếu sau:

(i) Nông dân tích cực tham gia xây dựng, hoàn thiện chủ trương, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong xây dựng NTHĐ. Học hỏi, đổi mới tư duy, nâng cao kỹ năng số và năng lực thích ứng với mô hình chuyển đổi số. Tham gia phản hồi, góp ý và giám sát quá trình triển khai chính sách ở cơ sở.

(ii) Nông dân tham gia ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ số và công nghệ thông minh trong phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững. Đồng thời, nông dân là nguồn cung cấp dữ liệu quan trọng cho hệ thống nông nghiệp số từ dữ liệu về đất đai, cây trồng, vật nuôi đến dữ liệu sản xuất và thị trường, tham gia vào quá trình quản lý và ra quyết định dựa trên dữ liệu và thông tin số.

(iii) Nông dân tham gia ứng dụng các giải pháp công nghệ thông minh phát triển các lĩnh vực VH - XH và bảo vệ môi trường ở nông thôn. Sử dụng các nền tảng số trong giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, bảo tồn và quảng bá các giá trị di sản văn hóa... Tham gia các mô hình quản lý môi trường thông minh, ứng dụng công nghệ trong giám sát và xử lý các vấn đề môi trường góp phần hướng tới phát triển nông thôn xanh, sạch, đẹp và bền vững.

(iv) Nông dân tham gia ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ quản trị xã hội và xây dựng khu dân cư nông thôn thông minh. Tham gia sử dụng các nền tảng số trong tiếp cận dịch vụ công, thực hiện dân chủ ở cơ sở và giám sát hoạt động của chính quyền địa phương.

#### **2.2.5. Vai trò của nông dân trong xây dựng hệ thống chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh**

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giai cấp nông không chỉ là lực lượng đông đảo trong xã hội, nông dân còn đóng vai trò nòng cốt trong việc củng cố HTCT cơ sở, giữ vững ổn định chính trị và xây dựng nền quốc phòng, an ninh toàn dân vững mạnh ở khu vực nông thôn.

Vai trò của nông dân được thể hiện qua các nội dung chủ yếu sau:

(i) Nông dân tích cực, chủ động tham gia thực hiện cơ chế tự quản của cộng đồng dân cư nông thôn. Nông dân là lực lượng nòng cốt trong việc tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát các hương ước, quy ước, mô hình tự quản ở thôn, bản, ấp; củng cố dân chủ ở cơ sở, tăng cường kỷ cương, trật tự xã hội. Trong điều kiện chuyển đổi số, vai trò này còn thể hiện ở việc nông dân chủ động tiếp cận, sử dụng các nền tảng số phục vụ phản ánh, giám sát hoạt động của chính quyền, tham gia đối thoại và góp ý chính sách, góp phần nâng cao hiệu lực quản trị nông thôn.

(ii) Nông dân tích cực tham gia giữ vững quốc phòng, an ninh đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tệ nạn xã hội. Nông dân là lực lượng trực tiếp phát hiện, cung cấp thông tin, phối hợp với các cơ quan chức năng trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an toàn xã hội tại địa bàn cư trú. Tham gia tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ an ninh mạng, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian số, xây dựng môi trường nông thôn an toàn, lành mạnh.

(iii) Nông dân tích cực tham gia xây dựng tiềm lực, thế trận quốc phòng, an ninh ở nông thôn. Tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

(iv) Nông dân trực tiếp tham gia phòng ngừa, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch trong quá trình xây dựng NTHĐ, tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các thông tin sai lệch, xuyên tạc trên không gian mạng.

## **2.3. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

### **2.3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Hồng**

Điều kiện tự nhiên của vùng ĐBSH tạo ra những tác động đến việc thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ. Với vị trí địa lý thuận lợi, địa hình tương đối bằng phẳng và hệ thống sông ngòi dày đặc đã tạo

nền tảng để nông dân thực hiện vai trò chủ thể trong tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và mở rộng các mô hình kinh tế hiện đại. Tài nguyên đất phù sa màu mỡ giúp nông dân đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, nâng cao năng suất qua đó trực tiếp góp phần thực hiện các tiêu chí về tổ chức sản xuất và ổn định đời sống nông thôn. Tuy nhiên, địa hình thấp và thường xuyên chịu tác động của lũ lụt, xói lở, xâm nhập mặn cùng với diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người thấp và xu hướng thu hẹp đất sản xuất ảnh hưởng đến mức độ chủ động và hiệu quả thực hiện vai trò chủ thể của nông dân vùng ĐBSH.

Về phương diện KT - XH, sự phát triển của công nghiệp chế biến nông, thủy sản và các ngành công nghiệp phụ trợ đã mở rộng cơ hội việc làm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và tạo điều kiện để nông dân tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị kinh tế. Đồng thời, truyền thống cộng đồng làng xã bền chặt và các giá trị văn hóa đặc trưng của vùng là cơ sở xã hội quan trọng giúp nông dân huy động nội lực, phát triển sản phẩm nông nghiệp đặc trưng và các mô hình kinh tế gắn với bản sắc địa phương. Tuy nhiên, một bộ phận nông dân còn tư duy sản xuất chậm đổi mới và sự phân hóa giàu nghèo giữa các địa phương đã hạn chế khả năng tiếp cận nguồn lực và áp dụng các mô hình phát triển tiên tiến làm cho việc thực hiện vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NTHĐ còn chưa đồng đều và bền vững.

### **2.3.2. Chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước**

Trong các chủ trương lớn của Đảng, nông dân được khẳng định là chủ thể trung tâm của quá trình phát triển nông thôn, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình xây dựng NTHĐ. Quan điểm này đã góp phần nâng cao vị thế CT - XH của nông dân, khơi dậy ý thức làm chủ, tinh thần trách nhiệm và vai trò chủ động của nông dân trong phát triển nông thôn. Trên cơ sở đó, nông dân không chỉ dừng

lại ở vai trò người lao động sản xuất mà ngày càng tham gia sâu hơn vào các hoạt động quản lý, giám sát, phản biện xã hội, xây dựng và củng cố cộng đồng nông thôn, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở. Các chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp hàng hóa, kinh tế tập thể, hợp tác xã, ứng dụng khoa học, công nghệ và thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi để nông dân thực hiện vai trò kinh tế của mình. Nhờ đó, nông dân từng bước chuyển từ phương thức sản xuất nhỏ lẻ, manh mún sang liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp phù hợp với yêu cầu của NTHĐ. Đồng thời, các chính sách về xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở cũng góp phần thực hiện vai trò của nông dân trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, xây dựng nếp sống văn minh, củng cố khối đoàn kết cộng đồng hướng tới xây dựng NTHĐ bền vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực việc thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ vẫn gặp không ít khó khăn. Một bộ phận nông dân còn hạn chế về trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng tiếp cận vốn, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và thông tin thị trường nên chưa đáp ứng đầy đủ những yêu cầu mới đặt ra. Một số chính sách còn thiếu đồng bộ, chồng chéo, việc tổ chức thực hiện ở cơ sở chưa hiệu quả làm giảm khả năng thực hiện vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NTHĐ.

### **2.3.3. Năng lực hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở vùng Đồng bằng sông Hồng**

Năng lực hoạt động của HTCT cơ sở ở vùng ĐBSH có tác động mang tính quyết định đến việc nông dân thực hiện vai trò của mình trong xây dựng NTHĐ. Trước hết, năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ sở giữ vai trò định hướng chiến lược đối với nhận thức và hành động của nông dân. Tổ chức Đảng ở cơ sở có năng lực lãnh đạo tốt sẽ nghiên cứu, ban hành Nghị quyết phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu xây dựng NTHĐ, nông dân được xác định rõ là chủ thể

trung tâm của quá trình phát triển, sự định hướng đó tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển từ vai trò người sản xuất nhỏ, manh mún sang vai trò chủ thể kinh tế, chủ động tham gia tái cơ cấu nông nghiệp, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và ứng dụng khoa học, công nghệ. Ngược lại, khi năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ sở còn hạn chế, nội dung Nghị quyết thiếu tính định hướng dài hạn thì vai trò của nông dân dễ bị thu hẹp trong khuôn khổ thực hiện các phong trào mang tính hành chính, làm giảm tính chủ động và sáng tạo của nông dân trong xây dựng NTHĐ.

Trong bối cảnh thực hiện sáp nhập chính quyền theo mô hình 2 cấp, tác động của HTCT cơ sở đến việc thực hiện vai trò của nông dân càng trở nên rõ nét. Một mặt, việc sáp nhập góp phần tinh gọn bộ máy, giảm tầng nấc trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để tập trung nguồn lực, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, qua đó hỗ trợ nông dân tốt hơn trong phát triển sản xuất, kinh doanh và chuyển đổi số. Mặt khác, sáp nhập chính quyền cũng đặt ra nguy cơ gia tăng khoảng cách giữa chính quyền và người dân, làm suy giảm vai trò của các thiết chế tự quản truyền thống ở nông thôn, đặc biệt tại vùng ĐBSH nơi có đặc trưng văn hóa làng xã bền vững. Nếu không có cơ chế bảo đảm dân chủ cơ sở và phát huy sự tham gia của cộng đồng, nông dân có thể bị thu hẹp vai trò tham gia quản trị, từ đó ảnh hưởng đến vị thế chủ thể của họ trong xây dựng NTHĐ.

#### **2.3.4. Quá trình chuyển đổi số ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay**

Việc ứng dụng công nghệ số hiện đại vào sản xuất nông nghiệp như: Sử dụng phần mềm quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc, tự động hóa và công nghệ thông minh đã giúp nông dân từng bước thay đổi phương thức canh tác truyền thống, chuyển từ sản xuất dựa chủ yếu vào kinh nghiệm sang sản xuất dựa trên thông tin, dữ liệu và quy trình kỹ thuật hiện đại. Nhờ đó, vai trò của nông dân được nâng lên từ người lao động sản xuất thủ công sang chủ thể làm chủ công nghệ, có khả năng tiếp cận tri thức mới góp phần nâng cao năng suất, chất lượng nông sản

và đáp ứng yêu cầu xây dựng NTHĐ theo hướng bền vững. Bên cạnh đó, chuyển đổi số trong tiêu thụ nông sản và kết nối thị trường đã mở rộng đáng kể vai trò kinh tế của nông dân. Thông qua các nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội và hệ thống thông tin thị trường, nông dân có điều kiện tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị nông sản, từng bước giảm sự phụ thuộc vào thương lái trung gian, chủ động hơn trong tìm kiếm đầu ra, tiếp cận người tiêu dùng và xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương. Điều này góp phần chuyển biến vai trò của nông dân từ người bán nguyên liệu thô sang chủ thể tham gia tổ chức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp trong nền kinh tế số. Ngoài ra, việc triển khai chính quyền số và các công cụ tương tác trực tuyến ở cơ sở cũng tác động tích cực đến vai trò xã hội và quản trị của nông dân. Thông qua các cổng thông tin điện tử, ứng dụng phản ánh hiện trường và dịch vụ công trực tuyến, nông dân có thêm điều kiện tham gia vào quản lý, giám sát và phản hồi chính sách từ đó nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản trị nông thôn. Vai trò của nông dân vì thế không chỉ giới hạn trong lĩnh vực sản xuất mà còn được mở rộng sang lĩnh vực tham gia quản lý và xây dựng NTHĐ.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số cũng đặt ra nhiều thách thức đối với việc thực hiện vai trò của nông dân. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển mạnh mẽ và tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực với sự phát triển của lực lượng sản xuất mới nhất là công nghệ cao và trí tuệ nhân tạo phát triển đột phá chưa từng có. Xu thế tự chủ chiến lược, đua tranh về kinh tế, đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực... ngày càng được nhiều quốc gia quan tâm, thúc đẩy.

Trình độ tiếp cận công nghệ, kỹ năng số và điều kiện hạ tầng giữa các nhóm nông dân còn có sự chênh lệch, khiến một bộ phận nông dân, đặc biệt là người cao tuổi và nông dân sản xuất nhỏ lẻ, gặp khó khăn trong việc thích ứng, thậm chí bị đứng ngoài quá trình chuyển đổi. Bên cạnh đó, việc ngày càng phụ thuộc vào nền tảng số, dữ liệu và thị trường trực tuyến cũng có thể làm gia tăng rủi ro cho nông dân nếu thiếu kiến thức, kỹ năng quản lý và sự hỗ trợ kịp thời từ Nhà nước và các

tổ chức trung gian. Điều này đòi hỏi quá trình chuyển đổi số phải gắn với nâng cao năng lực cho nông dân nhằm bảo đảm họ thực sự trở thành chủ thể trung tâm của quá trình xây dựng NTHĐ.

### **2.3.5. Quá trình đô thị hóa và biến đổi khí hậu**

Đô thị hóa đang tác động mạnh mẽ đến quá trình xây dựng NTHĐ cả về không gian cư trú, cơ cấu kinh tế và tổ chức xã hội. Xây dựng NTHĐ không thể tách rời quá trình phát triển đô thị, bởi đây là hai quá trình tương tác chặt chẽ và giao thoa ngày càng sâu sắc. Sự mở rộng của đô thị không chỉ làm thay đổi diện mạo nông thôn mà còn tạo ra sự dịch chuyển mạnh về lao động, đất đai và các giá trị văn hóa truyền thống. NTHĐ không còn là không gian tách biệt mà đang trở thành một phần của cấu trúc vùng đô thị hóa mở rộng đặt ra yêu cầu phải tái định hình vai trò của người nông dân trong bối cảnh mới. Bên cạnh đó, đô thị hóa mở ra cơ hội để nông dân tiếp cận thị trường rộng lớn hơn, thúc đẩy chuyển đổi sản xuất theo hướng hàng hóa và tăng cường liên kết chuỗi giá trị, nhiều mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ được hình thành qua đó tạo điều kiện để nông dân tham gia sâu hơn vào nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, mặt trái của đô thị hóa cũng làm gia tăng sức ép xã hội đối với nông thôn. Xu hướng lao động trẻ rời bỏ nông thôn ra thành thị diễn ra phổ biến, làm suy giảm nguồn nhân lực nông nghiệp và gây ra sự đứt gãy trong cấu trúc cộng đồng làng xã. Đặt nông dân trước yêu cầu chuyển từ vai trò lao động nông nghiệp truyền thống sang vai trò chủ thể, tham gia đa dạng hơn trong phát triển KT - XH xây dựng NTHĐ.

Bên cạnh đô thị hóa, biến đổi khí hậu được xác định là một trong những thách thức mang tính sống còn đối với nông nghiệp và nông thôn vùng ĐBSH trong thế kỷ XXI, mục tiêu trọng tâm hướng tới là xây dựng NTHĐ gắn với cơ cấu lại nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Điều này cho thấy biến đổi khí hậu không chỉ là yếu tố ngoại sinh mà đang trở thành biến số trung tâm định hình chiến lược xây dựng NTHĐ của vùng ĐBSH. Trong

bối cảnh thiên tai, xâm nhập mặn, hạn hán và suy giảm tài nguyên diễn biến phức tạp, nông dân không chỉ đơn thuần là người sản xuất lương thực mà còn là lực lượng trực tiếp tham gia thích ứng, điều chỉnh cơ cấu cây trồng và phương thức canh tác, đặt ra yêu cầu xây dựng NTHĐ phải gắn với nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai. Do đó, vai trò của nông dân ngày càng mở rộng, trở thành chủ thể vừa sản xuất vừa thực hiện chức năng quản trị sinh thái và bảo vệ môi trường nông thôn.

### **2.3.6. Văn hoá truyền thống mang tính đặc trưng của vùng Đồng bằng sông Hồng**

Với tính cố kết cộng đồng cao, quan hệ xã hội bền chặt và cơ chế tự quản làng xã được hình thành từ lâu đời, nông dân có xu hướng tham gia tích cực vào các hoạt động chung của cộng đồng như đóng góp công sức, đất đai, giám sát xây dựng hạ tầng và bảo vệ môi trường nông thôn... Điều này giúp nông dân thực hiện tốt vai trò chủ thể trong xây dựng NTHĐ. Tuy nhiên, văn hoá làng xã cũng tạo ra tâm lý coi trọng lệ làng, thói quen sinh hoạt truyền thống và sự e ngại trước những thay đổi lớn khiến một bộ phận nông dân chưa mạnh dạn đổi mới tư duy, hạn chế khả năng chủ động, sáng tạo trong việc tiếp cận các mô hình xây dựng NTHĐ.

Truyền thống sản xuất nông nghiệp lâu đời và tư duy trọng nông của cư dân vùng ĐBSH tác động trực tiếp đến vai trò của nông dân với tư cách là lực lượng sản xuất chủ yếu trong quá trình xây dựng NTHĐ. Các giá trị văn hoá truyền thống như cần cù, chịu khó, gắn bó với ruộng đất giúp nông dân có ý thức trách nhiệm cao trong sản xuất, bảo vệ tài nguyên đất đai và môi trường sinh thái. Đây là nền tảng thuận lợi để nông dân thực hiện vai trò của mình, duy trì ổn định sản xuất nông nghiệp và phát triển các mô hình nông nghiệp bền vững. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của tư duy tiểu nông, sản xuất manh mún và tâm lý ngại rủi ro lại làm cho nhiều nông dân chậm chuyển sang sản xuất hàng hoá quy mô lớn từ đó hạn chế vai trò của họ trong phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại và hội nhập thị trường.

Ảnh hưởng của văn hoá nho giáo với những giá trị tôn ti trật tự và sự coi trọng vai trò của người cao tuổi cũng tác động rõ nét đến việc thực hiện vai trò của nông dân trong quản trị NTHĐ. Văn hoá này góp phần duy trì kỷ cương, trật tự xã hội và giúp nông dân có ý thức chấp hành chủ trương, chính sách trong quá trình xây dựng NTHĐ. Tuy nhiên, nó cũng làm hạn chế vai trò tham gia phản biện xã hội và tham gia ra quyết định của nông dân, nhất là đối với lực lượng thanh niên và phụ nữ. Trong nhiều trường hợp, nông dân vẫn giữ vai trò thụ động, thực hiện theo sự chỉ đạo nhiều hơn là chủ động đề xuất sáng kiến, điều này chưa phù hợp với yêu cầu xây dựng NTHĐ dựa trên sự tham gia dân chủ và bình đẳng.

Truyền thống hiếu học của nông dân vùng ĐBSH là một yếu tố văn hoá có tác động tích cực đến vai trò của nông dân trong tiếp thu tri thức và đổi mới phương thức sản xuất. Nhờ coi trọng học tập và tri thức, nông dân nơi đây có khả năng tiếp cận nhanh hơn với khoa học, công nghệ và kỹ thuật sản xuất mới và các chương trình đào tạo nghề phục vụ xây dựng NTHĐ. Điều này góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn và giúp nông dân từng bước chuyển từ lao động giản đơn sang lao động có tri thức. Tuy nhiên, truyền thống hiếu học cũng làm nảy sinh tâm lý “ly nông”, khiến một bộ phận lao động trẻ rời bỏ nông thôn, dẫn đến nguy cơ thiếu hụt lực lượng nông dân trẻ có trình độ để thực hiện vai trò trung tâm trong quá trình hiện đại hoá nông thôn.

Bên cạnh đó, văn hoá lễ hội và tín ngưỡng dân gian phổ biến ở ĐBSH cũng ảnh hưởng đến vai trò của nông dân trong việc gắn kết cộng đồng và bảo tồn bản sắc văn hoá nông thôn. Thông qua các hoạt động lễ hội, nông dân có điều kiện tăng cường sự đoàn kết, củng cố mối quan hệ xã hội và tham gia gìn giữ các giá trị văn hoá truyền thống. Đây là cơ sở để nông dân thực hiện vai trò chủ thể trong xây dựng đời sống văn hoá NTHĐ, đồng thời khai thác văn hoá phục vụ phát triển du lịch nông thôn. Tuy nhiên, nếu không được tổ chức hợp lý, các hoạt động lễ hội có thể gây lãng phí nguồn lực và làm phân tán sự tập trung của nông dân vào các nhiệm vụ phát triển KT - XH trong bối cảnh hiện đại hoá nông thôn.

## **Tiểu kết chương 2**

Trong giai đoạn hiện nay, NTHĐ không chỉ được hiểu là sự đổi mới về kết cấu hạ tầng mà còn là sự chuyển biến toàn diện về phát triển kinh tế, xây dựng VH - XH, bảo vệ môi trường, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đây là quá trình phát triển theo hướng hiện đại hóa, bền vững, gắn với định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đã xác định hướng tới “nông nghiệp sinh thái, NTHĐ, nông dân văn minh”

Với tư cách là lực lượng xã hội đông đảo, nông dân vùng ĐBSH giữ vai trò chủ thể trung tâm và có ý nghĩa quyết định trong xây dựng NTHĐ. Vai trò của nông dân được thể hiện tập trung trên các phương diện chủ yếu: (1) Kiến tạo và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn hiện đại; (2) Phát triển kinh tế; (3) Phát triển VH – XH và bảo vệ môi trường; (4) Ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; (5) Xây dựng hệ thống chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Việc thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH chịu tác động của nhiều yếu tố như: (1) Điều kiện tự nhiên và KT - XH đặc thù của vùng; (2) Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; (3) Năng lực hoạt động của HTCT cơ sở; (4) Tác động của chuyển đổi số; (5) Đô thị hóa, biến đổi khí hậu; (6) Đặc trưng văn hóa truyền thống làng xã châu thổ ĐBSH vừa tạo thuận lợi, vừa đặt ra những rào cản nhất định đối với quá trình đổi mới và phát huy vai trò chủ thể của nông dân.

### Chương 3

## VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

### 3.1. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

#### 3.1.1. Thành tựu trong thực hiện vai trò của nông dân về xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay

##### *3.1.1.1. Thành tựu thực hiện vai trò của nông dân trong kiến tạo và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng*

*Nông dân chủ động tiếp cận thông tin và đóng góp ý kiến về quy hoạch, kế  
hoạch xây dựng các công trình, dự án kết cấu hạ tầng nông thôn*

Tại tỉnh Ninh Bình, năm 2022 việc lấy ý kiến nhân dân được tổ chức tại 65 xã, thị trấn thuộc các huyện trên địa bàn tỉnh qua đó tạo điều kiện để người dân trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến đối với các vấn đề liên quan đến xây dựng kết cấu hạ tầng [111]. Tỉnh Hưng Yên, các cơ quan chức năng đã hướng dẫn và tham gia ý kiến đối với công tác lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn tại 72 xã [95, tr.5]. Từ năm 2021 đến nay, thành phố Hà Nội lấy ý kiến nhân dân được triển khai trên quy mô lớn, bao phủ 124 xã thuộc 18/18 huyện, thị xã, với tổng số 136.885 hộ dân tham gia góp ý kiến, thể hiện mức độ huy động sự tham gia rộng rãi của người dân trong quá trình xây dựng NTHĐ [113]. Nội dung lấy ý kiến tập trung vào các lĩnh vực thiết yếu, bao gồm: Quy hoạch phát triển; hệ thống giao thông; cảnh quan và vệ sinh môi trường; bảo đảm an ninh trật tự; đời sống của nhân dân; việc huy động sức dân; công tác giải quyết thủ tục hành chính; cũng như hoạt động của cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể CT - XH ở cấp xã. Những kết quả này phản ánh rõ nét vai trò ngày càng tích cực của nông dân trong việc chủ động tiếp cận thông tin và đóng góp ý kiến về

quy hoạch, kế hoạch xây dựng các công trình, dự án kết cấu hạ tầng nông thôn góp phần nâng cao tính dân chủ, công khai và hiệu quả trong quá trình xây dựng NTHĐ ở các địa phương.

Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức và mức độ tham gia của nông dân là tương đối tích cực. Cụ thể, có 61% số người được hỏi cho biết họ có biết đến đề án xây dựng và bản đồ quy hoạch kết cấu hạ tầng NTHĐ bao gồm các dự án xây dựng điện, đường giao thông, trạm y tế, nhà văn hóa, trong đó 44.4% tiếp cận thông tin chủ yếu thông qua việc tham dự các cuộc họp, 29.6% qua hội thảo, hội nghị. Đáng chú ý, 47% số người được hỏi đã từng tham gia đóng góp ý kiến cho các đề án và nội dung quy hoạch và 83% người được hỏi xác nhận rằng họ được mời bàn bạc về mức đóng góp kinh phí cho các dự án, qua đây đã cho thấy được tính công khai, minh bạch trong huy động nguồn lực từ cộng đồng [PL 02]. Nhìn chung, mức độ và hình thức tham gia của nông dân trong tiếp cận thông tin và đóng góp ý kiến về quy hoạch, kế hoạch xây dựng các công trình, dự án kết cấu hạ tầng nông thôn có sự khác biệt giữa các địa phương trong vùng, chịu tác động của trình độ phát triển KT - XH, tốc độ đô thị hóa và phương thức tổ chức thực hiện của chính quyền cơ sở. Tại các địa phương có tốc độ đô thị hóa cao, nông dân tham gia nhiều hơn vào quá trình góp ý, phản biện và giám sát các công trình, dự án; trong khi ở các địa phương thuần nông, vai trò của nông dân chủ yếu được thể hiện thông qua việc đóng góp đất đai, ngày công lao động và kinh phí để xây dựng kết cấu hạ tầng.

*Nông dân trực tiếp đóng góp nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn*

Trong năm 2023, tỉnh Hưng Yên đã huy động khoảng 5.310 tỷ đồng từ người dân và nguồn xã hội hoá để đầu tư xây dựng chỉnh trang nhà ở, cảnh quan, vườn tược. Người dân đã đóng góp hơn 55.000 ngày công lao động và hiến trên 76.000 m<sup>2</sup> đất, qua đó góp phần cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và làm mới khoảng 190 km đường các loại [95, tr.4]. Thực hiện “kích cầu” hỗ trợ xi măng tương đương 25 - 30% tổng mức đầu tư, phần còn lại nhân dân tự nguyện hiến đất mở

rộng đường, đóng góp ngày công và tiền để làm đường giao thông, giảm được đáng kể áp lực cho ngân sách [93, tr.6]. Tương tự, tại Hải Phòng, trong giai đoạn 2021 - 2022 huy động đạt trên 16.500 tỷ đồng, trong đó có hơn 876 tỷ đồng là từ đóng góp trực tiếp của nhân dân [101]. Các dự án giao thông trực xã bằng bê tông xi măng được giao cho nhân dân thực hiện, người dân không chỉ tham gia đóng góp vật chất mà còn trực tiếp quản lý quá trình thi công. Nông dân đã tham gia thảo luận, góp tiền và hoàn thành 17,1 km đường điện chiếu sáng với 447 điểm bóng. Triển khai 25 dự án chỉnh trang, nâng cấp hệ thống giao thông với sự tham gia tự nguyện của gần 4.400 hộ gia đình, tổ chức và cá nhân. Tổng diện tích đất hiến tặng đạt trên 360.000 m<sup>2</sup> tương đương khoảng 470 tỷ đồng [97, tr.9]. Theo khảo sát việc đóng góp của nông dân được qua nhiều hình thức như: Góp công lao động (49.8%), góp tiền (28.4%) và góp đất (20.4%). Những con số trên thể hiện nhận thức, sự quan tâm và đồng thuận của nông dân trong đóng góp xây dựng NTHĐ [PL 02].

*Nông dân tích cực tham gia giám sát, quản lý, bảo vệ và khai thác hiệu quả các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn*

Thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, nhiều địa phương ở vùng ĐBSH đã lập ra các tổ giám sát cộng đồng để thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình thi công các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng của xã, thôn, làng mình. Bên cạnh đó, một số nông dân được cử ra tiếp tục chủ động theo dõi, giám sát việc chuyển giao, vận hành các công trình kết cấu hạ tầng đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Các dấu hiệu hư hỏng như mặt đường xuống cấp, kênh mương bồi lắng, hệ thống thoát nước bị tắc nghẽn... được người dân phát hiện và phản ánh kịp thời với trưởng thôn, ban phát triển thôn, chính quyền cấp xã để có biện pháp xử lý. Thông qua các cuộc họp dân, nhiều ý kiến đóng góp xác đáng của nông dân đã giúp chính quyền điều chỉnh cách thức vận hành, bảo đảm công trình được sử dụng đúng mục đích và phát huy hiệu quả lâu dài. Theo kết quả điều tra, có 31%

số nông dân được hỏi cho biết họ tham gia vào quá trình cử đại diện (ban giám sát) nhằm quản lý và giám sát các công trình xây dựng tại địa phương [PL 02].

Các công trình hạ tầng sau khi hoàn thành đã được nông dân khai thác tương đối hiệu quả, phục vụ trực tiếp cho sản xuất và đời sống. Hệ thống giao thông nông thôn tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển nông sản, vật tư, giảm chi phí và thời gian đi lại; hệ thống thủy lợi đáp ứng tốt hơn nhu cầu tưới tiêu, góp phần nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi. Nhà văn hóa, sân thể thao, các thiết chế cộng đồng được nông dân sử dụng thường xuyên cho sinh hoạt văn hóa, hội họp, tập huấn chuyển giao kỹ thuật, qua đó nâng cao đời sống tinh thần và năng lực trình độ sản xuất.

### ***3.1.1.2. Thành tựu thực hiện vai trò của nông dân trong phát triển kinh tế***

*Nông dân tích cực tham gia tuyên truyền thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế nông thôn hiện đại.*

Vai trò của nông dân trong tuyên truyền, vận động thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế NTHĐ được thể hiện rõ thông qua việc chia sẻ, phổ biến các nội dung chính sách liên quan đến tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển kinh tế tập thể, xây dựng NTHĐ và chuyển đổi số trong nông nghiệp. Nhiều hội viên nông dân tiêu biểu còn trở thành tuyên truyền viên tích cực, trực tiếp giải thích, vận động cho những người nông dân khác hiểu và thực hiện đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế NTHĐ. Cụ thể là, nhiều nông dân với tinh thần “làm trước, nói sau”, “nói ít, làm nhiều” thông qua những mô hình thực tiễn sản xuất mới, theo chuỗi liên kết, nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất an toàn, hữu cơ của bản thân gia đình hoặc địa phương mình... làm địa chỉ thực tế để bà con nông dân tham quan, học tập qua đó góp phần để tuyên truyền, lan tỏa nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế NTHĐ.

Nhiều nông dân tích cực đã chủ động sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền thông qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở, bản tin hội, mạng xã hội, các nhóm Zalo, Facebook của chi hội, tổ hội để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm sản xuất,

chính sách hỗ trợ của Nhà nước trên các nền tảng này, qua đó giúp nội dung tuyên truyền đến với cộng đồng nhanh chóng, kịp thời. Nhiều nông dân tích cực còn tham gia vận động các hội viên khác đăng ký tham gia các phong trào thi đua, chương trình phát triển kinh tế nông thôn như xây dựng NTHĐ, OCOP, phát triển kinh tế tập thể, bảo vệ môi trường nông thôn. Thông qua hoạt động tuyên truyền dần được chuyển hóa thành hành động cụ thể, tạo sự đồng thuận và lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng nông dân nông thôn.

*Nông dân trực tiếp tham gia tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại*

Ở tỉnh Ninh Bình, nông dân đã chủ động nhân rộng sản xuất theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Toàn tỉnh có 39 chuỗi liên kết, bao gồm 11 chuỗi trồng trọt, 10 chuỗi chăn nuôi, 15 chuỗi thủy sản và 3 chuỗi thuộc lĩnh vực diêm nghiệp [52]. Tương tự, tại tỉnh Hưng Yên, nông dân đã phát triển mạnh các mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản, đặc biệt trong lĩnh vực trồng trọt. Cuối năm 2024, có 400 hợp tác xã và 700 tổ hợp tác với 202 HTX liên kết tiêu thụ sản phẩm. Nhiều mô hình chuỗi liên kết đã được hình thành giữa các HTX, chủ trang trại và doanh nghiệp [95, tr.11]. Tại Hải Phòng, phát triển nông nghiệp theo chuỗi giá trị đã được cụ thể hóa trong quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nông dân trong tỉnh đã và đang tích cực chuyển đổi diện tích cây trồng, rau củ sang sản xuất nông sản chất lượng cao. Hoạt động nuôi thủy sản được tổ chức lại theo mô hình mới doanh nghiệp thay vì nhỏ lẻ trước đây. Thông qua các mô hình này, nông dân tăng cường liên kết trong sản xuất và tiêu thụ, nâng cao giá trị hàng hoá. Đồng thời, họ cũng chủ động học hỏi kỹ thuật mới, đầu tư thiết bị hiện đại, quy trình quản lý sản xuất tiêu chuẩn để đáp ứng nhu cầu thực tế [85].

Quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại cũng cho thấy sự phối hợp ngày càng chặt chẽ giữa các chủ thể trong mô hình liên kết 6 nhà. Nhà nước định hướng và hỗ trợ chính sách, nhà khoa học chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, doanh nghiệp liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm, ngân hàng cung cấp nguồn

vốn, nhà phân phối mở rộng thị trường tiêu thụ; còn nông dân giữ vai trò trung tâm trong tiếp nhận, ứng dụng và tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất. Sự phối hợp đồng bộ giữa các chủ thể đã góp phần nâng cao hiệu quả liên kết chuỗi giá trị và phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại. Theo khảo sát có 59% nông dân được hỏi nhận thức được chủ trương tổ chức sản xuất theo hướng hiện đại bao gồm các nội dung như đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, mở rộng chuỗi giá trị và phát triển các mô hình liên kết. Đáng chú ý, tỷ lệ nông dân đồng tình với việc trực tiếp tham gia vào quá trình tổ chức sản xuất hiện đại khá cao đạt 71%. Điều này cho thấy, phần lớn nông dân đã thể hiện sự sẵn sàng và mong muốn tham gia vào quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp hiện đại [PL 02]. Thực tiễn cho thấy, ở những địa phương có kinh tế phát triển, liên kết sản xuất chặt chẽ và hạ tầng hỗ trợ đồng bộ, nông dân tham gia tích cực hơn vào quá trình đổi mới sản xuất. Đồng thời, các chủ trang trại, thành viên hợp tác xã và nông dân trẻ thường chủ động hơn trong việc tiếp cận thị trường, ứng dụng khoa học, công nghệ và tham gia các mô hình liên kết sản xuất so với các hộ sản xuất nhỏ lẻ.

*Nông dân chủ động phát triển kinh tế nông thôn theo các mô hình của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Nông dân đã thực hiện và tuân thủ các quy luật của kinh tế thị trường về cung cầu, quy luật giá trị và cạnh tranh và phân bổ nguồn lực hiệu quả tạo sự chuyển biến rõ rệt trong tư duy và phương thức sản xuất. Nông dân ngày càng quan tâm đến tín hiệu thị trường, chủ động tìm hiểu nhu cầu tiêu dùng, giá cả và xu hướng tiêu thụ để lựa chọn cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng công nghệ hiện đại phù hợp. Nhiều hộ nông dân đã biết tính toán chi phí đầu vào, hiệu quả đầu ra, điều chỉnh quy mô sản xuất theo khả năng tiêu thụ của thị trường, từng bước hình thành tư duy sản xuất hàng hóa, giảm dần tính tự phát và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Đối với việc đảm bảo thực hiện vai trò điều tiết và kiến tạo của Nhà nước, nông dân đã tích cực tham gia và hưởng ứng các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế nông thôn. Thông qua các chương trình lớn như tái cơ cấu ngành nông

nghiệp, chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP), nông dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn trực tiếp tham gia xây dựng mô hình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và tổ chức lại hoạt động kinh tế ở địa phương. Nông dân ngày càng chủ động tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề, chuyển giao khoa học, công nghệ, khuyến nông và bảo hiểm nông nghiệp... Việc chấp hành các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường cũng cho thấy sự gắn kết ngày càng chặt chẽ giữa hoạt động sản xuất của nông dân với khung thể chế và sự điều tiết của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường hiện đại.

Trong gắn kết phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội và phát triển bền vững, nông dân đã có những thay đổi tích cực cả về nhận thức và hành động. Ngày càng nhiều nông dân quan tâm đến sản xuất an toàn, giảm sử dụng hóa chất độc hại, áp dụng các mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ và kinh tế tuần hoàn nhằm bảo vệ môi trường và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Đồng thời, thông qua phát triển sản xuất và mở rộng các hoạt động kinh tế tại chỗ, nông dân đã tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống, góp phần giảm nghèo bền vững ở nông thôn. Nông dân tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, xây dựng đời sống văn hóa mới, giữ gìn bản sắc truyền thống, qua đó thúc đẩy sự phát triển hài hòa giữa KT - XH và môi trường, phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường hiện đại.

Kết quả khảo sát cho thấy, có tới 62% người được hỏi đánh giá việc xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng NTHĐ, tổ chức sản xuất theo hướng hiện đại, theo mô hình của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *rất cần thiết* và 23% số người tham gia khảo sát cũng cho rằng điều này là *cần thiết*, cho thấy nhận thức tích cực và sự đồng thuận cao của nông dân trong cộng đồng đối với định hướng xây dựng NTHĐ. Bên cạnh đó, có tới 70% số người được hỏi tham gia vào hợp tác xã hay mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản [PL 02].

### ***3.1.1.3. Thành tựu thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường***

*Nông dân tích cực tham gia bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và duy trì các thiết chế văn hóa ở nông thôn*

Thông qua các hình thức sinh hoạt tại thôn, làng, chi hội nông dân, tổ tự quản và các câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, nông dân luôn chủ động tiếp cận các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống cũng như duy trì các thiết chế văn hóa ở nông thôn. Các hội viên tích cực của Hội nông dân đã thực hiện tuyên truyền bằng chính uy tín cá nhân, vai trò gương mẫu của gia đình và dòng họ góp phần định hướng dư luận xã hội ở cơ sở. Bên cạnh hình thức tuyên truyền trực tiếp, họ còn tham gia tuyên truyền thông qua thực hành văn hóa như duy trì phong tục tập quán tốt đẹp, thực hiện nếp sống văn minh trong cưới hỏi, tang lễ, lễ hội và tích cực tham gia các phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa”. Nhiều nông dân đã tích cực tham gia bảo vệ, tu bổ và khai thác hiệu quả các thiết chế văn hóa như đình, chùa, nhà thờ họ, nhà văn hóa thôn, đồng thời duy trì các phong tục, tập quán tốt đẹp, loại bỏ dần những hủ tục lạc hậu, góp phần hình thành nếp sống văn minh trong cộng đồng. Bên cạnh đó, một số nông dân còn đóng vai trò quan trọng trong việc kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống thông qua việc truyền dạy nghề thủ công, gìn giữ làn điệu dân ca, trò chơi dân gian và giáo dục gia phong, đạo lý cho thế hệ trẻ. Đặc biệt, với tư cách là chủ thể của đời sống văn hóa nông thôn, nông dân tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước thôn làng phù hợp với pháp luật góp phần hoàn thiện thể chế văn hóa cơ sở và nâng cao hiệu quả tự quản cộng đồng

Tại tỉnh Hưng Yên, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã thu hút được sự tham gia đông đảo quần chúng nhân dân. Sự phát triển của đời sống văn hóa toàn tỉnh được thể hiện rõ nét qua hoạt động của 1.560 câu lạc bộ và đội nhóm văn nghệ quần chúng. Các hoạt động này đã thu hút đông đảo nông dân tham gia vào hơn 15.000 sự kiện được tổ chức tại thôn, xóm mỗi năm.

Chất lượng của phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa cũng không ngừng được củng cố và nâng cao. Toàn tỉnh có 90.5% làng, tổ dân phố văn hóa, 34% dân số tham gia vào các hoạt động tập luyện thể thao thường xuyên [95, tr.8]. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phát triển mạnh được sự quan tâm của nông dân, xây dựng danh hiệu văn hóa được nông dân tích cực hưởng ứng với 93.2% số gia đình, 91.8% số thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa [93, tr.10].

Dựa trên kết quả khảo sát, có tới 63% số người tham gia khảo sát cho biết họ đã biết đến các chủ trương về duy trì, bảo tồn, kế thừa và phát huy các thiết chế, thể chế văn hóa tại khu vực nông thôn, qua đó khẳng định một mức độ nhận thức cao về các chính sách văn hóa. Bên cạnh đó, 49% người được hỏi tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng hương ước và quy ước của hộ gia đình. Sự tham gia này phản ánh mức độ gắn kết và sự quan tâm của cộng đồng đối với các vấn đề CT - XH tại địa phương [PL 02].

Về thông tin liên quan đến các kế hoạch phát triển VH - XH và các chủ trương về duy trì, bảo tồn các thiết chế văn hóa có 48,2% người tham gia khảo sát cho biết họ tiếp nhận thông tin này qua các cuộc họp địa phương. Một tỷ lệ đáng kể khác 30.8%, nhận thông tin qua Internet, mạng xã hội và truyền hình. Ngoài ra, 27.6% người tham gia cho biết họ nhận được thông tin từ cán bộ xã, 43% người được hỏi tham gia đóng góp ý kiến qua các cuộc họp thôn xóm, tổ dân phố, 25.6% tham gia thông qua đối thoại trực tiếp, 23.8% tham gia trao đổi với cán bộ chuyên trách [PL 02]. Nhìn tổng thể, vai trò của nông dân trong xây dựng đời sống văn hóa ở vùng ĐBSH được phát huy theo đặc trưng văn hóa của từng địa bàn. Tại những địa phương còn lưu giữ nhiều di sản văn hóa, làng nghề và thiết chế cộng đồng truyền thống, nông dân giữ vai trò nổi bật trong bảo tồn và truyền nối các giá trị văn hóa. Trong khi đó, ở các địa phương chịu tác động mạnh của quá trình đô thị hóa, vai trò của nông dân ngày càng thể hiện rõ trong xây dựng nếp sống

văn minh, củng cố các thiết chế văn hóa mới và nâng cao chất lượng đời sống tinh thần ở nông thôn.

*Nông dân chủ động tham gia xây dựng hệ thống dịch vụ nông thôn hiện đại, mở rộng bao phủ ASXH và các loại hình bảo hiểm*

Hệ thống dịch vụ nông thôn cùng kết cấu hạ tầng thương mại và dịch vụ tại khu vực nông thôn liên tục được xây dựng theo hướng hiện đại và văn minh. Để phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu mua sắm, trao đổi hàng hóa của người dân, tỉnh Hưng Yên đã phủ khắp mạng lưới chợ nông thôn đến 100% số xã. Ngoài ra, hệ thống bán lẻ hiện đại với các siêu thị và cửa hàng tiện ích cũng phát triển sôi động, tạo thêm động lực cho việc lưu thông hàng hóa ở nông thôn [93, tr.10]. Nhiều hộ nông dân tỉnh Hải Phòng đã mạnh dạn chuyển đổi sang các loại hình dịch vụ với đa dạng các ngành nghề như: Dịch vụ ăn uống, kinh doanh điện tử, cơ khí, buôn bán vật liệu xây dựng, tạp hóa, thời trang, cho thuê nhà trọ...

Đối với việc thực hiện mục tiêu mở rộng bao phủ ASXH và các loại hình bảo hiểm, nông dân thông qua Hội nông dân đã tích cực các thông tin chính sách liên quan về ASXH, BHXH, bảo hiểm y tế; mở rộng các mô hình bảo hiểm, nhờ vậy nông dân hiểu rõ hơn về quyền lợi, giá trị của các chính sách BHXH và bảo hiểm y tế. Điều này giúp nâng cao trách nhiệm của nông dân trong việc thực hiện, tạo sự đồng thuận nhằm hoàn thành nhanh chóng mục tiêu BHXH và bảo hiểm y tế toàn dân. Nông dân phối hợp với các tổ chức hội đẩy mạnh tuyên truyền về chính sách BHXH, bảo hiểm y tế đến hội viên và người dân, tạo sự lan tỏa trong việc chấp hành chính sách về BHXH, bảo hiểm y tế, tích cực tham gia BHXH, bảo hiểm y tế để được hưởng quyền lợi. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tại các địa phương đều đạt mức cao đã cho thấy hiệu quả của công tác tuyên truyền chính sách ASXH. Tỷ lệ nông dân tham gia bảo hiểm y tế có sự gia tăng, thể hiện nỗ lực trong công tác vận động. Tại Hà Nội, đến năm 2024, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95.25%, tăng 5.15% so với năm 2020 [106, tr.12]. Tương tự, tỉnh Ninh Bình ghi nhận tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 93.55% dân số toàn tỉnh trong

cùng năm [94, tr.6]. Riêng tại Hải Phòng, công tác tuyên truyền được đẩy mạnh thông qua Hội nông dân với hơn 3.000 hội viên được phổ biến chính sách BHXH, bảo hiểm y tế mỗi năm. Tính đến hết tháng 6 năm 2022, toàn tỉnh đã có trên 80.000 hội viên tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình và hơn 3.000 hội viên tham gia BHXH tự nguyện [104, tr.10].

Nông dân chủ động tham gia xây dựng các mô hình vận động hội viên là nông dân tham gia BHXH tự nguyện, bảo hiểm y tế như mô hình *"Hợp tác xã tương trợ thành viên tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình, bảo hiểm xã hội tự nguyện"*. Hỗ trợ đăng tải các tin bài liên quan về BHXH tự nguyện, bảo hiểm y tế hộ gia đình trên các nền tảng mạng xã hội. Ngoài ra, nông dân còn tích cực tham gia các hội thi tuyên truyền chính sách BHXH, bảo hiểm y tế do cơ quan BHXH tổ chức. Tổ chức hội nghị tuyên truyền, hội nghị khách hàng hoặc lồng ghép tuyên truyền trực tiếp chính sách BHXH tự nguyện, bảo hiểm y tế hộ gia đình cho hội viên tại xã, phường.

Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức và mức độ tham gia của người dân vào các chính sách ASXH đang ở mức tương đối tích cực. Cụ thể, có tới 66% số người được hỏi cho biết họ đã từng nghe hoặc biết đến các chính sách ASXH như BHXH, bảo hiểm y tế và chương trình hỗ trợ người nghèo. Trong số đó, 43% cho biết họ đã từng tham gia hoặc trực tiếp hưởng lợi từ các chương trình hỗ trợ như BHXH, trợ cấp hoặc các khoản vay vốn theo chính sách. Khi được hỏi về loại hình ASXH nào được coi là cần thiết nhất đối với người dân nông thôn có 37.8% lựa chọn bảo hiểm y tế, 35.6% cho rằng BHXH là thiết yếu, trong khi 20.2% ưu tiên bảo hiểm thất nghiệp. Đáng chú ý, có tới 36% người được hỏi xác nhận đã từng nhận được hỗ trợ từ các chương trình ASXH, bao gồm trợ cấp dành cho người nghèo, người cao tuổi và trẻ em khó khăn [PL 02]. Có thể thấy, vai trò của nông dân trong tham gia xây dựng hệ thống dịch vụ nông thôn hiện đại, mở rộng bao phủ ASXH và các loại hình bảo hiểm không chỉ phụ thuộc vào sự hoàn thiện của hệ thống chính sách mà còn gắn với điều kiện kinh tế, trình độ tiếp cận thông tin

và năng lực tổ chức ở cơ sở. Vì vậy, mặc dù mức độ tham gia giữa các nhóm hộ còn có sự khác nhau, xu hướng chung là nông dân ngày càng chủ động hơn trong tiếp cận và thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội.

*Nông dân quan tâm chuyển đổi từ mô hình nông nghiệp truyền thống sang mô hình nông nghiệp sinh thái gắn với bảo vệ môi trường nông thôn*

Biến đổi khí hậu đang trở nên ngày càng phức tạp cùng với dịch bệnh diễn biến khó lường, gây ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình sản xuất. Nông dân đang chuyển sang mô hình nông nghiệp sinh thái tập trung vào việc đa dạng hóa cây trồng. Điều này giúp nâng cao kiến thức của nông dân, đảm bảo an ninh lương thực, cung cấp sản phẩm thực phẩm an toàn và tăng cường đa dạng sinh học trong nông nghiệp. Nông dân càng hiểu rõ các vấn đề môi trường và ảnh hưởng tiêu cực của phương pháp canh tác trong nông nghiệp truyền thống đối với hệ sinh thái. Nông dân đã thành lập các hội nhóm về nông nghiệp sinh thái, thành công trong việc xây dựng các nông trại sinh thái, thu hút khách du lịch và người tiêu dùng đến tham quan và mua sản phẩm tại chỗ qua đó nhân rộng mô hình và cách làm hay đến các hội viên khác.

Hải Phòng là địa phương đi đầu trong phát triển nông nghiệp hữu cơ của cả nước. Nông dân đã đầu tư vốn xây dựng được mô hình như khu du lịch sinh thái Đồng Mẩn, Đảo Cò; mô hình “3 trong 1” lúa - rươi - cáy. Nông dân thay đổi hình thức canh tác, nắm bắt áp dụng công nghệ: Gạo hữu cơ, chuối hữu cơ, rươi, cáy tự nhiên của Tứ Kỳ với 200 ha sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chí hữu cơ [105]. Nông dân tận dụng thế mạnh sẵn có của các làng nghề nông nghiệp tạo ra sản phẩm kết hợp du lịch. Các làng nghề truyền thống chủ yếu sử dụng phương pháp sản xuất thủ công tạo sự hấp dẫn cho du khách, tìm hiểu và trải nghiệm các công đoạn tạo ra sản phẩm. Tại tỉnh Hưng Yên đã hình thành nhiều mô hình sinh thái gắn với bảo vệ môi trường như: Mô hình sinh thái canh tác hữu cơ một số loài cây rau thông muối địa phương; mô hình phục hồi, phát triển diện tích rừng ngập mặn bị suy thoái; mô hình trồng, chưng cất tinh dầu cây sả chanh, cây hương nhu trắng;

mô hình trồng cỏ voi, ngô sinh khối đã có những thành công bước đầu trong việc nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật trồng lúa an toàn trên khu vực ruộng mặn, lợ có khả năng khai thác rươi [93, tr.18-19].

Đối với việc định hình các chức năng mới về môi trường nông dân đang dần nhận thức rõ hơn về bảo vệ môi trường sống và hệ sinh thái. Các hoạt động như trồng rừng, trồng lúa giảm phát thải hướng tới bán tín chỉ cacbon giảm lượng phát thải khí nhà kính được triển khai mạnh mẽ. Nhiều hộ nông dân đã chuyển sang canh tác hữu cơ, giảm sử dụng hóa chất nông nghiệp, hạn chế ô nhiễm nguồn nước và cải thiện chất lượng đất. Việc sử dụng năng lượng tái tạo trong nông nghiệp như: Năng lượng mặt trời, hầm khí biogas, năng lượng gió... cũng đang được khuyến khích. Tình trạng rác thải và chất thải nông nghiệp đã trở thành một thách thức lớn trong vùng, nông dân đã có những biện pháp điều chỉnh và thích nghi phù hợp. Các sáng kiến tái chế chất thải nông nghiệp, sản xuất phân hữu cơ từ phế phẩm và áp dụng kỹ thuật ủ phân xanh đang được triển khai. Nông dân ngày càng ý thức hơn về việc phân loại và xử lý rác thải. Nhiều giá trị mới về môi trường ở vùng ĐBSH đã và đang được nông dân xây dựng như: Chú trọng tới phát triển nông nghiệp bền vững; bảo tồn đa dạng sinh học với các hệ sinh thái đa dạng...

Qua khảo sát có 43% số người được hỏi đã áp dụng các mô hình nông nghiệp sinh thái hoặc thực hiện việc tái sử dụng phụ phẩm trong quá trình sản xuất. Đáng chú ý 61% trong số họ nhận định rằng các hình thức sản xuất nông nghiệp thân thiện với môi trường mang lại lợi ích thiết thực cho gia đình. Điều này cho thấy mối liên hệ tích cực giữa nhận thức về lợi ích và hành động thực tiễn trong việc hướng tới nông nghiệp bền vững ở cấp hộ gia đình [PL 02]. Việc chuyển đổi sang mô hình nông nghiệp sinh thái ở các địa phương vùng ĐBSH diễn ra theo nhiều cách thức khác nhau, gắn với đặc điểm sản xuất của từng địa bàn. Tại những vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nông dân có điều kiện mở rộng các mô hình ứng dụng công nghệ và kinh tế tuần hoàn, trong khi nhiều khu vực sản xuất quy

mô nhỏ tập trung vào thay đổi tập quán canh tác, tận dụng phụ phẩm và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư.

*Nông dân trực tiếp tham gia phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường nông thôn*

Thực tiễn cho thấy việc tham gia phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn của nông dân ở các địa phương trong vùng ĐBSH có sự khác biệt nhất định. Tại Hà Nội, từ cuối năm 2022 Hội nông dân thành phố đã xây dựng 135 mô hình ủ lên men phụ phẩm cây trồng, 90 mô hình nuôi gà đệm lót sinh học, 126 mô hình xử lý rơm rạ tại ruộng, 180 mô hình nuôi sâu canxi, nuôi trùn quế [107]. Tại Hưng Yên, cuộc vận động "Xây dựng môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp" và phong trào "Nhà sạch, vườn xanh, đường, sông không rác", công tác phân loại rác thải sinh hoạt và xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình được đông đảo nông dân tham gia [93, tr.14].

Nông dân tích cực tuyên truyền vận động, tham gia chương trình tập huấn tạo cơ hội để các hội viên, nông dân, các chủ trang trại, tổ kinh tế hợp tác tiếp cận công nghệ mở rộng quy mô nông hộ, trang trại. Nông dân còn được thực hành sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, trả lại chất hữu cơ cho đất, tránh đốt rơm rạ và khuyến khích sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường. Nhiều biện pháp để phát triển kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường đã và đang được nông dân áp dụng. Nông dân tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, đồng thời đề xuất các chính sách đặc thù cho việc tái chế phụ phẩm nông nghiệp cho các hộ nông dân. Tại Hưng Yên hiện có trên 100 doanh nghiệp đầu tư sản xuất tuần hoàn hoặc sản xuất tuần hoàn một số khâu để bảo vệ môi trường và giảm chi phí sản xuất như: Thu gom và tái chế các loại rác, phế phẩm trong quá trình sản xuất nhựa, giấy; thu gom triệt để bụi chì, bụi kẽm để tái sản xuất trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chì và kẽm; sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu tái chế thay thế cho nguyên liệu, nhiên liệu nguyên sinh... [69, tr.12]. Có thể thấy, việc phát triển kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở vùng được triển khai theo nhiều

hướng khác nhau, phù hợp với điều kiện sản xuất và lợi thế của từng địa bàn. Nếu ở các khu vực có nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa, vai trò của nông dân nổi bật trong ứng dụng các mô hình tuần hoàn, công nghệ sinh học và tái chế phụ phẩm, thì ở nhiều địa phương khác, sự tham gia chủ yếu được thể hiện thông qua thay đổi tập quán sản xuất, phân loại và xử lý chất thải tại hộ gia đình, góp phần từng bước hình thành lối sống xanh và sản xuất bền vững ở nông thôn.

Mặc dù mức độ tham gia và hình thức triển khai còn có sự khác nhau giữa các địa phương ở vùng ĐBSH, song xu hướng phát triển kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp đang ngày càng được nông dân quan tâm và hưởng ứng. Sự khác biệt chủ yếu thể hiện ở điều kiện sản xuất, trình độ tổ chức sản xuất, khả năng tiếp cận khoa học, công nghệ và nguồn lực đầu tư của từng địa phương. Kết quả khảo sát cho thấy, có 40% số người được hỏi cho biết họ đã từng tham gia các lớp tập huấn hoặc hội thảo liên quan đến bảo vệ môi trường hoặc sản xuất nông nghiệp sinh thái. Điều này phản ánh một mức độ nhất định về sự tiếp cận và quan tâm đến môi trường của nông dân. Đáng chú ý, khi được hỏi về mức độ sẵn sàng chuyển đổi từ phương thức sản xuất truyền thống sang mô hình nông nghiệp xanh và bền vững, có tới 47% người được hỏi khẳng định họ *"rất sẵn sàng"* và 24% cho biết *"sẵn sàng"*. Những con số này cho thấy xu hướng tích cực trong nhận thức và hành động của người dân nông thôn [PL 02]

#### ***3.1.1.4. Thành tựu thực hiện vai trò của nông dân trong ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số***

*Nông dân tích cực tham gia xây dựng, hoàn thiện chủ trương, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn hiện đại*

Thông qua các tổ chức CT - XH ở cơ sở, các lớp tập huấn, hội nghị chuyên đề hoặc trên các nền tảng truyền thông số đã giúp cho nông dân từng bước nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong phát triển sản xuất, quản lý nông thôn và nâng cao chất lượng cuộc sống. Từ nhận thức đó, nhiều nông dân đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện các chủ trương,

chính sách để bảo đảm tính phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Bên cạnh đó, nông dân tham gia phản hồi, góp ý và giám sát trong quá trình triển khai chính sách chuyển đổi số, thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp và gián tiếp, nông dân tham gia đánh giá hiệu quả của các chương trình, dự án ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Việc phản ánh kịp thời những khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai góp phần điều chỉnh chính sách cho phù hợp với thực tiễn, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở.

*Nông dân chủ động ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ số và công nghệ thông minh trong phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững*

Trong bối cảnh chuyển đổi từ mô hình nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp sinh thái và kinh tế tuần hoàn, yêu cầu đặt ra đối với sản xuất nông nghiệp không chỉ là gia tăng sản lượng mà còn phải đảm bảo tính chính xác, tiết kiệm tài nguyên và thân thiện với môi trường. Nông dân trong vùng đã từng bước tiếp cận và áp dụng các công nghệ mới như: Các cảm biến IoT và hệ thống giám sát tự động theo dõi độ ẩm, dinh dưỡng trong đất và không khí; dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) phân tích dữ liệu thời tiết, thổ nhưỡng, dự báo sớm dịch bệnh; máy bay không người lái (Drone) và robot thực thi các mệnh lệnh tưới tiêu, bón phân, phun thuốc vi sinh một cách tự động, chính xác từng centimet, giúp tối ưu hóa sản lượng đồng thời giảm tối đa phát thải và lãng phí tài nguyên; công nghệ chuỗi khối (Blockchain) được dùng để truy xuất nguồn gốc, minh bạch hóa toàn bộ quy trình sản xuất "xanh"... Những ứng dụng này giúp nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí đầu vào và hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường, qua đó góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển nông nghiệp sinh thái và kinh tế tuần hoàn.

Nông dân còn là nguồn cung cấp dữ liệu đầu vào quan trọng cho hệ thống nông nghiệp số. Dữ liệu về đất đai, cây trồng, vật nuôi, quá trình canh tác, sản lượng và thị trường được thu thập trực tiếp từ thực tiễn sản xuất của nông dân, trở

thành cơ sở cho việc phân tích, dự báo và ra quyết định dựa trên dữ liệu. Thông qua đó, nông dân từng bước tham gia vào quá trình quản lý sản xuất nông nghiệp hiện đại theo hướng quản trị dựa trên dữ liệu, thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào kinh nghiệm truyền thống.

Trong giai đoạn 2021 - 2024, Hà Nội đã hình thành 406 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với giá trị sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao chiếm khoảng 40% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp toàn thành phố. Đây là con số cho thấy chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ cao đang từng bước trở thành động lực tăng trưởng mới của nông nghiệp Thủ đô. Duy trì và vận hành hiệu quả “Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông, lâm sản, thủy sản, thực phẩm thành phố Hà Nội” tại địa chỉ *check.hanoi.gov.vn*. Hệ thống đã cấp tài khoản cho 3.083 cơ sở với hơn 12.000 bộ mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, tạo điều kiện để người tiêu dùng dễ dàng tiếp cận thông tin về nguồn gốc, quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm. Dữ liệu truy xuất nguồn gốc đã được tích hợp, kết nối với ứng dụng “Công dân Thủ đô số” iHanoi và sẵn sàng liên thông với hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa quốc gia, hệ thống của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Điều này không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, mà còn góp phần xây dựng niềm tin cho thị trường và người tiêu dùng [96, tr.14]. Tại tỉnh Hưng Yên nông dân tham gia nhiều dự án áp dụng công nghệ cao như: Công nghệ viễn thám để cung cấp bản đồ tuổi lúa; tích hợp mã QR code in trên giấy chứng nhận mã số vùng trồng; dịch vụ phun thuốc bằng máy bay; trồng rau, hoa trong nhà lưới bằng kỹ thuật thủy canh, canh tác trên giá thể không đất, hệ thống tưới nhỏ giọt, phun sương [68, tr.14].

Dựa trên nền tảng số nông dân cũng đã và đang đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số, quảng bá, giới thiệu sản phẩm qua các trang mạng xã hội, sàn thương mại điện tử Lazada, Shopee, Sen đỏ... Thông qua các hội nhóm nông dân hướng dẫn nhau tạo tài khoản, viết bài, chụp hình, xây dựng các video quảng bá đăng tải trên các sàn thương mại điện tử, Internet, sử dụng các phương thức thanh toán điện tử an toàn, tin cậy góp phần nâng cao thu nhập cho người dân. Ứng dụng

thành thạo các hiệu ứng hình ảnh, âm thanh bắt mắt, thực hiện livestream quảng bá sản phẩm và bán hàng trực tiếp trên các nền tảng xã hội như YouTube, Tiktok, Facebook, Zalo và kết nối với đơn vị vận chuyển, shipper để tạo mạng lưới liên kết phân phối sản phẩm, tiếp cận với khách hàng. Một số sản phẩm được nông dân gắn tem QR cho phép người tiêu dùng sử dụng điện thoại thông minh để quét mã và truy xuất nguồn gốc.

Các địa phương đã tổ chức đã triển khai các lớp tập huấn nhằm hướng dẫn hội viên nông dân ứng dụng Internet vào sản xuất kinh doanh. Thông qua đó, nông dân được học cách khai thác thông tin, quảng bá nông sản trên các kênh Zalo, Facebook và được tư vấn về việc tạo dựng mẫu mã, nhãn hiệu hàng hóa. Nâng cao kỹ năng của nông dân sử dụng máy tính, phương thức thu thập thông tin sản phẩm để đưa nông sản lên sàn thương mại điện tử tạo sự thuận lợi trong kết nối cung cầu giữa người mua và người bán. Bắt đầu nghiên cứu và triển khai chuỗi cung ứng nông sản chủ lực dựa trên công nghệ Blockchain để quản lý toàn bộ quy trình sản xuất. Đồng thời, áp dụng các nền tảng công nghệ để truy xuất nguồn gốc cho nông sản chủ lực và các sản phẩm OCOP của tỉnh.

Mức độ ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp của người dân đang có thay đổi tích cực. Cụ thể, có 41% số người được hỏi cho biết họ đã sử dụng các thiết bị thông minh để truy cập Internet nhằm tra cứu thông tin phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp. Đồng thời, 43% số người tham gia khảo sát đã và đang ứng dụng các loại máy móc, thiết bị công nghệ vào quá trình canh tác. Đáng chú ý 32% số người được hỏi khẳng định họ từng bán sản phẩm nông nghiệp qua các sàn điện tử như Postmart, Voso, Shopee... Những con số này cho thấy nông dân đã bước đầu tiếp cận và ứng dụng công nghệ phản ánh xu hướng chuyển đổi số trong nông nghiệp đang dần hình thành ở khu vực nông thôn [PL 02].

*Nông dân trực tiếp ứng dụng các giải pháp công nghệ thông minh trong phát triển văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường nông thôn*

Thông qua các nền tảng học trực tuyến và học liệu số, con em nông dân ở khu vực nông thôn có cơ hội tiếp cận tri thức và nội dung giáo dục chất lượng cao, góp phần thu hẹp khoảng cách về cơ hội học tập giữa nông thôn và đô thị. Trong lĩnh vực y tế, việc triển khai khám chữa bệnh từ xa và tư vấn sức khỏe trực tuyến giúp nông dân tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng mà không bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý. Nông dân còn tham gia ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn và quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương thông qua các nền tảng số, mạng xã hội và hệ thống dữ liệu số về di sản văn hóa.

Một số mô hình quản lý môi trường thông minh bước đầu được triển khai với sự tham gia của nông dân như: Giám sát chất lượng nước, quản lý rác thải, ứng dụng công nghệ trong phát hiện và xử lý ô nhiễm. Việc ứng dụng công nghệ số giúp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, đồng thời tạo nền tảng hướng tới phát triển nông thôn xanh, sạch và bền vững.

*Nông dân quan tâm ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ quản trị xã hội và xây dựng khu dân cư nông thôn thông minh*

Nhiều nông dân vùng ĐBSH đã ứng dụng thành thạo khoa học, công nghệ như dùng mạng xã hội Zalo, Facebook, Telegram... để tiếp nhận, phản hồi thông tin, đóng góp ý kiến vào các hoạt động quản trị ở địa phương. Thông qua sử dụng các ứng dụng AI như Chat GPT, Gemini... nông dân dễ dàng truy cập vào cổng dịch vụ công trực tuyến, sử dụng chức năng "một cửa điện tử" nhằm đơn giản hóa quy trình thủ tục hành chính tại xã. Nhờ vậy mà việc trao đổi, xử lý thông tin trong công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, xử lý khiếu nại tố cáo cho tới cấp hộ chiếu ngoại giao, công vụ, phục vụ toàn diện nhu cầu của nông dân diễn ra nhanh chóng, thuận lợi.

Ngoài ra, các nền tảng mạng xã hội như nhóm Zalo giúp người dân nhận thông tin nhanh chóng từ chính quyền xã, từ đó nắm bắt kịp thời các chỉ đạo và

thông điệp của lãnh đạo xã, đồng thời tăng cường sự tin tưởng và sự gần gũi giữa chính quyền và người dân. Nông dân cũng được hỗ trợ sử dụng wifi và mạng Internet công cộng miễn phí cùng với việc được tập huấn và tiếp cận nhanh chóng các dịch vụ tư vấn và bán hàng trực tuyến. Các địa phương đã chuẩn bị những điều kiện cần thiết để hình thành mô hình “làng thông minh” với đặc trưng các giá trị truyền thống và dịch vụ mới được tăng cường bằng các phương tiện kỹ thuật số, viễn thông tiến hành đổi mới sử dụng nhiều tri thức công nghệ vì lợi ích của người dân. Nông dân tham gia vào một số hoạt động như: Chủ động ứng phó với thiên tai và mưa bão; giám sát môi trường; quảng bá du lịch địa phương qua công nghệ thực tế ảo; nâng cấp hệ thống loa truyền thanh bằng cách cài đặt phần mềm chuyển văn bản thành âm thanh sử dụng AI; triển khai chương trình thương mại điện tử; thiết lập nền tảng thương mại điện tử cho sản phẩm nông sản của xã; sử dụng phần mềm bán hàng Shop One). Theo khảo sát, phần lớn nông dân đánh giá tích cực về vai trò của công nghệ số trong quản trị xã hội nông thôn. Cụ thể, 61% số người được hỏi cho rằng việc ứng dụng công nghệ số hiện nay đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân trong việc tham gia quản lý địa phương. Đồng thời, 55% khẳng định họ đã trực tiếp tham gia vào quá trình ứng dụng công nghệ hiện đại trong tiến trình chuyển đổi số tại địa phương. Đặc biệt, tỉ lệ nông dân tham gia sử dụng phần mềm VNID để giải quyết thủ tục hành chính đạt tới 67% cho thấy mức độ tiếp cận và tương tác ngày càng cao của người dân nông thôn với các công cụ quản trị hiện đại [PL 02].

#### ***3.1.1.5. Thành tựu thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng hệ thống chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh***

*Nông dân chủ động tham gia thực hiện cơ chế tự quản của cộng đồng dân cư giữ vững ổn định chính trị nông thôn*

Nông dân đã trực tiếp thảo luận và thành lập các mô hình tự quản ở khu vực nông thôn trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội. Thông qua các nhóm tự quản đóng vai trò nòng cốt trong việc đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông tại địa

phương. Nông dân chủ động giải quyết các mâu thuẫn, vun đắp tinh thần đoàn kết và thúc đẩy các hoạt động văn hóa, thể thao sôi nổi. Vận động người dân thực hiện lối sống văn minh, bảo vệ môi trường, đồng thời tham gia đóng góp và giám sát việc xây dựng các công trình phúc lợi chung. Hoạt động của các tổ tự quản giúp kế hoạch của xã được triển khai thống nhất đến từng hộ gia đình. Thành viên tổ không chỉ được phân công phụ trách cụ thể mà còn tích cực vận động bà con làm kinh tế giỏi, giữ gìn an ninh và hiến đất, góp công xây dựng hạ tầng qua đó giữ vững ổn định chính trị địa phương.

Thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở, nông dân đã tận dụng nguồn lực để xây dựng địa phương với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, các vấn đề được đưa ra bàn bạc công khai, dân chủ với sự thống nhất của người dân. Nông dân tham gia bàn bạc và quyết định trực tiếp vấn đề xây dựng, bổ sung quy ước, hương ước, xây dựng làng, xóm xanh sạch đẹp. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, xây dựng “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”, “Quỹ mái ấm tình thương” được người dân đồng tình ủng hộ. Nông dân trực tiếp tham gia xây dựng hương ước, quy ước ở các khu dân cư và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ý kiến đề xuất, kiến nghị của người dân tại các buổi đối thoại trực tiếp với chính quyền. Tham gia đối thoại với chính quyền, thông qua đó nắm bắt được nguyện vọng, những bức xúc trong nhân dân để kịp thời tiếp thu, giải trình, giải quyết đồng thời kiến nghị lên cấp trên theo quy định; thường xuyên tiếp thu ý kiến người dân đóng góp điều chỉnh, bổ sung các nội quy, quy chế, quy định, hương ước, quy ước của địa phương.

Với phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân góp vốn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân hưởng thụ*” nông dân tham gia họp thôn, xóm đóng góp ý kiến trong các khâu lựa chọn công trình, hình thức tổ các chính sách về huy động nguồn lực như xây dựng kết cấu hạ tầng, nâng cấp nhà văn hóa, điện chiếu sáng, đường giao thông, kênh mương thủy lợi...Nông dân bầu tổ giám sát từ khi lên phương án thi công đến công tác thanh, quyết toán ngay sau khi hoàn thành.

Nông dân thảo luận, bàn bạc tập thể và thống nhất, biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định nhiều nội dung như: Việc xây dựng hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; bầu, bãi nhiệm thành viên ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư cộng đồng; công khai hoạt động thu, chi các nguồn vốn xây dựng, chỉnh trang khu dân cư... Nông dân giám sát và theo dõi trực tiếp với tất cả các khoản thu chi được công khai và rõ ràng. Họ tham gia vào việc xây dựng và thực hiện các hương ước, quy ước của thôn, phát hiện và chỉ ra những thiếu sót trong việc thực hiện các chủ trương chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn kịp thời điều chỉnh, sửa đổi hoặc bổ sung những chính sách và quy định đúng để đáp ứng đúng quyền lợi chính đáng và hợp pháp của nông dân. Nông dân cũng giám sát hoạt động của chính quyền, đoàn thể thông qua hành vi và ứng xử của cán bộ khi thực thi nhiệm vụ công vụ. Với những việc làm trên đã góp phần tạo nên sự ổn định chính trị ở nông thôn.

Hình thành nhiều câu lạc bộ nông dân với pháp luật hoạt động ngày một thiết thực, hiệu quả, đồng thời tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua mạng lưới công tác viên pháp luật góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và hạn chế phát sinh điểm nóng ở cơ sở. Thông qua các nền tảng mạng xã hội, nông dân từng bước thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội của mình, đây đã trở thành kênh giám sát, phản biện quan trọng. Với khả năng lan truyền rộng và nhanh chóng, thông tin trên mạng xã hội có sức ảnh hưởng lớn và tiếp cận được một lượng người rất lớn. Nông dân với tinh thần trách nhiệm và xây dựng đã nhanh chóng và trực tiếp thể hiện quan điểm của mình về các vấn đề, nhiệm vụ và quyết định liên quan đến lĩnh vực KT - XH, tình hình triển khai luật pháp, cải cách thủ tục hành chính, cũng như về việc rèn luyện đạo đức của cán bộ thông qua các nền tảng mạng xã hội.

Xây dựng các mô hình quản trị ở nông thôn như: “Nông dân tự quản về an ninh trật tự”, mô hình tự quản “Khu dân cư bảo đảm trật tự, an toàn giao thông”,

mô hình “Khu liên gia tự quản”, “Khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường”, “Xứ, họ đạo tham gia bảo vệ tài nguyên môi trường”, “Tổ thu gom rác thải”, “Tổ tự quản bảo vệ môi trường”... Theo thống kê của Ủy ban MTTQ tỉnh Hưng Yên hiện nay có trên 200 mô hình tự quản về bảo vệ môi trường: Tổ tự quản, câu lạc bộ, các tuyến đường tự quản bảo vệ môi trường [89, tr.7]. Tại Hải Phòng, thành lập tổ tự quản về phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn; mô hình "Camera an ninh bảo đảm an ninh trật tự"; dòng họ an toàn về an ninh trật tự và mô hình tiếng kèng an ninh với sự nhiệt tình hưởng ứng đông đảo của nông dân [91, tr.6]. Tỉnh Ninh Bình nhân rộng 70 mô hình toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, nhiều xã, thị trấn xây dựng mô hình “camera an ninh”, lắp đặt 2.828 mắt tại các vị trí trọng điểm về an ninh trật tự, truyền hình ảnh về công an xã để theo dõi, quản lý, mô hình "camera an ninh" đã giúp lực lượng công an ngăn chặn, làm rõ 880 vụ việc liên quan đến an ninh trật tự [94, tr.13].

Theo khảo sát, 61% số người được hỏi đã nghe và phổ biến về quản trị xã hội nông thôn và thực hiện cơ chế tự quản. Bên cạnh đó, có 59% số người tham gia đóng góp ý kiến các nội dung về Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở và 58% số người được hỏi cho rằng họ đã được tham gia đóng góp ý kiến trong công tác quản trị xã hội nông thôn cũng như việc thực hiện cơ chế tự quản tại cộng đồng. Đáng chú ý, 64% trong số này cho biết họ chủ động tham gia vào quá trình đóng góp ý kiến, thể hiện mức độ tích cực trong tham gia quản trị cộng đồng. Các hình thức tham gia chủ yếu bao gồm: Thông qua các cuộc họp tại thôn, xóm, tổ dân phố (38.6%); đối thoại trực tiếp giữa người dân và chính quyền (29.2%); và trao đổi với cán bộ chuyên trách (27.6%). Những số liệu này phản ánh xu hướng gia tăng vai trò chủ động và trách nhiệm của nông dân trong đời sống CT - XH ở nông thôn hiện nay [PL 02].

*Nông dân tích cực tham gia giữ vững quốc phòng, an ninh đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tệ nạn xã hội*

Tại tỉnh Hưng Yên, nông dân đã tích cực tham gia nhiều hoạt động như: Quân đội chung sức xây dựng NTM, đô thị văn minh, tham gia dân quân tự vệ,

dự bị động viên, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội... [93, tr.16].

Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ nhận thức và tham gia của người dân vào các hoạt động giữ gìn quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường ở địa phương tương đối tích cực. Cụ thể, có 63% số người được hỏi cho biết họ nắm bắt được các thông tin về bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Những thông tin này chủ yếu được truyền tải qua nhiều kênh khác nhau, trong đó 39.6% tiếp cận qua các cuộc họp tại địa phương, 30.2% qua phương tiện truyền thông và 21.4% qua cán bộ xã. Bên cạnh việc tiếp nhận thông tin, nông dân cũng thể hiện tinh thần chủ động trong tham gia các hoạt động liên quan, có 57% số người được hỏi từng tham gia đóng góp ý kiến. Ngoài ra, 31% số người được khảo sát cho biết họ từng tham gia vào các đội tự quản; 29% cho biết trong gia đình có người tham gia vào lực lượng dân quân tự vệ hoặc lực lượng dự bị động viên. Đặc biệt, 64% từng trực tiếp tham gia vào các hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng như đường giao thông nông thôn, cầu cống, và các công trình phòng thủ dân sự [PL 02]. Về mức độ hài lòng của người dân đối an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn cư trú tương đối tích cực. Cụ thể, trong số những người được hỏi, 17% đánh giá rằng có 23% người dân “*rất hài lòng*” và 37% cho rằng người dân “*hài lòng*” với tình hình an ninh trật tự. 59% cho rằng ý kiến của họ đã được chính quyền lắng nghe và tiếp thu, phản ánh mức độ tin tưởng và sự tham gia tích cực của người dân vào các vấn đề quản lý xã hội tại địa phương [PL 02]. Những kết quả trên cho thấy vai trò của nông dân trong bảo đảm quốc phòng, an ninh ở nông thôn ngày càng được mở rộng, không chỉ dừng lại ở việc tham gia các phong trào quần chúng mà còn trực tiếp góp phần xây dựng môi trường xã hội an toàn, ổn định và tăng cường khả năng ứng phó với các tình huống phát sinh ở cơ sở. Mức độ tham gia được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng cộng đồng dân cư, qua đó tạo nền tảng quan trọng để củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân.

*Nông dân trực tiếp tham gia xây dựng tiềm lực, thế trận quốc phòng, an ninh ở nông thôn.*

Trước hết, nông dân có lợi thế về sự am hiểu sâu sắc đặc điểm địa lý, địa hình, điều kiện tự nhiên cũng như phong tục, tập quán và các quan hệ xã hội tại địa phương. Đây là yếu tố mang tính “tri thức bản địa” có giá trị trong việc nhận diện sớm các nguy cơ tiềm ẩn gây mất ổn định CT - XH. Nhờ đó, nông dân có khả năng phát hiện kịp thời những biểu hiện bất thường, các hành vi vi phạm pháp luật, các yếu tố ngoại lai có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh trật tự từ đó góp phần quan trọng vào việc phòng ngừa, ngăn chặn từ sớm, từ xa các tình huống phức tạp phát sinh ở cơ sở.

Bên cạnh đó, thông qua các thiết chế tự quản cộng đồng như tổ tự quản, tổ hòa giải, tổ an ninh nhân dân, vai trò chủ thể của nông dân trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngày càng được phát huy rõ nét. Các hoạt động này không chỉ góp phần giải quyết hiệu quả các mâu thuẫn, tranh chấp ngay từ cơ sở, hạn chế khiếu kiện kéo dài, mà còn củng cố khối đại đoàn kết cộng đồng, tăng cường sự đồng thuận xã hội yếu tố cốt lõi của thế trận an ninh nhân dân.

Không chỉ dừng lại ở vai trò tham gia quản lý xã hội, nông dân còn là lực lượng nòng cốt trong xây dựng và củng cố các thành phần của lực lượng vũ trang tại chỗ. Việc tham gia tích cực vào lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên đã khẳng định vị trí của nông dân như một bộ phận cấu thành quan trọng của nền quốc phòng toàn dân. Đây là lực lượng vừa trực tiếp lao động sản xuất, vừa sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu khi có tình huống xảy ra. Trong điều kiện bình thường, nông dân góp phần giữ vững ổn định chính trị; khi có thiên tai, dịch bệnh hoặc các tình huống khẩn cấp, họ là lực lượng xung kích trong công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả, cứu hộ, cứu nạn, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân.

Hơn nữa, vai trò của nông dân trong xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh còn được thể hiện ở việc tham gia phát triển KT - XH nông thôn theo hướng bền

vững. Sự ổn định và phát triển của kinh tế nông thôn không chỉ nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân mà còn tạo nền tảng vững chắc cho ổn định chính trị, củng cố “thế trận lòng dân” là yếu tố then chốt bảo đảm sức mạnh tổng hợp của quốc phòng, an ninh. Khi đời sống nông dân được cải thiện, niềm tin vào Đảng và Nhà nước được củng cố, từ đó tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

*Nông dân quan tâm phòng ngừa, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng*

Nhằm chống phá cách mạng Việt nam, các thế lực thù địch, phản động sử dụng nhiều các chiêu thức thâm độc nhằm phủ nhận thành quả của công cuộc đổi mới nói chung và xây dựng NTHĐ nói riêng. Chúng thường lợi dụng những vấn đề nhạy cảm ở nông thôn như đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, môi trường, chính sách nông nghiệp, tôn giáo, dân tộc... để xuyên tạc, bôi nhọ, đường lối, chủ trương của Đảng, kích động tâm lý bất mãn trong nông dân.

Trước tình đó, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể CT - XH các địa vùng ĐBSH, nông dân từng bước nâng cao nhận thức về sự nguy hiểm của các quan điểm sai trái, từ đó đã chủ động tham gia phát hiện, ngăn chặn và phản ánh kịp thời những biểu hiện tuyên truyền trái pháp luật, kích động gây mất đoàn kết ở cơ sở. Vai trò của nông dân trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ngày càng được thể hiện rõ nét thông qua việc tin tưởng, ủng hộ và thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nông dân chính là lực lượng trực tiếp kiểm nghiệm tính đúng đắn của đường lối đổi mới ở nông thôn, sự đồng thuận hay phản ứng của nông dân có ý nghĩa quyết định đến thành công của các chương trình xây dựng NTHĐ. Nông dân tích cực tham gia đầy đủ và tích cực các buổi sinh hoạt hội nghị thôn, xóm, sinh hoạt hội nông dân để nâng cao nhận thức chính trị, củng cố niềm tin vào Đảng và Nhà nước trở thành lực lượng nòng cốt lan tỏa tư tưởng tích cực, đấu tranh với những biểu hiện hoài nghi, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở.

Nhiều nông dân đã chủ động tham gia, góp phần lan tỏa thông tin chính thống và đấu tranh với các quan điểm sai trái bằng những hình thức phù hợp với điều kiện thực tiễn ở cơ sở, củng cố sự đồng thuận xã hội và giữ vững ổn định chính trị ở nông thôn. Ở một số địa phương, nông dân đã thực hiện phản bác các thông tin xấu độc trên không gian mạng thông qua việc chia sẻ nguồn tin chính thống, báo cáo các nội dung vi phạm, đồng thời trao đổi và giải thích trong cộng đồng trực tuyến. Nhiều mô hình mới như “nông dân với chuyển đổi số”, “chi hội nông dân trên không gian mạng” được thành lập và nhận được sự hưởng ứng tích cực từ hội viên, qua đó phát huy vai trò quan trọng trong định hướng dư luận ở cơ sở. Kết quả khảo sát cho thấy có tới 55% người được hỏi tham gia tuyên truyền, đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái, thù địch nhằm chống phá chủ trương xây dựng NTHĐ [PL 02]. Như vậy, có thể thấy việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong nông dân ĐBSH đang từng bước được mở rộng từ không gian cộng đồng truyền thống sang không gian số và bước đầu đạt được những kết quả tích cực, đây là cơ sở quan trọng để có thể tiếp tục lan tỏa, nhân rộng ra nhiều địa phương, vùng miền khác trên cả nước.

### **3.1.2. Hạn chế trong thực hiện vai trò của nông dân về xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay**

#### ***3.1.2.1. Hạn chế về thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng kết cấu hạ tầng***

*Năng lực của nông dân trong việc tham gia bàn bạc, thảo luận, đóng góp ý kiến về quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu*

Một bộ phận không nhỏ nông dân còn tâm lý thụ động, ngại phát biểu, chưa chủ động tham gia vào các nội dung quan trọng như quy hoạch kết cấu hạ tầng, sử dụng đất hay xây dựng các công trình công cộng. Một bộ phận nông dân chưa được trang bị đầy đủ kiến thức về chuyên môn kỹ thuật, tài chính và quy trình quản lý dự án, nên việc giám sát các công trình hạ tầng, bảo vệ môi trường và hoạt động của HTCT chưa đạt hiệu quả cao. Tình trạng nể nang, e ngại và chậm, thiếu

kỹ năng phản ánh cũng làm giảm vai trò giám sát của nông dân. Hệ quả là một số dự án, công trình triển khai chưa bảo đảm chất lượng, chưa phù hợp với nhu cầu thực tế của người dân.

Theo khảo sát, có tới 39% số người được hỏi cho biết họ chưa từng biết đến đề án xây dựng hay bản đồ quy hoạch kết cấu hạ tầng của địa phương. Điều này phản ánh tình trạng thiếu thông tin và truyền thông chưa hiệu quả từ phía chính quyền cơ sở. Đồng thời, có đến 53% người dân không tham gia đóng góp ý kiến cho các kế hoạch xây dựng, 38% cho rằng ý kiến của họ không được lắng nghe hoặc tiếp thu một cách nghiêm túc. Những con số này cho thấy sự thiếu kết nối giữa chính quyền và người dân trong việc bảo đảm tính dân chủ và phản hồi hai chiều trong quy trình lập kế hoạch và triển khai [PL 02].

*Nhận thức của một bộ phận nông dân đối với quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn chưa đầy đủ*

Đất đai ở nông thôn gắn bó chặt chẽ với đời sống và sinh kế của nông dân, vì vậy nhiều hộ còn tâm lý giữ đất, ngại di dời hoặc phản ứng tiêu cực khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ các dự án phát triển. Bên cạnh đó, một bộ phận nông dân chưa hiểu rõ các quy định về đền bù, hỗ trợ tái định cư, dẫn đến kỳ vọng chưa phù hợp hoặc thiếu hợp tác trong quá trình thực hiện. Sự thiếu đồng thuận và chủ động từ phía người dân đã phần nào làm chậm tiến độ triển khai các công trình hạ tầng, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển nông thôn theo hướng hiện đại và bền vững.

Sự thiếu thống nhất trong nhận thức và lợi ích giữa các hộ nông dân đã khiến quá trình dồn điền đổi thửa diễn ra chậm, thậm chí kéo dài nhiều năm hoặc không thể triển khai tại một số địa phương. Sau chuyển đổi, tình trạng manh mún đất đai vẫn chưa được khắc phục triệt để. Bên cạnh đó, nông dân còn hạn chế về kỹ năng đàm phán và tầm nhìn dài hạn trong các giao dịch đất đai. Hoạt động cho thuê đất nông nghiệp chưa phát huy hiệu quả do phần lớn nông dân e ngại rủi ro, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau và chưa hình thành được sự đồng thuận rộng rãi. Việc cho thuê đất chủ yếu diễn ra trong phạm vi gia đình, họ hàng, phản ánh tâm lý

khép kín và thiếu tính liên kết trong sản xuất khó tạo được sức hấp dẫn đối với doanh nghiệp và các nhà đầu tư, làm hạn chế khả năng tiếp cận các mô hình sản xuất hiện đại, quy mô lớn.

*Hoạt động kiểm tra, giám sát và phản biện xã hội của nông dân đối với công tác xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn còn nhiều bất cập*

Mặc dù Hội Nông dân các cấp đã được giao chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với công tác xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, song sự tham gia trực tiếp của nông dân vào các hoạt động này còn hạn chế, phạm vi và hiệu quả tác động chưa cao. Nông dân chưa nhận thức đầy đủ về quyền và trách nhiệm phản biện xã hội, thiếu kỹ năng và điều kiện tham gia, dẫn đến hoạt động giám sát còn mang tính hình thức, phiến diện. Đối với Ban phát triển nông thôn do chưa có quy định cụ thể về địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ và thiếu kinh phí hoạt động nên sự tham gia của nông dân vào Ban chưa thực sự phát huy được vai trò, động lực và trách nhiệm. Ngoài ra, việc khơi dậy nội lực, tính chủ động và sáng tạo của nông dân trong xây dựng NTHĐ còn hạn chế, ở một số nơi vẫn tồn tại tình trạng huy động quá sức dân, chạy theo thành tích, làm giảm sự đồng thuận và tham gia tích cực của nông dân. Theo khảo sát, có 69% số người được hỏi không tham gia vào quá trình lựa chọn đại diện giám sát công trình và 67% không tham gia quản lý, vận hành và bảo dưỡng các công trình sau hoàn thành, qua đó đã cho thấy vai trò chủ thể của người dân vẫn còn bị xem nhẹ hoặc chưa được thúc đẩy đúng mức [PL 02].

### ***3.1.2.2. Hạn chế về thực hiện vai trò của nông dân trong phát triển kinh tế***

*Năng lực của nông dân trong cập nhập, tiếp cận thông tin thị trường và tiêu thụ nông sản trực tuyến chưa theo kịp yêu cầu của chuyển đổi số.*

Tình trạng sản xuất nhỏ lẻ vẫn phổ biến ở nhiều địa phương, thể hiện ở việc nông dân chủ yếu hoạt động riêng lẻ, thiếu sự liên kết cả chiều ngang (giữa các hộ với nhau) và chiều dọc (với các tổ chức, doanh nghiệp). Điều này cản trở việc hình thành các chuỗi giá trị bền vững, dẫn đến năng lực tổ chức quy mô lớn còn yếu, đồng thời gây khó khăn trong việc tiếp cận các thị trường tiêu thụ lớn và ổn định.

Tình trạng vi phạm cam kết trong các hợp đồng liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp ngày càng trở nên phổ biến. Một bộ phận người sản xuất, dù đã nhận đầu tư ứng trước từ phía doanh nghiệp nhưng vẫn chọn bán sản phẩm cho đối tác khác khi thị trường có sự biến động giá theo hướng có lợi cho họ.

*Kỹ năng của nông dân trong việc tiếp cận và sử dụng các nền tảng thương mại điện tử, phương thức thanh toán không dùng tiền mặt còn hạn chế*

Điều này dẫn đến việc số lượng hộ nông dân tham gia vào kênh phân phối hiện đại này còn khá hạn chế. Trong số ít những hộ đã tham gia, sản phẩm cung cấp thường có quy mô nhỏ, chất lượng chưa ổn định và các khâu như đóng gói hay bảo quản sau thu hoạch vẫn còn nhiều mặt hạn chế. Theo kết quả khảo sát, có đến 59% số người được hỏi không sử dụng các thiết bị thông minh như điện thoại di động, máy tính bảng hay máy vi tính để truy cập Internet và tra cứu thông tin liên quan đến sản xuất nông nghiệp. Điều này cho thấy mức độ tiếp cận công nghệ số của bộ phận nông dân còn hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận tri thức nông nghiệp hiện đại. Bên cạnh đó, 47% số người được hỏi cho biết chưa từng thực hiện hoạt động bán sản phẩm nông nghiệp qua các nền tảng thương mại điện tử như Postmart, Voso, Shopee... đồng thời 21% hoàn toàn không biết đến sự tồn tại của các nền tảng này [PL 02]. Những con số trên phản ánh khoảng cách số đang tồn tại giữa nông dân và các công cụ số hóa hiện đại trong chuỗi giá trị nông nghiệp đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc nâng cao nhận thức và năng lực số cho nông dân.

*Một bộ phận nông dân còn thiên về lợi ích kinh tế trước mắt, chưa chú trọng đúng mức lợi ích cộng đồng và phát triển bền vững*

Vẫn còn tình trạng nông dân ưu tiên các quyết định sản xuất mang tính ngắn hạn, thiếu tính bền vững, sẵn sàng đánh đổi các giá trị chung như an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng để tối đa hóa lợi nhuận cá nhân. Cách tiếp cận thuần túy thị trường như vậy làm suy giảm nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội. Ngoài ra, một số

nông dân còn e ngại, thiếu niềm tin với hình thức hợp tác xã kiểu mới. Xu hướng sản xuất manh mún, tự phát, thiếu liên kết chuỗi giá trị vẫn phổ biến, khiến nông dân dễ bị lệ thuộc vào thương lái và tư bản tư nhân làm giảm khả năng điều tiết của Nhà nước và vai trò định hướng của kinh tế tập thể. Tình trạng này không chỉ hạn chế hiệu quả sản xuất mà còn làm lệch khỏi mục tiêu xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thực tế khảo sát cho thấy có tới 30% số người được hỏi cho biết họ không tham gia bất kỳ hình thức hợp tác xã hay mô hình liên kết nào trong sản xuất và tiêu thụ nông sản [PL 02]. Con số này phản ánh rõ ràng mức độ hạn chế trong việc xây dựng liên kết sản xuất, từ đó góp phần lý giải tại sao nhiều nông dân vẫn chưa thể tiếp cận thông tin thị trường một cách đầy đủ và kịp thời. Hệ quả là việc sản xuất thường không phù hợp với nhu cầu thị trường hoặc bị rơi vào thế yếu khi đàm phán giá cả, dễ bị thương lái hoặc doanh nghiệp ép giá. Nông dân còn thiếu kỹ năng thương thảo và khả năng bảo vệ lợi ích trong các giao dịch kinh tế cũng còn hạn chế, dẫn đến việc họ thường xuyên chịu thiệt thòi

### ***3.1.2.3. Hạn chế về thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường***

*Một bộ phận nông dân chưa thật sự tích cực tham gia bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và duy trì các thiết chế văn hóa ở nông thôn*

Mặc dù nông dân là chủ thể trực tiếp hình thành, bảo tồn và thụ hưởng các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng làng xã, song trên thực tế mức độ tham gia của họ vào các hoạt động bảo tồn và phát huy các thiết chế văn hóa còn chưa đồng đều và thiếu tính chủ động. Nhiều hoạt động văn hóa cộng đồng vẫn chủ yếu được triển khai theo kế hoạch hành chính hoặc phong trào, trong khi sự tham gia của nông dân phần lớn mang tính thực hiện hơn là đồng kiến tạo. Nhận thức của một bộ phận nông dân về vai trò của văn hóa truyền thống trong xây dựng NTHĐ còn chưa đầy đủ, dẫn đến việc duy trì và phát huy các thiết chế văn hóa chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng.

*Năng lực bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của một bộ phận nông dân còn chưa đáp ứng yêu cầu của xây dựng nông thôn hiện đại.*

Sự dịch chuyển lao động từ nông thôn ra đô thị đã làm suy giảm vai trò của các lực lượng kế cận trong việc duy trì sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Một số phong tục, lễ hội và hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống có xu hướng bị giản lược hoặc biến đổi về nội dung, trong khi nông dân chưa có đủ năng lực và điều kiện để chủ động điều chỉnh, đổi mới các giá trị văn hóa này theo hướng phù hợp với bối cảnh phát triển mới. Điều này dẫn đến nguy cơ đứt gãy trong quá trình kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống ở nông thôn. Tình trạng trên phần nào phản ánh sự hạn chế trong nhận thức và hành động của một bộ phận nông dân nông thôn đối với việc gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Kết quả khảo sát cho thấy có 37% số người được hỏi cho rằng họ không biết về các chủ trương liên quan đến việc duy trì, bảo tồn, kế thừa và phát huy các thiết chế, thể chế văn hóa tại khu vực nông thôn của địa phương và có tới 51% cho biết họ không tham gia đóng góp ý kiến khi xây dựng hương ước, quy ước của các hộ gia đình tại địa phương. Những con số này cho thấy một thực trạng đáng lo ngại về sự thờ ơ, thiếu gắn bó của nông dân với đời sống văn hóa cộng đồng tại nông thôn [PL 02].

*Một bộ phận nông dân nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa của bảo đảm ASXH và các loại hình bảo hiểm*

Một bộ phận nông dân chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa lâu dài của các chính sách ASXH, BHXH, bảo hiểm y tế và bảo hiểm nông nghiệp. Việc tham gia các loại hình bảo hiểm còn mang tính không ổn định, phụ thuộc vào hỗ trợ của Nhà nước và điều kiện kinh tế từng thời điểm. Thu nhập từ sản xuất nông nghiệp thiếu ổn định tiếp tục là yếu tố cản trở khả năng tham gia bền vững của nông dân vào các chương trình ASXH và bảo hiểm. Theo kết quả khảo sát, có tới 53.2% số người được hỏi cho rằng thu nhập thấp là nguyên nhân chủ yếu khiến họ chưa thể tham gia đầy đủ các loại hình bảo hiểm cho thấy khó khăn kinh tế là yếu tố tác động trực tiếp đến khả năng tiếp cận và duy trì bảo hiểm của nông dân. Bên cạnh

đó, 31.8% ý kiến cho rằng sự thiếu niềm tin vào hiệu quả của các loại hình bảo hiểm hiện nay là rào cản quan trọng, phản ánh rõ nét hạn chế trong nhận thức và niềm tin xã hội đối với hệ thống ASXH [PL 02]. Các chương trình hỗ trợ tài chính hoặc trợ cấp cho nông dân tham gia bảo hiểm chưa đủ mạnh hoặc chưa được triển khai rộng rãi. Trong nhiều trường hợp, nông dân không biết rõ cơ chế giải quyết khiếu nại hoặc bảo vệ quyền lợi khi gặp vấn đề với các chương trình bảo hiểm, điều này làm cho việc yêu cầu quyền lợi trở nên khó khăn và ít được thực hiện.

*Nhận thức của nhiều nông dân chưa thực sự toàn diện về vấn đề bảo vệ môi trường ở nông thôn*

Một bộ phận nông dân mới chỉ nhận thức môi trường ở khía cạnh bảo vệ đất đai, nguồn nước phục vụ trực tiếp cho sản xuất, trong khi chưa nhận thức đầy đủ các chức năng môi trường rộng lớn hơn như bảo tồn đa dạng sinh học, cân bằng sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu. Do nhận thức chưa toàn diện, nhiều hộ nông dân vẫn ưu tiên mục tiêu tăng năng suất và thu nhập ngắn hạn, chưa sẵn sàng hy sinh lợi ích trước mắt để đầu tư cho các giải pháp bảo vệ môi trường lâu dài. Điều này ảnh hưởng đến việc triển khai các mô hình sản xuất giảm phát thải, canh tác carbon thấp và phát triển nông nghiệp bền vững.

Nông dân còn thiếu thông tin và kỹ năng tham gia thị trường tín chỉ carbon, dẫn đến việc các mô hình giảm phát thải chưa tạo ra lợi ích kinh tế rõ ràng. Điều này làm giảm động lực của nông dân trong việc mở rộng và duy trì các mô hình sản xuất thân thiện với môi trường. Việc phân loại rác tại nguồn chưa trở thành thói quen phổ biến, nhiều nơi vẫn tồn tại tình trạng đốt rơm rạ, xả thải trực tiếp ra môi trường gây ô nhiễm không khí và nguồn nước. Các sáng kiến tái chế phụ phẩm nông nghiệp chủ yếu được thực hiện ở quy mô nhỏ lẻ, thiếu sự liên kết và hỗ trợ về công nghệ. Điều này làm cho lượng chất thải nông nghiệp chưa được tái sử dụng hiệu quả, gây áp lực lớn lên môi trường nông thôn. Thực tế khảo sát cho thấy, 29% số người được hỏi không sẵn sàng thay đổi phương thức sản xuất truyền thống sang mô hình nông nghiệp xanh, bền vững phản ánh rõ ràng sự miễn cưỡng

trong việc chấp nhận đổi mới, đặc biệt khi thiếu động lực kinh tế trực tiếp. Bên cạnh đó, nông dân còn thiếu thông tin và kinh nghiệm thực tiễn về các mô hình nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn. Có tới 60% số người được hỏi chưa từng tham gia bất kỳ lớp tập huấn hay hội thảo nào liên quan đến bảo vệ môi trường hoặc sản xuất nông nghiệp sinh thái, cho thấy sự hạn chế trong tiếp cận tri thức và các mô hình mẫu thành công [PL 02]. Có thể thấy, việc thiếu dẫn chứng thuyết phục từ thực tiễn và mạng lưới hỗ trợ kỹ thuật đã khiến quá trình chuyển đổi trở nên khó khăn hơn.

#### ***3.1.2.4. Hạn chế về thực hiện vai trò của nông dân trong ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số***

*Năng lực tiếp cận và sử dụng công nghệ số của nông dân còn chưa đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số toàn diện*

Mặc dù tỷ lệ nông dân sử dụng điện thoại thông minh và mạng internet tương đối cao, song tỷ lệ nông dân có kỹ năng số cơ bản còn thấp việc sử dụng chủ yếu mới dừng lại ở các chức năng cơ bản như liên lạc, tiếp cận thông tin hoặc giải trí. Nhiều nông dân còn gặp khó khăn khi tiếp cận và sử dụng các ứng dụng số phục vụ sản xuất (nhật ký điện tử, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử) cũng như các nền tảng số trong quản trị xã hội như cổng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng phản ánh hiện trường, hệ thống thông tin hành chính cơ sở hoặc các nhóm tương tác số giữa chính quyền và người dân. Nông dân vẫn chưa quen với việc sử dụng các công cụ số để tham gia góp ý chính sách, giám sát hoạt động của chính quyền cơ sở, phản ánh các vấn đề xã hội hoặc tham gia xây dựng đời sống VH - XH ở địa phương. Điều này cho thấy trình độ kỹ năng số của nông dân còn có những hạn chế nhất định và chưa đồng đều. Theo kết quả khảo sát có tới 57% người được hỏi cho biết họ không sử dụng các thiết bị công nghệ như máy cày, máy cấy, hệ thống tưới tự động hay công nghệ IoT trong sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, 21% không biết đến và 32% biết nhưng chưa tham gia các mô hình kinh tế tuần hoàn. Đáng chú ý, trong các chương trình phát triển kinh tế nông thôn như "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP), vẫn còn tới 11% nông dân không biết đến và 34% dù biết nhưng không tham gia

[PL 02]. Những con số này cho thấy khoảng cách đáng kể giữa chủ trương, chính sách và thực tiễn triển khai, đồng thời nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết về tăng cường truyền thông, tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật để thúc đẩy sự tham gia của nông dân vào quá trình đổi mới nông nghiệp.

*Khả năng đầu tư cho ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số của nông dân còn nhiều hạn chế.*

Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ như nhà kính, nhà màng, hệ thống tưới thông minh, cảm biến môi trường, giống mới hay phần mềm quản lý sản xuất đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu tương đối lớn. Do thiếu nguồn lực tài chính và chưa nhìn thấy rõ hiệu quả kinh tế ngắn hạn, nhiều nông dân có tâm lý e ngại, không mạnh dạn đầu tư đổi mới công nghệ, dẫn đến quá trình hiện đại hóa sản xuất diễn ra chậm.

Khả năng tiếp cận hạ tầng số của nông dân còn thấp do hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin ở nông thôn chưa đồng bộ. Chất lượng kết nối Internet, đặc biệt là băng thông rộng và mạng di động thế hệ mới còn thiếu ổn định, chi phí sử dụng dịch vụ cao, vượt quá khả năng chi trả của không ít hộ nông dân. Ngoài ra, trình độ kỹ năng số của nông dân còn hạn chế do các điểm hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến và đào tạo kỹ năng số chưa được tổ chức thường xuyên, dẫn đến việc nông dân chưa chủ động tham gia vào các mô hình chính quyền số, xã số, thôn thông minh. Thói quen xử lý công việc theo phương thức truyền thống, trực tiếp, giấy tờ vẫn phổ biến, làm chậm quá trình hiện đại hóa nông thôn.

*Sự thiếu hụt đội ngũ hạt nhân nông dân trẻ có khả năng tham gia và dẫn dắt các hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.*

Trong bối cảnh cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch mạnh sang khu vực công nghiệp và dịch vụ, lực lượng lao động trẻ có trình độ, kỹ năng công nghệ thông tin và tư duy số ngày càng ít gắn bó với sản xuất nông nghiệp và các hoạt động quản lý ở cơ sở, chủ yếu là lao động trung niên và cao tuổi. Nhóm lao động này dù có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, song thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận, làm

chủ và thích ứng với các công nghệ số, đặc biệt là các công nghệ đòi hỏi thao tác phức tạp, tư duy quản lý nông nghiệp dựa trên dữ liệu và sử dụng thường xuyên các nền tảng số. Điều này làm hạn chế hiệu quả triển khai chuyển đổi số không chỉ trong hoạt động sản xuất nông nghiệp mà còn trong các lĩnh vực quản trị nông thôn như cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tương tác giữa chính quyền cơ sở với người dân và quản lý cộng đồng trên môi trường số.

### ***3.1.2.5. Hạn chế về thực hiện vai trò của nông dân trong giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh***

*Năng lực và kỹ năng tham gia quản trị xã hội nông thôn của nông dân còn hạn chế*

Trong nhiều trường hợp, nông dân bị gạt ra khỏi các quyết định quan trọng liên quan đến quản trị xã hội do thiếu tiếng nói và quyền tham gia. Sự thiếu tổ chức, thiếu liên kết giữa các nhóm nông dân và cơ chế phân quyền chưa rõ ràng dẫn đến việc nông dân không thể tham gia đầy đủ vào quá trình hiện đại hóa quản trị. Điều này làm giảm tính hiệu quả của các chính sách và gây ra sự bất bình đẳng trong cộng đồng nông thôn. Cơ chế tự quản đòi hỏi nông dân phải có kỹ năng quản lý và lãnh đạo trong cộng đồng. Tuy nhiên, nhiều nông dân chưa được trang bị đầy đủ những kỹ năng này dẫn đến khó khăn trong việc tổ chức, điều hành các hoạt động chung và đưa ra quyết định. Sự thiếu hụt này làm giảm hiệu quả của các hoạt động tự quản và có thể dẫn đến sự bất đồng hoặc xung đột trong cộng đồng, phần nào ảnh hưởng tiêu cực đến giữ vững ổn định chính trị xã hội nông thôn.

Khi được giao nhiệm vụ hoặc đảm nhận vai trò lãnh đạo tại các tổ chức đảng, đoàn thể, nông dân thường thiếu kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và giám sát công việc. Sự hạn chế này dẫn đến việc quản lý không hiệu quả, gây ra nhiều khó khăn trong điều hành các hoạt động CT - XH tại địa phương. Khảo sát cho thấy có tới 53.6% số người được hỏi không phải là đoàn viên, hội viên của bất kỳ tổ chức CT - XH nào, phản ánh thực trạng một bộ phận lớn nông dân chưa được tổ chức, tập hợp vào các thiết chế CT - XH để phát triển năng lực và đóng góp vào công tác

chung [PL 02]. Ngoài ra, việc thiếu kỹ năng giao tiếp và thuyết phục cũng là một hạn chế lớn. Nông dân thường gặp khó khăn trong việc thuyết phục, kêu gọi người dân tham gia vào các phong trào, chính sách của Đảng trong xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Điều này làm giảm hiệu quả của chính sách và các phong trào tổ chức thực hiện, làm giảm niềm tin của người dân vào đội ngũ cán bộ, đảng viên tại địa phương.

*Nhận thức và mức độ quan tâm của một bộ phận nông dân đối với Luật Thực hiện dân chủ cơ sở cũng như các nội dung của chương trình xây dựng NTHĐ còn hạn chế.*

Do chưa được tiếp cận thông tin một cách đầy đủ, thường xuyên và phù hợp với trình độ nhận thức, nhiều nông dân chưa chủ động tìm hiểu, tham gia đóng góp ý kiến đối với các vấn đề chung của địa phương. Theo kết quả khảo sát, vẫn còn một bộ phận không nhỏ nông dân chưa được tiếp cận đầy đủ với các nội dung liên quan đến Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở. Cụ thể, có tới 37% số người được hỏi cho biết họ chưa từng được nghe tuyên truyền, phổ biến về Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở theo phương châm “Dân biết, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Bên cạnh đó, 41% số người tham gia khảo sát cũng thừa nhận rằng họ không tham gia đóng góp ý kiến đối với các nội dung thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở [PL 02].

*Trình độ nhận thức pháp luật và kỹ năng phòng, chống tội phạm, giữ vững an ninh quốc phòng của một bộ phận nông dân chưa cao*

Một số nông dân chưa hiểu rõ quyền, nghĩa vụ của mình trong việc tố giác, phát hiện và phối hợp xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, dẫn đến tâm lý e ngại, né tránh hoặc xử lý thiếu căn cứ pháp lý. Nông dân ở nông thôn thường thiếu thông tin và chưa được cập nhật đầy đủ về các loại tội phạm mới với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, đặc biệt là tội phạm sử dụng công nghệ cao, tín dụng đen hay buôn bán người ảnh hưởng

đến giữ vững an ninh quốc phòng. Điều này khiến cho việc nhận diện và ngăn chặn ngay từ cơ sở gặp nhiều khó khăn. Tâm lý ngại va chạm, sợ bị trả thù và thiếu niềm tin vào cơ chế bảo vệ người tố giác tội phạm cũng là rào cản phổ biến, làm giảm hiệu quả của sự tham gia từ cộng đồng dân cư. Một số địa phương, các mô hình tổ chức tự quản như “Tổ an ninh nhân dân”, “Tổ hòa giải”, “Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm” chưa được củng cố và phát huy hiệu quả dẫn đến việc liên kết giữa người dân với chính quyền và lực lượng chức năng chưa thật sự chặt chẽ.

*Nhận thức chính trị và năng lực “tự đề kháng” về mặt tư tưởng của một bộ phận nông dân còn hạn chế.*

Một bộ phận nông dân chưa được trang bị đầy đủ kiến thức CT - XH dẫn đến nhận thức chưa toàn diện về mục tiêu, nội dung và yêu cầu của quá trình xây dựng NTHĐ. Khả năng “tự đề kháng” về mặt tư tưởng còn hạn chế khiến nông dân dễ bị tác động bởi các luồng thông tin tiêu cực, các quan điểm sai trái, thù địch được lan truyền trên không gian mạng dưới những hình thức tinh vi gắn với các vấn đề như dân chủ, nhân quyền hoặc quyền lợi của nông dân. Bên cạnh đó, kỹ năng tiếp cận, chọn lọc và kiểm chứng thông tin của nhiều nông dân còn hạn chế chưa phân biệt rõ giữa thông tin chính thống và thông tin sai lệch dẫn đến tình trạng chia sẻ, bình luận hoặc vô tình tiếp tay cho việc lan truyền các thông tin xuyên tạc. Một số nông dân còn thiếu kiến thức pháp luật, kỹ năng sử dụng công nghệ số và phương pháp phản biện xã hội phù hợp, từ đó hình thành tâm lý e ngại, né tránh hoặc thụ động trước các vấn đề phát sinh trong cộng đồng và trên môi trường không gian mạng. Những hạn chế này làm giảm vai trò chủ thể của nông dân, ảnh hưởng đến hiệu quả huy động sự tham gia tích cực của họ trong quá trình xây dựng NTHĐ, dân chủ và bền vững.

### **3.1.3. Nguyên nhân của thành tựu và hạn chế trong thực hiện vai trò của nông dân về xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay**

#### ***3.1.3.1. Nguyên nhân của thành tựu***

*Một là, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phù hợp với thực tiễn khách quan, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của nông dân vùng Đồng bằng sông Hồng*

Một trong những nguyên nhân cơ bản quyết định đến việc phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH là sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, nhất quán và toàn diện của Đảng và Nhà nước thông qua hệ thống chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Nhiều nghị quyết, quyết định quan trọng đã được ban hành, tạo cơ sở chính trị và pháp lý cho xây dựng NTHĐ, tiêu biểu như: Quyết định số 368/QĐ-TTg (2023) phê duyệt Quy hoạch vùng ĐBSH thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 19 - NQ/TW (2022) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 80 - NQ/TW (2026) của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam (2026); Nghị quyết 57 - NQ/TW (2024) về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết 59 - NQ/TW (2025) của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 68 - NQ/TW (2025) về phát triển kinh tế tư nhân... Các văn bản này thể hiện rõ quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước trong việc coi nông dân là chủ thể, nông thôn là nền tảng và nông nghiệp là lĩnh vực then chốt trong quá trình phát triển đất nước. Đặc biệt, Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2026 - 2030 đã tạo lập khuôn khổ thể chế và nguồn lực quan trọng, góp phần khuyến khích nông dân tham gia ngày càng tích cực, chủ động và có trách nhiệm vào quá trình phát triển nông thôn. Cùng với đó, các chính sách hỗ trợ về tín dụng ưu đãi, thúc đẩy

cơ giới hóa, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, khuyến khích ứng dụng khoa học, công nghệ, phát triển kinh tế nông thôn đã góp phần nâng cao năng lực sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng gắn với thị trường, từng bước hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp.

Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách nêu trên đã mang lại những chuyển biến tích cực trong đời sống vật chất và tinh thần của nông dân vùng ĐBSH, đồng thời tạo dựng những điều kiện quan trọng về kinh tế, chính trị, VH - XH, quốc phòng, an ninh để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NTHĐ hiện nay.

*Hai là, HTCT cơ sở chủ động, tích cực triển khai chủ trương, chính sách phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng đồng bằng sông Hồng*

Sau sáp nhập đơn vị hành chính và chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bộ máy chính trị tại các địa phương đã từng bước ổn định tổ chức, đồng thời thể hiện rõ sự chủ động và linh hoạt trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Quá trình này gắn liền với sự chuyển biến tích cực trong tư duy quản lý và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức đối với việc triển khai các chủ trương, chính sách phát triển nông thôn theo hướng hiện đại. Một trong những nhân tố quan trọng góp phần thúc đẩy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH là sự vận hành ngày càng hiệu quả của HTCT đặc biệt ở cấp tỉnh và cấp cơ sở, cùng với sự thay đổi tích cực trong nhận thức, thái độ và phương thức thực thi chính sách của đội ngũ cán bộ, công chức. Các cấp chính quyền địa phương đã chủ động cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước thành các chính sách, chương trình phù hợp với điều kiện thực tiễn nông thôn, nhất là việc phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ. Cùng với đó, đội ngũ cán bộ, công chức không ngừng nâng cao năng lực quản lý, điều hành, đồng thời có sự chuyển dịch rõ nét trong tư duy từ mô hình quản lý

hành chính thuần túy sang phương thức quản trị phục vụ, lấy người dân làm trung tâm. Việc phát huy phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đã tạo điều kiện thuận lợi để nông dân tham gia ngày càng sâu rộng vào các hoạt động CT - XH ở cơ sở, tăng cường mối quan hệ hợp tác, đồng thuận giữa chính quyền và người dân trong xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển KT - XH, bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng đời sống văn hóa ở cộng đồng dân cư.

Chính những chuyển biến tích cực trong HTCT, đặc biệt là tinh thần trách nhiệm, thái độ tận tụy và tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ cơ sở đã trở thành yếu tố thúc đẩy quan trọng, tạo động lực để vai trò chủ thể của nông dân được phát huy mạnh mẽ trong quá trình xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.

*Ba là, phát huy các giá trị văn hóa góp phần thúc đẩy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng*

Trước hết, việc duy trì và phát triển các lễ hội truyền thống, đã góp phần củng cố sự gắn kết xã hội, tăng cường đồng thuận và huy động hiệu quả các nguồn lực địa phương. Sự liên kết này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các phong trào xây dựng NTHĐ mà còn khuyến khích nông dân tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng, từ đó khẳng định vị trí chủ thể trong đời sống xã hội nông thôn. Việc gắn kết phát triển kinh tế với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống vừa nâng cao hiệu quả sản xuất vừa tạo dựng bản sắc văn hóa riêng cho cộng đồng, từ đó khẳng định vai trò quyết định của nông dân trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao đời sống vật chất tinh thần. Ngoài ra, việc xây dựng và vận hành các thiết chế văn hóa tại nông thôn, đã tạo ra cơ chế cho nông dân tham gia quản lý cộng đồng, tổ chức đời sống văn hóa và tham gia vào quá trình ra quyết định địa phương. Đây là nguyên nhân trực tiếp giúp nông dân trở thành chủ thể trong việc định hướng và điều hành sự phát triển của nông thôn, đồng

thời thúc đẩy các hoạt động phát triển bền vững, hiện đại và phù hợp với đặc thù địa phương.

Như vậy, việc phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống là nguyên nhân thúc đẩy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay. Đồng thời, qua đó góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho chính nông dân, giữ gìn bản sắc văn hóa, tạo dựng nền tảng bền vững cho nông thôn phát triển theo hướng hiện đại, văn minh.

*Bốn là, điều kiện thuận lợi về địa lý, tài nguyên tạo nền tảng vững chắc để phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng*

Với địa hình bằng phẳng, đất đai phần lớn là đất phù sa màu mỡ được bồi tụ thường xuyên, vùng này từ lâu đã là vựa lúa trọng điểm của cả nước và là nơi sản sinh ra nền văn minh lúa nước đặc trưng của người Việt. Đây cũng chính là cơ sở quan trọng để nông dân mở rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiện đại, ứng dụng các kỹ thuật canh tác mới như nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao. Điều kiện khí hậu ôn hòa, tương đối ổn định, ít xảy ra thiên tai khắc nghiệt như bão lớn hay hạn hán kéo dài so với các vùng miền khác tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân phát triển hệ thống sản xuất hai vụ, thậm chí ba vụ mỗi năm, tăng năng suất và hiệu quả sử dụng đất và đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp, dễ dàng thích ứng với nhu cầu của thị trường và xu hướng tiêu dùng mới, từng bước nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp và thu nhập. Về mặt vị trí địa lý, vùng ĐBSH nằm gần các trung tâm đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh...những địa bàn có mật độ dân cư cao, nhu cầu tiêu dùng lớn và là đầu mối giao thương quan trọng trong nước cũng như quốc tế. Điều này tạo lợi thế cho nông dân trong việc tiêu thụ nông sản, kết nối thị trường, tham gia sâu vào các chuỗi giá trị sản xuất, tiêu thụ và phân phối hiện đại. Đồng thời, vị trí trung tâm của vùng giúp nông dân tiếp cận dễ dàng với nguồn thông

tin, tri thức khoa học kỹ thuật, các chương trình khuyến nông, đào tạo nghề, chuyển giao công nghệ nâng cao trình độ sản xuất và năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Cùng với đó là hệ thống kết cấu hạ tầng được đầu tư bài bản gồm hệ thống giao thông liên vùng, liên tỉnh, thủy lợi, điện lực, mạng lưới chợ đầu mối, trung tâm logistics đã và đang hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất, chế biến và lưu thông nông sản của người nông dân.

Từ tất cả những điều kiện thuận lợi về địa lý, tài nguyên và đặc điểm tự nhiên như trên, có thể khẳng định rằng, ĐBSH là vùng có "thiên thời, địa lợi, nhân hòa", tạo nền tảng vững chắc để người nông dân không chỉ duy trì vai trò truyền thống trong sản xuất mà còn tạo điều kiện thuận lợi phát huy vai trò của mình quá trình xây dựng NTHĐ.

### ***3.1.3.2. Nguyên nhân của hạn chế***

*Một là, do tư duy, nhận thức của nông dân vùng Đồng bằng sông Hồng vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế.*

Một bộ phận nông dân hiện nay vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của tư duy và tác phong sản xuất nhỏ lẻ truyền thống. Tâm lý coi đất canh tác như tài sản riêng, thiếu sẵn sàng tham gia tích tụ, tập trung ruộng đất đã cản trở quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn. Tư duy ngắn hạn, thiên về lợi ích trước mắt cùng với thói quen trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước và doanh nghiệp làm giảm tính chủ động, sáng tạo và khả năng thích ứng với cơ chế thị trường của người nông dân. Bên cạnh đó, kiến thức và kỹ năng quản lý sản xuất hiện đại, tư duy kinh doanh nông nghiệp và khả năng ứng dụng khoa học, công nghệ còn hạn chế.

Trình độ học vấn, kỹ năng nghề và năng lực tổ chức sản xuất của một bộ phận không nhỏ nông dân chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số nông nghiệp theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế. Người nông dân còn gặp khó khăn trong lập kế hoạch sản xuất, vận hành mô hình canh tác hiệu quả, áp dụng tiến bộ kỹ thuật cũng như trong liên kết sản xuất, tiếp cận thị trường và

chấp hành pháp luật trong môi trường cạnh tranh toàn cầu. Các chủ thể sản xuất nông nghiệp nhìn chung còn thiếu hiểu biết về pháp luật quốc tế, tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, sở hữu trí tuệ và thông tin thị trường tại các thị trường có yêu cầu cao. Cùng với việc thiếu định hướng chiến lược dài hạn và hệ thống dự báo thị trường hiệu quả, sản xuất nông nghiệp vẫn mang tính cảm tính, dễ bị chi phối bởi tâm lý đám đông, dẫn đến tình trạng “được mùa mất giá”, cạnh tranh nội bộ và khó tiếp cận các thị trường chất lượng cao. Ngoài ra, hạn chế về trình độ chuyên môn, tư duy kinh tế và kỹ năng ngoại ngữ khiến nông dân khó tiếp cận tiến bộ khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế. Quá trình thu hồi đất phục vụ công nghiệp hóa, đô thị hóa làm gia tăng nguy cơ mất đất, mất việc làm, tái nghèo và di cư lao động tự phát ở khu vực ĐBSH. Vì vậy, việc tạo sinh kế bền vững và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho nông dân sau thu hồi đất là yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa KT - XH sâu sắc.

Mức độ tiếp cận và tham gia các hoạt động đào tạo, đổi mới kỹ thuật của nông dân vẫn còn hạn chế. Kết quả khảo sát cho thấy 55% số người được hỏi không tham gia các lớp tập huấn, đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp hoặc ứng dụng công nghệ vào sản xuất, phản ánh sự thiếu hụt đáng kể về kỹ năng chuyên môn trong bối cảnh chuyển đổi số nông nghiệp. Bên cạnh đó, nhận thức và mức độ tham gia các mô hình kinh tế tuần hoàn cũng chưa cao 21% chưa từng biết đến và tham gia, trong khi 32% tuy đã biết nhưng vẫn không tham gia vào các mô hình như tái chế phụ phẩm nông nghiệp, sản xuất phân hữu cơ hay sử dụng năng lượng tái tạo. Điều này cho thấy tư duy sản xuất truyền thống vẫn còn phổ biến, làm giảm khả năng thích ứng của người nông dân trước yêu cầu phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững và hội nhập [PL 02].

*Hai là, do thể chế chính sách đối với nông dân vùng Đồng bằng sông Hồng vẫn còn một số bất cập*

Một số chính sách hiện hành vẫn chủ yếu thiên về hỗ trợ trực tiếp và mang tính ngắn hạn, chưa hình thành được các cơ chế khuyến khích hiệu quả

nhằm phát huy vai trò chủ động, sáng tạo cũng như tinh thần tự lực, tự cường của nông dân. Nhiều chương trình hỗ trợ mới tập trung vào việc cung cấp các nguồn lực vật chất, trong khi chưa chú trọng đúng mức đến việc thúc đẩy nông dân trở thành chủ thể trung tâm trong tiến trình phát triển KT - XH ở địa phương. Hệ quả là động lực nội sinh và mức độ chủ động của người nông dân trong tham gia xây dựng NTHĐ còn bị hạn chế. Bên cạnh đó, các chính sách phát triển nguồn nhân lực nông thôn, đặc biệt là chính sách đào tạo nghề, nâng cao dân trí và chuyển giao khoa học, công nghệ cho nông dân, vẫn còn thiếu tính đồng bộ và chưa thực sự gắn với nhu cầu thực tiễn của từng vùng, từng nhóm đối tượng. Trong bối cảnh sản xuất nông nghiệp hiện đại ngày càng đòi hỏi mức độ chuyên môn hóa cao và ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, việc thiếu các chính sách đào tạo có chiều sâu và tính thực tiễn đã khiến một bộ phận nông dân gặp khó khăn trong quá trình thích ứng với yêu cầu phát triển của nền nông nghiệp hiện đại.

Ngoài ra, thể chế phân cấp trong quá trình hoạch định và tổ chức thực thi chính sách ở các địa phương vẫn chưa được xác lập rõ ràng, đặc biệt trong việc xây dựng và triển khai các chương trình phát triển nông thôn phù hợp với đặc thù của vùng ĐBSH. Ở nhiều nơi, chính quyền cơ sở chưa được trao đầy đủ quyền tự chủ trong việc xác định các ưu tiên phát triển phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của người dân. Điều này dẫn đến việc áp dụng chính sách mang tính máy móc, thiếu linh hoạt, qua đó làm giảm hiệu quả của các chương trình phát triển nông thôn.

*Ba là, do năng lực và phương thức hoạt động của HTCT vùng Đồng bằng sông Hồng còn một số bất cập*

Tại một số địa phương việc cụ thể hóa các nghị quyết và chương trình hành động về xây dựng NTHĐ gắn với phát huy vai trò chủ thể của nông dân còn chậm và thiếu đồng bộ. Cấp ủy và chính quyền địa phương chưa thực sự đổi mới tư duy trong lãnh đạo, quản lý phát triển nông nghiệp, nông

thôn, dẫn đến quá trình xây dựng NTHĐ vẫn thiên về hình thức, chưa xuất phát đầy đủ từ nhu cầu, lợi ích và điều kiện thực tiễn của người nông dân. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách xây dựng NTHĐ tại một số địa phương còn mang tính hình thức; việc thực thi Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở chưa được quan tâm đúng mức. Do đó, vai trò của người nông dân trong các khâu “dân biết”, “dân bàn”, “dân làm”, “dân kiểm tra”, “dân giám sát”, “dân thụ hưởng” chưa được bảo đảm đầy đủ. Trên thực tế, không ít trường hợp người dân chỉ được thông tin khi các chương trình, dự án đã được quyết định và triển khai, làm hạn chế tính chủ động, tinh thần trách nhiệm và ý thức làm chủ của nông dân trong quá trình phát triển nông thôn. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT - XH ở cơ sở tại một số địa phương trong vùng còn bộc lộ biểu hiện hành chính hóa, thiếu đổi mới và sáng tạo trong phương thức tập hợp, vận động nông dân. Mối liên kết giữa các tổ chức đoàn thể với nông dân trong việc triển khai các tiêu chí xây dựng NTHĐ còn lỏng lẻo, chưa phát huy hiệu quả vai trò cầu nối giữa chủ trương, đường lối của Đảng với nguyện vọng và lợi ích chính đáng của người dân. Công tác tuyên truyền về các tiêu chí xã đạt chuẩn cũng còn nhiều hạn chế, đặc biệt là việc phổ biến nội dung các tiêu chí liên quan đến quy hoạch, hạ tầng, phát triển kinh tế, chính trị và VH - XH. Điều này phần nào làm nảy sinh tâm lý thụ động, trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, từ đó làm suy giảm động lực nội sinh trong quá trình xây dựng NTHĐ.

Năng lực và phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở tại một số địa phương vẫn còn những hạn chế nhất định, ảnh hưởng trực tiếp đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân. Sự biến động về nhân sự trong bộ máy chính quyền cấp xã ở một số nơi đã làm giảm tính ổn định của đội ngũ cán bộ phụ trách lĩnh vực nông thôn. Nhiều cán bộ mới được phân công chưa kịp nắm vững hệ thống chính sách phát triển nông

thôn, thiếu kinh nghiệm thực tiễn, dẫn đến năng lực tham mưu và tổ chức thực hiện chính sách chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Điều này gây khó khăn trong việc truyền đạt mục tiêu, nội dung và phương thức xây dựng NTHĐ tới nông dân một cách rõ ràng, dễ hiểu và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Phong cách làm việc hành chính, thiếu linh hoạt và chưa thực sự gần gũi với người dân vẫn còn tồn tại ở một bộ phận cán bộ cơ sở. Thay vì coi nông dân là lực lượng trung tâm của quá trình phát triển nông thôn, một số cán bộ vẫn duy trì tư duy quản lý theo lối hành chính bao cấp, xem người dân chủ yếu là đối tượng thụ hưởng chính sách và thực hiện theo chỉ đạo từ trên xuống. Cách tiếp cận này chưa tạo điều kiện để nông dân tham gia chủ động vào quá trình xây dựng, giám sát và đánh giá các chương trình phát triển tại địa phương, từ đó làm giảm hiệu quả và tính bền vững của các hoạt động xây dựng NTHĐ.

Ngoài ra, năng lực giao tiếp, thuyết phục và huy động sự tham gia của cộng đồng của một bộ phận cán bộ chuyên trách còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, vận động nông dân tham gia xây dựng NTHĐ vẫn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu, chưa tiếp cận trực tiếp đến từng nhóm hộ, đặc biệt là các hộ còn khó khăn hoặc có tâm lý e ngại thay đổi. Điều này khiến khoảng cách giữa chính quyền và người dân chưa được thu hẹp, ảnh hưởng đến mức độ tương tác và hợp tác trong quá trình triển khai các chương trình phát triển. Đồng thời, đội ngũ cán bộ cấp xã còn thiếu những người có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu phát triển nông thôn trong bối cảnh mới. Trong khi xây dựng NTHĐ đòi hỏi cán bộ không chỉ có kiến thức quản lý hành chính mà còn cần hiểu biết liên ngành về kinh tế nông nghiệp, môi trường, VH - XH và công nghệ thông tin, thì cơ cấu cán bộ hiện nay vẫn chủ yếu thiên về quản lý hành chính truyền thống, chưa được đào tạo bài bản theo hướng tích hợp và đa ngành.

Kết quả khảo sát cho thấy công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia góp ý chính sách còn hạn chế. Cụ thể, 59% số người được hỏi cho biết họ chưa được hướng dẫn cách phản ánh ý kiến thông qua Hội nông dân hoặc các tổ chức CT - XH, trong khi chỉ 39% số người hỏi được cán bộ xã mời tham gia đóng góp ý kiến [PL 02]. Điều này cho thấy mức độ tương tác và huy động sự tham gia của cộng đồng vẫn chưa đạt yêu cầu của quá trình xây dựng NTHĐ.

*Bốn là, do ảnh hưởng của những mặt hạn chế trong văn hóa truyền thống*

Một số yếu tố văn hóa truyền thống bộc lộ những hạn chế nhất định, trở thành rào cản đối với việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân. Cụ thể, các phong tục, tập quán như giỗ chạp, cưới hỏi, lễ hội làng... dù mang giá trị văn hóa và tâm linh, song trong thực tế vẫn tồn tại không ít biểu hiện hình thức, phô trương. Điều này dẫn đến sự gia tăng đáng kể các chi phí về kinh tế và thời gian đối với hộ nông dân. Trong nhiều trường hợp, các nghi lễ truyền thống không còn thuần túy mang ý nghĩa gắn kết cộng đồng, mà bị chi phối bởi tâm lý so sánh, ganh đua giữa các cá nhân, gia đình và dòng họ, làm phát sinh những khoản chi tiêu vượt quá khả năng kinh tế của người dân. Đồng thời, việc tham gia các hoạt động lễ nghi kéo dài còn gây gián đoạn lao động sản xuất, làm chậm tiến độ mùa vụ và giảm hiệu quả sử dụng thời gian lao động. Về lâu dài, nếu không có những điều chỉnh phù hợp, những hạn chế này có thể tác động bất lợi đến quá trình tổ chức, vận động và huy động sự tham gia tích cực của nông dân vào các chương trình phát triển nông thôn theo hướng hiện đại.

Bên cạnh đó, tại một số địa phương trong vùng, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế nông thôn vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Việc khai thác các yếu tố văn

hóa nhằm tạo động lực cho phát triển còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và chưa có chiến lược dài hạn. Nhiều di tích lịch sử văn hóa, làng nghề truyền thống và lễ hội dân gian đặc sắc đang đứng trước nguy cơ mai một hoặc bị thương mại hóa thiếu kiểm soát, do hạn chế về nguồn lực đầu tư cũng như sự thiếu đồng bộ trong cơ chế phối hợp giữa chính quyền các cấp, cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội. Hệ quả là những giá trị văn hóa có tiềm năng trở thành nền tảng cho phát triển du lịch nông thôn, xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương và tạo sinh kế bền vững cho người dân vẫn chưa được khai thác hiệu quả.

Tình trạng suy giảm tri thức và ý thức văn hóa trong cộng đồng nông thôn, đặc biệt là ở thế hệ trẻ. Dưới tác động của quá trình đô thị hóa, toàn cầu hóa và sự thay đổi lối sống, một bộ phận thanh niên nông thôn ngày càng ít quan tâm đến các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương; thậm chí, nhiều người chưa nhận thức đầy đủ vai trò và ý nghĩa của di sản văn hóa trong đời sống cộng đồng cũng như trong phát triển KT - XH. Sự thiếu hụt về nhận thức và ý thức bảo tồn này không chỉ làm suy giảm tính cố kết cộng đồng mà còn gây khó khăn trong việc huy động nguồn lực xã hội cho các chương trình phát triển nông thôn dựa trên nền tảng văn hóa.

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ tham gia của người dân vào việc gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống tại địa phương còn hạn chế. Cụ thể, có tới 34% số người được hỏi không tham gia vào các hoạt động bảo tồn văn hóa như lễ hội, nghề truyền thống hay các nghi lễ dòng họ. Bên cạnh đó, 20% cho rằng việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống là *rất không cần thiết* và không cần thiết trong quá trình xây dựng NTHĐ và 12% nhận định điều này *không cần thiết*.

### **3.2. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

#### **3.2.1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại với năng lực, tư duy và nhận thức của nông dân vùng Đồng bằng sông Hồng còn hạn chế**

Trong quá trình xây dựng NTHĐ năng lực, tư duy và nhận thức của người nông dân đóng vai trò nền tảng, quyết định sự thành công và tính bền vững của các chính sách phát triển. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nông dân vùng ĐBSH mặc dù là khu vực có trình độ dân trí tương đối cao so với mặt bằng chung cả nước vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế về tư duy phát triển và nhận thức xã hội. Trước hết, năng lực lên kế hoạch và tổ chức thực hiện của một số nông dân còn yếu kém, một bộ phận nông dân vẫn mang nặng tư tưởng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún thiên về kinh nghiệm cá nhân, chưa hiệu quả và chưa chủ động tiếp cận với khoa học, công nghệ tiên tiến. Tâm lý an phận thủ thường ngại thay đổi, sợ rủi ro trong sản xuất nông nghiệp khiến họ khó bắt nhịp với yêu cầu chuyển đổi mô hình canh tác theo hướng hàng hóa và ứng dụng công nghệ cao. Trong quá trình chuyển đổi sang nền nông nghiệp hiện đại một bộ phận nông dân vẫn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tâm lý và tập quán sản xuất tiểu nông. Biểu hiện rõ nét là xu hướng giữ đất sản xuất nhỏ lẻ, thiếu sẵn sàng hợp tác trong việc tích tụ và tập trung ruộng đất, dẫn đến cản trở quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Bên cạnh đó, tư duy ngắn hạn đặt nặng lợi ích trước mắt khiến người nông dân chưa mạnh dạn đổi mới phương thức sản xuất. Tâm lý ỷ lại vào sự hỗ trợ từ Nhà nước hoặc doanh nghiệp vẫn còn phổ biến làm giảm tinh thần tự lực, tự cường trong phát triển sản xuất. Đáng chú ý, phần lớn nông dân còn thiếu tính chủ động, sáng tạo, cũng như tư duy thị trường và tư duy kinh doanh trong hoạt động nông nghiệp. Hệ thống định hướng và thông tin dự báo phục vụ sản xuất nông nghiệp trong ngắn hạn lẫn dài hạn hiện vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn gây khó khăn cho việc ra quyết định sản xuất kịp thời và hiệu quả.

Một số năng lực cần thiết trong quá trình xây dựng NTHĐ còn nhiều hạn chế và yếu kém như: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin; năng lực sản xuất theo đúng quy trình, quy chuẩn chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế; năng lực liên kết với các chủ thể khác trong thực hiện chuỗi giá trị nông sản công nghệ cao còn hạn chế và phần lớn nông dân trong vùng còn thiếu kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế... Tình trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, đào tạo và chuyển giao tri thức cho nông dân, giúp họ thay đổi tư duy từ “làm nông để sống” sang “làm nông để làm giàu”, chuyển từ tư duy thụ động sang chủ động hội nhập và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, nhận thức về vai trò chủ thể của người nông dân trong xây dựng NTHĐ vẫn còn mơ hồ. Nhiều người dân vẫn xem việc phát triển hạ tầng, cải thiện đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của Nhà nước, chưa thực sự chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng hay đề xuất các sáng kiến phát triển tại địa phương. Đây là những rào cản lớn phải tháo gỡ để phát huy đầy đủ vai trò chủ thể của người dân vùng ĐBSH trong tiến trình xây dựng NTHĐ bền vững và hiệu quả.

### **3.2.2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu phải có thể chế hoàn thiện, đồng bộ nhằm thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại và những bất cập, hạn chế trong cơ chế, chính sách hiện hành**

Hệ thống thể chế và cơ chế, chính sách đóng vai trò then chốt trong việc thiết lập nền tảng pháp lý cho sự phát triển toàn diện của lĩnh vực nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong tiến trình xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH. Trong bối cảnh mới, đặc biệt là trước tác động sâu rộng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhu cầu về việc hoàn thiện và đồng bộ hóa thể chế và cơ chế, chính sách hiện hành nhằm phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH trở nên ngày càng cấp bách.

Tuy nhiên, trên thực tế vấn đề này còn tồn tại những bất cập, hạn chế nhất định, một số cơ chế, chính sách còn thiếu đồng bộ, sự phối hợp giữa các cấp, các

ngành chưa chặt chẽ, dẫn đến việc triển khai ở cơ sở gặp nhiều khó khăn. Hệ thống văn bản liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân và nông thôn quá đồ sộ với nhiều nội dung trùng lặp và quy định giống nhau nhưng thiếu sự tổng kết, phản biện và cập nhật kịp thời. Điều này dẫn đến sự chồng chéo, thiếu hiệu quả và chậm đổi mới trong chính sách. Bên cạnh đó, các chiến lược phát triển chưa được tích hợp một cách nhất quán, các công cụ chính sách còn rời rạc, thiếu sự kết nối tổng thể. Mặc dù số lượng chính sách được ban hành khá lớn, nhưng khâu triển khai vẫn còn nhiều bất cập, dẫn đến hiệu quả thực tế chưa rõ nét. Nhiều chủ trương hỗ trợ ở cấp Trung ương vẫn mang tính hình thức chưa được cụ thể hóa bằng các chính sách địa phương phù hợp. Ngoài ra, còn thiếu các chính sách mang tính chất “đòn bẩy” chưa theo kịp với yêu cầu phát triển thực tế và thiếu sự đồng bộ, đột phá cần thiết để tạo chuyển biến rõ rệt trong khu vực nông thôn.

Tình trạng huy động quá mức sự đóng góp của người dân, vượt quá khả năng thu nhập vẫn còn diễn ra ở một số địa phương. Việc lạm dụng sự đóng góp của nông dân trong các hoạt động cộng đồng diễn ra trong khi các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hộ và nâng cao thu nhập chưa được quan tâm đúng mức. Sự đóng góp của người dân đôi khi bị xem là đương nhiên, thiếu động viên và ghi nhận thích đáng. Hệ quả là "dựa vào dân" trở thành lý do để biện minh cho những hạn chế trong kết quả xây dựng NTHĐ. Cùng với đó là những bất cập về quyền tự chủ của người sản xuất đối với ruộng đất; thể chế phát triển các thành phần kinh tế; rào cản pháp lý cho đột phá đổi mới hợp tác xã, phát triển liên kết chuỗi giá trị; các tổ chức xã hội nghề nghiệp chưa được coi trọng... Thông tin chưa đến được người dân đầy đủ, kịp thời. Ngay cả nhiều cán bộ xã cũng không nắm hết thông tin. Cộng đồng dân cư chỉ biết thông tin của các công trình hoạt động ở phạm vi thôn, năng lực giám sát cộng đồng còn hạn chế.

Về tín dụng nông nghiệp công nghệ cao, mặc dù đã nhiều lần sửa đổi các chính sách vẫn chưa thực sự hiệu quả. Người dân và doanh nghiệp trong khu vực gặp khó khăn trong tiếp cận vốn do thủ tục rườm rà, yêu cầu cao về tài sản thế chấp, minh bạch tài chính cùng với lãi suất cao và hạn mức vay không phù hợp.

Việc thiếu quy định cụ thể về định giá tài sản trên đất và sự thiếu mặn mà của ngân hàng cũng là rào cản lớn khiến nông dân khó tiếp cận được các nguồn lực cần thiết để phát triển sản xuất công nghệ cao.

Cơ chế phân bổ và huy động nguồn lực để phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH cũng còn nhiều bất cập, còn chịu ảnh hưởng của cách làm “dựa theo nhu cầu cộng đồng”. Đó là tư duy dựa trên đáp ứng nhu cầu, bù đắp thiếu hụt của địa phương, cộng đồng từ nguồn lực bên ngoài, chưa chú trọng đến tiềm năng nội lực tại chỗ. Do vậy các hoạt động xây dựng NTHĐ phụ thuộc nhiều vào đầu tư từ ngân sách nhà nước, chưa khơi dậy tiềm năng của cộng đồng. Việc phân bổ vốn hỗ trợ đôi khi dàn trải, chưa bám sát nhu cầu và khả năng thực hiện của địa phương còn chênh lệch quá lớn giữa khu vực trọng điểm, ngành kinh tế đầu tàu với nông nghiệp, nông thôn dẫn đến thiếu nguồn lực kích thích phát triển ở các “vùng trũng”; cộng đồng người dân nông thôn thiếu sự đồng hành của các đầu tàu nội vùng, hạn chế điều kiện phát huy có hiệu quả cao vai trò tham gia của họ. Cơ chế đối ứng vốn thiếu linh hoạt gây khó khăn cho các địa phương nghèo. Trong khi đó, nguồn lực xã hội hóa lại chưa được khai thác hiệu quả, thậm chí có nơi còn mang tính ép buộc, ảnh hưởng đến sự đồng thuận trong cộng đồng. Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn còn thiếu tính hấp dẫn, hiệu quả triển khai chưa cao, nhiều chính sách còn chậm đi vào cuộc sống do thủ tục hành chính rườm rà và thiếu hướng dẫn cụ thể.

Cách tiếp cận, phương pháp triển khai thực hiện chương trình NTHĐ còn hạn chế. Nông dân thường tích cực tham gia các hoạt động gắn trực tiếp với lợi ích của họ. Cộng đồng dân cư nông thôn ở vùng ĐBSH luôn có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ nhất ở phạm vi cấp thôn, sau sáp nhập chính quyền 2 cấp thì đây là đơn vị xã hội gần dân nhất đóng vai trò như một cầu nối giữa chính quyền cấp xã với người dân. Chương trình xây dựng NTHĐ còn chưa thực sự chú trọng đến cấp này trong thời gian dài. Đến nay ở nhiều địa phương vẫn chỉ coi trọng cấp xã, chưa tạo điều kiện triển khai cấp thôn. Ở mức độ nào đó còn bất cập kéo

dài sự rập khuôn cứng nhắc, áp đặt, phân cấp, trao quyền chưa đủ mạnh. Phương thức thực hiện quyền làm chủ của cộng đồng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện phản biện, giám sát xã hội. Chưa đánh giá đúng mức sự tham gia của người dân nhất là người nghèo và các nhóm yếu thế. Nội dung và hoạt động ở cấp thôn phụ thuộc vào sự phân bổ của xã, điều này làm hạn chế vai trò tham gia của nông dân trong xây dựng NTHĐ. Nhiều vấn đề bất cập đã xảy ra như: Thiếu công bằng trong cơ chế phân bổ nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước về các thôn; công trình hạ tầng cấp xã thường được ưu tiên hơn cấp thôn; nội dung công việc ở thôn do xã chỉ đạo thực hiện, thôn chỉ bàn bạc cách thức triển khai...

Cơ chế giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay còn hạn chế, thiếu tính độc lập, khách quan. Ở một số địa phương, việc đánh giá vẫn mang nặng tính hình thức, chưa phản ánh đúng thực trạng làm giảm hiệu quả thực chất của chương trình. Quan trọng hơn vai trò trung tâm của người dân, chủ thể của quá trình phát triển nông thôn vẫn chưa được thể hiện đầy đủ trong nhiều chính sách. Việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển còn mang tính áp đặt từ trên xuống, chưa thực sự phát huy sự tham gia chủ động, tự nguyện và tinh thần làm chủ của cộng đồng.

Những hạn chế nêu trên cho thấy rằng việc hoàn thiện thể chế, chính sách trong phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH là một yêu cầu chiến lược, có ý nghĩa quyết định trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của chương trình. Trong bối cảnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, đòi hỏi phải hoàn thiện, đồng bộ thể chế và thiết kế lại cơ chế, chính sách phù hợp, linh hoạt và thực tiễn đây là yếu tố then chốt để phát huy mạnh mẽ vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay.

### **3.2.3. Mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhằm thực hiện vai trò nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại với những hạn chế, bất cập trong hoạt động của hệ thống chính trị nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng**

Tại vùng ĐBSH, HTCT các cấp giữ vai trò trung tâm trong việc định hướng, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quá trình xây dựng NTHĐ, đồng thời thực hiện chức năng động viên, khích lệ nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong tiến trình này. Bản chất của việc phát huy vai trò của người dân trong xây dựng NTHĐ chính là bảo đảm quyền làm chủ thực chất của nhân dân. Trong đó, HTCT cơ sở đặc biệt là cấp xã, thôn đóng vai trò then chốt, vừa là công cụ thực thi dân chủ trực tiếp, vừa là chủ thể điều phối và thúc đẩy sự tham gia của người dân vào quá trình phát triển nông thôn một cách hiệu quả, dân chủ và bền vững. Trong quá trình triển khai, tổ chức và hoạt động của HTCT cơ sở tại nhiều địa phương trong vùng đã có sự củng cố và cải tiến rõ nét góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và huy động được sự tham gia tích cực của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, trước những yêu cầu mới về chất lượng, tính bền vững và tính kiểu mẫu trong xây dựng NTHĐ, HTCT cơ sở vẫn còn bộc lộ những tồn tại nhất định.

Một bộ phận cán bộ, đảng viên tại một số địa phương chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc về vai trò trung tâm chủ thể của người nông dân trong phát triển nông thôn, từ đó chưa quan tâm làm tốt tuyên truyền vận động nhân dân, khiến sự tham gia của nông dân chưa tích cực, còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước. Chưa đánh giá đúng mức những cơ hội và thách thức mà cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn và chưa xác định rõ trách nhiệm của HTCT trong việc tạo điều kiện phát huy vai trò chủ thể của người dân.

Việc thực hiện Luật thực hiện dân chủ cơ sở ở nhiều nơi còn mang tính hình thức; cơ chế công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng các nguồn lực còn hạn chế dẫn đến những bất cập trong quá trình huy động đóng góp của người dân, giải phóng mặt bằng và thực hiện các dự án phát triển. Các cơ chế hỗ trợ người dân

tham gia một cách thực chất, hiệu quả vào tiến trình xây dựng NTHĐ vẫn chưa được thiết lập đầy đủ và đồng bộ.

Sau sáp nhập chính quyền địa phương 2 cấp và sáp nhập địa giới hành chính (1/7/2025) thì địa bàn quản lý rộng, dân số lại đông, trong khi số lượng cán bộ, công chức tinh giảm dẫn đến tình trạng quá tải công việc, nhiều cán bộ phải kiêm nhiệm cùng lúc nhiều lĩnh vực như nông nghiệp, xây dựng, môi trường, VH - XH làm giảm chất lượng tham mưu và tổ chức thực hiện nâng cao vai trò nông dân chương trình xây dựng NTHĐ. Cùng với đó tâm lý thiếu ổn định ở một số cán bộ sau sắp xếp vị trí công tác khiến công tác chỉ đạo, điều hành thiếu quyết liệt, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các tiêu chí NTHĐ có sự tham gia trực tiếp của nông dân.

Việc sáp nhập các tổ chức CT - XH, hội quần chúng dẫn đến sự thay đổi về cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động truyền thống của các đoàn thể, dẫn đến nguy cơ giảm khả năng tập hợp, vận động và đại diện cho quyền lợi của nông dân. Khi tổ chức bị thu gọn và hợp nhất, một bộ phận nông dân nhất là nhóm yếu thế, người cao tuổi, lao động nông nghiệp thuần túy có thể gặp khó khăn hơn trong việc tiếp cận các kênh hỗ trợ, hướng dẫn và tham gia các phong trào xây dựng NTHĐ. Quá trình sắp xếp lại tổ chức cũng đặt ra yêu cầu phải bảo đảm tính ổn định và liên tục trong các hoạt động cộng đồng, tránh tình trạng gián đoạn phong trào, giảm sút sự gắn kết xã hội ở nông thôn. Nếu việc sáp nhập chỉ mang tính cơ học, thiếu cơ chế vận hành phù hợp thì sẽ dễ dẫn đến tình trạng hình thức, hành chính hóa, làm giảm hiệu quả tham gia thực chất của nông dân.

#### **3.2.4. Mâu thuẫn giữa yêu cầu thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng với những vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường tiêu cực có xu hướng gia tăng**

Bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và sự vận động mạnh mẽ của kinh tế thị trường đã tạo ra những biến đổi căn bản đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn Việt Nam nói chung và vùng ĐBSH nói riêng. Đây là vùng sản xuất nông nghiệp quan trọng có truyền thống lâu đời đóng vai trò cung ứng lương thực, thực phẩm

lớn cho cả nước. Tuy nhiên, quá trình hội nhập thị trường quốc tế đang đặt ra sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt đối với nông dân và nền sản xuất nông nghiệp, khiến nông dân dễ bị tổn thương trước biến động giá cả thị trường, phụ thuộc vào thương lái và gặp khó khăn khi tiếp cận các kênh tiêu thụ hiện đại. Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, thị trường nông sản đã vượt ra khỏi phạm vi tiêu thụ nội địa mà chịu tác động trực tiếp bởi các tiêu chuẩn quốc tế và sự cạnh tranh của nông sản nhập khẩu. Điều này đòi hỏi quá trình sản xuất nông nghiệp không thể tiếp tục dựa vào phương thức truyền thống nhỏ lẻ, kinh nghiệm cá nhân mà phải chuyển sang mô hình sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và chất lượng sản phẩm. Vai trò mới của nông dân được xác định không chỉ là người sản xuất mà phải trở thành chủ thể kinh tế hiện đại, có khả năng nhận biết nhu cầu thị trường, tiếp cận dữ liệu và chuẩn mực hội nhập. Người nông dân thời đại mới phải “biết trông thị trường, trông dữ liệu, trông tiêu chuẩn”. Cạnh tranh thương mại đi đôi với xu hướng điều chỉnh chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu và hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra vấn đề cấp thiết phải nâng cao năng lực làm chủ thị trường, thúc đẩy liên kết kinh tế, xây dựng đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu qua đó thực hiện tốt vai trò chủ thể trong xây dựng NTHĐ ở ĐBSH.

Biến đổi khí hậu đã và đang trở thành thách thức mang tính toàn cầu, tác động sâu sắc đến sản xuất nông nghiệp, môi trường sống và sự phát triển bền vững của khu vực nông thôn vùng ĐBSH. Vùng đang đối mặt với nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa lớn bất thường, ngập úng kéo dài, xâm nhập mặn ở ven biển, rét đậm rét hại, cùng với sự gia tăng dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi. Những rủi ro này trực tiếp ảnh hưởng đến thu nhập, đời sống và sinh kế của nông dân. Trong bối cảnh đó, vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH được đặt ra không chỉ ở khía cạnh phát triển kinh tế mà còn ở năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và quản trị rủi ro thiên tai trong cộng đồng. Mô hình sản xuất nông nghiệp truyền thống dựa trên khai thác tối đa tài nguyên đất đai và thâm canh hóa học đã bộc lộ giới hạn, làm suy giảm hệ sinh thái tự nhiên, đồng thời gia tăng mức độ tổn thương trước biến đổi khí hậu. Do đó, biến đổi khí

hậu đặt ra vấn đề phải phát huy vai trò của nông dân như một chủ thể thích ứng linh hoạt, đổi mới mô hình sản xuất theo hướng sinh thái, đồng thời tham gia tích cực vào quản trị rủi ro cộng đồng trong xây dựng NTHĐ vùng ĐBSH.

Tình trạng suy thoái môi trường ngày càng nghiêm trọng, đây là hệ quả của quá trình công nghiệp hóa nông thôn, mở rộng làng nghề, gia tăng chất thải sinh hoạt và đặc biệt là sự phát triển nông nghiệp thâm canh sử dụng nhiều hóa chất. Xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn phải coi đây là điều kiện thiết yếu của NTHĐ. Điều này đặt ra yêu cầu phải nâng cao nhận thức sinh thái, trách nhiệm cộng đồng và năng lực thực hành môi trường của nông dân, coi họ là lực lượng trung tâm trong xây dựng nông thôn xanh, sạch, bền vững.

Nhiều giá trị văn hóa truyền thống đang bị biến đổi, thậm chí mai một, làm suy giảm tính cố kết cộng đồng và một bộ phận nông dân đang chịu tác động của xu hướng thực dụng hóa, chạy theo lợi ích vật chất, dẫn đến suy giảm các chuẩn mực đạo đức và lối sống truyền thống. Tình trạng tệ nạn xã hội, tranh chấp đất đai, mâu thuẫn trong cộng đồng xuất hiện ở một số địa phương cho thấy những biểu hiện bất ổn về mặt VH - XH. Nguy cơ mai một các giá trị văn hóa làng nghề truyền thống một đặc trưng nổi bật của vùng ĐBSH, nhiều làng nghề đang bị thương mại hóa hoặc suy giảm do lớp trẻ không còn mặn mà kế nghiệp. Điều này đặt ra yêu cầu phải phát huy vai trò nông dân như chủ thể bảo tồn và phát triển văn hóa nghề, biến các giá trị truyền thống thành nguồn lực xây dựng NTHĐ.

### **Tiểu kết chương 3**

Nông dân vùng ĐBSH đã từng bước phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng NTHĐ trên các lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng; kinh tế; VH - XH, bảo vệ môi trường; ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; xây dựng hệ thống chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh góp phần thúc đẩy phát triển nông thôn theo hướng hiện đại, bền vững. Kết quả đó là sự tổng hợp của nhiều nhân tố, trọng tâm là sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự vào cuộc của hệ thống chính trị, việc phát huy các giá trị văn hóa cộng đồng và sự chuyển biến về

nhận thức, năng lực của nông dân trong thời kỳ đổi mới. Đây là nền tảng để nông dân tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm trong xây dựng NTHĐ.

Tuy nhiên, việc phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH vẫn còn những hạn chế, bất cập. Một bộ phận nông dân còn hạn chế về nhận thức, tư duy thị trường, kỹ năng số và năng lực tham gia quản trị cộng đồng; trong khi cơ chế, chính sách còn thiếu đồng bộ và hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng NTHĐ.

Từ kết quả nghiên cứu, luận án xác định bốn vấn đề đặt ra cần tập trung giải quyết: (1) mâu thuẫn giữa yêu cầu thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ với năng lực, tư duy và nhận thức của nông dân vùng ĐBSH còn hạn chế; (2) mâu thuẫn giữa yêu cầu phải có thể chế hoàn thiện, đồng bộ nhằm thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ và những bất cập, hạn chế trong cơ chế, chính sách hiện hành; (3) mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhằm thực hiện vai trò nông dân trong xây dựng NTHĐ với những hạn chế, bất cập trong hoạt động của hệ thống chính trị nông thôn vùng ĐBSH; (4) mâu thuẫn giữa yêu cầu thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở nông thôn vùng ĐBSH với những vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường tiêu cực có xu hướng gia tăng. Đây là cơ sở thực tiễn để luận án đề xuất các quan điểm và nhóm giải pháp ở chương 4 nhằm tiếp tục phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.

## Chương 4

# QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY

## 4.1. QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VỀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

### 4.1.1. Phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng ĐBSH phải quán triệt sâu sắc quan điểm nông dân là chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển

Phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay phải quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò của giai cấp nông dân trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Đây là quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận đặc biệt quan trọng, bởi nông dân không chỉ là lực lượng đông đảo trong cơ cấu xã hội, mà còn là nhân tố quyết định trực tiếp đến sự ổn định CT - XH và sự phát triển bền vững của nông thôn Việt Nam. Đại hội XIV đã nhấn mạnh: “Quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”, Nhân dân là chủ thể, là trung tâm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; lấy hạnh phúc, sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu” [21, tr.120-121].

Trong định hướng phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta hiện nay, nông dân ngày càng được xác lập rõ vị thế là chủ thể trung tâm của phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, gắn chặt với mục tiêu phát triển nhanh, bao trùm và lâu dài của đất nước. Nông dân được xác định là lực lượng trực tiếp tham gia kiến tạo tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo đảm an ninh lương thực và ổn định xã hội. Điều này phản ánh bước phát triển mới trong nhận thức lý luận của Đảng, thể hiện rõ tư duy phát triển lấy con người làm trung tâm, trong đó nông

dân là chủ thể trực tiếp của quá trình xây dựng NTHĐ. Theo tinh thần Nghị quyết số 19 - NQ/TW, mục tiêu tổng quát đến năm 2045 được khái quát bằng ba thành tố: Nông nghiệp sinh thái, NTHĐ, nông dân văn minh, trong đó nông dân là trung tâm của sự vận động phát triển ấy. Xây dựng NTHĐ bền vững không thể chỉ dựa vào đầu tư của Nhà nước mà phải dựa nhiều vào nguồn lực xã hội, đặc biệt là cộng đồng dân cư và người dân nông thôn. Đây là cơ sở để khẳng định rằng nông dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng, mà phải là lực lượng trung tâm tổ chức thực hiện và sáng tạo trong toàn bộ tiến trình xây dựng NTHĐ.

Nông dân không chỉ là đối tượng chịu tác động hay thụ hưởng các chính sách phát triển nông thôn, mà là lực lượng trực tiếp tham gia, quyết định chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của quá trình xây dựng NTHĐ. Phát huy vai trò của nông dân đồng nghĩa với việc thừa nhận và bảo đảm quyền làm chủ thực chất của nông dân trong mọi lĩnh vực của đời sống nông thôn: Từ xây dựng kết cấu hạ tầng; phát triển kinh tế; xây dựng VH - XH, bảo vệ môi trường; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Điều này càng có ý nghĩa đặc biệt đối với vùng ĐBSH khu vực có mật độ dân cư cao, trình độ sản xuất chuyển đổi nhanh, chịu tác động mạnh của đô thị hóa và công nghiệp hóa. Trong bối cảnh đó, NTHĐ không còn chỉ là không gian sản xuất nông nghiệp truyền thống mà đang chuyển sang mô hình phát triển đa chức năng, tích hợp kinh tế, xã hội, sinh thái và gắn kết chặt chẽ với đô thị và nông thôn phải trở thành không gian phát triển đa chức năng, phát triển thành cực tăng trưởng cùng với hạ tầng đồng bộ, dịch vụ tiếp cận công bằng và bản sắc văn hóa được phát huy như một nguồn lực phát triển. Do đó, việc phát huy vai trò của nông dân không chỉ giới hạn trong sản xuất nông nghiệp mà còn bao hàm vai trò của họ như những chủ thể tham gia quản trị cộng đồng, phát triển kinh tế nông thôn đa ngành, xây dựng môi trường sống hiện đại và tham gia quá trình chuyển đổi số ở nông thôn. Chuyển đổi số phải được coi là cơ chế trao quyền mới, giúp nông dân

tiếp cận thị trường, tiếp cận dịch vụ công, tiếp cận tri thức một cách bình đẳng và minh bạch, vượt qua những giới hạn của phương thức quản lý truyền thống.

Việc quán triệt quan điểm nông dân là chủ thể đòi hỏi phải chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy phát triển kiến tạo, phục vụ; từ cách làm áp đặt, hành chính hóa sang cách làm dân chủ, dựa vào dân và vì dân. Nhà nước giữ vai trò định hướng, xây dựng thể chế và tạo môi trường phát triển, còn nông dân là chủ thể trực tiếp tổ chức thực hiện, tham gia giám sát và đánh giá kết quả xây dựng NTHĐ. Đây cũng chính là tinh thần đổi mới quản trị phát triển nông thôn thực hiện phải “đứt khoát chuyển từ cơ chế hỗ trợ thụ động sang cơ chế trao quyền, kích hoạt nội lực”.

Như vậy, quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về nông dân là chủ thể trung tâm chính là yêu cầu cốt lõi, mang tính nguyên tắc trong phát huy vai trò nông dân ở vùng ĐBSH hiện nay. Đây là cơ sở CT - XH quan trọng để bảo đảm xây dựng thành công NTHĐ theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa: Phát triển toàn diện, bền vững, hiện đại nhưng vẫn giữ vững ổn định chính trị, phát huy bản sắc cộng đồng và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

#### **4.1.2. Phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng ĐBSH phải gắn với mục tiêu phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh**

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã khẳng định: “Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hoá theo hướng nông nghiệp sinh thái, NTHĐ, nông dân văn minh” [24, tr.3]. Do vậy, phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay phải được đặt trong chỉnh thể thống nhất của mô hình phát triển “nông nghiệp sinh thái, NTHĐ, nông dân văn minh”. Mô hình này đã phản ánh sự chuyển đổi sâu sắc trong quan điểm phát triển nông nghiệp, nông thôn của Đảng, vượt ra khỏi giới hạn tiếp cận

truyền thống vốn nhấn mạnh đơn thuần đến tăng trưởng sản lượng và phát triển sản xuất nông nghiệp. Đây là định hướng chiến lược lớn của Đảng ta trong giai đoạn phát triển mới, thể hiện bước phát triển quan trọng về tư duy lý luận và phương thức tổ chức phát triển nông thôn theo hướng toàn diện, bền vững, hiện đại, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Bên cạnh đó, phát triển và cơ cấu lại kinh tế vùng ĐBSH phải dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của vùng; phát huy hiệu quả các trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ, các trung tâm đổi mới sáng tạo và trung tâm dữ liệu và khu công nghệ số hàng đầu quốc gia để chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng công nghiệp và dịch vụ hiện đại, nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, xanh, tuần hoàn, bảo đảm vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái dẫn đầu cả nước. Điều đó đòi hỏi nông dân vùng ĐBSH không chỉ là lực lượng sản xuất nông nghiệp mà còn phải trở thành chủ thể của quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Vai trò của nông dân cần được phát huy trong việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xây dựng các vùng sản xuất tập trung, liên kết chuỗi giá trị và nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản vùng ĐBSH.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên, yêu cầu an ninh sinh thái và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, mô hình này đặt ra yêu cầu kết hợp hài hòa giữa mục tiêu KT - XH, môi trường hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp phát triển theo quy luật xanh, tuần hoàn và các-bon thấp, đồng thời xây dựng nông thôn trở thành không gian sống hiện đại, đáng sống và văn minh. Trong chính thể mô hình này, nông dân giữ vai trò trung tâm, vừa là chủ thể sản xuất, vừa là chủ thể trực tiếp của quá trình chuyển đổi mô hình phát triển nông nghiệp và nông thôn. Điều này đòi hỏi phải nhận thức đúng rằng phát huy vai trò nông dân không chỉ dừng lại ở việc huy động sự tham gia của nông dân vào các phong

trào xây dựng NTHĐ, quan trọng hơn là phải trao quyền, khơi dậy nội lực, nâng cao năng lực làm chủ của nông dân trong toàn bộ quá trình tái cấu trúc nền nông nghiệp và hiện đại hóa nông thôn.

Vai trò của nông dân ngày nay không còn bó hẹp trong sản xuất nông nghiệp truyền thống mà đã được mở rộng và nâng lên trong toàn bộ chuỗi giá trị nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Chủ động phát triển năng lực sản xuất mới, gắn với chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành, tăng sức chống chịu trước biến động toàn cầu. Nông dân không chỉ sản xuất nguyên liệu thô mà phải từng bước tham gia vào các khâu chế biến, lưu thông, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu nông sản, phát triển doanh nghiệp nông thôn, hợp tác xã kiểu mới, kinh tế dịch vụ và du lịch nông nghiệp.. Đây chính là xu hướng phát triển tất yếu của NTHĐ, nơi sản xuất nông nghiệp không tách rời mà tích hợp đa ngành, đa chức năng, kết nối với đô thị và thị trường toàn cầu.

Đối với vùng ĐBSH vùng trọng điểm về sản xuất nông nghiệp hàng hóa và có tốc độ đô thị hóa nhanh yêu cầu phát huy vai trò nông dân càng đặt ra cấp thiết. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XIV nhấn mạnh: “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, theo chuỗi giá trị, có hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển các vùng sản xuất hàng hoá lớn, chất lượng và giá trị gia tăng cao, gắn với chế biến sâu và xây dựng thương hiệu sản phẩm; phát triển các hình thức tổ chức và liên kết sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn; mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản, xây dựng các chuỗi sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm” [21, tr.93]. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tích tụ ruộng đất, phát triển kinh tế xanh và kinh tế số chỉ có thể thành công nếu nông dân thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong tổ chức sản xuất sinh thái, tuần hoàn, hiệu quả và bền vững. Phát huy vai trò của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái đòi hỏi phải nâng cao nhận thức, tri thức và năng lực thực hành của nông dân về sản xuất xanh, sản xuất hữu cơ, tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải và thích ứng với biến

đổi khí hậu. Nông nghiệp sinh thái không chỉ là yêu cầu kỹ thuật, mà còn là sự chuyển đổi căn bản trong tư duy phát triển, từ khai thác tối đa tài nguyên sang sử dụng hợp lý, tái tạo và bảo vệ môi trường sống. Do đó, nông dân phải được trang bị tri thức mới, kỹ năng mới và phương thức sản xuất mới, phù hợp với yêu cầu của nền nông nghiệp hiện đại và hội nhập quốc tế.

Nông dân trong thời kỳ mới phải trở thành “người lao động có tri thức”, có khả năng tiếp cận khoa học, công nghệ, ứng dụng số hóa trong sản xuất và quản trị kinh tế hộ gia đình, kinh tế hợp tác. Tri thức hóa nông dân chính là nền tảng quan trọng để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông nghiệp Việt Nam. Đồng thời, phát huy vai trò của nông dân phải gắn với nhiệm vụ xây dựng nông dân văn minh, không chỉ được hiểu ở trình độ học vấn hay mức sống vật chất, mà còn là sự phát triển toàn diện về nhân cách, lối sống, ý thức pháp luật, trách nhiệm xã hội và năng lực tham gia quản trị cộng đồng. Đây là yếu tố quyết định để xây dựng NTHĐ thực sự trở thành không gian VH - XH tiên bộ, dân chủ, kỷ cương và ổn định.

Bên cạnh đó, xây dựng nông dân văn minh còn gắn với việc hình thành tư duy kinh tế mới, đạo đức nghề nghiệp mới và khát vọng phát triển mới. Nông dân không chỉ là người sản xuất nhỏ lẻ mà phải từng bước trở thành “nông dân chuyên nghiệp”, biết tổ chức sản xuất theo tín hiệu thị trường, tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng, tham gia kinh tế hợp tác và phát triển kinh doanh nông nghiệp hiện đại.

Như vậy, phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH phải luôn gắn với mục tiêu xây dựng vùng trở thành trung tâm phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao, kinh tế nông thôn hiện đại và nông dân văn minh; phát huy lợi thế là vùng đi đầu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần đưa ĐBSH trở thành vùng phát triển nhanh, xanh, thông minh và bền vững theo định hướng của Đảng. Đây vừa là yêu cầu thực hiện mục tiêu phát triển quốc gia, vừa là định hướng phát triển đặc thù của vùng ĐBSH trong giai đoạn mới.

#### **4.1.3. Phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng ĐBSH phải đặt trong tổng thể chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế**

Phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay phải được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển đất nước thời kỳ mới, gắn chặt với tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, chuyển đổi số quốc gia và hội nhập quốc tế sâu rộng. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đã nhấn mạnh: “Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải thực sự trở thành động lực then chốt của tăng trưởng; là nền tảng nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh; là công cụ nâng cao hiệu quả quản trị, năng lực tự chủ quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh; là phương thức để tạo ra các mô hình kinh doanh mới, việc làm mới, giá trị gia tăng mới” [21, tr.31]. Trong đó, phát triển khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc.

Quan điểm của Đảng khẳng định rõ: “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên [21, tr.26]. Xây dựng NTHĐ không thể tách rời nhiệm vụ phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, mà phải được đặt trong chính thể phát triển nhanh, bền vững và hội nhập toàn diện. Do đó, phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ không chỉ là nhiệm vụ riêng của lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, mà là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển lực lượng sản xuất, hiện đại hóa quan hệ sản xuất và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, đây là những yếu tố quyết định trong công cuộc CNH, HĐH đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính do đó nông dân vùng ĐBSH cần được tạo điều kiện để tiếp cận, làm chủ và ứng dụng hiệu quả các thành

tự khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ số, công nghệ sinh học, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XIV nhấn mạnh: “Khẩn trương, quyết liệt đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ phù hợp với nguyên tắc thị trường, chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hoàn thiện cơ chế, chính sách vượt trội, phù hợp với đặc thù của lao động sáng tạo; tháo gỡ dứt điểm các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; trọng tâm là cơ chế quản lý, cơ chế đầu tư, cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ cao” [21, tr.104].

Phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ phải gắn với quá trình chuyển đổi mô hình sản xuất từ truyền thống sang nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh và tuần hoàn. Nông dân không thể chỉ là người lao động giản đơn trong sản xuất nông nghiệp mà phải trở thành chủ thể có tri thức, có kỹ năng số, có năng lực tổ chức sản xuất hiện đại. Chuyển đổi số không chỉ là đưa công nghệ vào nông thôn mà là quá trình tái cấu trúc toàn diện phương thức sản xuất, quản trị và đời sống nông thôn, trong đó nông dân giữ vai trò trung tâm của sự chuyển đổi. Nông dân phải là lực lượng trực tiếp tham gia phát triển thương mại điện tử nông sản, logistics nông thôn, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, quản trị chuỗi cung ứng và kết nối thị trường số.

Đối với vùng ĐBSH, đây không chỉ là cơ hội để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của nông nghiệp vùng, mà còn là điều kiện quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn đa ngành, hình thành các mô hình “nông thôn thông minh”, “làng số”, “hợp tác xã số” gắn với chuỗi giá trị toàn cầu. Quan điểm này cũng đặt ra yêu cầu phải tri thức hóa và chuyên nghiệp hóa nông dân như một tất yếu của hiện đại hóa nông thôn. Tri thức hóa nông dân là nền tảng để nông dân thích ứng với môi trường sản xuất hiện đại, biết ứng dụng khoa học, công nghệ, tiếp cận thông tin thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh. Nông dân thời kỳ mới phải trở thành “người lao động có tri thức”, có kỹ năng nghề nghiệp, có năng lực quản trị sản xuất và tham gia kinh tế hợp tác.

Đồng thời, phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ vùng ĐBSH phải gắn với yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện, sâu rộng và hiệu quả, tận dụng tối đa lợi thế từ các FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP...) để mở rộng thị trường, nâng cao khả năng thích ứng và thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Hội nhập không chỉ mở ra cơ hội thị trường mà còn đặt ra những thách thức lớn đối với nông dân trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường, lao động và phát triển bền vững. Nông dân cần được nâng cao năng lực tham gia thị trường, năng lực liên kết sản xuất, tiêu thụ, năng lực xây dựng thương hiệu nông sản vùng và tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn toàn cầu. Trong điều kiện đó, phát huy vai trò nông dân chính là phát huy nội lực chiến lược của phát triển nông thôn vùng ĐBSH. Nông dân phải được khẳng định là lực lượng nòng cốt trong quá trình tái cơ cấu kinh tế nông thôn, xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia và tham gia chủ động vào chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu.

Như vậy, phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay phải luôn gắn chặt với tiến trình CNH, HĐH chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Đây là quan điểm có ý nghĩa định hướng chiến lược nhằm bảo đảm nông dân thực sự trở thành lực lượng chủ thể của đổi mới sáng tạo ở nông thôn, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế nông thôn vùng, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

#### **4.1.4. Phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng ĐBSH phải gắn với bảo đảm hài hòa lợi ích, tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.**

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đã nhấn mạnh: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, để đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao, để xã hội thực sự hài hoà, dân chủ, để người dân tin tưởng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội” [21, tr.33]. Phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH

hiện nay phải gắn chặt với yêu cầu bảo đảm hài hòa lợi ích, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Phát triển kinh tế hài hoà với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa, giá trị lịch sử, nhất là văn hóa đồng bằng Bắc Bộ. Coi văn hóa và các giá trị truyền thống là nguồn lực phát triển hướng tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị. Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo bảo đảm chất lượng cao, hiện đại, tương đương với các quốc gia phát triển trong khu vực. Đây là quan điểm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi xây dựng NTHĐ theo định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh tế hay hiện đại hóa hạ tầng, mà còn phải hướng tới phát triển con người, nâng cao chất lượng đời sống, bảo đảm công bằng xã hội và củng cố ổn định CT - XH ở nông thôn.

Vấn đề lợi ích luôn giữ vai trò nền tảng, bởi lợi ích là động lực trực tiếp chi phối hành vi xã hội và quyết định tính bền vững của sự đồng thuận xã hội. Do đó, quá trình phát huy vai trò của nông dân không thể chỉ dừng lại ở việc huy động nguồn lực từ nông dân để thực hiện các chương trình xây dựng NTHĐ, mà phải đi đôi với chăm lo, bảo vệ và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân. Chỉ khi nông dân thực sự được thụ hưởng thành quả phát triển, quyền lợi chính đáng được bảo đảm, thì họ mới có thể phát huy đầy đủ vai trò chủ thể, trung tâm của quá trình xây dựng NTHĐ.

Việc phát huy vai trò của nông dân phải gắn với bảo đảm sinh kế bền vững, mở rộng ASXH, giảm nghèo đa chiều, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nhóm nông dân, giữa nông thôn và đô thị, giữa các địa phương trong vùng. Quá trình đô thị hóa nhanh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ vừa tạo cơ hội phát triển, nhưng cũng làm xuất hiện nguy cơ phân hóa xã hội, bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận nguồn lực, việc làm và dịch vụ xã hội. Vì vậy, phát huy vai trò nông dân phải được đặt trong tổng thể

chính sách phát triển bao trùm, lấy con người làm trung tâm, bảo đảm không để ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình hiện đại hóa nông thôn. Quan điểm này cũng nhấn mạnh rằng xây dựng NTHĐ phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Đây chính là đặc trưng bản chất của định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nông thôn ở Việt Nam. Công bằng xã hội ở nông thôn không chỉ được thể hiện ở phân phối thu nhập, mà còn ở việc bảo đảm cơ hội tiếp cận bình đẳng đối với giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, đất đai, tín dụng và các dịch vụ xã hội cơ bản. Khi lợi ích chính đáng của nông dân được bảo đảm, họ mới có thể trở thành lực lượng tích cực tham gia xây dựng NTHĐ với tinh thần tự giác, sáng tạo và trách nhiệm xã hội cao. Bên cạnh đó, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển KT - XH với bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực đất liền, biên giới, vùng trời, vùng biển và hải đảo; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Như vậy, phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay phải gắn chặt với yêu cầu bảo đảm hài hòa lợi ích, tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quan điểm này không chỉ có ý nghĩa định hướng về phát triển nông thôn bền vững, mà còn là cơ sở hướng tới mục tiêu phát triển vì con người, trong đó nông dân là lực lượng trung tâm của sự ổn định và phát triển lâu dài.

## **4.2. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

### **4.2.1. Nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức, trách nhiệm, năng lực các chủ thể phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay.**

Trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH hiện nay, việc phát huy vai trò của nông dân không chỉ phụ thuộc vào bản thân nông dân mà còn chịu sự tác động trực tiếp của nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể tham gia quá trình này. Nông dân chỉ có thể phát huy đầy đủ vai trò chủ thể khi có thể chế hoàn thiện và tổ chức thực

hiện đồng bộ, trong đó các chủ thể liên quan nhận thức đúng vị trí, vai trò của nông dân, thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình và có đủ năng lực để tổ chức, hỗ trợ, định hướng và tạo điều kiện cho nông dân tham gia vào quá trình xây dựng NTHĐ.

Đây là nhóm giải pháp có ý nghĩa nền tảng, giữ vai trò tiền đề trong hệ thống các giải pháp phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH. Bởi lẽ, nhận thức đúng về vị trí, vai trò của nông dân là cơ sở để các chủ thể thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và tạo lập những điều kiện cần thiết để nông dân phát huy vai trò chủ thể. Đồng thời, hiệu quả của các nhóm giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách, huy động nguồn lực, phát triển liên kết sản xuất và chuyển đổi số đều phụ thuộc vào nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể tham gia. Vì vậy, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể vừa là yêu cầu cấp thiết từ thực tiễn, vừa là điều kiện bảo đảm để các nhóm giải pháp khác được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần phát huy đầy đủ vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.

*Thứ nhất, cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp là chủ thể kiến tạo thể chế, dẫn dắt và bảo đảm điều kiện phát huy vai trò của nông dân*

Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp giữ vị trí trung tâm trong việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng NTHĐ, trực tiếp kiến tạo môi trường thể chế, phân bổ nguồn lực, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát quá trình phát huy vai trò của nông dân. Do đó, hiệu quả phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ vùng ĐBSH phụ thuộc rất lớn vào chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở.

Trước hết, cần nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp về vị trí, vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ. Nông dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách mà còn là chủ thể trực tiếp tham gia vào các quá trình phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở và giám sát xã hội. Nhận thức đúng vấn đề này có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng, bởi nó giúp khắc phục cách tiếp cận hành chính, áp đặt, coi nông dân chủ

yếu là lực lượng chấp hành, từ đó chuyển sang cách tiếp cận phát huy tính chủ động, trách nhiệm và sáng tạo của nông dân.

Cần phải nhận thức rõ việc phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH là trách nhiệm của cấp ủy và chính quyền các cấp. Trách nhiệm đó thể hiện ở việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách thành cơ chế, chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện KT -XH, đặc điểm dân cư và yêu cầu phát triển của từng địa phương trong vùng ĐBSH. Đồng thời, chính quyền phải bảo đảm quyền tham gia của nông dân trong các hoạt động liên quan trực tiếp đến lợi ích của họ, nhất là trong quy hoạch, tổ chức sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đào tạo nghề, chuyển đổi sinh kế, xây dựng kết cấu hạ tầng và bảo vệ môi trường nông thôn. Mức độ phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ trên thực tế gắn chặt với mức độ công khai, minh bạch, dân chủ và trách nhiệm giải trình của chính quyền trong quá trình tổ chức thực hiện.

Cùng với đó, cần nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý của chính quyền các cấp, nhất là cấp xã trong quản trị xây dựng NTHĐ. Năng lực này bao gồm năng lực xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách; năng lực điều phối các nguồn lực phát triển; năng lực vận động, tập hợp và hướng dẫn nông dân tham gia; năng lực xử lý quan hệ lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nông dân; năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý nông thôn và năng lực giải quyết những vấn đề nảy sinh từ quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, tích tụ ruộng đất, chuyển dịch lao động và biến đổi xã hội ở nông thôn.

Để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH, cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp cần tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực phù hợp và triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị, đào tạo, minh bạch và kiểm tra, giám sát. Cấp ủy phải tăng cường lãnh đạo công tác quy hoạch, tuyển chọn, bố trí, luân chuyển và đánh giá cán bộ theo nguyên tắc công khai, minh bạch, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ, mức độ hài lòng của người dân và hiệu quả trong việc phát huy vai trò của nông dân làm tiêu chí trọng tâm; đồng thời chỉ đạo xây dựng kế hoạch

đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, có trọng tâm cho đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ cấp xã. Nội dung bồi dưỡng cần tập trung nâng cao tư duy phát triển, năng lực quản trị địa phương, kiến thức về kinh tế nông nghiệp, chuyển đổi số, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, cùng kỹ năng vận động, đối thoại, hướng dẫn và hỗ trợ nông dân tham gia các chương trình, dự án phát triển nông thôn.

Song song với đó, phải thực hiện nghiêm Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” bằng cách công khai quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án và nguồn lực đầu tư, duy trì cơ chế đối thoại định kỳ và đối thoại khi phát sinh vấn đề quan trọng để nông dân được tham gia góp ý, phản biện và đề xuất giải pháp. Việc tăng cường lãnh đạo, kiểm tra và giám sát của cấp ủy phải được gắn chặt với cơ chế đánh giá, khen thưởng và xử lý trách nhiệm rõ ràng, xác định trách nhiệm cụ thể của từng cấp, từng cơ quan và người đứng đầu nhằm bảo đảm chủ trương, chính sách thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và đạt hiệu quả thực chất.

Các giải pháp về nâng cao năng lực cán bộ, đổi mới công tác cán bộ, minh bạch thông tin và kiểm tra giám sát được triển khai đồng bộ, năng lực lãnh đạo của cấp ủy, năng lực quản trị và hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp sẽ được nâng lên, tạo dựng môi trường thể chế và quản trị thuận lợi để nông dân thực sự trở thành chủ thể tích cực trong xây dựng NTHĐ.

*Thứ hai, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nông dân, tạo điều kiện để nông dân phát huy vai trò trong xây dựng nông thôn hiện đại.*

Trước hết, cần nâng cao nhận thức của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT - XH về vai trò, trách nhiệm của mình với tư cách là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nông dân, là lực lượng trực tiếp tuyên truyền, vận động, tập hợp và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nông dân trong quá trình xây dựng NTHĐ. Đây không chỉ là trách nhiệm phối hợp tổ chức các phong trào, triển khai các chương trình vận động, mà sâu xa hơn là trách nhiệm tạo lập sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của nông dân đối

với chủ trương, chính sách phát triển nông thôn, đồng thời khơi dậy ý thức chủ thể, tinh thần trách nhiệm và khả năng tự tổ chức của nông dân. Nếu không làm tốt vai trò này, khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn sẽ gia tăng, làm hạn chế hiệu quả phát huy vai trò của nông dân.

Xác định rõ trách nhiệm cụ thể của từng tổ chức trong hệ thống chính trị. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XIV xác định: “Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, phát huy vai trò nòng cốt chính trị của *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp* trong phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tập hợp, phát huy mọi nguồn lực, năng lực sáng tạo của Nhân dân và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc” [21, tr.125]. Mặt trận Tổ quốc cần phát huy tốt hơn chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Hội Nông dân cần giữ vai trò nòng cốt trong tập hợp, tuyên truyền, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, tham gia kinh tế hợp tác, tiếp cận khoa học, công nghệ, thị trường và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần. Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức thành viên khác cần phát huy thế mạnh đặc thù trong giáo dục, vận động, tổ chức các phong trào thi đua, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường và củng cố khối đoàn kết ở khu vực nông thôn. Việc xác định rõ chức năng, trách nhiệm của từng tổ chức là điều kiện bảo đảm tính đồng bộ, tránh chồng chéo, hình thức trong quá trình thực hiện. Thông qua việc thực hiện đúng chức năng của từng tổ chức, hệ thống Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội sẽ tạo nên mạng lưới kết nối chặt chẽ giữa cấp ủy, chính quyền với nông dân, góp phần đưa chủ trương, chính sách vào cuộc sống và phản ánh kịp thời những vấn đề từ thực tiễn đến các cơ quan có thẩm quyền.

Nâng cao năng lực tập hợp, vận động, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nông dân của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT - XH theo hướng thiết thực, hiệu quả, hướng mạnh về cơ sở và thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng lấy nhu cầu và lợi ích chính đáng của

nông dân làm trung tâm; tăng cường năng lực tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ pháp lý, hỗ trợ tiếp cận thông tin, khoa học, công nghệ, kỹ năng số, đào tạo nghề và tổ chức cộng đồng cho nông dân.

Để thực hiện tốt các nội dung trên, cần xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là cán bộ ở địa phương, theo hướng nâng cao kiến thức về xây dựng NTHĐ, chuyển đổi số trong công tác dân vận và hoạt động đoàn thể, giám sát, phản biện xã hội, nắm bắt dư luận, đối thoại với nông dân, kết nối các nguồn lực xã hội và tổ chức các phong trào quần chúng. Đồng thời, đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng lấy hiệu quả tuyên truyền, vận động, mức độ tập hợp hội viên, khả năng huy động sự tham gia của nông dân và kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông thôn làm tiêu chí quan trọng.

Cùng với đó, cần đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT - XH theo hướng giảm tính hành chính, tăng cường đối thoại, đồng hành, hỗ trợ nông dân giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển sản xuất và xây dựng NTHĐ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đa dạng hóa các hình thức tập hợp, vận động nông dân thông qua các mô hình câu lạc bộ, tổ hợp tác, tổ hội nghề nghiệp, diễn đàn đối thoại và các nền tảng số... nhằm nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và kết nối cộng đồng của nông dân trong vùng.

Đồng thời, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức CT - XH với chính quyền, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và các tổ chức khoa học, công nghệ trong hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, đào tạo nghề, chuyển giao khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Mỗi tổ chức cần xây dựng chương trình phối hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, trách nhiệm và cơ chế kiểm tra, đánh giá cụ thể, bảo đảm phát huy thế mạnh của từng tổ chức, tránh chồng chéo, hình thức trong quá trình triển khai.

Bên cạnh đó, tăng cường hoạt động giám sát và phản biện xã hội đối với việc ban hành và thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông dân và nông thôn; chủ động tổng hợp ý kiến, kiến nghị của nông dân để phản ánh kịp thời với cấp ủy, chính quyền; đồng thời theo dõi, giám sát việc giải quyết các kiến nghị nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân. Qua đó, góp phần củng cố niềm tin của nông dân đối với hệ thống chính trị, nâng cao sự đồng thuận xã hội và tạo động lực để nông dân phát huy đầy đủ vai trò chủ thể trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.

*Thứ ba, doanh nghiệp và thị trường là chủ thể liên kết phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại.*

Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, doanh nghiệp và thị trường là hai chủ thể có vai trò quan trọng trong việc phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ. Doanh nghiệp không chỉ là chủ thể đầu tư, sản xuất, kinh doanh mà còn giữ vai trò tổ chức lại sản xuất, liên kết chuỗi giá trị, chuyển giao khoa học, công nghệ và dẫn dắt đổi mới phương thức sản xuất của nông dân. Trong khi đó, thị trường có vai trò định hướng cơ cấu sản xuất, phân bổ nguồn lực, xác lập các tiêu chuẩn về chất lượng, truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm và tạo động lực nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản. Vì vậy, phát huy vai trò của nông dân ở vùng ĐBSH không chỉ đòi hỏi nâng cao năng lực của bản thân nông dân mà còn cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm xã hội và năng lực liên kết của doanh nghiệp, đồng thời phát huy vai trò định hướng và điều tiết của thị trường nhằm hình thành môi liên kết bền vững giữa sản xuất với tiêu thụ trong xây dựng NTHĐ.

Trước hết, cần nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về vai trò, trách nhiệm của mình trong phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Doanh nghiệp cần nhận thức rằng liên kết với nông dân không chỉ là hoạt động kinh doanh mà còn là trách nhiệm xã hội, góp phần xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, phát triển nông thôn bền vững và nâng cao đời sống của nông dân. Trên cơ sở đó, cần xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp trong tổ chức liên kết sản xuất, hỗ trợ tiêu chuẩn hóa quy trình,

chuyển giao khoa học, công nghệ, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường và chuỗi giá trị bền vững; đồng thời bảo đảm hài hòa lợi ích, chia sẻ rủi ro với nông dân, khắc phục tình trạng liên kết thiếu ổn định hoặc chỉ theo đuổi lợi ích ngắn hạn. Cùng với đó, doanh nghiệp cần không ngừng nâng cao năng lực quản trị, năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực ứng dụng chuyển đổi số và khả năng dự báo thị trường để nâng cao hiệu quả liên kết với nông dân.

Nâng cao nhận thức của nông dân và các chủ thể liên quan về vai trò định hướng của thị trường trong phát triển nông nghiệp hiện đại. Sản xuất nông nghiệp cần chuyển mạnh từ tư duy sản xuất theo khả năng sang sản xuất theo tín hiệu thị trường, lấy nhu cầu của người tiêu dùng, yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn xanh làm căn cứ tổ chức sản xuất. Thị trường không chỉ là nơi tiêu thụ sản phẩm mà còn là động lực thúc đẩy đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng nông sản và tăng cường năng lực cạnh tranh của nông dân trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Để thực hiện hiệu quả các nội dung trên, trước hết cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo hướng ổn định, minh bạch và tạo động lực cho các dự án đầu tư dài hạn trong lĩnh vực chế biến, bảo quản, logistics, phát triển vùng nguyên liệu, chuyển đổi số, nông nghiệp xanh và kinh tế tuần hoàn. Đồng thời, xây dựng các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế, khoa học, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực đối với các doanh nghiệp thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản với nông dân thông qua hợp đồng dài hạn, bảo đảm hài hòa lợi ích và chia sẻ rủi ro giữa các bên.

Cùng với đó, cần phát triển và nhân rộng các mô hình liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, nhà khoa học và nông dân theo chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt thị trường, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn hóa quy trình sản xuất, hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ. Việc liên kết cần được thực hiện trên cơ sở hợp đồng rõ ràng về quyền, trách nhiệm, lợi ích

và cơ chế xử lý rủi ro; đồng thời tăng cường vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức CT - XH trong tư vấn, hòa giải, giám sát việc thực hiện hợp đồng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nông dân.

Đồng thời, cần nâng cao năng lực tham gia thị trường của nông dân thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kinh tế thị trường, kỹ năng đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng, tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu, thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích nông dân tham gia các hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ hợp nghề nghiệp và các chuỗi liên kết sản xuất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm chi phí sản xuất và tăng khả năng thích ứng với biến động của thị trường.

Bên cạnh đó, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin, dự báo và cảnh báo thị trường; tăng cường xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu, phát triển hệ thống phân phối hiện đại và các nền tảng thương mại điện tử đối với nông sản vùng ĐBSH. Đồng thời, hỗ trợ nông dân xây dựng và quảng bá thương hiệu nông sản, chỉ dẫn địa lý, sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng của địa phương; xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, minh bạch; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các cam kết liên kết, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hợp đồng, cạnh tranh không lành mạnh hoặc xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của nông dân qua đó tạo lập môi trường thị trường ổn định, minh bạch và bền vững.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm xã hội và năng lực liên kết của doanh nghiệp; xây dựng mối liên kết chặt chẽ, ổn định và hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, thị trường và nông dân. Qua đó, tạo động lực để nông dân chủ động tham gia chuỗi giá trị, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát huy đầy đủ vai trò chủ thể trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.

#### **4.2.2. Nhóm giải pháp về tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng**

Thể chế và chính sách giữ vai trò đặc biệt quan trọng, vừa là cơ sở định hướng, vừa là công cụ điều chỉnh, tổ chức và bảo đảm cho quá trình phát huy vai trò của nông dân diễn ra đúng mục tiêu, đồng bộ và hiệu quả. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XIV nhấn mạnh: “... *tập trung hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, trong đó thể chế chính trị là then chốt, thể chế kinh tế là trọng tâm, các thể chế khác là quan trọng*” [21, tr.86]. Quan điểm này là cơ sở chính trị quan trọng để tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ.

Nếu nhóm giải pháp nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể tạo ra tiền đề về con người và năng lực tổ chức thực hiện thì nhóm giải pháp về tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách góp phần tạo lập cơ sở pháp lý, cơ chế vận hành và các chính sách nhằm bảo đảm quyền, lợi ích và điều kiện để nông dân vùng ĐBSH phát huy vai trò chủ thể. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh CNH, HĐH, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, vai trò của nông dân không thể được phát huy đầy đủ nếu thiếu một hệ thống thể chế, chính sách đồng bộ, ổn định, khả thi và phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Đồng thời, hiệu quả của các nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, huy động nguồn lực, đổi mới tổ chức sản xuất hay tăng cường liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nông dân đều phụ thuộc vào mức độ hoàn thiện và hiệu lực thực thi của thể chế, chính sách. Vì vậy, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH không chỉ là yêu cầu khách quan xuất phát từ thực tiễn xây dựng NTHĐ của vùng mà còn là điều kiện quan trọng để chuyển hóa tiềm năng và vai trò của nông dân thành năng lực thực tiễn trong quá trình phát triển.

*Thứ nhất, hoàn thiện thể chế theo hướng khẳng định và bảo đảm vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại.*

Tiếp tục hoàn thiện thể chế theo hướng thể hiện rõ hơn vai trò chủ thể của nông dân trong các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch và chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng NTHĐ. Trong đó, nông dân phải được xác định không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là lực lượng trực tiếp tham gia, đồng kiến tạo và giám sát quá trình thực hiện.

Hoàn thiện thể chế bảo đảm quyền tham gia của nông dân vào các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống và lợi ích của họ, nhất là trong quy hoạch sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường, phát triển các thiết chế VH - XH và giám sát thực hiện các chương trình phát triển ở nông thôn. Việc bảo đảm quyền tham gia không chỉ dừng lại ở khâu thông tin, tuyên truyền mà phải được thể hiện bằng những cơ chế cụ thể về bàn bạc, tham vấn, phản biện, giám sát và thụ hưởng. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XIV xác định: “Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện pháp luật về Thực hiện dân chủ ở cơ sở và phương châm *Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” [21, tr.37-38]. Hướng tới thiết lập cơ chế quản trị NTHĐ, trong đó nông dân có vị trí rõ ràng trong quá trình ra quyết định, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát.

Để thực hiện tốt các nội dung này, cần rà soát, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định, quy chế và cơ chế vận hành ở địa phương theo hướng đồng bộ, minh bạch, dễ tiếp cận và phù hợp với thực tiễn vùng ĐBSH. Đồng thời, cần tăng cường trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc tổ chức thực hiện thể chế, bảo đảm cho thể chế không chỉ đúng về mặt pháp lý mà còn phát huy hiệu lực thực tế trong đời sống nông thôn.

*Thứ hai, hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế nông thôn nhằm tạo điều kiện để nông dân phát huy vai trò trong phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập.*

Tiếp tục hoàn thiện chính sách đất đai, tín dụng, khoa học, công nghệ, thị trường, hạ tầng sản xuất và tổ chức sản xuất theo hướng hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất lao động và tham gia ngày càng sâu hơn vào chuỗi giá trị. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển các hình thức tổ chức kinh tế ở nông thôn như hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nông thôn, kinh tế hộ theo hướng liên kết, chuyên nghiệp và thích ứng với thị trường. Đây là cơ sở quan trọng để khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, thiếu liên kết. Chính sách cần hướng tới việc hỗ trợ nông dân tham gia vào các mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ; thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao và các mô hình kinh doanh mới phù hợp với điều kiện của từng địa phương trong vùng.

Hoàn thiện chính sách phát triển ngành nghề nông thôn, dịch vụ nông thôn và chuyển dịch cơ cấu lao động, việc làm ở khu vực nông thôn. Nghiên cứu xây dựng chính sách tạo điều kiện để nông dân mở rộng sinh kế, đa dạng hóa nguồn thu nhập, giảm phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp thuần túy, thích ứng tốt hơn với quá trình đô thị hóa và chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở vùng ĐBSH.

Coi trọng khâu tổ chức thực hiện chính sách thông qua việc tăng cường năng lực thực thi chính sách của chính quyền cơ sở, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các ngành, các cấp và bảo đảm để nông dân được tiếp cận chính sách một cách công bằng, kịp thời và thuận lợi.

*Thứ ba, hoàn thiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng và “tri thức hóa” nông dân đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn hiện đại.*

Thống nhất nhận thức đối với các cấp, các ngành về “tri thức hóa” nông dân không chỉ là nâng cao trình độ học vấn đơn thuần, mà là quá trình trang bị cho nông dân hệ thống tri thức, kỹ năng, phương pháp tư duy và năng lực thực hành cần thiết để thích ứng với yêu cầu mới của xây dựng NTHĐ. Quá trình này bao gồm tri thức về khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp; kiến thức về thị trường, pháp luật, quản trị sản xuất, hợp tác và liên kết; kỹ năng sử dụng công nghệ số; năng lực tiếp cận thông tin, đổi mới sáng tạo và tham gia đời sống xã hội ở NTHĐ.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng thiết thực, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của nông dân và yêu cầu phát triển của từng địa phương. Nội dung đào tạo phải gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn, ngành nghề nông thôn, dịch vụ nông thôn và thị trường lao động trong điều kiện mới. Chú trọng đào tạo các kỹ năng thích ứng với quá trình đô thị hóa, chuyển đổi việc làm, phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh hiện đại và nâng cao năng lực tham gia các chuỗi liên kết giá trị.

Hoàn thiện chính sách bồi dưỡng, cập nhật tri thức thường xuyên cho nông dân. Đây là yêu cầu quan trọng vì trong điều kiện khoa học, công nghệ phát triển nhanh, tri thức của nông dân không thể chỉ dựa vào các chương trình đào tạo một lần, mà cần được bổ sung, cập nhật liên tục thông qua hệ thống khuyến nông, tập huấn chuyên đề, tư vấn kỹ thuật, đào tạo trực tuyến, mô hình trình diễn và liên kết với các cơ sở giáo dục, nghiên cứu, doanh nghiệp. Việc bồi dưỡng tri thức phải được tiến hành theo hướng mở, linh hoạt, phù hợp với trình độ, nghề nghiệp và nhu cầu thực tiễn của từng nhóm nông dân.

Đối với chính sách “tri thức hóa” nông dân phải gắn với phát triển con người NTHĐ. Điều này có nghĩa là không chỉ chú trọng năng lực sản xuất, kinh doanh mà còn cần bồi dưỡng cho nông dân ý thức pháp luật, năng lực tham gia quản lý cộng đồng, kỹ năng tổ chức đời sống gia đình, ứng xử văn hóa, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi xã hội. Xây dựng NTHĐ không chỉ cần người nông dân có kỹ năng sản xuất tốt mà còn cần người nông dân có tư duy công dân, có khả năng hội nhập và có trách nhiệm đối với cộng đồng.

Để thực hiện tốt các nội dung này cần xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Nhà nước, cơ sở giáo dục và đào tạo, tổ chức hội, doanh nghiệp và các tổ chức khoa học, công nghệ trong đào tạo, bồi dưỡng nông dân. Đồng thời, cần có chính sách ưu tiên đối với các nhóm nông dân còn gặp khó khăn trong tiếp cận giáo dục, đào tạo và chuyển đổi nghề nghiệp; chú trọng thanh niên nông thôn, phụ nữ nông thôn và

những địa bàn đang chịu tác động mạnh của thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đô thị hóa.

#### **4.2.3. Nhóm giải pháp về đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số nhằm phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay**

Ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng NTHĐ. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chủ yếu để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất và tạo động lực đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong phát huy vai trò của nông dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.

Đây là nhóm giải pháp giữ vai trò tạo động lực và đổi mới phương thức phát huy vai trò của nông dân trong hệ thống các giải pháp của luận án. Nếu nhóm giải pháp nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể tạo ra tiền đề về con người, nhóm giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách tạo lập khuôn khổ pháp lý và cơ chế bảo đảm, thì nhóm giải pháp này tạo ra những công cụ, phương thức và không gian phát triển mới để nông dân nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, quản trị và tham gia hiệu quả hơn vào quá trình xây dựng NTHĐ. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, khoa học, công nghệ không chỉ làm thay đổi công cụ sản xuất mà còn chuyển biến phương thức tổ chức sản xuất, quản trị nông thôn, kết nối thị trường và tương tác xã hội. Đối với vùng ĐBSH, nơi có lợi thế về nguồn nhân lực, trình độ dân trí, hệ thống hạ tầng và khả năng tiếp cận các trung tâm khoa học, công nghệ việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số vừa là yêu cầu khách quan của quá trình phát triển, vừa là điều kiện

quan trọng để mở rộng không gian tham gia, nâng cao chất lượng và hiệu quả phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ.

*Thứ nhất, phát triển hạ tầng số và môi trường kết nối công nghệ ở nông thôn.*

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng viễn thông, internet băng rộng, mạng di động, nền tảng số và các điều kiện kỹ thuật phục vụ tiếp cận thông tin, giao dịch điện tử và quản trị số ở khu vực nông thôn. Mục tiêu không chỉ là mở rộng độ bao phủ của hạ tầng số mà còn phải bảo đảm tính ổn định, đồng bộ, an toàn và khả năng sử dụng thuận tiện đối với nông dân.

Xây dựng môi trường kết nối công nghệ thuận lợi ở nông thôn bao gồm: Hệ thống thiết chế hỗ trợ tiếp cận công nghệ, các điểm cung cấp dịch vụ số, cơ chế phổ cập kỹ năng số, hoạt động tư vấn, hướng dẫn sử dụng nền tảng số và sự liên kết giữa chính quyền, doanh nghiệp công nghệ, tổ chức hội, cơ sở giáo dục và cộng đồng dân cư trong hỗ trợ nông dân.

Giảm thiểu khoảng cách số giữa các nhóm nông dân, giữa các địa bàn và giữa khu vực nông thôn với đô thị. Phát triển hạ tầng số phải đi đôi với các chính sách hỗ trợ tiếp cận thiết bị, phổ cập kỹ năng và hỗ trợ sử dụng công nghệ đối với các nhóm nông dân còn hạn chế, nhất là nông dân cao tuổi, nông dân ở khu vực chuyển đổi mạnh về sinh kế và những nhóm dễ bị tổn thương trong quá trình hiện đại hóa nông thôn.

Để thực hiện tốt các nội dung này cần đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng số ở nông thôn theo hướng đồng bộ với quy hoạch phát triển hạ tầng KT - XH; tăng cường hợp tác công, tư trong xây dựng và vận hành hạ tầng số; phát huy vai trò của chính quyền cơ sở, doanh nghiệp công nghệ và các tổ chức CT - XH trong hỗ trợ nông dân tiếp cận công nghệ. Đồng thời, cần lồng ghép phát triển hạ tầng số với xây dựng NTHĐ nhằm tạo nền tảng vững chắc cho việc phát huy vai trò của nông dân trong điều kiện phát triển mới.

*Thứ hai, thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp thông minh, đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường số và xây dựng hệ sinh thái dữ liệu nông nghiệp phục vụ quản trị nông thôn hiện đại.*

Thúc đẩy mạnh mẽ ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp thông minh trong sản xuất nông nghiệp. Hỗ trợ nông dân tiếp cận và sử dụng các công nghệ mới trong giống, canh tác, tưới tiêu, bảo quản, giám sát môi trường sản xuất, kiểm soát dịch bệnh, cơ giới hóa, tự động hóa và số hóa quy trình sản xuất. Việc ứng dụng công nghệ cao cần hướng tới mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm chi phí đầu vào, giảm rủi ro và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh và biến động thị trường.

Đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường số cho nông dân. Cần hỗ trợ nông dân và các tổ chức kinh tế nông thôn xây dựng thương hiệu số, tham gia sàn thương mại điện tử, sử dụng nền tảng thanh toán số, quảng bá sản phẩm trên môi trường mạng và triển khai truy xuất nguồn gốc như một công cụ bảo đảm niềm tin thị trường. Đây không chỉ là giải pháp mở rộng đầu ra cho nông sản mà còn là phương thức nâng cao vị thế của nông dân trong chuỗi giá trị.

Chú trọng xây dựng hệ sinh thái dữ liệu nông nghiệp phục vụ quản trị NTHĐ. Dữ liệu trong điều kiện hiện nay không chỉ là công cụ hỗ trợ quản lý mà còn là nguồn lực quan trọng của phát triển. Hệ sinh thái dữ liệu nông nghiệp cần bao gồm dữ liệu về đất đai, khí hậu, môi trường, mùa vụ, giống, dịch bệnh, sản lượng, thị trường, dân cư, lao động và các dịch vụ công ở nông thôn. Việc xây dựng, liên thông, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn dữ liệu này sẽ góp phần nâng cao chất lượng dự báo, hoạch định chính sách, tổ chức sản xuất, giám sát thị trường và điều hành phát triển nông thôn. Đồng thời, dữ liệu cũng là cơ sở để nông dân tiếp cận thông tin nhanh hơn, ra quyết định sản xuất chính xác hơn và nâng cao năng lực thích ứng với các biến động.

Để thực hiện tốt nội dung này, cần xây dựng cơ chế hỗ trợ nông dân tiếp cận công nghệ cao với chi phí phù hợp; tăng cường liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp nông nghiệp, cơ sở nghiên cứu và cơ quan quản lý; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, nền tảng truy xuất nguồn gốc và hạ tầng hỗ trợ thương mại điện tử ở nông thôn. Đồng thời, cần đẩy mạnh số hóa dữ liệu nông nghiệp, phát triển các nền tảng dùng chung phục vụ quản trị địa phương, hỗ trợ ra quyết định

và cung cấp thông tin kịp thời cho nông dân. Đây là điều kiện quan trọng để chuyển đổi số không dừng ở từng ứng dụng riêng lẻ mà tiến tới hình thành phương thức quản trị NTHĐ dựa trên công nghệ và dữ liệu.

*Thứ ba, thúc đẩy môi trường đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp số ở nông thôn.*

Xây dựng môi trường thể chế và xã hội thuận lợi cho đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp số ở nông thôn. Môi trường này phải khuyến khích thử nghiệm các mô hình mới, tạo điều kiện cho nông dân, đặc biệt là thanh niên nông thôn, phụ nữ nông thôn, chủ trang trại, thành viên hợp tác xã và các chủ thể kinh tế địa phương phát triển ý tưởng sáng tạo dựa trên công nghệ số. Đồng thời, cần thúc đẩy sự hiện diện của các dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp, tư vấn công nghệ, đào tạo kỹ năng quản trị, hỗ trợ kết nối vốn, kết nối thị trường và chia sẻ tri thức ở khu vực nông thôn.

Phát triển các mô hình đổi mới sáng tạo gắn với điều kiện thực tế của nông thôn vùng ĐBSH. Các mô hình này có thể tập trung vào nông nghiệp thông minh, chế biến nông sản, du lịch nông thôn, thương mại điện tử, dịch vụ hỗ trợ sản xuất, công nghệ môi trường, dịch vụ logistics nông thôn và các nền tảng số phục vụ cộng đồng. Việc định hướng đổi mới sáng tạo theo nhu cầu thực tiễn sẽ giúp nâng cao khả năng ứng dụng, tránh tình trạng khởi nghiệp hình thức hoặc xa rời điều kiện cụ thể của nông thôn.

Bên cạnh đó, cần chú trọng bồi dưỡng năng lực đổi mới sáng tạo cho nông dân. Năng lực này không chỉ là khả năng sử dụng công nghệ mà còn là khả năng phát hiện vấn đề, hình thành ý tưởng mới, tổ chức thử nghiệm, chấp nhận rủi ro có tính toán, khai thác nguồn lực và thích ứng linh hoạt với thay đổi của thị trường. Trong xây dựng NTHĐ, người nông dân không chỉ cần là người sản xuất giỏi mà còn cần từng bước trở thành người có tư duy đổi mới, có khả năng tìm kiếm cơ hội phát triển mới trên nền tảng công nghệ và dữ liệu.

Để thực hiện tốt các nội dung này cần có chính sách hỗ trợ các mô hình khởi nghiệp số ở nông thôn; phát triển mạng lưới tư vấn, ươm tạo, kết nối đầu tư và đào tạo kỹ năng đổi mới sáng tạo; thúc đẩy liên kết giữa trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ với địa phương và cộng đồng nông dân. Đồng thời, cần lựa chọn, hỗ

trợ và nhân rộng các mô hình đổi mới sáng tạo có hiệu quả để tạo sức lan tỏa trong cộng đồng nông thôn. Trên cơ sở đó, khởi nghiệp số và đổi mới sáng tạo sẽ trở thành một bộ phận quan trọng của động lực xây dựng NTHĐ, góp phần phát huy sâu sắc hơn vai trò của nông dân trong giai đoạn mới.

#### **4.2.4. Nhóm giải pháp về xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm môi trường dân chủ, an toàn, lành mạnh nhằm phát huy vai trò của nông dân trong quá trình xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay**

Phát huy vai trò của nông dân không chỉ phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, thể chế hay khoa học, công nghệ, mà còn gắn chặt với môi trường VH - XH, sinh thái và an ninh mà trong đó nông dân sinh sống, lao động và tham gia các hoạt động cộng đồng. Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XIV nhấn mạnh: “Phát triển bền vững trước hết phải dựa vào con người và văn hoá. Cần xây dựng và thực hiện đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, khát vọng vươn lên; nuôi dưỡng lòng nhân ái, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ luật; tạo dựng môi trường văn hoá lành mạnh, tiến bộ, văn minh trong gia đình, nhà trường, cộng đồng và trên không gian mạng” [21, tr.32]

Do đó, cần hướng tới xây dựng môi trường văn hóa, xã hội, dân chủ và an toàn, nơi nông dân có điều kiện phát huy đầy đủ năng lực, trách nhiệm và quyền làm chủ của mình. Một môi trường văn hóa lành mạnh, dân chủ được bảo đảm, an ninh trật tự ổn định và hệ sinh thái được gìn giữ không chỉ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân mà còn củng cố niềm tin xã hội, tăng cường sự gắn kết cộng đồng, khơi dậy tinh thần cống hiến và trách nhiệm công dân trong xây dựng NTHĐ. Vì vậy, xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm môi trường dân chủ, an toàn và lành mạnh vừa là yêu cầu khách quan của quá trình phát triển NTHĐ, vừa là điều kiện quan trọng để các nhóm giải pháp về thể chế, phát triển kinh tế và chuyển đổi số được triển khai hiệu quả, góp phần phát huy bền vững vai trò chủ thể của nông dân ở vùng ĐBSH. Nông dân chỉ có thể phát huy đầy đủ vai trò chủ thể khi được đặt trong một môi trường phát triển

lành mạnh, dân chủ, an toàn, giàu bản sắc văn hóa, có khả năng bảo đảm ổn định xã hội và tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện con người: “Để đất nước, dân tộc phát triển bền vững thì chúng ta cần xây dựng một xã hội lành mạnh về đạo đức, kỷ cương về pháp luật, văn hoá trong ứng xử, văn minh trong quản trị, an toàn trong đời sống, tiến bộ trong phát triển” [21, tr.35]. Vì vậy, xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm môi trường dân chủ, an toàn, lành mạnh cho nông dân vừa là yêu cầu nội tại của xây dựng NTHĐ, vừa là điều kiện quan trọng để củng cố động lực tinh thần, ý thức cộng đồng và trách nhiệm xã hội của nông dân trong giai đoạn hiện nay.

*Thứ nhất, xây dựng đời sống văn hóa nông thôn theo hướng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong sáng tạo, bảo tồn và thực hành các giá trị văn hóa*

Nâng cao nhận thức cho nông dân về vai trò của văn hóa trong xây dựng NTHĐ. Nông dân cần thấy rằng văn hóa là nền tảng tinh thần của cộng đồng, là yếu tố giữ gìn bản sắc làng quê, đồng thời là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống. Đồng thời, giáo dục ý thức trách nhiệm cho nông dân trong xây dựng nếp sống văn minh. Mỗi hộ nông dân cần chủ động thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; giữ gìn vệ sinh môi trường; ứng xử văn minh trong gia đình, dòng họ, thôn xóm; không tham gia tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, bạo lực gia đình và các hành vi trái pháp luật.

Phát huy vai trò của nông dân trong bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống. Nông dân không chỉ là người gìn giữ đình làng, lễ hội, phong tục, nghề truyền thống, mà còn là người lựa chọn, sàng lọc những giá trị phù hợp với đời sống hiện đại, loại bỏ những hủ tục lạc hậu, phản văn hóa. Nâng cao năng lực tham gia của nông dân vào các hoạt động văn hóa cộng đồng. Trang bị cho nông dân kỹ năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng, kỹ năng đối thoại, phản biện, kỹ năng sử dụng công nghệ số, kỹ năng tiếp cận thông tin để chủ động tham gia quản lý và phát triển đời sống văn hóa ở cơ sở.

Để thực hiện tốt nội dung này cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục thông qua các tổ chức CT - XH ở nông thôn như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên,

Mặt trận Tổ quốc và các thiết chế văn hóa cơ sở. Nội dung tuyên truyền phải gần gũi, thiết thực, gắn với quyền lợi và trách nhiệm của nông dân trong xây dựng NTHĐ. Đồng thời, cần phát huy vai trò của những nông dân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng, trưởng thôn, bí thư chi bộ, các gia đình văn hóa mẫu mực để lan tỏa các giá trị tích cực. Các phong trào như xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu dân cư kiểu mẫu cần được đổi mới theo hướng thực chất, tránh chạy theo danh hiệu, coi trọng sự hài lòng và tham gia thực tế của nông dân.

*Thứ hai, xây dựng môi trường dân chủ ở nông thôn, bảo đảm nông dân thực sự được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra, giám sát và thụ hưởng.*

Hoàn thiện cơ chế dân chủ cơ sở và xây dựng cơ chế để nông dân tham gia đầy đủ vào các khâu của quá trình xây dựng NTHĐ từ khâu nắm bắt thông tin, đóng góp ý kiến, lựa chọn phương án, tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát đến thụ hưởng kết quả. Bảo đảm quyền được thông tin của nông dân thông qua các chủ trương, quy hoạch, dự án, nguồn vốn, khoản đóng góp, chính sách hỗ trợ, tiêu chí xây dựng nông thôn phải được công khai rõ ràng, dễ hiểu, dễ tiếp cận.

Bảo đảm quyền được bàn bạc, quyết định và giám sát của nông dân đối với những vấn đề liên quan trực tiếp đến cộng đồng như xây dựng đường giao thông nông thôn, nhà văn hóa, khu thể thao, hệ thống chiếu sáng, công trình vệ sinh môi trường, chỉnh trang cảnh quan, quy hoạch đất đai, mức đóng góp của dân cư. Cần phát huy quyền kiểm tra, giám sát của nông dân. Nông dân phải có điều kiện giám sát chất lượng công trình, việc sử dụng kinh phí, tiến độ thực hiện dự án, việc thực hiện cam kết của doanh nghiệp, hợp tác xã và chính quyền cơ sở.

Dân chủ ở nông thôn phải gắn với việc bảo đảm nông dân được thụ hưởng công bằng các thành quả phát triển. Nông dân phải được hưởng lợi từ hạ tầng tốt hơn, môi trường sạch hơn, dịch vụ công thuận tiện hơn, sinh kế ổn định hơn và đời sống tinh thần phong phú hơn.

Để thực hiện tốt nội dung này cần thực hiện nghiêm phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” trong mọi chương trình

xây dựng NTHĐ. Chính quyền cơ sở cần công khai minh bạch các quy hoạch, dự án, nguồn vốn, khoản đóng góp và kết quả thực hiện để nông dân nắm rõ và tham gia giám sát. Cần tổ chức các diễn đàn đối thoại định kỳ giữa chính quyền, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân nhằm kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh. Đồng thời, phát huy vai trò giám sát của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, các chi hội nông dân và các tổ tự quản ở thôn, xóm. Việc ứng dụng công nghệ số, nhóm thông tin cộng đồng, cổng thông tin xã, hệ thống phản ánh kiến nghị trực tuyến cũng cần được đẩy mạnh để mở rộng kênh tham gia của nông dân.

*Thứ ba, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, văn minh cho nông dân, gắn với bảo vệ quyền lợi và nâng cao chất lượng đời sống nông thôn*

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, đọc sách, sinh hoạt cộng đồng phù hợp với nhu cầu của nông dân. Đồng thời, đấu tranh loại bỏ các biểu hiện phản văn hóa, hủ tục, mê tín dị đoan, lãng phí trong cưới hỏi, tang lễ, lễ hội.

Xây dựng môi trường xã hội an toàn, bảo đảm an ninh trật tự ở thôn, xóm; phòng chống tệ nạn xã hội, ma túy, cờ bạc, bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em, tín dụng đen, lừa đảo qua mạng. Nông dân phải là lực lượng trực tiếp tham gia phát hiện, phòng ngừa và ngăn chặn các nguy cơ gây mất an toàn trong cộng đồng.

Xây dựng môi trường sinh thái xanh, sạch, đẹp. Giải quyết hiệu quả vấn đề rác thải sinh hoạt, nước thải, chất thải chăn nuôi, bao bì thuốc bảo vệ thực vật, ô nhiễm ao hồ, kênh mương, ô nhiễm từ làng nghề và cơ sở sản xuất, giảm phát thải hướng tới Net zero (phát thải ròng bằng 0). Mỗi hộ nông dân phải trở thành một chủ thể bảo vệ môi trường, không chỉ đơn thuần là người được tuyên truyền.

Xây dựng môi trường số an toàn cho nông dân. Trong bối cảnh chuyển đổi số ở nông thôn, nông dân ngày càng sử dụng điện thoại thông minh, mạng xã hội, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến. Trang bị cho nông dân kỹ năng nhận diện thông tin xấu độc, tin giả, lừa đảo trực tuyến, bảo vệ dữ liệu cá nhân và ứng xử văn minh trên không gian mạng.

Để thực hiện tốt các nội dung này cần củng cố và phát huy hiệu quả các mô hình tự quản ở cơ sở như tổ an ninh nhân dân, tổ hòa giải, tổ bảo vệ môi trường, câu lạc bộ gia đình văn hóa, tuyến đường sáng, xanh, sạch, đẹp, khu dân cư an toàn. Các địa phương cần đầu tư, nâng cấp thiết chế văn hóa nông thôn như nhà văn hóa, thư viện cộng đồng, sân thể thao, không gian sinh hoạt chung, đồng thời bảo đảm các thiết chế này hoạt động thực chất, phù hợp với nhu cầu của nông dân. Cần phát động các phong trào nông dân tham gia bảo vệ môi trường, phân loại rác, xử lý chất thải nông nghiệp, canh tác lúa giảm phát thải, quản lý rơm rạ và phụ phẩm, chăn nuôi tuần hoàn, xây dựng cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp. Bên cạnh đó, cần tăng cường phổ biến pháp luật, kỹ năng phòng chống tội phạm, phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ trẻ em, an toàn lao động và an toàn trên không gian mạng cho nông dân, phòng ngừa đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch trong quá trình xây dựng NTHĐ. Các chính sách ASXH, y tế, giáo dục, đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm cũng cần được triển khai hiệu quả để tạo nền tảng vật chất và tinh thần cho một đời sống nông thôn ổn định, văn minh và bền vững.

#### **4.2.5. Nhóm giải pháp về nâng cao phẩm chất, năng lực của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay**

Con người luôn là nhân tố quyết định của mọi quá trình phát triển. Trong quá trình xây dựng NTHĐ, nông dân không chỉ là lực lượng trực tiếp lao động, sản xuất mà còn là chủ thể tham gia quản trị cộng đồng, phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa và bảo vệ môi trường nông thôn. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tiếp tục khẳng định: “Phát huy tối đa nhân tố con người; con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại” [22, tr.55 - 56]. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao phẩm chất và năng lực của nông dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.

Trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế, người nông dân không còn chỉ là người sản xuất

nông nghiệp theo kinh nghiệm truyền thống mà phải trở thành chủ thể có bản lĩnh chính trị, đạo đức, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của môi trường phát triển. Vì vậy, nâng cao phẩm chất và năng lực của nông dân vừa là yêu cầu khách quan của quá trình xây dựng NTHĐ, vừa là điều kiện mang tính quyết định để chuyển hóa các nguồn lực, cơ chế, chính sách và thành tựu khoa học, công nghệ thành kết quả thực tiễn, qua đó phát huy đầy đủ vai trò chủ thể của nông dân ở vùng ĐBSH.

*Thứ nhất, nâng cao phẩm chất của nông dân đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng*

Nâng cao phẩm chất chính trị, ý thức công dân và trách nhiệm xã hội của nông dân. Nông dân cần có nhận thức đúng đắn về quyền, nghĩa vụ và vai trò của mình trong phát triển nông thôn; có ý thức chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời có trách nhiệm đối với cộng đồng, gia đình, quê hương và đất nước. Đây là cơ sở để nông dân tham gia tích cực, tự giác và có định hướng đúng trong quá trình xây dựng NTHĐ.

Chú trọng bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống và tác phong của nông dân hiện đại. Bên cạnh những phẩm chất truyền thống, trong bối cảnh mới cần xây dựng phẩm chất phát triển theo hướng gắn với tác phong làm việc khoa học, tinh thần hợp tác, ý thức kỷ luật, thái độ tôn trọng pháp luật, văn hóa ứng xử văn minh, lối sống lành mạnh và khả năng thích ứng với môi trường cạnh tranh và hội nhập.

Nâng cao phẩm chất tự chủ, tinh thần vượt khó, ý chí vươn lên và khát vọng phát triển của nông dân. Trong điều kiện chuyển đổi mạnh mẽ của kinh tế nông thôn, nông dân phải đối mặt với nhiều thách thức như biến động thị trường, thu hẹp đất sản xuất, biến đổi khí hậu, cạnh tranh lao động và áp lực thích ứng với khoa học, công nghệ mới. Do đó, nếu thiếu bản lĩnh, thiếu ý chí đổi mới và thiếu khát vọng vươn lên thì nông dân khó có thể chủ động nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức và phát huy đầy đủ vai trò trong xây dựng NTHĐ. Phẩm chất tự chủ và tinh thần phát triển vì thế trở thành một thành tố quan trọng của người nông dân hiện đại.

Để thực hiện tốt các nội dung này cần kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống với xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở nông thôn; phát huy vai trò của gia đình, nhà trường, cộng đồng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức CT - XH và HTCT cơ sở trong bồi dưỡng phẩm chất cho nông dân. Đồng thời, cần gắn việc nâng cao phẩm chất của nông dân với các phong trào thi đua, các mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi, các điển hình nông dân tiêu biểu và các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Chỉ trên cơ sở đó, phẩm chất của nông dân mới được hình thành, củng cố và phát triển một cách bền vững, trở thành nền tảng tinh thần cho xây dựng NTHĐ.

*Thứ hai, nâng cao năng lực tổng hợp cho nông dân đáp ứng yêu cầu nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng*

Nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh và tổ chức sinh kế cho nông dân. Trong bối cảnh nông nghiệp, nông thôn đang chuyển mạnh từ sản xuất truyền thống sang kinh tế nông nghiệp hiện đại, nông dân cần có khả năng tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; biết lựa chọn mô hình sinh kế phù hợp; có khả năng quản lý chi phí, tính toán hiệu quả kinh tế và tham gia các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất.

Nâng cao năng lực tiếp cận khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của nông dân, đặc biệt là năng lực số. Cần tập trung trang bị cho nông dân hệ thống kiến thức và kỹ năng số cơ bản, từng bước hình thành năng lực số đáp ứng yêu cầu của sản xuất nông nghiệp hiện đại và phát triển kinh tế số ở nông thôn. Năng lực số cần được phát triển một cách toàn diện, không chỉ dừng lại ở khả năng sử dụng các thiết bị thông minh hay internet mà còn bao gồm năng lực tìm kiếm, đánh giá, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin số; sử dụng các nền tảng số trong quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc, thanh toán điện tử, thương mại điện tử và các dịch vụ công trực tuyến; từng bước tiếp cận, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ số phù hợp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tạo điều kiện để nông dân được tiếp cận đồng bộ với hạ tầng số, các nền tảng số và hệ sinh thái số phục vụ phát triển nông nghiệp. Khuyến

khích nông dân chủ động tham gia các sàn thương mại điện tử, các nền tảng quản lý sản xuất thông minh, các hệ thống truy xuất nguồn gốc, kết nối cung cầu và các ứng dụng phục vụ quản lý hợp tác xã, quản lý vùng trồng và tiêu thụ nông sản. Thông qua quá trình sử dụng thường xuyên các công cụ số, nông dân từng bước hình thành tư duy số, phương thức sản xuất dựa trên dữ liệu và khả năng đổi mới sáng tạo trong tổ chức sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Chú trọng nâng cao năng lực thích ứng và học tập suốt đời của nông dân. Một đặc điểm nổi bật của xã hội hiện đại là sự biến đổi nhanh chóng của điều kiện sản xuất, thị trường, công nghệ và môi trường sống. Nông dân không thể chỉ dựa vào những tri thức và kỹ năng đã có, mà phải có khả năng học hỏi liên tục, cập nhật cái mới, điều chỉnh phương thức sản xuất, sinh hoạt và tham gia xã hội phù hợp với những biến đổi của thực tiễn. Năng lực tự học, tự đổi mới và thích ứng linh hoạt được xem là một thành tố cơ bản trong năng lực tổng hợp của nông dân hiện đại.

Để thực hiện tốt các nội dung này cần hoàn thiện hệ thống đào tạo, bồi dưỡng, khuyến nông, hướng nghiệp và hỗ trợ kỹ năng cho nông dân theo hướng thiết thực, liên tục và phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đồng thời, cần phát huy vai trò của chính quyền, tổ chức hội, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ quan khoa học, công nghệ trong xây dựng các chương trình nâng cao năng lực cho nông dân; chú trọng hỗ trợ thanh niên nông thôn, phụ nữ nông thôn, nông dân ở khu vực chuyển đổi sinh kế mạnh và các nhóm còn hạn chế trong tiếp cận tri thức mới. Trên cơ sở đó, năng lực tổng hợp của nông dân sẽ từng bước được nâng lên, đáp ứng tốt hơn yêu cầu xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.

#### **Tiểu kết chương 4**

Chương 4 tác giả luận án đã làm rõ các quan điểm chỉ đạo và đề xuất hệ thống nhóm giải pháp nhằm phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH. Các quan điểm được xác định trên cơ sở quán triệt chủ trương của

Đảng về nông dân là chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn; gắn với mục tiêu phát triển nông nghiệp sinh thái, NTHĐ, nông dân văn minh. Đồng thời, việc phát huy vai trò của nông dân phải đặt trong tổng thể quá trình CNH, HĐH, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh.

Luận án đề xuất hệ thống giải pháp chủ yếu nhằm phát huy tốt hơn vai trò của nông dân trong quá trình xây dựng NTHĐ. Các giải pháp được xây dựng dựa vào những vấn đề thực tiễn đặt ra bao gồm: (1) nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể; (2) hoàn thiện thể chế, chính sách bảo đảm quyền làm chủ của nông dân; (3) đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; (4) xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm môi trường dân chủ, an toàn và lành mạnh; (5) nâng cao phẩm chất, năng lực của nông dân đáp ứng yêu cầu của NTHĐ. Hệ thống giải pháp hướng tới khơi dậy nội lực, phát huy quyền làm chủ và xây dựng nông dân chuyên nghiệp, nông dân số, góp phần thực hiện thành công mục tiêu xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.

## KẾT LUẬN

1. Luận án đã làm rõ cơ sở lý luận về vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH, khẳng định nông dân là chủ thể trung tâm tham gia toàn diện vào quá trình xây dựng NTHĐ trên các lĩnh vực: Xây dựng kết cấu hạ tầng; phát triển kinh tế; xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; xây dựng hệ thống chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Vai trò của nông dân được thể hiện qua các khía cạnh cơ bản: Tiếp cận thông tin, nâng cao nhận thức; tham gia thảo luận, đề xuất sáng kiến; trực tiếp tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát và tự quản cộng đồng theo quy định của pháp luật. Luận án cũng xác định 05 yếu tố chủ yếu tác động đến việc thực hiện vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH, gồm: Điều kiện tự nhiên và KT - XH của vùng; chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; năng lực hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở; tác động của chuyển đổi số, đô thị hóa, biến đổi khí hậu; các giá trị văn hóa truyền thống đặc trưng của vùng.

2. Trên cơ sở khảo sát thực tiễn tại một số tỉnh, thành phố tiêu biểu ở vùng ĐBSH, luận án cho thấy việc phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ đã đạt nhiều kết quả quan trọng. Nông dân ngày càng khẳng định vai trò chủ thể trong xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế, xây dựng văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh, góp phần đổi mới diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống nhân dân và thúc đẩy phát triển bền vững của vùng.

Những kết quả đạt được chủ yếu bắt nguồn từ sự hoàn thiện hệ thống chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; sự lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị; việc phát huy các giá trị văn hóa cộng đồng vùng ĐBSH; cùng với sự cải thiện về trình độ, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân trong thời kỳ đổi mới... Tuy nhiên, việc phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH vẫn còn những hạn chế nhất định. Nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức

của một bộ phận nông dân còn hạn chế; thể chế, chính sách còn bất cập; năng lực của hệ thống chính trị cơ sở chưa đồng đều...

**3.** Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đã xác định 04 vấn đề đặt ra đối với việc phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH; đề xuất 04 quan điểm chỉ đạo và 05 nhóm giải pháp gồm: (i) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể; (ii) Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách; (iii) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; (iv) Xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm môi trường dân chủ, an toàn, lành mạnh; (v) Nâng cao phẩm chất, năng lực của nông dân trong xây dựng NTHĐ ở vùng ĐBSH.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Hoàng Trung Dũng (2023), “*Phát triển nhân lực khu vực nông thôn Hà Nội trước sự chuyển dịch cơ cấu xã hội nghề nghiệp*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Định hướng quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, Hà Nội.
2. Hoàng Trung Dũng (2024), “*Xây dựng nông thôn hiện đại theo tinh thần Nghị quyết XIII của Đảng*”, Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử, ngày 01/02/2024, Hà Nội.
3. Hoàng Trung Dũng (2024), “*Phát triển du lịch nông thôn hiện nay - vai trò của người nông dân*”, Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử, ngày 23/04/2024, Hà Nội.
4. Hoàng Trung Dũng (2025), “*Một số giải pháp góp phần xây dựng nông thôn hiện đại trong giai đoạn hiện nay*”, Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử, ngày 05/06/2025, Hà Nội.
5. Hoàng Trung Dũng (2025), “*Phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay*”, Tạp chí Chủ nghĩa xã hội Lý luận và thực tiễn, tháng 8/2025, Hà Nội.
6. Hoàng Trung Dũng (2025), “*Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn hiện đại trong kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*”, Báo cáo tham luận Hội nghị Tọa đàm tư tưởng chỉ đạo, định hướng lớn của đảng và đồng chí tổng bí thư Tô Lâm về “kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, Hà Nội.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. CÁC CÔNG TRÌNH TRONG NƯỚC

1. Nguyễn Trọng Bình, Nguyễn Ngọc Anh (2020), *Sự tham gia của người dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
2. Trương Diệu Hải An (2021), *Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Tây Nguyên*, Tạp chí Sinh hoạt lý luận (179), Học viện Chính trị khu vực III.
3. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
4. Ban Dân vận Trung ương (2000), *Một số vấn đề công tác vận động nông dân ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Ban tuyên giáo Trung ương (2008), *Tài liệu nghiên cứu các nghị quyết Hội nghị trung ương 7 khóa X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
6. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 30 - NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
7. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2009), *Thông tư 54/2009 về hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới*, Hà Nội.
8. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2023), *Nông thôn mới: Cuộc hành trình lịch sử*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội
9. Bộ Giáo dục và đào tạo (2004), *Giáo trình môn Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Lê Quỳnh Chi (2021), *Nghiên cứu xây dựng mô hình làng nghề - du lịch và làng di sản - du lịch khu vực Đồng bằng sông Hồng nhằm góp phần phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới*, Đề tài khoa học cấp Quốc gia, Đại học Xây dựng Hà Nội.

11. Nguyễn Đức Chiện (2024), *Sự tham gia của người nông dân vào chương trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ninh*, Tạp chí khoa học Đại học Hạ Long.
12. Chính phủ (2024), *Phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
13. Cục thống kê tỉnh Hưng Yên (2024) *Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2023*, tr. 185-186, Hưng Yên.
14. Phạm Hùng Cường (2021), *Quy hoạch và giữ gìn bản sắc văn hóa trong xây dựng nông thôn mới vùng Đồng bằng sông Hồng*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội.
15. Nguyễn Thị Phương Châm (2021), *Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động văn hóa trong xây dựng Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2021 - 2025*, Đề tài nghiên cứu cấp Quốc gia, mã số 21/HĐ-khoa học công nghệ-nông thôn mới, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
16. Đỗ Lê Chi (2022), “*Vấn đề bảo đảm an ninh nông thôn trong bối cảnh mới*”, *Tạp chí cộng sản*, tháng 4/2022, Hà Nội.
17. Nguyễn Thị Kim Dung (2023), *Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển kinh tế - xã hội theo nghị quyết số 19-NQ/TW hội nghị trung ương năm, khóa XIII của Đảng*, Tạp chí Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn, số 1 (23), Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập I.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập II.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập I.

22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập II.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2024), *Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*, Hà Nội.
26. Lương Quốc Đoàn (2021), “*Khơi dậy khát vọng vươn lên và phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới*”, *Tạp chí Cộng sản*, (971) (8/2021), Hà Nội.
27. C. Mác và Ph. Ăngghen (1980), *Tuyển tập*, tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
28. C. Mác và Ph. Ăngghen (1980), *Tuyển tập*, tập 2, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
29. C. Mác và Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
30. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 19, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 22, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. C. Mác và Ph. Ăngghen (2004), *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
35. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
36. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
37. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
38. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
39. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

40. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
41. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
42. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
43. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
44. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
45. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 18, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
46. Lê Anh Hoàng (2021), *Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã nông nghiệp gắn với quản lý Nhà Nước*, Đề tài khoa học cấp quốc gia, Hợp tác xã nông nghiệp số, Hà Nội.
47. Đoàn Minh Huân (2022), “*Xây dựng nông thôn văn minh - chủ thể phát triển nông nghiệp sinh thái, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn hiện đại*”, *Tạp chí cộng sản*, số 4, Hà Nội.
48. Nguyễn Ngọc Huy (2022), *Sự tham gia của người nông dân trong bảo vệ môi trường (Nghiên cứu trường hợp xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Nam Định và An Giang)*, luận án tiến sĩ xã hội học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
49. Hội đồng lý luận Trung ương (2022), *Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
50. Đỗ Thị Phương Hoa (2022), *Nông dân vùng Đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
51. Hoàng Hữu Hạnh (2021), *Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng làng thông minh, xã kết nối góp phần hiện đại hóa nông thôn*, Đề tài nghiên cứu cấp Quốc gia, mã số 26/HĐ - khoa học công nghệ - Nông thôn mới, UBND TP. Hà Nội, Hà Nội.

52. Hội nông dân tỉnh Nam Định (2023), *Nghị quyết số 01-NQ/HNDT về “Vận động nông dân sản xuất nông sản an toàn và liên kết chuỗi giá trị giai đoạn 2019-2023 và những năm tiếp theo”*, Nam Định.
53. Phạm Thị Trọng Hiếu (2024), *Phát huy vai trò của nông dân trong việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp ở vùng Tây Bắc*, Tạp chí Giáo dục lý luận; Số 382 (12/2024), Học viện Chính trị khu vực I, Tr. 65-70, Hà Nội.
54. Bạch Quốc Khang (2022), *Khoa học với sự nghiệp nông thôn mới giai đoạn 2016-2021*, Cuốn II, Nhà xuất bản Dân trí, Hà Nội.
55. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập, tập 11*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
56. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập, tập 33*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập, tập 36*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập, tập 38*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
59. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập, tập 42*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
60. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập, tập 43*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
61. Đinh Thị Nga, Hồ Sỹ Ngọc (2024), *Phát huy vai trò là chủ thể, là trung tâm của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại*, Tạp chí Kinh tế và Quản lý, Viện Kinh tế - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tr. 18-24, Hà Nội.
62. Cao Đức Phát (2021), *Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, trang thông tin điện tử Hội đồng lý luận Trung ương.
63. Lâm Thị Phượng (2024), *Lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành thành phố Hà Nội*, luận án tiến sĩ ngành kinh tế chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
64. Quyết định số 263/QĐ-TTg, ngày 22-02-2022, của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Hà Nội.

65. Đỗ Tiến Sâm (2008), *Vấn đề tam nông ở Trung Quốc - Thực trạng và giải pháp*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
66. Nguyễn Hùng Sơn (2022), *Biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp của nông dân Đồng bằng sông Hồng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
67. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên (2023), *Báo cáo thực hiện đề án “Xây dựng và khuyến khích phát triển mô hình chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 - 2025”*, Hưng Yên.
68. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên (2023), *Báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Hưng Yên*, Hưng Yên.
69. Sở nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên (2024), *Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024 tỉnh Hưng Yên*, Hưng Yên.
70. Sở nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Nam Định (2024), *Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024*, Hưng Yên.
71. Quản Văn Trung (1999), *Sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam trong quá trình phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Hà Nội.
72. Nguyễn Xuân Thắng (2015), *“Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới”*, Đề tài thuộc Chương trình khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, Hà Nội.
73. Nguyễn Mậu Thái (2015), *Nghiên cứu xây dựng nông thôn mới các huyện phía Tây thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.

74. Nguyễn Thị Thu (2017), *“Đặc điểm của quá trình công nhân hóa nông dân vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”*, Tạp chí Giáo dục lý luận, (260), tr.61 – 65, Hà Nội.
75. Trần Thị Thoa (2020), *Nghiên cứu sự tham gia của cư dân nông thôn trong xây dựng nông thôn mới tại vùng Đồng bằng sông Hồng*, Luận án tiến sĩ ngành nông nghiệp, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
76. Đặng Minh Tuyền (2021), *Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững cơ sở hạ tầng ở nông thôn phục vụ xây dựng nông thôn mới*, Đề tài khoa học, công nghệ cấp Quốc gia thuộc Chương trình khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, Hà Nội.
77. Nguyễn Văn Thịnh (2022), *Thực hiện nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn dưới góc nhìn của khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới*, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.
78. Diệp Thanh Tùng (2023), *Sự tham gia của người dân trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*, Đề tài nghiên cứu cấp Quốc gia, Mã số 502.99-2020.38, trường Đại học Trà Vinh, Trà Vinh.
79. Tổng cục thống kê (2022), *Số liệu Cục Thống kê các tỉnh năm 2022*, Hà Nội.
80. Nguyễn Thế Trung (2023), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng giai cấp nông dân - Vận dụng vào công cuộc xây dựng nông thôn hiện đại, nông dân văn minh ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản, số 1.019, tháng 8 năm 2023, Hà Nội.
81. Tổng cục thống kê (2024), *Số liệu Cục Thống kê năm 2023*, Hà Nội.
82. Nguyễn Sỹ Trung (2024), *“Phê phán quan điểm sai trái phủ nhận vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong xây dựng nông thôn mới hiện nay”*, Tạp chí Lịch sử Đảng, Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tr. 78 – 83, Hà Nội.

83. Nguyễn Thị Lệ Thúy (2025), *Đánh giá chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng và một số hàm ý*, Tạp chí kinh tế và phát triển, Số 335 (2) tháng 5/2025
84. Nguyễn Thị Minh Tâm (2025), *Kết quả xây dựng nông thôn mới vùng Đồng bằng sông Hồng và một số giải pháp phát huy trong giai đoạn tới*, Tạp chí giáo dục lý luận, số 385, Hà Nội.
85. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (2023), *Quyết định Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hải Dương.
86. Ủy ban nhân huyện Trực Ninh (2023), *Báo cáo Tổng kết sản xuất vụ mùa, vụ đông năm 2022; Nhiệm vụ sản xuất vụ mùa, vụ đông năm 2023*, tr. 4-5, Nam Định.
87. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2023), *Quyết định công nhận kết quả đánh giá sản phẩm OCOP năm 2023 tỉnh Nam Định*, Nam Định.
88. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (2023), *Quyết định đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023 tỉnh Hải Dương*, Hải Dương.
89. Ủy Ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Hưng Yên (2023), *Công văn số 1672-CV/TU ngày 29/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 của Mặt trận Tổ quốc*, Hưng Yên.
90. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2023), *Báo cáo Tình hình triển khai thực hiện chuyển đổi số; Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và an toàn thông tin tỉnh Nam Định năm 2023; Nhiệm vụ trọng tâm năm 2024*, tr.14, Nam Định.
91. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (2024), *Báo cáo Tổng kết Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa năm 2023”*, Hải Dương.
92. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (2024), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương năm 2023*, Hải Dương
93. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (2025), *Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2026 - 2030*, Thái Bình.

94. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2025), *Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2026 - 2030*, Nam Định.
95. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2025), *Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2026 - 2030*, Hưng Yên.
96. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2025), *Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2026 - 2030*, Hà Nội.
97. Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới (2023), *Báo Cáo Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh Hải Dương năm 2022*, Hải Dương.
98. Trần Đức Viên (2025), *Phát triển bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân gắn với chuyển đổi số quốc gia, đô thị hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu*, Đề tài khoa học cấp Quốc gia, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.
99. <https://tinhuynamdinh.vn/kinh-te/dinh-huong-uu-tien-thu-hut-dau-tu-hieu-qua-321891>
100. <https://nhandan.vn/chuyen-bien-tich-cuc-trong-nong-nghiep-nong-thon-hung-yen-post811690.html>
101. <https://baohaiduong.vn/hai-duong-can-huy-dong-them-hon-13-000-ty-dong-xay-dung-nong-thon-moi-355612.html>
102. <https://baohungyen.vn/day-manh-co-gioi-hoa-trong-san-xuat-nong-nghiep-3170096.html>
103. <https://tapchibaohiemxahoi.gov.vn/bhxx-tinh-hai-duong-no-luc-gop-them-gam-mau-sang-buc-tranh-an-sinh-xa-hoi-129297.html>
104. <https://haiduong.baohiemxahoi.gov.vn/tintuc/Pages/hoat-dong-bhxx-dia-phuong.aspx?CateID=186&ItemID=13920>
105. <https://thongtindoingoi.haiduong.gov.vn/quy-hoach-va-phat-trien/hai-duong-phat-trien-nong-nghiep-xanh-n1102.html>

106. <https://hanoi.gov.vn/tin-tuc-su-kien-noi-bat/ha-noi-hoan-thanh-nhiem-vu-xay-dung-nong-thon-moi-nam-2024-4250418094733146.html>
107. <https://hanoimoi.vn/nong-dan-ha-noi-chung-suc-bao-ve-moi-truong-699596.html>
108. <https://hanoimoi.vn/chuong-trinh-moi-xa-mot-san-pham-ocop-go-kho-de-co-duoc-ket-qua-toan-dien-hon-696407.html>
109. <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/dong-bang-song-hong-con-bao-nhieu-tinh-sau-sap-nhap-dan-so-va-dien-tich-cua-cac-tinh-sau-sap-nhap-884716-218347.html>
110. <https://hoinongdan.org.vn/van-hoa/giai-cap-nong-dan-hoi-nong-dan-viet-nam-dong-gop-to-lon-trong-cach-mang-dan-toc-367977.html>
111. <https://vietnamnet.vn/nam-dinh-danh-gia-su-hai-long-cua-nguoi-dan-trong-xay-dung-nong-thon-moi-2043364.html>
112. <https://baohungyen.vn/gan-100-so-ho-dan-huyen-van-giang-hai-long-voi-ket-qua-xay-dung-huyen-nong-thon-moi-nang-cao-3173295.html>
113. <https://hanoi.gov.vn/tin-tuc-su-kien-noi-bat/ha-noi-hoan-thanh-nhiem-vu-xay-dung-nong-thon-moi-nam-2024-4250418094733146.htm>
114. <https://congdlieu.vn/dulieuchitiet/1455787>
115. <https://nhandan.vn/dan-so-trung-binh-cua-viet-nam-nam-2025-dat-1023-trieu-nguoi-post934760.html>

## II. CÁC CÔNG TRÌNH NGOÀI NƯỚC

116. Hà Tuyết Phong (2021) 监督下乡:中国乡村治理现代化研究, Nxb. Giáo dục Giang Tây, Trung Quốc.
117. Quang Phung (2026), *Land consolidation and rural aging: challenges and implications in the Red River Delta, Vietnam*, International Journal of Agricultural Sustainability, Volume 24, 2026 - Issue 1

118. Mototsugu Ochia (2022), *Rural Development in Japan*, Springer, Singapore, 03 December 2022, pp 33 - 44.
119. Phó Thúy Liên (2022), 农民利益：基层治理能力现代化视角下的乡村治理研, Nhà xuất bản Văn học Khoa học Xã hội, Trung Quốc.
120. Quách Thiếu Hoa (2022) 鄉村振興戰略視域下農民現代化問題研究, Nxb. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Trung Quốc.
121. Phương Nghi Giao (2023), *How rural infrastructure construction promotes rural economic development through rural living environment management - a case study of 285 cities in China*, Sec. Environmental Economics and Management, Volume 11 - 2023.
122. Tào Tấn Thanh (2024), 农民与中国现代化, Tạp chí Khoa học xã hội Trung Quốc, Số 10, 2024, Trung Quốc.
123. Thường Hy (2025), 中国式现代化进程中的农民现代化：理论逻辑、掣肘障碍与发展策略, Tạp chí của Đại học Dân tộc Quảng Tây, Vol 47, NO.2, MAR 2025.
124. Thái Tiểu Vi (2025), 现代化进程中农民发展问题研究：以马克思主义权利观为视角, Nxb. Nhật báo Quang Minh, Trung Quốc.
125. Cai Xiaowei (2025), 现代化进程中农民发展问题研究：以马克思主义权利观为视角, Nhà xuất bản Nhật báo Quang Minh, Trung Quốc..
126. Shifadjic Khan (2025), *The Novel Saemaul Undong Model: A Rural Transformation Paradigm for Developing Countries - Review*, International Journal of Rural and Urban Development, Volume 1 Issue 1, 2025.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1

#### **PHIẾU KHẢO SÁT VỀ VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

Xây dựng nông thôn hiện đại đã thu được những kết quả khởi sắc góp phần làm thay đổi diện mạo vùng quê ở khu vực vùng ĐBSH.

Việc nghiên cứu đề tài: “*Vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay*” sẽ có những đóng góp nhất định góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào xây dựng nông thôn hiện đại. Là cư dân đang sinh sống tại địa bàn, xin Ông/ bà vui lòng cho biết ý kiến của mình về các vấn đề dưới đây bằng cách đánh dấu vào từng ô vuông. Mọi thông tin do Ông/ bà cung cấp sẽ chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học và sẽ được bảo mật hoàn toàn. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý vị.

#### **A. PHẦN CÂU HỎI**

Trong quá trình nghiên cứu đề tài luận án tác giả đã tiến hành thăm dò ý kiến bằng việc phỏng vấn sâu và điều tra bằng phiếu online qua google forms:

\* Quy mô tổng cộng là: 500 phiếu.

\* Đối tượng: Nông dân.

\* Thời gian: Tháng 5/2025

\* Địa điểm:

1. Xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội (*thời điểm trước sáp nhập xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội*)

2. Xã Gia Phúc, thành phố Hải Phòng (*thời điểm trước sáp nhập xã Gia Phúc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương*)

3. Xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên (*thời điểm trước sáp nhập xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên*)

4. Xã Hồng Vũ, tỉnh Hưng Yên (*thời điểm trước sáp nhập xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình*)

5. Phường Hồng Quan, thành phố Nam Định, tỉnh Ninh Bình (*thời điểm trước sáp nhập phường Nam Vân, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định*)

\* Tiêu chí lựa chọn mẫu: Ngẫu nhiên đơn giản. Sau khi thu thập các phiếu điều tra, chúng tôi sẽ thực hiện kiểm tra, làm sạch, tổng hợp và xử lý số liệu bằng các phương pháp thống kê và phân tích. Tuy nhiên, trong quá trình này, một số phiếu có thể không được sử dụng nếu chúng không cung cấp đầy đủ các phương án trả lời.

Với phạm vi và đối tượng điều tra phù hợp với định hướng nghiên cứu, các số liệu mẫu điều tra của tác giả có tính đại diện và độ tin cậy cao, giúp đối chiếu và làm rõ hơn kết quả nghiên cứu. Điều này góp phần phản ánh chính xác thực trạng vai trò của nông dân trong việc xây dựng nông thôn hiện đại ở vùng ĐBSH hiện nay.

## BẢNG KHẢO SÁT VÀ KẾT QUẢ KHẢO SÁT NÔNG DÂN THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên (Không bắt buộc trả lời): .....

Giới tính:..... Độ tuổi:.....

Dân tộc: .....

Trình độ học vấn: .....

Nơi cư trú: .....

### TÍNH KHẢO SÁT

| STT | ĐỊA PHƯƠNG     | SỐ PHIẾU   | TỶ LỆ       |
|-----|----------------|------------|-------------|
| 1   | HÀ NỘI         | 100        | 20%         |
| 2   | HẢI PHÒNG      | 100        | 20%         |
| 3   | HƯNG YÊN       | 200        | 40%         |
| 4   | NINH BÌNH      | 100        | 20%         |
|     | <b>TỔNG SỐ</b> | <b>500</b> | <b>100%</b> |

### I.VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG KIẾN TẠO VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG

| CÂU HỎI                                                                                                                                                                                                | CÂU TRẢ LỜI                                                                                                                                                                                    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Ông/bà có biết về đề án xây dựng, bản đồ quy hoạch kết cấu hạ tầng nông thôn hiện đại của địa phương không? ( <i>dự án xây dựng điện, đường, trạm y tế, nhà văn hóa</i> )                           | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                  |
| 2. Ông/bà có được phổ biến về nội dung mở rộng quy hoạch, phát triển cụm công nghiệp, điểm thương mại, dịch vụ... ở nông thôn hay không?                                                               | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                  |
| 3. Ông/bà có biết được tiêu chí về quy hoạch của một xã trong xây dựng nông thôn hiện đại không?                                                                                                       | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                  |
| 4. Ông/bà có được mời bàn bạc về mức đóng góp kinh phí để thực hiện các dự án về xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn hiện đại không? ( <i>xây dựng đường, trường học, trạm y tế và nhà văn hóa...</i> ) | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                  |
| 5. Ông/bà cho biết thông tin về các nội dung đã nêu ở mục (1) (2) (3) được biết thông qua đâu?                                                                                                         | <input type="checkbox"/> Thông qua dự họp<br><input type="checkbox"/> Phương tiện truyền thông: Internet, mạng xã hội, truyền hình<br><input type="checkbox"/> Cán bộ xã chuyên trách phổ biến |

|                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                   | <input type="checkbox"/> Hội thảo, hội nghị                                                                                                                                                               |
| 6. Ông/bà có tham gia đóng góp ý kiến các nội dung đã nêu ở mục (1) (2) (3) không?                                                                                                | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                             |
| 7. Ý kiến của ông/bà có được lắng nghe và tiếp thu không?                                                                                                                         | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                             |
| 8. Ông/bà có quan tâm theo dõi việc thực hiện các công việc đã được nêu trong mục (1) (2) không?                                                                                  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                             |
| 9. Ông/bà có quan tâm, theo dõi và giám sát quá trình thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn hiện đại không? (các dự án xây dựng đường, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa) | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                             |
| 10. Ông/bà có tham gia đóng góp nguồn lực để thực hiện các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn hiện đại ở địa phương không?                                                  | <input type="checkbox"/> Không đóng góp<br><input type="checkbox"/> Góp đất<br><input type="checkbox"/> Góp tiền<br><input type="checkbox"/> Góp công lao động<br><input type="checkbox"/> Hình thức khác |
| 11. Ông/bà có được tham gia vào quá trình cử đại diện (Ban giám sát) quản lý và giám sát các công trình xây dựng của địa phương không?                                            | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                             |
| 12. Ông/bà có được tham gia vào quá trình tổ chức quản lý, vận hành và bảo dưỡng các công trình sau khi hoàn thành.                                                               | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                             |

## II.VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI VỀ KINH TẾ

| CÂU HỎI                                                                                                                                                                         | CÂU TRẢ LỜI                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 13. Ông/bà có biết về chủ trương tổ chức sản xuất hiện đại không? (đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, mở rộng chuỗi giá trị, mô hình liên kết...)                  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không |
| 14. Ông/bà có nắm được các tiêu chí về kinh tế và tổ chức sản xuất của một xã trong xây dựng NTHĐ không?                                                                        | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không |
| 15. Ông/bà được cán bộ xã mời tham gia đóng góp ý kiến hay ông/bà chủ động tham gia đóng góp ý kiến?                                                                            | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không |
| 16. Ông/bà có đồng tình với việc tham gia vào quá trình tổ chức sản xuất hiện đại; mở rộng các chuỗi giá trị nông nghiệp; mở rộng các mô hình liên kết trong nông nghiệp không? | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không |
| 17. Ông/bà có tham gia vào hợp tác xã hay mô hình liên kết nào trong sản xuất và tiêu thụ nông sản không?                                                                       | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không |

|                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 18. Theo ông/bà việc tổ chức sản xuất hiện đại; phát triển kinh tế nông thôn theo mô hình nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có cần thiết không?       | <input type="checkbox"/> Rất cần thiết<br><input type="checkbox"/> Cần Thiết<br><input type="checkbox"/> Không cần thiết<br><input type="checkbox"/> Rất không cần thiết |
| 19. Ông/bà có tham gia các lớp tập huấn, đào tạo kỹ thuật nông nghiệp hoặc ứng dụng công nghệ vào sản xuất không?                                                      | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                            |
| 20. Ông/bà có biết đến và tham gia các mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp (tái chế phụ phẩm, sản xuất phân hữu cơ, sử dụng năng lượng tái tạo...) không?      | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không<br><input type="checkbox"/> Biết nhưng chưa tham gia                                                       |
| 21. Ông/bà có tham gia vào các hoạt động phát triển dịch vụ ở nông thôn như du lịch nông nghiệp, homestay, farmstay không?                                             | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không<br><input type="checkbox"/> Biết nhưng chưa tham gia                                                       |
| 22. Ông/bà có tham gia hoặc biết đến các chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) ở địa phương không?                                                                 | <input type="checkbox"/> Có tham gia<br><input type="checkbox"/> Có biết nhưng không tham gia<br><input type="checkbox"/> Không biết                                     |
| 23. Theo ông/bà, việc nông dân tham gia trực tiếp vào quản lý, vận hành các tổ chức kinh tế nông thôn (hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ...) có hiệu quả không? | <input type="checkbox"/> Rất hiệu quả<br><input type="checkbox"/> Hiệu quả<br><input type="checkbox"/> Không hiệu quả<br><input type="checkbox"/> Khó đánh giá           |

### III.VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

| CÂU HỎI                                                                                                                                                              | CÂU TRẢ LỜI                                                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 24. Ông/bà có nắm bắt được các thông tin liên quan đến kế hoạch phát triển văn hóa, xã hội, môi trường ở địa phương không?                                           | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không |
| 25. Ông/bà có được biết về các chủ trương về duy trì, bảo tồn, kế thừa phát huy các thiết chế, thể chế văn hóa, môi trường ở khu vực nông thôn của địa phương không? | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không |
| 26. Ông/bà có tham gia đóng góp ý kiến các nội dung được nêu ở mục (24) (25) không?                                                                                  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không |

|                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 27. Ông/bà có tham gia đóng góp ý kiến khi xây dựng hương ước, quy ước của các hộ gia đình tại địa phương không?                                          | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 28. Ông/bà có nắm được chủ trương về hình mẫu nông dân thế hệ mới ở nông thôn đang xây dựng không?                                                        | <input type="checkbox"/> Rất cần thiết<br><input type="checkbox"/> Cần Thiết<br><input type="checkbox"/> Không cần thiết<br><input type="checkbox"/> Rất không cần thiết                                                                                                                                                                          |
| 29. Ông/bà cho biết thông tin về các nội dung trong mục (24) (25) được biết thông qua đâu?                                                                | <input type="checkbox"/> Thông qua dự họp<br><input type="checkbox"/> Phương tiện truyền thông:<br>Internet, mạng xã hội, truyền hình<br><input type="checkbox"/> Cán bộ xã<br><input type="checkbox"/> Hội thảo, hội nghị<br><input type="checkbox"/> Tự tìm hiểu                                                                                |
| 30. Ông/bà tham gia đóng góp ý kiến các nội dung (24) (25) bằng cách nào?                                                                                 | <input type="checkbox"/> Thông qua họp thôn xóm, tổ dân phố<br><input type="checkbox"/> Thông qua đối thoại<br><input type="checkbox"/> Thông qua trao đổi với cán bộ chuyên trách<br><input type="checkbox"/> Bản thân thấy không cần thiết<br><input type="checkbox"/> Không biết đóng góp bằng cách nào<br><input type="checkbox"/> Lý do khác |
| 31. Bản thân ông/bà có thể bảo hiểm y tế không?                                                                                                           | <input type="checkbox"/> Hộ nghèo<br><input type="checkbox"/> Chính sách<br><input type="checkbox"/> Tự nguyện<br><input type="checkbox"/> Thấy không cần thiết<br><input type="checkbox"/> Không biết cách mua<br><input type="checkbox"/> Không có tiền mua                                                                                     |
| 32. Ông/bà có tham gia vào việc gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống tại địa phương (ví dụ: lễ hội, nghề truyền thống, các nghi lễ dòng họ...) không? | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 33. Ông/bà có nhận thấy sự thay đổi trong đời sống VH - XH ở địa phương trong những năm gần đây không?                                                    | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 34. Theo ông/bà, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống có cần thiết trong xây dựng nông thôn hiện đại không?                          | <input type="checkbox"/> Rất cần thiết<br><input type="checkbox"/> Cần thiết<br><input type="checkbox"/> Không cần thiết<br><input type="checkbox"/> Rất không cần thiết                                                                                                                                                                          |

|                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                              |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 35. Ông/bà đánh giá thế nào về vai trò của dòng họ trong việc phát động các phong trào VH - XH ở địa phương?                                   | <input type="checkbox"/> Rất quan trọng<br><input type="checkbox"/> Quan trọng<br><input type="checkbox"/> Bình thường<br><input type="checkbox"/> Không quan trọng                                                          |
| 36. Ông/bà có nhận thấy đời sống gia đình cải thiện khi có thêm thu nhập từ ngành nghề phi nông nghiệp không?                                  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                |
| 37. Ông/bà có được hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, nước sạch... trong những năm gần đây không?                                     | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                |
| 38. Theo ông/bà, việc tham gia hội, nhóm (Hội nông dân, Hội phụ nữ, Câu lạc bộ...) có giúp nâng cao đời sống VH - XH không?                    | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                |
| 39. Gia đình ông/bà có ai đang tham gia học nghề, học lớp nâng cao kỹ năng lao động để chuyển đổi ngành nghề không?                            | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                |
| 40. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ thuận tiện khi tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản tại địa phương (giáo dục, y tế, nước sạch...)?         | <input type="checkbox"/> Rất thuận tiện<br><input type="checkbox"/> Khá thuận tiện<br><input type="checkbox"/> Khó khăn<br><input type="checkbox"/> Rất khó khăn                                                             |
| 41. Ông/bà có biết đến các chương trình, chính sách giảm nghèo của Nhà nước tại địa phương không?                                              | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                |
| 42. Ông/bà có biết về các chính sách ASXH như: BHXH, y tế, trợ cấp người nghèo... không?                                                       | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                |
| 43. Ông/bà có từng tham gia hoặc hưởng lợi từ các chương trình hỗ trợ BHXH, trợ cấp, vay vốn chính sách...?                                    | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không<br><input type="checkbox"/> Không rõ                                                                                                                           |
| 44. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ hỗ trợ của chính quyền địa phương trong việc hướng dẫn người dân tham gia các loại hình bảo hiểm?        | <input type="checkbox"/> Rất tích cực<br><input type="checkbox"/> Có hỗ trợ<br><input type="checkbox"/> Ít hỗ trợ<br><input type="checkbox"/> Không hỗ trợ                                                                   |
| 45. Theo ông/bà, hình thức bảo hiểm nào dưới đây là cần thiết nhất với người dân nông thôn?                                                    | <input type="checkbox"/> Bảo hiểm y tế<br><input type="checkbox"/> Bảo hiểm xã hội<br><input type="checkbox"/> Bảo hiểm thất nghiệp<br><input type="checkbox"/> Bảo hiểm tai nạn<br><input type="checkbox"/> Không cần thiết |
| 46. Gia đình ông/bà có ai từng nhận hỗ trợ từ các chương trình ASXH như: Trợ cấp người nghèo, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn...? | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không<br><input type="checkbox"/> Không rõ                                                                                                                           |
| 47. Theo ông/bà, rào cản lớn nhất khiến người dân nông thôn chưa tham gia đầy đủ các loại hình bảo hiểm là gì? (Có thể chọn nhiều đáp án)      | <input type="checkbox"/> Thiếu thông tin<br><input type="checkbox"/> Thu nhập thấp<br><input type="checkbox"/> Thủ tục phức tạp                                                                                              |

|                                                                                                                           |                                                                                                                             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                           | <input type="checkbox"/> Thiếu niềm tin vào hiệu quả                                                                        |
| 48. Ông/bà đã từng tham gia các lớp tập huấn hoặc hội thảo về bảo vệ môi trường hoặc sản xuất nông nghiệp sinh thái chưa? | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                               |
| 49. Ông/bà có sẵn sàng thay đổi phương thức sản xuất truyền thống sang mô hình nông nghiệp xanh, bền vững không?          | <input type="checkbox"/> Rất sẵn sàng<br><input type="checkbox"/> Sẵn sàng<br><input type="checkbox"/> Không sẵn sàng       |
| 50. Theo ông/bà, yếu tố môi trường có vai trò quan trọng như thế nào trong phát triển nông thôn hiện đại?                 | <input type="checkbox"/> Rất quan trọng<br><input type="checkbox"/> Quan trọng<br><input type="checkbox"/> Không quan trọng |
| 51. Ông/bà có biết đến các mô hình “vành đai xanh”, “du lịch sinh thái”, “nông nghiệp bảo tồn” ở địa phương không?        | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                               |

#### IV. VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 52. Ông/bà có sử dụng Internet hoặc mạng xã hội để tìm hiểu thông tin về sản xuất, văn hóa, xã hội hay không?                                                                                                                                                                                          | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                     |
| 53. Ông/bà có được phổ biến về chủ trương đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại trong phát triển nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn và quản lý xã hội không? ( <i>phát triển nông nghiệp công nghệ cao; phát triển kinh tế tuần hoàn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên...</i> ) | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                     |
| 54. Ông/bà có sử dụng các thiết bị thông minh (điện thoại, máy tính bảng, máy tính...) để truy cập Internet, tra cứu thông tin phục vụ sản xuất nông nghiệp không?                                                                                                                                     | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                     |
| 55. Ông/bà đã từng bán sản phẩm nông nghiệp qua các nền tảng thương mại điện tử (Postmart, Voso, Shopee...) chưa?                                                                                                                                                                                      | <input type="checkbox"/> Đã từng<br><input type="checkbox"/> Chưa từng<br><input type="checkbox"/> Không biết về các nền tảng này |
| 56. Ông/bà có sử dụng máy móc, thiết bị công nghệ (máy cày, máy cấy, hệ thống tưới tự động, công nghệ IoT...) trong sản xuất nông nghiệp không?                                                                                                                                                        | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                     |
| 57. Ông/bà có đồng ý với ý kiến rằng việc ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số sẽ giúp tăng năng suất, giảm chi phí và nâng cao thu nhập?                                                                                                                                                           | <input type="checkbox"/> Rất đồng ý<br><input type="checkbox"/> Đồng ý<br><input type="checkbox"/> Không đồng ý                   |

|                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                  | <input type="checkbox"/> Rất không đồng ý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 58. Ông/bà có được tập huấn, hướng dẫn sử dụng công nghệ phục vụ quản trị xã hội, dịch vụ công không?                                            | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 59. Theo ông/bà, việc ứng dụng công nghệ số trong quản trị xã hội hiện nay có tạo thuận lợi cho người dân tham gia vào quản lý địa phương không? | <input type="checkbox"/> Có, rất thuận lợi<br><input type="checkbox"/> Có, nhưng còn hạn chế<br><input type="checkbox"/> Không đáng kể                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 60. Ông/bà có tham gia vào việc ứng dụng công nghệ hiện đại vào quá trình chuyển đổi số quản trị xã hội nông thôn không?                         | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 61. Ông/bà đã tham gia vào những nội dung nào để ứng dụng công nghệ hiện đại vào quá trình chuyển đổi số quản trị xã hội nông thôn?              | <input type="checkbox"/> Sử dụng phần mềm VNID giải quyết thủ tục hành chính<br><input type="checkbox"/> Sử dụng dịch vụ y tế thông minh khám chữa bệnh từ xa<br><input type="checkbox"/> Sử dụng wifi, mạng Internet công cộng miễn phí viết bài, xem thông tin, quảng bá sản phẩm nông nghiệp.<br><input type="checkbox"/> Sử dụng sổ liên lạc điện tử, nộp các khoản đóng góp qua hệ thống tài khoản ngân hàng |

#### V.VAI TRÒ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI VỀ CHÍNH TRỊ, QUỐC PHÒNG AN NINH

| CÂU HỎI                                                                                                                                                            | CÂU TRẢ LỜI                                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 62. Ông/bà có được nghe và phổ biến về quản trị xã hội nông thôn và thực hiện cơ chế tự quản ở khu vực nông thôn trong xây dựng nông thôn hiện đại không?          | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không |
| 63. Ông/bà có được nghe và phổ biến về Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở theo phương châm: <i>Dân biết, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng</i> không? | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không |
| 64. Ông/bà có được tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương của cấp ủy, chính quyền về xây dựng nông thôn hiện đại ở địa phương mình không?                     | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không |

|                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 65. Ông/bà có tham gia đóng góp ý kiến các nội dung về Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở không?                                                                                                            | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 66. Ông/bà có tham gia đóng góp ý kiến về quản trị xã hội nông thôn và thực hiện cơ chế tự quản không?                                                                                                  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 67. Ông/bà được cán bộ xã mời tham gia đóng góp ý kiến hay ông/bà chủ động tham gia đóng góp ý kiến?                                                                                                    | <input type="checkbox"/> Được mời đóng góp ý kiến<br><input type="checkbox"/> Chủ động đóng góp ý kiến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 68. Ông/bà tham gia đóng góp ý kiến các nội dung về:<br><i>Luật thực hiện dân chủ; quản trị xã hội nông thôn; cơ chế tự quản; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở khu vực nông thôn bằng cách nào?</i> | CÓ..... <input type="checkbox"/><br>- Thông qua họp thôn xóm, tổ dân phố <input type="checkbox"/><br>- Thông qua đối thoại <input type="checkbox"/><br>- Thông qua trao đổi với cán bộ chuyên trách <input type="checkbox"/><br>Không..... <input type="checkbox"/><br>- Bản thân thấy không cần thiết <input type="checkbox"/><br>- Không biết đóng góp bằng cách nào <input type="checkbox"/><br>- Lý do khác <input type="checkbox"/> |
| 69. Ông/bà có biết về mô hình “làng thông minh” trong xây dựng nông thôn hiện đại không?                                                                                                                | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 70. Ông/bà đã từng tham gia xây dựng hương ước, quy ước tại khu dân cư chưa?                                                                                                                            | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 71. Ông/bà có cảm thấy việc thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở đã mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng dân cư không?                                                                         | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 72. Theo ông/bà, việc phản biện chính sách ở địa phương có được coi trọng không?                                                                                                                        | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không<br><input type="checkbox"/> Không rõ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 73. Ông/bà có được tiếp cận thông tin qua hệ thống công nghệ số (website xã, app hành chính, mạng xã hội thôn xóm...) không?                                                                            | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 74. Theo ông/bà, việc phát hiện và giới thiệu thanh niên ưu tú vào Đảng là trách nhiệm của ai?                                                                                                          | <input type="checkbox"/> Chính quyền địa phương<br><input type="checkbox"/> Hội Nông dân<br><input type="checkbox"/> Mỗi người dân trong cộng đồng<br><input type="checkbox"/> Không rõ                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 75. Ông/bà có là đoàn viên, hội viên của các tổ chức CT                                                                                                                                                 | <input type="checkbox"/> Hội Phụ nữ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

|                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - XH hay không? (Có thể chọn nhiều đáp án)                                                                                                                | <input type="checkbox"/> Đoàn Thanh niên<br><input type="checkbox"/> Hội Cựu Chiến binh<br><input type="checkbox"/> Không tham gia                                    |
| 76. Ông/bà có được tham gia vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở khu vực nông thôn không?                                                        | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                         |
| 77. Ông/bà đánh giá như thế nào về sự gương mẫu của đảng viên là nông dân trong cộng đồng dân cư?                                                         | <input type="checkbox"/> Rất gương mẫu<br><input type="checkbox"/> Bình thường<br><input type="checkbox"/> Chưa gương mẫu<br><input type="checkbox"/> Không có ý kiến |
| 78. Ông/bà có thấy quyền làm chủ của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao không?                                                                   | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không<br><input type="checkbox"/> Không rõ                                                                    |
| 79. Ông/bà có mong muốn được tham gia sâu hơn vào các hoạt động chính trị, quản trị xã hội ở địa phương không?                                            | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không<br><input type="checkbox"/> Không chắc                                                                  |
| 80. Ông/bà có từng tham gia hoặc biết đến hoạt động đối thoại giữa chính quyền và người dân để giải quyết các vấn đề ở thôn/xã không?                     | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                         |
| 81. Ông/bà có được tuyên truyền, hướng dẫn về cách thức phản ánh ý kiến, góp ý chính sách thông qua Hội Nông dân hoặc tổ chức CT - XH ở địa phương không? | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                         |
| 82. Ông/bà có nhận thấy tình trạng phân biệt đối xử hoặc thiếu công bằng trong việc tiếp cận các chính sách tại địa phương không?                         | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không<br><input type="checkbox"/> Không rõ                                                                    |
| 83. Ông/bà có từng tham gia vận động người dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước tại địa phương không?      | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                         |
| 84. Ông/bà có từng cung cấp thông tin tố giác các hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm hoặc tệ nạn xã hội cho cơ quan chức năng không?                     | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                         |
| 85. Ông/bà có tích cực tuyên truyền, vận động người thân, hàng xóm tránh xa tệ nạn xã hội không?                                                          | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                         |
| 86. Ông/bà có biết đến các mô hình “Gia đình nông dân không có người vi phạm pháp luật” tại địa phương không?                                             | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không<br><input type="checkbox"/> Không rõ                                                                    |
| 87. Ông/bà có cảm thấy an tâm và tin tưởng vào các tổ chức tự quản, đội dân phòng ở địa phương không?                                                     | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                         |

|                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 88. Ông/bà có hài lòng về tình hình chính trị, quốc phòng an ninh ở địa bàn sinh sống không?                                           | <input type="checkbox"/> Rất không hài lòng<br><input type="checkbox"/> Không hài lòng<br><input type="checkbox"/> Hài lòng<br><input type="checkbox"/> Rất hài lòng |
| 89. Ông/bà có tham gia các đội tự quản về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương không?                        | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                        |
| 90. Ông/bà có từng nghe nói hoặc tham gia phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” chưa?                                           | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                        |
| 91. Ông/bà có nhận thấy tình trạng tội phạm, tệ nạn xã hội ở địa phương đã giảm nhờ vào sự tham gia của người dân không?               | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                        |
| 92. Ông/bà có nhận thức được tầm quan trọng của việc tham gia vào thể trận quốc phòng toàn dân không?                                  | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                        |
| 93. Gia đình ông/bà có người tham gia dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên không?                                                 | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                        |
| 94. Ông/bà có sẵn sàng cung cấp thông tin nếu phát hiện hành vi xâm phạm an ninh quốc gia (biên giới, biển đảo...) không?              | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                        |
| 95. Theo ông/bà, việc giữ gìn an ninh trật tự, quốc phòng an ninh có liên quan đến phát triển kinh tế nông thôn không?                 | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                        |
| 96. Ông/bà có từng tham gia xây dựng đường nông thôn, cầu cống, công trình phòng thủ dân sự ở địa phương không?                        | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                        |
| 97. Ông/bà có tham gia tuyên truyền chống lại các luận điệu sai trái, thù địch chống phá chủ trương xây dựng nông thôn hiện đại không? | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                        |

**PHẦN VI. YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN VAI TRÒ  
CỦA NÔNG DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG TRONG  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN HIỆN ĐẠI**

| <b>CÂU HỎI</b>                                                                                                          | <b>CÂU TRẢ LỜI</b>                                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tác động điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội</b>                                                                  |                                                                                                                          |
| 98. Theo ông/bà, điều kiện tự nhiên tại địa phương (đất, nước, khí hậu...) có thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp không? | <input type="checkbox"/> Rất thuận lợi<br><input type="checkbox"/> Thuận lợi<br><input type="checkbox"/> Không thuận lợi |

|                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 99. Ông/bà đánh giá thế nào về tác động của biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường đến quá trình xây dựng nông thôn hiện đại ở địa phương mình? | <input type="checkbox"/> Bình thường<br><input type="checkbox"/> Nghiêm trọng<br><input type="checkbox"/> Rất nghiêm trọng                                                                                             |
| 100. Những hiện tượng thời tiết cực đoan (hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn) có ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của ông/bà không?                | <input type="checkbox"/> Rất nhiều<br><input type="checkbox"/> Nhiều<br><input type="checkbox"/> Ít<br><input type="checkbox"/> Không ảnh hưởng                                                                        |
| 101. Ông/bà có thường xuyên tiếp cận được thông tin dự báo thiên tai, thời tiết kịp thời không?                                                 | <input type="checkbox"/> Thường xuyên<br><input type="checkbox"/> Thỉnh thoảng<br><input type="checkbox"/> Hiếm khi<br><input type="checkbox"/> Không bao giờ                                                          |
| 102. Ông/bà có nhận thấy diện tích đất nông nghiệp tại địa phương ngày càng bị thu hẹp ảnh hưởng đến khả năng duy trì sản xuất không?           | <input type="checkbox"/> Rất ảnh hưởng<br><input type="checkbox"/> Ảnh hưởng ít<br><input type="checkbox"/> Không ảnh hưởng                                                                                            |
| <b>Tác động từ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa</b>                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                        |
| 103. Thu nhập của gia đình ông/bà có thay đổi kể từ khi địa phương đẩy mạnh CNH, HĐH?                                                           | <input type="checkbox"/> Tăng rõ rệt<br><input type="checkbox"/> Tăng nhẹ<br><input type="checkbox"/> Không thay đổi<br><input type="checkbox"/> Giảm                                                                  |
| 104. Ông/bà thấy việc chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp/dịch vụ ảnh hưởng thế nào đến sản xuất nông nghiệp gia đình?         | <input type="checkbox"/> Ảnh hưởng lớn (thiếu lao động)<br><input type="checkbox"/> Có ảnh hưởng nhẹ<br><input type="checkbox"/> Không ảnh hưởng<br><input type="checkbox"/> Có lợi (có người chuyển thu nhập cao hơn) |
| 105. Ông/bà có cơ hội mở rộng quy mô sản xuất (đất đai, thiết bị, lao động...) kể từ khi địa phương thực hiện CNH, HĐH không?                   | <input type="checkbox"/> Có, mở rộng rõ rệt<br><input type="checkbox"/> Có nhưng không nhiều<br><input type="checkbox"/> Không thay đổi<br><input type="checkbox"/> Quy mô bị thu hẹp                                  |
| 106. Ông/bà có cảm nhận được sự gắn kết cộng đồng (làng xã, xóm giềng) thay đổi như thế nào trong quá trình CNH, HĐH?                           | <input type="checkbox"/> Tăng cường gắn kết hơn<br><input type="checkbox"/> Không thay đổi<br><input type="checkbox"/> Gắn kết kém hơn<br><input type="checkbox"/> Không quan tâm                                      |

|                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 107. Ông/bà có thấy xuất hiện các vấn đề ô nhiễm mới (mùi, nước thải, bụi...) từ khu công nghiệp hoặc cơ sở sản xuất gần khu dân cư không? | <input type="checkbox"/> Có, ảnh hưởng nghiêm trọng<br><input type="checkbox"/> Có, nhưng mức độ nhẹ<br><input type="checkbox"/> Không có vấn đề gì<br><input type="checkbox"/> Không biết |
| <b>Tác động từ xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông dân văn minh, nông thôn hiện đại</b>                                                   |                                                                                                                                                                                            |
| 108. Gia đình ông/bà có thường xuyên sử dụng phân bón hữu cơ hoặc biện pháp thân thiện với môi trường trong sản xuất không?                | <input type="checkbox"/> Thường xuyên<br><input type="checkbox"/> Có lúc<br><input type="checkbox"/> Không sử dụng                                                                         |
| 109. Theo ông/bà, việc đưa sản phẩm nông sản sạch ra thị trường hiện nay có dễ dàng không?                                                 | <input type="checkbox"/> Dễ<br><input type="checkbox"/> Khó<br><input type="checkbox"/> Rất khó                                                                                            |
| 110. Ông/bà có tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc nhóm sản xuất nông nghiệp không?                                                       | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                                              |
| 111. Ông/bà có cảm thấy quá trình hiện đại hóa đang làm mai một văn hóa truyền thống nông thôn không?                                      | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không<br><input type="checkbox"/> Không chắc chắn                                                                                  |
| 112. Ông/bà có nhận thấy việc xây dựng nông thôn hiện đại đã làm thay đổi nhận thức và lối sống của người dân địa phương không?            | <input type="checkbox"/> Có, thay đổi tích cực<br><input type="checkbox"/> Có, nhưng còn hạn chế<br><input type="checkbox"/> Không thay đổi rõ rệt                                         |
| <b>Tác động từ Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và toàn cầu hóa</b>                                                                |                                                                                                                                                                                            |
| 113. Ông/bà đánh giá vai trò của chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp như thế nào?                                                     | <input type="checkbox"/> Rất quan trọng<br><input type="checkbox"/> Quan trọng<br><input type="checkbox"/> Bình thường<br><input type="checkbox"/> Không quan trọng                        |
| 114. Việc áp dụng công nghệ có làm thay đổi năng suất hoặc chất lượng sản phẩm của gia đình ông/bà không?                                  | <input type="checkbox"/> Tăng rõ rệt<br><input type="checkbox"/> Tăng nhẹ<br><input type="checkbox"/> Không thay đổi<br><input type="checkbox"/> Giảm                                      |
| 115. Theo ông/bà, rào cản lớn nhất trong chuyển đổi số nông nghiệp hiện nay là gì?                                                         | <input type="checkbox"/> Cơ sở hạ tầng yếu<br><input type="checkbox"/> Trình độ người dân<br><input type="checkbox"/> Chi phí đầu tư cao<br><input type="checkbox"/> Thiếu hỗ trợ          |
| 116. Ông/bà đã từng tham gia các chương trình hỗ trợ                                                                                       | <input type="checkbox"/> Có, thường xuyên                                                                                                                                                  |

|                                                                                                                         |                                                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| về công nghệ số trong nông nghiệp chưa?                                                                                 | <input type="checkbox"/> Có nhưng ít<br><input type="checkbox"/> Chưa từng<br><input type="checkbox"/> Không biết có                                              |
| 117. Theo ông/bà, việc áp dụng công nghệ trong nông nghiệp có gây ảnh hưởng đến môi trường không?                       | <input type="checkbox"/> Có, tiêu cực<br><input type="checkbox"/> Có, tích cực<br><input type="checkbox"/> Không ảnh hưởng<br><input type="checkbox"/> Không biết |
| <b>Tác động từ Đô thị hóa và biến đổi khí hậu</b>                                                                       |                                                                                                                                                                   |
| 118. Theo ông/bà, đô thị hóa đã làm thay đổi đời sống văn hóa, sinh hoạt cộng đồng tại địa phương như thế nào?          | <input type="checkbox"/> Tích cực<br><input type="checkbox"/> Vừa tích cực, vừa tiêu cực<br><input type="checkbox"/> Chủ yếu tiêu cực                             |
| 119. Ông/bà có bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất để xây dựng đô thị/khu công nghiệp không?                              | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                     |
| 120. Quá trình đô thị hóa có giúp cải thiện điều kiện sống của ông/bà không?                                            | <input type="checkbox"/> Cải thiện nhiều<br><input type="checkbox"/> Cải thiện ít<br><input type="checkbox"/> Không cải thiện                                     |
| 121. Ông/bà có áp dụng các phương pháp sản xuất phù hợp với biến đổi khí hậu (giống chịu hạn, tưới tiết kiệm...) không? | <input type="checkbox"/> Có<br><input type="checkbox"/> Không                                                                                                     |
| 122. Theo đánh giá của ông/bà, biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp như thế nào?                         | <input type="checkbox"/> Rất nghiêm trọng<br><input type="checkbox"/> Nghiêm trọng<br><input type="checkbox"/> Không đáng kể                                      |

**Phụ lục 2**  
**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHIẾU KHẢO SÁT THÔNG TIN CÁ NHÂN**

| <b>Giới tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|------------------|-----------------|------------------|
| Nam              | 340             | 68.0             |
| Nữ               | 160             | 32.0             |
| <b>Tổng</b>      | <b>500</b>      | <b>100.0</b>     |

| <b>Độ tuổi</b>     | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|--------------------|-----------------|------------------|
| Dưới 35 tuổi       | 75              | 15.0             |
| Từ 35-45 tuổi      | 140             | 28.0             |
| Từ 45-60 tuổi      | 160             | 32.0             |
| Từ 60 tuổi trở lên | 125             | 25.0             |
| <b>Tổng</b>        | <b>500</b>      | <b>100.0</b>     |

| <b>Nơi cư trú</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|-------------------|-----------------|------------------|
| Hà Nội            | 100             | 20.0             |
| Hưng Yên          | 200             | 40.0             |
| Ninh Bình         | 100             | 20.0             |
| Hải Phòng         | 100             | 20.0             |
| <b>Tổng</b>       | <b>500</b>      | <b>100.0</b>     |

**Câu 1:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 305             | 61.0         |
| Không       | 195             | 39.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 2:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 295             | 59.0         |
| Không       | 205             | 41.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 3:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 305             | 61.0         |
| Không       | 195             | 39.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 4:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 415             | 83.0         |
| Không       | 85              | 17.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 5:**

|                                 | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|---------------------------------|-----------------|--------------|
| Thông qua dự họp                | 222             | 44.4         |
| Phương tiện truyền thông        | 137             | 27.4         |
| Cán bộ xã chuyên trách phổ biến | 138             | 27.6         |
| Hội thảo, hội nghị              | 148             | 29.6         |

**Câu 6:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 235             | 47.0         |
| Không | 265             | 53.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 7:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 310             | 62.0         |
| Không | 190             | 38.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 8:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 340             | 68.0         |
| Không | 160             | 32.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 9:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 360             | 72.0         |
| Không | 140             | 28.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 10:**

|                   | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------------|-----------------|--------------|
| Không tham gia    | 84              | 16.8         |
| Góp đất           | 102             | 20.4         |
| Góp tiền          | 142             | 28.4         |
| Góp công lao động | 249             | 49.8         |
| Hình thức khác    | 70              | 14           |

**Câu 11:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 155             | 31.0         |
| Không | 345             | 69.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 12:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 165             | 33.0         |
| Không       | 335             | 67.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 13:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 295             | 59.0         |
| Không       | 205             | 41.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 14:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 310             | 62.0         |
| Không       | 190             | 38.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 15:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 195             | 39.0         |
| Không       | 305             | 61.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 16:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 355             | 71.0         |
| Không       | 145             | 29.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 17:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 350             | 70.0         |
| Không       | 150             | 30.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 18:**

|                     | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|---------------------|-----------------|--------------|
| Rất cần thiết       | 310             | 62.0         |
| Cần thiết           | 115             | 23.0         |
| Không cần thiết     | 55              | 11.0         |
| Rất không cần thiết | 20              | 4.0          |

**Câu 19:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 225             | 45.0         |
| Không | 275             | 55.0         |

|      |     |       |
|------|-----|-------|
| Tổng | 500 | 100.0 |
|------|-----|-------|

**Câu 20:**

|                           | Số lượng | Tỷ lệ |
|---------------------------|----------|-------|
| Có                        | 235      | 47.0  |
| Không                     | 105      | 21.0  |
| Biết nhưng không tham gia | 160      | 32.0  |
| Tổng                      | 500      | 100.0 |

**Câu 21:**

|                          | Số lượng | Tỷ lệ |
|--------------------------|----------|-------|
| Có                       | 185      | 37.0  |
| Không                    | 100      | 20.0  |
| Biết nhưng chưa tham gia | 215      | 43.0  |
| Tổng                     | 500      | 100.0 |

**Câu 22:**

|                              | Số lượng | Tỷ lệ |
|------------------------------|----------|-------|
| Có tham gia                  | 275      | 55.0  |
| Có biết nhưng không tham gia | 170      | 34.0  |
| Không biết                   | 55       | 11.0  |
| Tổng                         | 500      | 100.0 |

**Câu 23:**

|                | Số lượng | Tỷ lệ |
|----------------|----------|-------|
| Rất hiệu quả   | 220      | 44.0  |
| Hiệu quả       | 115      | 23.0  |
| Không hiệu quả | 60       | 12.0  |
| Khó đánh giá   | 105      | 21.0  |
| Tổng           | 500      | 100.0 |

**Câu 24:**

|       | Số lượng | Tỷ lệ |
|-------|----------|-------|
| Có    | 325      | 65.0  |
| Không | 175      | 35.0  |
| Tổng  | 500      | 100.0 |

**Câu 25:**

|       | Số lượng | Tỷ lệ |
|-------|----------|-------|
| Có    | 315      | 63.0  |
| Không | 185      | 37.0  |
| Tổng  | 500      | 100.0 |

**Câu 26:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 215             | 43.0         |
| Không | 285             | 57.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 27:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 245             | 49.0         |
| Không | 255             | 51.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 28:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 255             | 51.0         |
| Không | 245             | 49.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 29:**

|                                                              | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|--------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|
| Thông qua dự họp                                             | 241             | 48.2         |
| Phương tiện truyền thông: Internet, mạng xã hội, truyền hình | 154             | 30.8         |
| Cán bộ xã                                                    | 138             | 27.6         |
| Hội thảo, hội nghị                                           | 81              | 16.2         |
| Tự tìm hiểu                                                  | 34              | 6.8          |

**Câu 30:**

|                                            | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|--------------------------------------------|-----------------|--------------|
| Thông qua họp thôn xóm, tổ dân phố         | 215             | 43.0         |
| Thông qua đối thoại                        | 128             | 25.6         |
| Thông qua trao đổi với cán bộ chuyên trách | 119             | 23.8         |
| Bản thân thấy không cần thiết              | 72              | 14.4         |
| Không biết đóng góp bằng cách nào          | 77              | 15.4         |
| Lý do khác                                 | 56              | 11.2         |
| Tổng                                       | 500             | 100.0        |

**Câu 31:**

|                      | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|----------------------|-----------------|--------------|
| Hộ nghèo             | 91              | 18.2         |
| Chính sách           | 98              | 19.6         |
| Tự nguyện            | 196             | 39.2         |
| Thấy không cần thiết | 69              | 13.8         |
| Không biết cách mua  | 92              | 18.4         |
| Không có tiền mua    | 112             | 22.4         |

**Câu 32:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 330             | 66.0         |
| Không | 170             | 34.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 33:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 345             | 69.0         |
| Không | 155             | 31.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 34:**

|                     | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|---------------------|-----------------|--------------|
| Rất cần thiết       | 205             | 41.0         |
| Cần thiết           | 195             | 39.0         |
| Không cần thiết     | 60              | 12.0         |
| Rất không cần thiết | 40              | 8.0          |
| Tổng                | 500             | 100.0        |

**Câu 35:**

|                  | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|------------------|-----------------|--------------|
| Rất quan trọng   | 240             | 48.0%        |
| Quan trọng       | 100             | 20.0%        |
| Bình thường      | 105             | 21.0%        |
| Không quan trọng | 55              | 11.0%        |
| Tổng             | 500             | 100.0        |

**Câu 36:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 265             | 53.0         |
| Không | 235             | 47.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 37:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 365             | 73.0         |
| Không | 135             | 27.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 38:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 255             | 51.0         |
| Không | 245             | 49.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 39:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 195             | 39.0         |
| Không | 305             | 61.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 40:**

|                | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|----------------|-----------------|--------------|
| Rất thuận tiện | 210             | 42.0         |
| Khá thuận tiện | 125             | 25.0         |
| Khó khăn       | 80              | 16.0         |
| Rất khó khăn   | 85              | 17.0         |
| Tổng           | 500             | 100.0        |

**Câu 41:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 305             | 61.0         |
| Không | 195             | 39.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 42:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 330             | 66.0         |
| Không | 170             | 34.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 43:**

|          | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|----------|-----------------|--------------|
| Có       | 215             | 43.0         |
| Không có | 165             | 33.0         |
| Không rõ | 120             | 24.0         |
| Tổng     | 500             | 100.0        |

**Câu 44:**

|              | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|--------------|-----------------|--------------|
| Rất tích cực | 160             | 32.0         |
| Có hỗ trợ    | 135             | 27.0         |
| Ít hỗ trợ    | 100             | 20.0         |
| Không hỗ trợ | 105             | 21.0         |
| Tổng         | 500             | 100.0        |

**Câu 45:**

|                 | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-----------------|-----------------|--------------|
| Bảo hiểm y tế   | 189             | 37.8         |
| Bảo hiểm xã hội | 178             | 35.6         |

|                      |     |      |
|----------------------|-----|------|
| Bảo hiểm thất nghiệp | 101 | 20.2 |
| Bảo hiểm tai nạn     | 94  | 18.8 |
| Không cần thiết      | 102 | 20.4 |

**Câu 46:**

|          | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|----------|-----------------|--------------|
| Có       | 180             | 36.0         |
| Không    | 195             | 39.0         |
| Không rõ | 125             | 25.0         |
| Tổng     | 500             | 100.0        |

**Câu 47:**

|                             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-----------------------------|-----------------|--------------|
| Thiếu thông tin             | 142             | 28.4         |
| Thu nhập thấp               | 266             | 53.2         |
| Thủ tục phức tạp            | 70              | 14.0         |
| Thiếu niềm tin vào hiệu quả | 159             | 31.8         |

**Câu 48:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 200             | 40.0         |
| Không | 300             | 60.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 49:**

|                | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|----------------|-----------------|--------------|
| Rất sẵn sàng   | 235             | 47.0         |
| Sẵn sàng       | 120             | 24.0         |
| Không sẵn sàng | 145             | 29.0         |
| Tổng           | 500             | 100.0        |

**Câu 50:**

|                  | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|------------------|-----------------|--------------|
| Rất quan trọng   | 270             | 54.0         |
| Quan trọng       | 145             | 29.0         |
| Không quan trọng | 85              | 17.0         |
| Tổng             | 500             | 100.0        |

**Câu 51:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 155             | 31.0         |
| Không | 345             | 69.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 52:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 215             | 43.0         |
| Không       | 285             | 57.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 53:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 295             | 59.0         |
| Không       | 205             | 41.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 54:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 205             | 41.0         |
| Không       | 295             | 59.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 55:**

|                                | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|--------------------------------|-----------------|--------------|
| Đã từng                        | 160             | 32.0         |
| Chưa từng                      | 235             | 47.0         |
| Không biết về các nền tảng này | 105             | 21.0         |
| <b>Tổng</b>                    | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 56:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 215             | 43.0         |
| Không       | 285             | 57.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 57:**

|                  | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|------------------|-----------------|--------------|
| Rất đồng ý       | 260             | 52.0         |
| Đồng ý           | 180             | 36.0         |
| Không đồng ý     | 35              | 7.0          |
| Rất không đồng ý | 25              | 5.0          |
| <b>Tổng</b>      | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 58:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 310             | 62.0         |
| Không       | 190             | 38.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 59:**

|                       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-----------------------|-----------------|--------------|
| Có, rất thuận lợi     | 305             | 61.0         |
| Có, nhưng còn hạn chế | 70              | 14.0         |
| Không đáng kể         | 125             | 25.0         |
| Tổng                  | 500             | 100.0        |

**Câu 60:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 275             | 55.0         |
| Không | 225             | 45.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 61:**

|                                                                                                        | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|
| Sử dụng phần mềm VNID giải quyết thủ tục hành chính.                                                   | 335             | 67.0         |
| Sử dụng dịch vụ y tế thông minh khám chữa bệnh từ xa.                                                  | 76              | 15.2         |
| Sử dụng wifi, mạng Internet công cộng miễn phí viết bài, xem thông tin, quảng bá sản phẩm nông nghiệp. | 108             | 21.6         |
| Sử dụng sổ liên lạc điện tử, nộp các khoản đóng góp qua hệ thống tài khoản ngân hàng.                  | 119             | 23.8         |

**Câu 62:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 305             | 61.0         |
| Không | 195             | 39.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 63:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 315             | 63.0         |
| Không | 185             | 37.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 64:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 315             | 63.0         |
| Không | 185             | 37.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 65:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 295             | 59.0         |
| Không | 205             | 41.0         |

|      |     |       |
|------|-----|-------|
| Tổng | 500 | 100.0 |
|------|-----|-------|

**Câu 66:**

|       | Số lượng | Tỷ lệ |
|-------|----------|-------|
| Có    | 290      | 58.0  |
| Không | 210      | 42.0  |
| Tổng  | 500      | 100.0 |

**Câu 67:**

|       | Số lượng | Tỷ lệ |
|-------|----------|-------|
| Có    | 195      | 39.0  |
| Không | 305      | 61.0  |
| Tổng  | 500      | 100.0 |

**Câu 68:**

|                                            | Số lượng | Tỷ lệ |
|--------------------------------------------|----------|-------|
| Thông qua họp thôn xóm, tổ dân phố         | 193      | 38.6  |
| Thông qua đối thoại                        | 146      | 29.2  |
| Thông qua trao đổi với cán bộ chuyên trách | 138      | 27.6  |
| Bản thân thấy không cần thiết              | 58       | 11.6  |
| Thông biết đóng góp bằng cách nào          | 83       | 16.6  |
| Lý do khác                                 | 99       | 19.8  |

**Câu 69:**

|       | Số lượng | Tỷ lệ |
|-------|----------|-------|
| Có    | 195      | 39.0  |
| Không | 305      | 61.0  |
| Tổng  | 500      | 100.0 |

**Câu 70:**

|       | Số lượng | Tỷ lệ |
|-------|----------|-------|
| Có    | 310      | 62.0  |
| Không | 190      | 38.0  |
| Tổng  | 500      | 100.0 |

**Câu 71:**

|          | Số lượng | Tỷ lệ |
|----------|----------|-------|
| Có       | 355      | 71.0  |
| Không    | 25       | 5.0   |
| Không rõ | 120      | 24.0  |
| Tổng     | 500      | 100.0 |

**Câu 72:**

|          | Số lượng | Tỷ lệ |
|----------|----------|-------|
| Có       | 245      | 49.0  |
| Không    | 195      | 39.0  |
| Không rõ | 60       | 12.0  |

|      |     |       |
|------|-----|-------|
| Tổng | 500 | 100.0 |
|------|-----|-------|

**Câu 73:**

|       | Số lượng | Tỷ lệ |
|-------|----------|-------|
| Có    | 395      | 79.0  |
| Không | 105      | 21.0  |
| Tổng  | 500      | 100.0 |

**Câu 74:**

|                               | Số lượng | Tỷ lệ |
|-------------------------------|----------|-------|
| Chính quyền địa phương        | 190      | 38.0  |
| Hội Nông dân                  | 183      | 36.6  |
| Mỗi người dân trong cộng đồng | 171      | 34.2  |
| Không rõ                      | 109      | 21.8  |

**Câu 75:**

|                    | Số lượng | Tỷ lệ |
|--------------------|----------|-------|
| Hội phụ nữ         | 143      | 28.6  |
| Đoàn thanh niên    | 101      | 20.2  |
| Hội cựu chiến binh | 126      | 25.2  |
| Không tham gia     | 268      | 53.6  |

**Câu 76:**

|       | Số lượng | Tỷ lệ |
|-------|----------|-------|
| Có    | 160      | 32.0  |
| Không | 340      | 68.0  |
| Tổng  | 500      | 100.0 |

**Câu 77:**

|                 | Số lượng | Tỷ lệ |
|-----------------|----------|-------|
| Rất gương mẫu   | 190      | 38.0  |
| Bình thường     | 195      | 39.0  |
| Chưa gương mẫu  | 60       | 12.0  |
| Không có ý kiến | 55       | 11.0  |
| Tổng            | 500      | 100.0 |

**Câu 78:**

|          | Số lượng | Tỷ lệ |
|----------|----------|-------|
| Có       | 350      | 70.0  |
| Không    | 105      | 21.0  |
| Không rõ | 45       | 9.0   |
| Tổng     | 500      | 100.0 |

**Câu 79:**

|    | Số lượng | Tỷ lệ |
|----|----------|-------|
| Có | 225      | 45.0  |

|          |     |       |
|----------|-----|-------|
| Không    | 170 | 34.0  |
| Không rõ | 105 | 21.0  |
| Tổng     | 500 | 100.0 |

**Câu 80:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 265             | 53.0         |
| Không | 235             | 47.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 81:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 205             | 41.0         |
| Không | 295             | 59.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 82:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 150             | 30.0         |
| Không | 350             | 70.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 83:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 205             | 41.0         |
| Không | 295             | 59.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 84:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 285             | 57.0         |
| Không | 215             | 43.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 85:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 330             | 66.0         |
| Không | 170             | 34.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 86:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 298             | 59.6         |
| Không | 202             | 40.4         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 87:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 128             | 25.6         |
| Không | 372             | 74.4         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 88:**

|                    | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|--------------------|-----------------|--------------|
| Rất không hài lòng | 85              | 17.0         |
| Không hài lòng     | 115             | 23.0         |
| Hài lòng           | 185             | 37.0         |
| Rất hài lòng       | 115             | 23.0         |
| Tổng               | 500             | 100.0        |

**Câu 89:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 155             | 31.0         |
| Không | 345             | 69.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 90:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 345             | 69.0         |
| Không | 155             | 31.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 91:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 365             | 73.0         |
| Không | 135             | 27.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 92:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 345             | 69.0         |
| Không | 155             | 31.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 93:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 355             | 71.0         |
| Không | 145             | 29.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 94:**

|    | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|----|-----------------|--------------|
| Có | 410             | 82.0         |

|       |     |       |
|-------|-----|-------|
| Không | 90  | 18.0  |
| Tổng  | 500 | 100.0 |

**Câu 95:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 365             | 73.0         |
| Không | 135             | 27.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 96:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 320             | 64.0         |
| Không | 180             | 36.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 97:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 275             | 55.0         |
| Không | 225             | 45.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 98:**

|                 | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-----------------|-----------------|--------------|
| Rất thuận lợi   | 200             | 40.0         |
| Thuận lợi       | 175             | 35.0         |
| Không thuận lợi | 125             | 25.0         |
| Tổng            | 500             | 100.0        |

**Câu 99:**

|                  | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|------------------|-----------------|--------------|
| Bình thường      | 230             | 46.0         |
| Nghiêm trọng     | 155             | 31.0         |
| Rất nghiêm trọng | 230             | 46.0         |
| Tổng             | 500             | 100.0        |

**Câu 100:**

|                 | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-----------------|-----------------|--------------|
| Rất nhiều       | 205             | 41.0         |
| Nhiều           | 105             | 21.0         |
| Ít              | 125             | 25.0         |
| Không ảnh hưởng | 65              | 13.0         |
| Tổng            | 500             | 100.0        |

**Câu 101:**

|              | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|--------------|-----------------|--------------|
| Thường xuyên | 270             | 54.0         |
| Thỉnh thoảng | 155             | 31.0         |

|               |     |       |
|---------------|-----|-------|
| Hiếm khi      | 60  | 12.0  |
| Không bao giờ | 15  | 3.0   |
| Tổng          | 500 | 100.0 |

**Câu 102:**

|                 | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-----------------|-----------------|--------------|
| Rất ảnh hưởng   | 320             | 64.0         |
| Ảnh hưởng ít    | 105             | 21.0         |
| Không ảnh hưởng | 75              | 15.0         |
| Tổng            | 500             | 100.0        |

**Câu 103:**

|                | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|----------------|-----------------|--------------|
| Tăng rõ rệt    | 155             | 31.0         |
| Tăng nhẹ       | 145             | 29.0         |
| Không thay đổi | 105             | 21.0         |
| Giảm           | 95              | 19.0         |
| Tổng           | 500             | 100.0        |

**Câu 104 :**

|                                           | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------------------------------------|-----------------|--------------|
| Ảnh hưởng lớn                             | 155             | 31.0         |
| Có ảnh hưởng nhẹ                          | 105             | 21.0         |
| Không ảnh hưởng                           | 40              | 8.0          |
| Có lợi (có người chuyển thu nhập cao hơn) | 200             | 40.0         |
| Tổng                                      | 500             | 100.0        |

**Câu 105:**

|                       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-----------------------|-----------------|--------------|
| Có, mở rộng rõ rệt    | 235             | 47.0         |
| Có, nhưng không nhiều | 105             | 21.0         |
| Không thay đổi        | 65              | 13.0         |
| Quy mô bị thu hẹp     | 95              | 19.0         |
| Tổng                  | 500             | 100.0        |

**Câu 106:**

|                        | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|------------------------|-----------------|--------------|
| Tăng cường gắn kết hơn | 270             | 54.0         |
| Không thay đổi         | 115             | 23.0         |
| Gắn kết kém hơn        | 85              | 17.0         |
| Không quan tâm         | 30              | 6.0          |
| Tổng                   | 500             | 100.0        |

**Câu 107:**

|                            | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|----------------------------|-----------------|--------------|
| Có, ảnh hưởng nghiêm trọng | 390             | 78.0         |
| Có, nhưng mức độ nhẹ       | 70              | 14.0         |
| Không có vấn đề gì         | 25              | 5.0          |
| Không biết                 | 15              | 3.0          |
| Tổng                       | 500             | 100.0        |

**Câu 108:**

|               | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|---------------|-----------------|--------------|
| Thường xuyên  | 310             | 62.0         |
| Có lúc        | 125             | 25.0         |
| Không sử dụng | 65              | 13.0         |
| Tổng          | 500             | 100.0        |

**Câu 109:**

|         | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|---------|-----------------|--------------|
| Dễ      | 105             | 21.0         |
| Khó     | 205             | 41.0         |
| Rất khó | 190             | 38.0         |
| Tổng    | 500             | 100.0        |

**Câu 110:**

|       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------|-----------------|--------------|
| Có    | 165             | 33.0         |
| Không | 335             | 67.0         |
| Tổng  | 500             | 100.0        |

**Câu 111:**

|                 | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-----------------|-----------------|--------------|
| Có              | 185             | 37.0         |
| Không           | 170             | 34.0         |
| Không chắc chắn | 145             | 29.0         |
| Tổng            | 500             | 100.0        |

**Câu 112:**

|                       | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-----------------------|-----------------|--------------|
| Có, thay đổi tích cực | 380             | 76.0         |
| Có, nhưng còn hạn chế | 70              | 14.0         |
| Không thay đổi rõ rệt | 50              | 10.0         |
| Tổng                  | 500             | 100.0        |

**Câu 113:**

|                  | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|------------------|-----------------|--------------|
| Rất quan trọng   | 160             | 32.0         |
| Quan trọng       | 155             | 31.0         |
| Bình thường      | 145             | 29.0         |
| Không quan trọng | 40              | 8.0          |
| Tổng             | 500             | 100.0        |

**Câu 114:**

|                | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|----------------|-----------------|--------------|
| Tăng rõ rệt    | 225             | 45.0         |
| Tăng nhẹ       | 115             | 23.0         |
| Không thay đổi | 125             | 25.0         |
| Giảm           | 35              | 7.0          |
| Tổng           | 500             | 100.0        |

**Câu 115:**

|                    | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|--------------------|-----------------|--------------|
| Cơ sở hạ tầng yếu  | 201             | 40.2         |
| Trình độ người dân | 105             | 21.0         |
| Chi phí đầu tư cao | 219             | 43.8         |
| Thiếu hỗ trợ       | 133             | 26.6         |

**Câu 116:**

|                  | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|------------------|-----------------|--------------|
| Có, thường xuyên | 175             | 35.0         |
| Có nhưng ít      | 140             | 28.0         |
| Chưa từng        | 130             | 26.0         |
| Không biết có    | 55              | 11.0         |
| Tổng             | 500             | 100.0        |

**Câu 117:**

|                 | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-----------------|-----------------|--------------|
| Có, tiêu cực    | 65              | 13.0         |
| Có, tích cực    | 205             | 41.0         |
| Không ảnh hưởng | 155             | 31.0         |
| Không biết      | 75              | 15.0         |
| Tổng            | 500             | 100.0        |

**Câu 118:**

|                            | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|----------------------------|-----------------|--------------|
| Tích cực                   | 205             | 41.0         |
| Vừa tích cực, vừa tiêu cực | 185             | 37.0         |
| Chủ yếu tiêu cực           | 110             | 22.0         |
| Tổng                       | 500             | 100.0        |

**Câu 119:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 335             | 67.0         |
| Không       | 165             | 33.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 120:**

|                 | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-----------------|-----------------|--------------|
| Cải thiện nhiều | 160             | 32.0         |
| Cải thiện ít    | 155             | 31.0         |
| Không cải thiện | 185             | 37.0         |
| <b>Tổng</b>     | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 121:**

|             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------|-----------------|--------------|
| Có          | 245             | 49.0         |
| Không       | 255             | 51.0         |
| <b>Tổng</b> | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |

**Câu 122:**

|                  | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|------------------|-----------------|--------------|
| Rất nghiêm trọng | 330             | 66.0         |
| Nghiêm trọng     | 125             | 25.0         |
| Không đáng kể    | 45              | 9.0          |
| <b>Tổng</b>      | <b>500</b>      | <b>100.0</b> |